

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Trần Văn Anh

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, Năm 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Trần Văn Anh

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 9310110

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học :

- 1. PGS,TS. Hà Văn Sự**
- 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

Hà Nội, Năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu được nêu trong luận án có nguồn gốc rõ ràng và trung thực. Những kết luận được rút ra từ luận án là không trùng lặp và chưa được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào khác./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Tác giả luận án

Trần Văn Anh

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, nghiên cứu sinh xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Thương mại, đến Quý thầy cô Trường Đại học Thương mại đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Nghiên cứu sinh hoàn thành luận án này.

Nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn tập thể giáo viên hướng dẫn khoa học của luận án, thầy PGS, TS. Hà Văn Sự và TS. Nguyễn Thị Thu Hiền đã rất tận tình, tâm huyết và trách nhiệm giúp nghiên cứu sinh những quy chuẩn về phương pháp nghiên cứu, nội dung và kiến thức quý báu để nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

Nghiên cứu sinh xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Bình, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình, các cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức liên quan đến đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp các tài liệu và trả lời phỏng vấn, điều tra. Cuối cùng, nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, những đồng nghiệp đã tận tình hỗ trợ, giúp đỡ nghiên cứu sinh trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu. Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Tác giả luận án

Trần Văn Anh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC HÌNH VẼ SƠ ĐỒ	viii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
3. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài luận án.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Những đóng góp mới của đề tài luận án	6
6. Kết cấu của luận án	8
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN.....	9
1.1. Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.1.1. Các nghiên cứu về đầu tư công và quản lý nhà nước về đầu tư công	9
1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.....	14
1.2. Những giá trị khoa học được kế thừa và khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu	21
1.2.1. Những giá trị khoa học được kế thừa	21
1.2.2. Khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu	22
1.3. Phương pháp nghiên cứu của luận án	24
1.3.1. Cách tiếp cận và quy trình nghiên cứu của luận án	24
1.3.2. Xây dựng thang đo nghiên cứu của luận án.....	28
1.3.3. Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu	34

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH	39
2.1. Một số lý luận cơ sở về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh.....	39
2.1.1. Khái niệm về đầu tư, đầu tư phát triển, đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	39
2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	46
2.1.3. Mục tiêu và vai trò của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	48
2.1.4. Những yêu cầu của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh	53
2.1.5. Nguyên tắc của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh	54
2.2. Nội dung, các tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.....	57
2.2.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.....	57
2.2.2. Tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.....	66
2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh.....	70
2.3. Kinh nghiệm một số địa phương và bài học cho tỉnh Thái Bình trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	76
2.3.1. Kinh nghiệm một số địa phương về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.....	76
2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.....	83
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH.....	86

3.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình.....	86
3.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Bình	86
3.1.2. Khái quát đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình	87
3.1.3. Khái quát về tình hình thu và chi ngân sách cho đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình	90
3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	95
3.2.1. Phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	95
3.2.2. Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.....	97
3.2.3. Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	109
3.2.4. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.....	118
3.2.5. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình	122
3.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.....	129
3.3.1. Những thành công	129
3.3.2. Những mặt còn hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.....	130
CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO	135
4.1. Dự báo, quan điểm và mục tiêu hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo	135
4.1.1. Dự báo về triển vọng phát triển và lợi thế cạnh tranh cho phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo.....	135

4.1.2. Dự báo về nhu cầu đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo.....	139
4.1.3. Quan điểm và mục tiêu hoàn thiện QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo	142
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo .	146
4.2.1. Hoàn thiện phân cấp quản lý nhà nước hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	146
4.2.2. Hoàn thiện lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình	148
4.2.3. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.....	151
4.2.4. Hoàn thiện kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	153
4.2.5. Một số giải pháp khác	155
4.3. Một số kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các ban ngành Trung ương.....	161
4.3.1. Kiến nghị với Quốc hội	161
4.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các ban ngành Trung ương	162
KẾT LUẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	164
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	167
PHỤ LỤC.....	174

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt Tiếng Việt

Stt	Từ viết tắt	Giải nghĩa
1.	DN	Doanh nghiệp
2.	ĐBSH	Đồng Bằng sông Hồng
3.	ĐTPT	Đầu tư phát triển
4.	Bộ KH &ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5.	CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
6.	CSHT	Cơ sở hạ tầng
7.	ĐBSH	Đồng bằng Sông Hồng
8.	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
9.	GPMB	Giải phóng mặt bằng
10.	HĐND	Hội đồng nhân dân
11.	HNQT	Hội nhập quốc tế
12.	IRR	Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ
13.	KCHTGTĐT	Kết cấu hạ tầng giao thông đô thị
14.	KH & ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
15.	KTXH	Kinh tế xã hội
16.	NPV	Giá trị thu nhập ròng
17.	NSNN	Ngân sách nhà nước
18.	NSTW	Ngân sách Trung ương
19.	NSDP	Ngân sách địa phương
20.	QLNN	Quản lý nhà nước
21.	XDCB	Xây dựng cơ bản
22.	TW	Trung ương
23.	UBND	Ủy ban nhân dân

Từ viết tắt Tiếng Anh

Stt	Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1.	ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng phát triển châu Á
2.	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
3.	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
4.	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
5.	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
6.	GRDP	Gross Regional Domestic Product	Tổng sản phẩm trên địa bàn
7.	ODA	Official Development Assistance	Viện trợ phát triển chính thức
8.	WB	World Banks	Ngân hàng thế giới
9.	WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Thang đo khảo sát đánh giá hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	29
Bảng 1.2: Thang đo khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	32
Bảng 1.3: Quy ước khoảng đo giá trị trung bình của mức đánh giá của đề tài luận án	38
Bảng 3.1: Tổng thu ngân sách của tỉnh Thái Bình	91
Bảng 3.2: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình	100
Bảng 3.3. Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các ngành, lĩnh vực của Thái Bình giai đoạn 2016-2022	107
Bảng 3.4: Đánh giá kết quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình theo các tiêu chí.....	118
Bảng 3.5. Tổng hợp số liệu công tác thanh tra, kiểm tra dự án đầu tư phát triển của Thái Bình giai đoạn 2016-2022	120
Bảng 3.6. Tổng số tiền thu hồi các dự án thanh tra, kiểm tra của Thái Bình	121
Bảng 3.7: Tổng hợp đánh giá về cơ chế và chính sách của nhà nước.....	124
Bảng 3.8: Tổng hợp đánh giá về Năng lực tài chính	125
Bảng 3.9: Tổng hợp đánh giá về Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành	126
Bảng 3. 10: Tổng hợp đánh giá về Năng lực nhà thầu thi công	127
Bảng 3.11: Tổng hợp đánh giá về Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước của tỉnh Thái Bình	129
Bảng 4.1. Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu theo kịch bản phát triển tỉnh Thái Bình..	136

DANH MỤC HÌNH VẼ SƠ ĐỒ

Hình 1.1: Sơ đồ khung nghiên cứu của luận án	26
Hình 1.2: Quy trình thực hiện đề tài luận án.....	27
Hình 1.3: Mô hình nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng tới Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	31
Hình 3.1: Bản đồ chỉ giới hành chính tỉnh Thái Bình	87
Hình 3.2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP tỉnh Thái Bình	88
Hình 3.3: Quy mô GRDP và thu nhập bình quân đầu người tỉnh Thái Bình	89
Hình 3.4: So sánh tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội của tỉnh Thái Bình với các tỉnh, thành phố lân cận	93
Hình 3.5: Tình hình chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình.....	94
Hình 3.6: Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	96

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Các lý luận của các tác giả Thái Bá Cán (2009), Jim Brumby và cộng sự (2011) đều chỉ ra rằng hoạt động đầu tư rất rộng, phức tạp và đa dạng, chịu nhiều tác động bởi những đặc điểm sản xuất của ngành, đặc điểm của sản phẩm xây dựng, liên quan đến nhiều ngành và điều kiện tự nhiên. Vì vậy, hoạt động đầu tư dễ gây ra thất thoát, lãng phí, dẫn đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả đầu tư thấp. Hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước có vai trò, vị trí, ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế. Các lý thuyết kinh tế từ trước đến nay đều khẳng định mối quan hệ giữa đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước với tăng trưởng, phát triển kinh tế. Lịch sử kinh tế thế giới là bằng chứng thể hiện tầm quan trọng của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, bao gồm các quốc gia có nền kinh tế kế hoạch hóa, kinh tế thị trường cũng như kinh tế chuyển đổi.

Hai tác giả Lê Công Thanh (2022) và Nguyễn Thị Lan Phương (2018) trong nghiên cứu của mình đều khẳng định hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công có tính phức tạp, do phụ thuộc vào nhiều yếu tố tác động, không chỉ là cơ chế chính sách, con người, mà còn phụ thuộc vào nhiều điều kiện khách quan khác, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý gắn với từng công đoạn của quy trình đầu tư, trước hết và quan trọng nhất là quản lý tốt dự án đầu tư kể từ khi có ý định đầu tư, xác định chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư, quá trình thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác và sử dụng. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nhiều bất ổn và Việt Nam đã là nước có thu nhập trung bình, dẫn tới các nguồn ngoại lực ưu đãi dành cho đầu tư giảm sút, thì việc phát huy nội lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, làm tiền đề phát triển đất nước đặc biệt cần thiết. Nhà nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước (NSNN) để xây dựng các công trình, hạng mục quan trọng, có vị trí then chốt, là xương sống đối với nền kinh tế (cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, các ngành kinh tế quan trọng...), là tiền đề để phát triển các ngành, lĩnh vực khác.

Qua việc tổng quan tài liệu cho thấy đa số các nghiên cứu hiện có mới chỉ tập trung vào các vấn đề về lý luận chung, các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý vốn ngân sách nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản thông qua chủ yếu là hoạt động ban hành chính sách của cơ quan quản lý nhà nước hay việc Lập kế hoạch đầu tư và phân cấp quản lý vốn đầu tư, Lập dự toán và phân bổ vốn đầu tư, Quản lý cấp phát và thanh toán vốn đầu tư, Quyết toán vốn đầu tư, Thanh tra, kiểm soát vốn đầu tư hay quản lý một khâu trong chu trình quản lý dự án đầu tư công hoặc 1 khâu trong quá trình quản lý vốn (quyết toán hoặc thanh tra)..., có không nhiều các nghiên cứu đi sâu

phân tích hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN (bao gồm: Phân cấp Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển; Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN và Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN). Điều này đã tạo ra một khoảng trống lý luận cho hoạt động lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các chính sách nhà nước đối với đầu tư phát triển từ NSNN trên thực tế. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chi tiết, tổng hợp cả các yếu tố trên, tạo cơ sở lý luận chặt chẽ, đầy đủ cho hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN là rất cần thiết, cấp bách, đáp ứng được yêu cầu về mặt lý luận.

Về thực tiễn, đặc thù hoạt động đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước được giao cho các chủ đầu tư thay mặt quản lý, quá trình thực hiện liên quan đến nhiều lĩnh vực phức tạp như quy hoạch, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đất đai, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành, hiệu quản lý kinh tế xã hội... là nguồn lực dễ thất thoát, lãng phí. Do đó, những dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước cần được quản lý chặt chẽ, toàn diện, theo đúng trình tự để đảm bảo mục tiêu đầu tư, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả dự án. Các hoạt động quản lý của Nhà nước tác động trực tiếp đến hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN), trong đó việc quản lý nhà nước đối đầu tư phát triển từ NSNN đóng vai trò quyết định nhằm giảm thiểu thất thoát, lãng phí, từ đó có thêm nguồn lực để tập trung phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, phát huy lợi thế tiềm năng của từng vùng, xóa đói giảm nghèo, giảm khoảng cách chênh lệch giữa các vùng miền, địa phương, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Hoạt động quản lý đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN thông suốt, công khai, minh bạch sẽ tăng cường năng lực cạnh tranh trên phương diện quốc gia, thu hút thêm các nguồn ngoại lực để phát triển. Vì vậy, việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN là yêu cầu cấp thiết, nhất là trong điều kiện nhu cầu đầu tư công về giao thông, xây dựng cơ bản ngày càng gia tăng mà nguồn lực từ ngân sách là hữu hạn. Ngoài luật và các văn bản hướng dẫn luật về quản lý đầu tư, các giải pháp tăng cường quản lý từ khâu lập, phân bổ dự toán cho tới khâu tổ chức thực hiện, quyết toán và kiểm tra, giám sát cần thực hiện đồng bộ và là một hệ thống hoàn chỉnh.

Thái Bình là tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH), nằm trong tuyến hành lang kinh tế ven biển kết nối với các khu kinh tế của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, có ba mặt giáp sông, một mặt giáp biển, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai bằng phẳng, màu mỡ, thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về phát triển đất nước, đặc biệt được sự hỗ trợ của nguồn vốn ngân sách Nhà nước (NSNN), công tác đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản và phát triển hệ thống giao thông của tỉnh

Thái Bình thời gian qua đã có nhiều khởi sắc, góp phần làm cho diện mạo của tỉnh ngày một đổi mới. Công tác huy động nguồn lực và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm chỉ đạo tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Đầu tư công. Theo báo cáo của UBND tỉnh Thái Bình, tỉnh đã huy động được tổng cộng khoảng 236,5 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành) vốn đầu tư toàn xã hội, vượt xa kế hoạch đã đề ra (166.500 tỷ đồng), tăng gần 2 lần so với giai đoạn 2011-2015, với tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân khoảng 9,5%/năm. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư của khu vực nhà nước, tăng dần tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực FDI. Cụ thể, tỷ trọng đầu tư của khu vực nhà nước giảm từ 50,7% năm 2016 xuống còn 31,6% năm 2020. Những năm gần đây, Thái Bình luôn là điểm sáng trong công tác giải ngân vốn đầu tư công. Năm 2023, dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh vẫn thuộc nhóm đầu cả nước, ước thực hiện đạt 128% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 72,9% kế hoạch vốn địa phương phân bổ.

Tuy nhiên, Thái Bình là tỉnh thuần nông, xuất phát điểm thấp, nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương còn hạn chế, nguồn thu ngân sách tỉnh còn hạn trong khi nhu cầu đầu tư theo yêu cầu phát triển lớn, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các công trình trọng điểm, giao thông kết nối. Công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển rất quyết liệt, tuy nhiên ở một số đơn vị cấp cơ sở còn chưa chủ động, chưa linh hoạt trong giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực hiện các nhiệm vụ. Qua báo cáo của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Bình và thực tế nghiên cứu, tỉnh vẫn còn xảy ra tình trạng công tác quy hoạch, chủ trương đầu tư chưa nhất quán. Chất lượng công tác lập, thẩm định dự toán chưa cao, quy hoạch còn chồng chéo, sự gắn kết quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, công tác chuẩn bị đầu tư phát triển còn sơ sài chưa sát thực tế; kế hoạch nguồn vốn NSNN chưa đảm bảo dẫn đến đầu tư manh mún, dàn trải dẫn đến việc đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước còn kém hiệu quả và làm thất thoát nguồn vốn NSNN; chưa phát hiện được hết các lỗi về giải pháp kiến trúc kết cấu và dự toán. Công tác lập dự án đầu tư và thiết kế công trình thực tế vẫn còn có dự án do khảo sát không kỹ lưỡng đã phải thay đổi, điều chỉnh thiết kế. Mặt khác, công tác thanh quyết toán vốn đầu tư chưa được thực hiện một cách nghiêm túc và triệt để chủ trương thanh toán trực tiếp cho đối tượng được thụ hưởng. Việc quyết toán vốn đầu tư phát triển chưa được chủ đầu tư thực sự quan tâm. Việc đánh giá dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước sau khi kết thúc và chi phí để duy trì, vận hành dự án vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Công tác thanh tra, kiểm

tra chưa được chú trọng đúng mức, các sai phạm gây thất thoát, lãng phí phát hiện được xử lý chưa nghiêm. Công tác quản lý đầu tư công có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều luật và văn bản hướng dẫn gây khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công, không gói gọn trong quy định của Luật đầu tư công. Bên cạnh đó, ý thức, trách nhiệm của một số đơn vị, chủ đầu tư chưa cao, chưa chủ động, còn có hiện tượng né tránh. Các chủ đầu tư, ban Quản lý dự án chưa tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, nâng cao tính sẵn sàng và tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án, gây tình trạng chậm tiến độ, ảnh hưởng tới kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh.

Xuất phát từ các lý do về mặt lý luận và yêu cầu của thực tiễn, với những nghiên cứu lý luận trong luận án, phân tích thực trạng và đánh giá khách quan hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình, tìm ra đâu là nguyên nhân của những vấn đề để có những giải pháp phù hợp cho việc quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hay chính là việc phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) của tỉnh Thái Bình qua việc quản lý hiệu quả vốn ngân sách nhà nước là hết sức cần thiết. Vì thế nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình*” làm đề tài luận án tiến sĩ, với mong muốn góp phần giải quyết cả về mặt lý luận và những khó khăn về thực tiễn cho công tác đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của Thái Bình nói riêng và hoạt động quản lý nhà nước với hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN của địa phương nói chung, qua đó thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Mục đích cuối cùng mà luận án hướng đến là hệ thống hóa, bổ sung, đóng góp về lý luận về QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh, thành phố và tìm kiếm các giải pháp hoàn thiện công tác QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến những năm tiếp theo.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài gồm:

Một là, hệ thống hóa và hoàn thiện những lý luận về đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Những yêu cầu, nguyên tắc cơ bản quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh. Đồng thời chỉ ra các tiêu chí đánh giá và những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh. Nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của các địa phương trong nước và rút ra bài học cho tỉnh Thái Bình về QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN.

Hai là, phân tích thực trạng về quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình thời gian qua. Qua đó chỉ ra những thành công hạn chế trong quá trình quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình cũng như nguyên nhân của những thành công hạn chế.

Ba là, đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến những năm tiếp theo.

3. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài luận án

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh đã đặt ra các câu hỏi nghiên cứu như sau:

(1) Nội dung và những yếu tố nào ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một địa phương cấp tỉnh?

(2) Bài học kinh nghiệm nào rút ra cho tỉnh Thái Bình qua nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một số địa phương trong nước?

(3) Thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Thái Bình hiện nay như thế nào?

(4) Những quan điểm, mục tiêu và định hướng nào hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Thái Bình tới 2030, tầm nhìn đến những năm tiếp theo?

(5) Những giải pháp cần triển khai nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Thái Bình tới năm 2030, định hướng đến những năm tiếp theo?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Là những lý luận về quản lý NN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và thực tiễn quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua. Với đặc điểm của NSNN là nguồn vốn đã được xác định trước dựa trên chính sách thu của Nhà nước và nguồn thu ngân sách của địa phương. Do đó, quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chú trọng vào công tác quản lý sử dụng nguồn vốn NSNN theo chu trình ngân sách mà không nghiên cứu vấn đề về các giải pháp huy động nguồn vốn NSNN. Chủ thể QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN chính là chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình.

Về nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu của đề tài luận án là QLNN với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh theo chu trình quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước từ khâu: Phân cấp Quản lý nhà nước đối với đầu tư

phát triển từ nguồn vốn NSNN; Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển; Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển và Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN. Nguồn vốn NSNN cấp tỉnh bao gồm vốn của ngân sách trung ương (NSTW) tổng thể vốn đầu tư công được Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp quyết định, ngân sách địa phương (NSDP) dành cho đầu tư phát triển, không bao gồm vốn đầu tư của các doanh nghiệp, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và các nguồn vốn ngoài cân đối khác.

Căn cứ theo điều 13 của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, luận án giới hạn nghiên cứu QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở cấp tỉnh không nghiên cứu việc ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công, khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đầu tư công, hợp tác quốc tế về đầu tư công, quản lý vốn ở cấp dự án TW quản lý, vấn đề huy động vốn, không nghiên cứu hoạt động quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN.

Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua (bao gồm các số liệu thứ cấp qua báo cáo của tỉnh và dữ liệu sơ cấp phục vụ nghiên cứu như khảo sát, điều tra trên phạm vi tại tỉnh Thái Bình).

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình, số liệu và dữ liệu thứ cấp trong 07 năm từ năm 2016 đến năm 2022 (Áp dụng Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội), thời gian thực hiện khảo sát được tiến hành từ tháng 03/2022 đến tháng 06/2022. Các giải pháp, kiến nghị đề xuất của luận án có phạm vi áp dụng đến năm 2030, tầm nhìn đến những năm tiếp theo.

5. Những đóng góp mới của đề tài luận án

Với việc thực hiện đề tài nghiên cứu về QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình, luận án sẽ đóng góp những vấn đề về lý luận và thực tiễn như sau:

Về lý luận: Luận án đã đưa ra khung và quy trình nghiên cứu gồm 5 bước nghiên cứu, trong từng bước lại được chia thành các nội dung đề cập các góc độ khác nhau (phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và kết quả đạt được). Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây, luận án đã làm sáng tỏ lý luận về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh: khái niệm, đặc điểm và nguyên

tác. Luận án làm rõ nội dung quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh: *Phân cấp QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NSNN; Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh*. Luận án đã xây dựng được mô hình gồm 5 yếu tố ảnh hưởng tới công tác QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh và chỉ rõ các tiêu chí đánh giá kết quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: Tính hiệu quả, Tính hiệu suất, Tính tác động; Tính phù hợp với thực trạng hiện tại địa phương và Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Luận án nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của các địa phương trong nước và rút ra bài học cho tỉnh Thái Bình về QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN.

Về thực tiễn: Luận án làm rõ thực trạng về hoạt động thu ngân sách và chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình hiện nay, trong đó đặc biệt chú trọng vào phân tích thực trạng QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh theo nội dung và chu trình quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh áp dụng theo quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội.

Qua việc sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp từ báo cáo từ các công trình khoa học, các số liệu thống kê đã được công bố, các báo cáo tổng hợp từ các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND, HĐND, Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình, và điều tra xã hội học tổng thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình làm minh chứng cho các nhận định, đánh giá, làm tăng thêm cơ sở pháp lý và giá trị thực tiễn đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN tại tỉnh Thái Bình hiện nay. Trên cơ sở đó rút ra những thành công, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản trong QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình. Điểm khác biệt của luận án so với các công trình nghiên cứu có liên quan đã trình bày tại phần tổng quan là: luận án đã đề xuất phương hướng và các giải pháp để hoàn thiện QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn các năm tiếp theo phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của tỉnh Thái Bình.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN tỉnh Thái Bình, từ đó có được tư duy và cách tiếp cận mới nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra đối với QLNN với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Luận án cũng sẽ là tài liệu

tham khảo cho các nhà nghiên cứu, giảng viên, học viên, những người quan tâm tới chủ đề, và cho các các nhà quản lý nhà nước cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý đầu tư công nói chung và QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN góp phần xây dựng, phát triển kinh tế xã hội của một địa phương cấp tỉnh một cách bền vững.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành bốn chương gồm:

Chương 1. Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài và phương pháp nghiên cứu của luận án

Chương 2. Một số lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

Chương 3. Thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Chương 4. Quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Các nghiên cứu về đầu tư công và quản lý nhà nước về đầu tư công

Một trong những nội dung quan trọng của chi tiêu ngân sách sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đó là khoản mục chi cho đầu tư phát triển. Với bất cứ một quốc gia nào, đầu tư phát triển có vai trò vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, góp phần tạo điều kiện cho sự tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội. Các nhà nghiên cứu về đầu tư công cũng đã chứng minh rằng nếu quản lý đầu tư công không hiệu quả sẽ dẫn đến tình trạng nợ xấu ở các quốc gia, do đó các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà nghiên cứu đã có những nghiên cứu về thực trạng đầu tư công, những mặt đạt được và những mặt hạn chế để có thể đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm quản lý một cách tốt nhất các hạng mục đầu tư công. Vì vậy, Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc quản lý các hạng mục đầu tư. Vấn đề quản lý đầu tư công đã được nhiều tác giả trên thế giới khai thác tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau chẳng hạn như:

Nghiên cứu của Quỹ tiền tệ quốc tế về đánh giá quản lý đầu tư công - bản rà soát và cập nhật năm 2018 về Khung PIMA (đánh giá quản lý đầu tư công) lần đầu tiên được giới thiệu trong Báo cáo năm 2015 về "Làm cho đầu tư công hiệu quả hơn", như một phần của sáng kiến hỗ trợ chính sách cơ sở hạ tầng của IMF (IPSI). Báo cáo đề xuất các phương pháp đánh giá quản lý đầu tư công trên 03 giai đoạn lập kế hoạch, phân bổ và thực hiện. Các nội dung trọng tâm để đánh giá quản lý đầu tư công của một quốc gia bám sát chu trình vận động của nguồn vốn, cụ thể: Thứ nhất, lập kế hoạch (nguyên tắc tài chính, lập kế hoạch quốc gia và ngành; sự phối hợp trung ương và địa phương, thẩm định dự án, nguồn tài trợ cho cơ sở hạ tầng); Thứ hai, phân bổ ngân sách: Ngân sách cho nhiều năm, ngân sách toàn diện thống nhất, ngân sách cho đầu tư, ngân sách cho bảo trì, lựa chọn dự án; Thứ ba, thực thi (Chi tiêu công, sự sẵn có của các nguồn lực, quản lý danh mục đầu tư và giám sát; quản lý quá trình thực hiện dự án đầu tư; giám sát tài sản công). PIMA giúp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động quản lý đầu tư công như: quy trình, tổ chức hệ thống, năng lực và khung pháp lý và xác định những ưu tiên cải cách và hỗ trợ kỹ thuật. So với các công cụ đánh giá hiệu quả quản lý đầu tư công khác, PIMA toàn diện và nội dung sát với quản lý vốn đầu tư XDCB ở Việt Nam hơn, bao gồm các yếu tố liên quan đến khung tài chính vĩ mô, sự phối hợp các cấp chính quyền, sử dụng quan hệ đối tác công tư (PPP), tích hợp kế hoạch đầu tư và ngân sách trung hạn, cũng như hoạt động quản lý giám sát việc thực hiện dự án,... Thang điểm đánh giá cho mỗi tiêu chí là 1= không có hoặc bằng mức độ rất ít; 2 = ở mức độ cụ thể; 3= ở mức độ cao hơn. Tính điểm dựa trên 15 tiêu chí, phân thành 03 nhóm: (A) Hoạch định đầu tư công bền vững, (B):

Đảm bảo đầu tư công được phân bổ đúng lĩnh vực, ngành dự án; (C): Cung cấp các tài sản công lâu bền và có năng lực sản xuất, mỗi tiêu chí bao gồm 03 tiêu chí phụ đánh giá. Tất cả được đánh giá theo thang điểm trên xét trên 02 khía cạnh: độ mạnh của thể chế và hiệu quả.

Liên quan đến khía cạnh quản lý nhà nước về vốn đầu tư công trong lĩnh vực xây dựng cơ bản thì Jim Brumby và cộng sự (2011) đã đi sâu phân tích khung lý luận về đầu tư, trên cơ sở đó làm căn cứ so sánh đánh giá đầu tư công với các loại hình đầu tư khác. Kết luận nhìn từ góc độ quản lý cho thấy: Quản lý nhà nước về đầu tư công có tính phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý gắn với từng công đoạn của quy trình đầu tư. Đồng thời cũng chỉ ra cơ quan quản lý có vai trò, chức năng, nhiệm vụ như người tư lệnh đứng đầu và chịu trách nhiệm trước cá nhân. Khác với đầu tư tư nhân hoặc đầu tư liên kết công tư đều có những thuận lợi và khó khăn trên cơ sở đó làm căn cứ để đánh giá quy trình quản lý đầu tư về vốn. Nghiên cứu cũng đã đưa ra các chỉ số cơ bản để đánh giá hiệu quả của đầu tư công. Trong đó, nhấn mạnh thể chế phù hợp là cơ sở để quản lý đầu tư công đạt hiệu quả cao qua 4 giai đoạn khác nhau: thẩm định dự án; lựa chọn dự án; triển khai và đánh giá dự án. Nhóm tác giả xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công theo 4 giai đoạn đó; các chỉ tiêu này cho phép đánh giá, so sánh các khu vực, các quốc gia có chính sách tương tự với nhau, đặc biệt là những nơi mà nỗ lực cải cách trong đầu tư công được ưu tiên. Tuy nhiên, nghiên cứu này cho phép ứng dụng khảo sát và đánh giá trên phạm vi toàn quốc gia, trong phạm vi đầu tư công trong một bộ, ngành và địa phương thì không đủ điều kiện để ứng dụng toàn bộ các chỉ tiêu mà chỉ ứng dụng được một số chỉ tiêu được đề cập trong nghiên cứu này.

Tương tự, nghiên cứu của Chakraborty and Dabla-Norris (2011) cho rằng bộ máy quan liêu, yếu kém và tham nhũng cũng gây ảnh hưởng xấu đến cung cấp các dịch vụ công cộng, do vậy làm giảm hiệu quả của nguồn vốn công, và có tác động xấu đến tăng trưởng. Cũng theo quan điểm của Rajaram Anand và cộng sự (2010), tác giả cho rằng sự vắng mặt của tổ chức quản lý và hệ thống thông tin chất lượng để hỗ trợ về hoạt động quản lý chất lượng trong các dự án xây dựng là rất nghiêm trọng. Tác giả xem xét đến vai trò của các yếu tố bên trong hoạt động quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản cụ thể với một dự án đầu tư xây dựng xác định để đưa ra các luận giải của mình về các vấn đề trong chi phí quản lý các hoạt động đầu tư. Rajaram Anand và cộng sự (2010) lại chỉ ra nội dung trong công tác quản lý đầu tư công bao gồm các công việc là lập kế hoạch dự án đầu tư xây dựng cơ bản; thẩm định dự án đầu tư và đánh giá độc lập đối với thẩm định dự án đầu tư công; lựa chọn và lập ngân sách dự án đầu tư công; triển khai, điều chỉnh dự án và thực hiện vận hành dự án và cuối cùng là đánh giá và thực hiện kiểm toán đối với dự án đầu tư công đã hoàn thành. Trên cơ sở những nội dung đó, nhóm tác giả đã đưa ra 08 đặc trưng cơ bản của một hệ thống đầu tư công hiệu quả và xây dựng khung khổ chuẩn đoán khi đánh giá

các giai đoạn chính trong quy trình quản lý tư công. Từ đó làm căn cứ để khuyến khích các Chính phủ tiến hành công tác tự đánh giá hệ thống đầu tư công của mình và đưa ra những cải cách để tăng cường hiệu quả của đầu tư công.

Nhóm tác giả Era Babla – Norris, Jim Brumby (2011) đã đề xuất chỉ số mới khắt quát về quy trình quản lý đầu tư công qua bốn giai đoạn khác nhau: Thẩm định dự án, lựa chọn dự án, Thực hiện dự án và Đánh giá dự án. Nghiên cứu tiến hành khảo sát tại 71 quốc gia, trong đó 40 quốc gia có thu nhập thấp và 31 quốc gia có thu nhập trung bình. Từ kết quả khảo sát chỉ ra rằng chỉ số này có thể sử dụng để đánh giá, so sánh các quốc gia có chính sách đầu tư công có điều kiện tương đồng với nhau, điều này phát huy hiệu quả nhất là ở những quốc gia mà chú trọng đến các cải cách trong đầu tư công. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ ứng dụng khảo sát và đánh giá trên phạm vi quốc gia, còn đối với đầu tư công trong phạm vi địa phương thì không đủ điều kiện để ứng dụng toàn bộ.

Báo cáo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới về Khung phân tích, đánh giá quản lý đầu tư công năm 2010. Nghiên cứu về Khung đánh giá quản lý đầu tư công ngày cho rằng quy trình quản lý đầu tư công bao gồm 8 nội dung không thể thiếu đó là: 1. Định hướng đầu tư, xây dựng dự án và sàng lọc bước đầu; (2) Thẩm định dự án chính thức; (3) Đánh giá độc lập về dự án; (4) Lựa chọn và lập ngân sách dự án; (5) Triển khai dự án (6) Điều chỉnh dự án; (7) Vận hành dự án; (8) Đánh giá và kiểm toán sau khi hoàn thành dự án. Kèm theo đó là 19 vấn đề lớn cần trả lời giúp chẩn đoán, đánh giá chất lượng của hoạt động quản lý đầu tư công. Đây là tài liệu nghiên cứu đơn giản, dễ tiếp cận và thực hiện đối với mọi quốc gia. Hệ thống quản lý đầu tư công có nhiều ưu điểm và phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam. Vấn đề là đặt ra là cần xác định mối liên hệ giữa quy trình quản lý đầu tư công ưu thế này với quản lý đầu tư phát triển theo chu trình NSNN ở Việt Nam và đưa ra các giải pháp áp dụng hợp lý.

Nghiên cứu “*Public Investment Management in the EU*” - Quản trị đầu tư công ở EU (2008) của Bernard Myers và Thomas Laursen đã khảo sát kinh nghiệm quản lý đầu tư công của 10 nước thành viên EU từ giai đoạn 2000-2006, chủ yếu tập trung vào Anh và Ireland để từ đó đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả đầu tư công, đặc biệt là đầu tư cho kết cấu hạ tầng trên cơ sở. Mặc dù có sự khác biệt trong truyền thống hành chính và chính trị nhưng việc lập kế hoạch hiệu quả và quản lý kết cấu hạ tầng công cộng là một thách thức đối với tất cả các quốc gia thành viên EU. Bởi vì, dù là các quốc gia phát triển nhưng lại đang gặp khó khăn về nợ công. Nghiên cứu đã đưa ra khuyến nghị quan trọng: thứ nhất, để quản lý đầu tư công hiệu quả thì các chiến lược đầu tư của nhà nước cần phải được liên kết chặt chẽ với ngân sách và phải được định kỳ xem xét lại cho phù hợp; thứ hai, việc đánh giá chi phí-lợi ích của dự án đầu tư công là công cụ quan trọng để lựa chọn các dự án nhằm đem lại hiệu quả đầu tư; thứ ba, cần phải có kiểm toán và minh bạch thông tin để cải thiện chất lượng của việc ra quyết định và quy trình quản lý dự án. Đây cũng là những kinh nghiệm cho

Việt Nam nói chung và các địa phương tham khảo và chọn phương pháp quản lý tối ưu nhằm thực hiện đầu tư công hiệu quả.

Nhấn mạnh vai trò của công tác quản lý nhà nước trong đầu tư dự án xây dựng cơ bản, Peter E.D và cộng sự (2002) trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng: cần xây dựng một mẫu dự án quản lý hệ thống chi phí chất lượng để xác định chất lượng trong dự án xây dựng cơ bản. Cấu trúc và các thông tin quan trọng là cần thiết được xác định và thảo luận để cung cấp cho một hệ thống phân loại chi phí chất lượng. Hệ thống phát triển đã được thử nghiệm và triển khai trong hai trường hợp xây dựng các dự án nghiên cứu để xác định các vấn đề thông tin và quản lý cần thiết để phát triển một chương trình phần mềm trong hệ thống thông tin quản lý chi phí trong xây dựng.

Một số nghiên cứu được thực hiện theo hướng tìm hiểu kinh nghiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn Ngân sách nhà nước ở các quốc gia khác nhau, từ đó đề xuất bài học kinh nghiệm trong việc quản lý đầu tư công. Điển hình là nghiên cứu của nhóm tác giả Bernard Myers và Thomas Laursen (2009) đã tổng kết lại toàn bộ kinh nghiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn NSNN của một số nước thành viên EU. Nghiên cứu đã cho thấy kinh nghiệm của Ireland, Vương quốc Anh sử dụng các công ty bên ngoài để cung cấp đánh giá độc lập khi đề xuất các dự án đầu tư. Bộ Tài chính Ireland đặt ra hướng dẫn chi tiết về thẩm định dự án phải được tuân thủ. Bên cạnh đó hầu hết các dự án sẽ phải trải qua buổi điều trần công khai trước thanh tra. Đây cũng có thể là bài học kinh nghiệm cho quá trình quản lý hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn NSNN ở Việt Nam, từ đó có thể tránh được phần nào nợ công tăng mạnh và không có khả năng kiểm soát. Tuy nhiên, do tính chất xã hội của các nước và trình độ sản xuất của cá nước trong nghiên cứu rất khác Việt Nam nên việc vận dụng các kết quả nghiên cứu này sẽ chưa thực sự phù hợp với điều kiện quản lý nhà nước với đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam.

Vũ Quang Phiến (2019), Quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3 – Bộ Quốc phòng, Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài Chính. Luận án đã khái quát hệ thống quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN trong Quân đội, khảo sát phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu trong giai đoạn 2012 - 2018. Luận án cũng đã đánh giá và phân tích cụ thể những thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quản lý vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSNN tại quân khu. Sau đó, đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN ở Quân khu đến năm 2025. Liên quan đến các giải pháp này, luận án cũng khuyến nghị hoàn thiện môi trường luật pháp, cơ chế chính sách, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý.

Lê Thị Thu Hương (2018), *Vốn đầu tư ngân sách nhà nước để phát triển giao thông nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị

Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về vốn đầu tư từ NSNN phát triển giao thông nông thôn và phân tích kinh nghiệm huy động và sử dụng vốn đầu tư từ NSNN của một số vùng trong nước và quốc tế để phát triển giao thông nông thôn. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nói chung và vùng ĐBSH nói riêng và phân tích thực trạng huy động và sử dụng vốn đầu tư từ NSNN để phát triển giao thông nông thôn vùng ĐBSH, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trong huy động và sử dụng vốn đầu tư từ NSNN để phát triển giao thông nông thôn vùng ĐBSH thời gian qua và đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện, đổi mới cơ chế huy động và sử dụng vốn đầu tư từ NSNN để phát triển giao thông nông thôn vùng ĐBSH trong thời gian tới.

Cù Thanh Thủy (2018), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Luận án đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sử dụng vốn ngân sách Nhà nước như một chu trình hoàn chỉnh từ ra quyết định đầu tư đến kết quả đầu tư. Luận án cũng xây dựng được khung lý thuyết phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sử dụng vốn ngân sách Nhà nước bao gồm Năng lực thể chế của Nhà nước là năng lực của các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện chức năng của mình theo luật pháp quy định; Nhóm nhân tố đơn vị thực hiện; năng lực của cán bộ quản lý Nhà nước. Luận án chỉ ra Công tác tổ chức, quản lý đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước bao gồm các nội dung như: Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, quản lý quy hoạch, kế hoạch hóa đầu tư, công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện (đấu thầu xây dựng, quản lý thi công, kiểm tra, giám sát công trình, thanh quyết toán vốn đầu tư), kiểm tra, giám sát và đánh giá.

Edame (2013), *Về huy động vốn đầu tư phát triển của Nhà nước*, đã nghiên cứu vai trò của ngân sách nhà nước, phát triển kết cấu hạ tầng và tăng trưởng kinh tế tại Nigeria. Tác giả đã làm rõ vai trò ngân sách nhà nước đối với phát triển kết cấu hạ tầng và tăng trưởng kinh tế tại Nigeria, cùng với đó đã đưa ra mối tương quan giữa ngân sách nhà nước và phát triển các ngành kinh tế. Từ những phát hiện trên, các tác giả đã đưa ra kiến nghị với Chính phủ cần nỗ lực thực hiện các chính sách đầu tư từ ngân sách để tập trung phát triển kết cấu hạ tầng.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2013), Thông tin chuyên đề, “*Đầu tư công, nợ công và mức độ bền vững ngân sách ở Việt Nam*”, Trung tâm thông tin tư liệu, số 5/2013 đã nghiên cứu và chỉ ra rằng: Đầu tư công nói chung và khoản đầu tư từ NSNN nói riêng không chỉ là động lực cho tăng trưởng kinh tế mà góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nói chung: Vì thông qua các khoản đầu tư này hệ thống kết cấu hạ tầng trong nước được đầu tư và phát triển, tạo

sức lan tỏa, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, riêng khoản đầu tư từ NSNN được ưu tiên cho các dự án kết cấu hạ tầng, giao thông quan trọng, có ý nghĩa chiến lược của đất nước. Bên cạnh đó, NSNN được cơ cấu lại để tăng chi cho giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa... góp phần nâng cao nguồn lực con người, tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Tại những thời điểm kinh tế suy thoái, đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài suy giảm thì khoản đầu tư từ NSNN luôn phát huy vai trò của mình trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

a. Các nghiên cứu về đầu tư phát triển và quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Phạm Hoài Nam (2022), *Huy động vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên. Đề tài đưa ra khái niệm vốn đầu tư phát triển, chỉ ra nội dung quản lý nhà nước về huy động vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: Xác định mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kỳ trước, dự báo nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư; Xây dựng kế hoạch huy động vốn và đầu tư của địa phương; Tổ chức triển khai thực hiện công tác huy động vốn; Kiểm tra, giám sát công tác huy động vốn đầu tư.

Lê Công Thanh (2022), *Quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án bổ sung và làm mới một số khía cạnh lý luận quản lý vốn đầu tư từ NSNN trên các khía cạnh khác nhau (*Lập kế hoạch đầu tư và phân cấp quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Lập dự toán và phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN, Quản lý cấp phát và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN, Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình hoàn thành và Thanh tra, kiểm soát quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước*), đánh giá 05 nhóm tiêu chí đánh giá công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước cấp tỉnh cho phát triển hệ thống thủy lợi và các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý vốn đầu tư từ NSNN. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá thực trạng tình hình quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong phát triển hệ thống thủy lợi ở tỉnh Thái Bình; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ nay đến năm 2030.

Đặng Thị Hoài (2018), *Đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Luận án bổ sung và làm mới một số khía cạnh lý luận về đầu tư từ

NSNN cho nông nghiệp cụ thể là: xây dựng khung lý thuyết để phân tích nội dung đầu tư, các chỉ tiêu, yếu tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá kết quả của đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp. Luận án đưa ra 5 nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển nông nghiệp: Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động; Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển khoa học – công nghệ phục vụ nông nghiệp, tiến tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Kết quả đầu tư từ NSNN cho kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp; Kết quả đầu tư từ NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản, phát triển nông nghiệp hàng hóa; Tính ổn định trong tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp lý và phát huy thế mạnh của địa phương.

Nguyễn Quốc Toàn (2018), *Đánh giá về Quản lý Nhà nước đối với đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế xây dựng, Số 1 năm 2018, Nghiên cứu đã đưa ra nội dung QLNN đối với đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN gồm: Tổ chức bộ máy QLNN, Ban hành và thực thi hệ thống chính sách về đầu tư và quản lý sử dụng vốn nhà nước; Xây dựng kế hoạch đầu tư; Phân cấp quản lý nhà nước; Thanh tra, kiểm tra, giám sát. Nghiên cứu chỉ ra chỉ số đánh giá về QLNN đối với đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước gồm việc Xây dựng Kế hoạch đầu tư, Triển khai việc thực hiện kế hoạch và Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện.

Nguyễn Thị Lan Phương (2018), *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài Chính. Trong nghiên cứu tác giả đánh giá thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN bằng các phương pháp như thống kê mô tả, phương pháp so sánh thông qua các tiêu chí như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư vốn XDCB từ NSNN; công tác quyết toán vốn đầu tư XDCB từ NSNN; thực trạng kiểm tra, giám sát trong quá trình quản lý vốn đầu tư vốn XDCB. Từ những nghiên cứu đạt được tác giả đề xuất các giải pháp quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN sao cho hiệu quả hơn như: hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý vốn đầu tư XDCB; đơn giản hóa hệ thống pháp luật về quản lý vốn đầu tư XDCB; đổi mới trình tự quản lý vốn đầu tư XDCB; tăng cường công tác quản lý nợ công; đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch; đổi mới phương thức lập kế hoạch, thẩm định, lựa chọn dự án để đưa vào danh mục ưu tiên và bố trí kế hoạch vốn; đổi mới thẩm định, lựa chọn dự án để đưa vào danh mục ưu tiên và bố trí kế hoạch vốn, đổi mới quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB. Trong nghiên cứu của mình, tác giả khẳng định hệ số ICOR là chỉ số đo lường hiệu quả vốn ĐTPT toàn xã hội. ICOR càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp và ngược lại.

Hoàng Cao Liêm (2018), *Quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ ngân sách nhà nước tại tỉnh Hà Nam*, Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý luận QLNN về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ NSNN cấp

tinh, kế thừa có bổ sung những điểm mới để phù hợp với yêu cầu phát triển để hoàn thiện khung lý thuyết về QLNN đối với đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ NSNN. Được phát triển trên cơ sở thang đo của các tác giả: Anand Rajaram và các cộng sự (2010), luận án đã xây dựng thang đo đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ gồm 6 biến quan sát: Đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua nhiều công đoạn (khảo sát, thiết kế, thi công, lập dự án,...); Xây dựng quy hoạch đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ đúng đắn; Xây dựng kế hoạch đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ đúng đắn; Chính sách huy động vốn đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ hợp lý; Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Bố trí và sử dụng vốn đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ đúng mục đích, tiến độ.

Nguyễn Huy Chí (2017), *Quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản bằng ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện hành chính quốc gia. Luận án tập trung vào các chức năng của quản lý nhà nước như: tổ chức bộ máy quản lý, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật; xây dựng quy hoạch, kế hoạch; thực thi chính sách; kiểm tra giám sát, phân công trong quản lý nhà nước. Luận án hướng tới nội hàm đầu tư (bỏ vốn) mà không đi sâu nghiên cứu lĩnh vực xây dựng cơ bản theo các nghiệp vụ hay kỹ thuật chuyên môn liên quan đến xây dựng. Luận án xem xét mối quan hệ hữu cơ giữa đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, thâm hụt ngân sách, nợ công, rủi ro vĩ mô và các tác động đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, luận án chưa đề cập đến tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản bằng ngân sách nhà nước và chưa làm rõ được mối quan hệ giữa quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước và quản lý nợ công ở Việt Nam.

Nguyễn Thị Thanh (2017), *Hoàn thiện phân cấp quản lý đầu tư XDCB sử dụng nguồn vốn ngân sách của thành phố Hà Nội đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Tác giả đã đưa ra những luận giải về cơ sở lý luận phân cấp quản lý đầu tư XDCB sử dụng nguồn NSNN. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng sử dụng nguồn NSNN, tác giả đã chỉ ra rằng khung phân cấp quản lý NS của Nhà nước cũng như thể chế pháp lý hay các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp đầu tư đã chi phối đến các quyết định đầu tư, dự toán thu chi và phân bổ ngân sách từ đó tác động mạnh mẽ đến công tác phân cấp quản lý đầu tư XDCB sử dụng nguồn NSNN; thêm vào đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước cũng như sự minh bạch của chính quyền địa phương cũng tác động lớn đến những chủ trương đầu tư của địa phương, và do đó cũng ảnh hưởng đến công tác phân cấp quản lý đầu tư XDCB sử dụng nguồn NSNN.

Phan Thị Thu Hiền (2015), *Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Hà Nam*, tác giả đã phân tích thực trạng đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2008 - 2013, chỉ ra những

nguyên nhân, hạn chế; sử dụng phương pháp dự báo hồi quy xu thế bình phương nhỏ nhất để dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Nam nói chung và nhu cầu vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách địa phương. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp: Phân tích thống kê, so sánh, chuyên gia, phân tích, tổng hợp, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị. Tuy nhiên, trong phần thực trạng, tác giả chưa đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương; mức độ đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư; phân tích nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư phát triển (nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn thu ngân sách địa phương).

Phô Thi San Sa May (2015), "*Quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Sa La Văn, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đề tài đã được thực hiện và đã đạt được một số kết quả nghiên cứu chính như sau: Phân tích và làm rõ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh. Trong đó, làm rõ khái niệm vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh. Luận án đã xác định 5 nội dung quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh, bao gồm: (1) Phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, (2) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, (3) Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, (4) Kiểm tra thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; (5) Phối hợp trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các cơ quan chức năng.

Hồ Thị Hương Mai (2015), "*Quản lý nhà nước về vốn đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị Hà Nội*", Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã làm rõ thêm lý luận về QLNN về vốn đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị từ khái niệm, nội dung, tiêu chí đánh giá QLNN vốn đầu tư trong phát triển KCHTGTĐT từ khâu lập kế hoạch, huy động, phân bổ, thanh quyết toán và đặc biệt làm rõ vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong toàn bộ quy trình quản lý. Luận án cũng đã phân tích 05 nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về vốn đầu tư trong phát triển KCHTGTĐT. Luận án dự báo xu hướng phát triển KCHTGTĐT Hà Nội và nhu cầu vốn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đề xuất các quan điểm, 4 nhóm giải pháp và các điều kiện thực hiện giải pháp cũng như một số kiến nghị nhằm hoàn thiện QLNN về vốn đầu tư trong phát triển KCHTGTĐT Hà Nội.

Nguyễn Thị Bình (2012), "*Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách trong ngành giao thông vận tải Việt Nam*", Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế quốc dân. Luận án đã trình bày cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ

bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo cách tiếp cận mới về quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo 05 khâu của quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm quản lý nhà nước trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch; lập, thẩm định, phê duyệt dự án; triển khai các dự án; nghiệm thu, thẩm định chất lượng, bàn giao công trình và thanh quyết toán. Luận án còn phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong ngành giao thông vận tải Việt Nam hiện nay, đưa ra phương hướng cũng như đề xuất các giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong ngành giao thông vận tải Việt Nam trong thời gian tới.

Ngô Doãn Vịnh (2011), *Đầu tư phát triển*, Cuốn sách gồm 2 phần: phần I trình bày vấn đề phát triển - từ ý niệm đến công cuộc sinh tồn, phần II trình bày vấn đề đầu tư phát triển: đi tìm điều nên biết. Nội dung cuốn sách đưa ra những nhận định, phân tích về đầu tư phát triển một cách chung nhất. Đầu tư phát triển được hình thành bởi các nhân tố vốn đầu tư, việc đầu tư, hình thái đầu tư, nhà đầu tư, đối tượng đầu tư, môi trường đầu tư. Trong đó vấn đề quản lý đầu tư, đặc biệt là quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thì được đề cập một cách rất sơ lược. Tuy nhiên, những vấn đề được nhắc tới cũng có giá trị tham khảo mang tính gợi mở trong việc xây dựng khái niệm đầu tư phát triển.

b. Các nghiên cứu về hiệu quả và tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Nguyễn Thị Hạnh Vân (2021), *Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Bắc Giang*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 27, tháng 9/2021, Bài viết chỉ ra rằng có nhiều nhân tố ảnh hưởng và tác động đến hiệu quả đầu tư từ NSNN, nhưng dưới góc độ một địa phương, thì có thể chia làm 2 nhóm nhân tố chính là nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan: (i) Nhóm nhân tố khách quan bao gồm các yếu tố về: điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương, thể chế và chính sách kinh tế của chính quyền trung ương. Các đặc điểm kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu vốn đầu tư, cũng như khả năng phát triển ở mỗi địa phương. Yếu tố cư dân (trình độ dân trí, thu nhập của người dân hay sự thụ hưởng các dự án đầu tư trên địa bàn...) hay tiến độ, quy trình phân bổ vốn đầu tư từ NSNN của chính quyền trung ương cũng có tác động lớn đến hiệu quả đầu tư. (ii) Nhóm nhân tố chủ quan bao gồm: công tác phân bổ vốn đầu tư từ NSNN ở địa phương, khả năng quản lý và thực hiện đầu tư tại địa phương. Ngoài việc phân bổ vốn còn có những vấn đề liên quan khác, như: quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; quá trình tổ chức đấu thầu và thi công... Trong bài nghiên cứu, tác giả sử dụng một số chỉ tiêu chính dưới đây để đánh giá hiệu quả kinh tế của đầu tư từ nguồn vốn NSNN: (1) Tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. (2) Quy mô

GRDP tạo ra trên một đồng vốn đầu tư bằng nguồn vốn NSNN (được tính bằng GRDP do đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tạo ra chi cho tổng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện). (3) Quy mô thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trên một đồng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương (được tính bằng cách lấy tổng thu ngân sách do đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đóng góp chia cho tổng vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện). (4) Hệ số lôi kéo đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách với vốn đầu tư tư nhân (được tính bằng cách lấy tổng vốn tư nhân chia cho tổng vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện).

Trịnh Thị Hằng (2020), *Hiệu quả sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong lĩnh vực giao thông vận tải ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Luận án đã thiết lập được mô hình đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ ở tầm vĩ mô và vi mô. Kết quả hồi quy chung đưa ra giá trị ODA có tác động cùng chiều lên GDP hay vốn hỗ trợ phát triển chính thức trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ có ảnh hưởng tích cực (tác động thuận chiều) đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đề tài chỉ ra kết quả của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ODA được đánh giá qua năm tiêu chí (Sự phù hợp; Hiệu quả; Hiệu suất; Tác động và Bền vững). Bằng kết quả đánh giá thực nghiệm cho thấy trong 4 nhân tố được nghiên cứu chỉ có 3 nhân tố ghi nhận có tác động thực sự đến hiệu quả sử dụng ODA trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ ở Việt Nam là Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, Năng lực nhà thầu thi công, và Năng lực tài chính có ý nghĩa thống kê.

Hà Thị Tuyết Minh (2019), *Nâng cao hiệu quả đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Hòa Bình*, Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính. Luận án đưa ra hai nội dung chính trong công tác quản lý đầu tư công từ nguồn vốn NSNN: Lập, thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư công: Tính đúng đắn, sự chính xác trong chủ trương đầu tư công là yếu tố hàng đầu quyết định thành bại của đầu tư công và hiệu quả đầu tư công. Chương trình, dự án đầu tư công phải được lập, thẩm định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo một quy trình chặt chẽ trên tất cả các khía cạnh để đảm bảo đạt được mục tiêu một cách có hiệu quả Kiểm tra, giám sát là hoạt động thường xuyên của chủ chương trình mục tiêu, chủ đầu tư và toàn xã hội. Công tác kiểm tra, giám sát nhằm mục đích đảm bảo chương trình, dự án đầu tư công được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đạt được các mục tiêu được phê duyệt. Luận án sử dụng chỉ số (ICOR - Incremental Capital-Output Ratio)) để đánh giá hiệu quả vốn đầu tư, ICOR là tiêu chí kinh tế tổng hợp phản ánh quan hệ so sánh giữa tiêu chí đầu vào là vốn đầu tư thực hiện (hoặc tích lũy tài sản) và tiêu chí đầu ra là kết quả sản xuất đạt được. Luận án chỉ ra rằng ICOR có trị số càng thấp nghĩa là hiệu quả càng cao và ngược lại.

Trần Đình Nam (2017), *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn ODA vào phát triển đường sắt đô thị ở Việt Nam (Nghiên cứu điển hình các dự án phát triển đường sắt ở thành phố Hà Nội)*. Luận án đã xây dựng và mô hình hóa ảnh hưởng của các nhân tố quản lý tới hiệu quả triển khai dự án sử dụng vốn ODA có ý nghĩa quan trọng đối với các đơn vị tham gia các dự án. Về mặt học thuật, lý luận nghiên cứu đã cung cấp một số đóng góp lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm quan trọng: Thứ nhất, nghiên cứu đã phát triển mới được mô hình đánh giá được các tác động của các nhân tố tới hiệu quả triển khai dự án sử dụng vốn ODA. Nghiên cứu đã phát triển được một mô hình gồm sáu nhân tố tác động tới hiệu quả triển khai dự án là (1) năng lực tài chính; (2) năng lực tổ chức; (3) năng lực điều hành; (4) tầm nhìn của lãnh đạo; (5) khả năng thích nghi và (6) khả năng quản trị rủi ro. Bằng các phương pháp phát triển thang đo tác giả đã thiết lập mới được 36 chỉ tiêu đánh giá cho cả biến hiệu quả dự án và các nhân tố ảnh hưởng.

Trần Thị Hoàng Mai (2015), “*Hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An*”, bài nghiên cứu đã đánh giá hiệu quả đầu tư công của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2005-2013 thông qua tiêu chí về hiệu quả kinh tế (Đóng góp đầu tư công vào phát triển GDP, hiệu suất đầu tư-ICOR), về hiệu quả xã hội của đầu tư công (đóng góp của đầu tư công vào việc nâng cao mức sống người dân và giải quyết công ăn việc làm, đóng góp của đầu tư công vào công tác xóa đói giảm nghèo, đóng góp của đầu tư công vào tăng năng suất lao động địa phương...). Từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Hà Thị Thu (2014), *Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) vào phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam: nghiên cứu tại vùng Duyên hải Miền Trung*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận của ODA đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn, phân tích thực trạng thu hút và sử dụng vốn ODA vào phát triển nông nghiệp, nông thôn tại vùng duyên hải miền Trung. Đề tài chỉ ra kết quả của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ODA được đánh giá qua năm tiêu chí (Sự phù hợp; Hiệu quả; Hiệu suất; Tác động và Bền vững). Tuy nhiên, nghiên cứu này chủ yếu tập trung đánh giá vào khâu thu hút và sử dụng vốn ODA mà chưa đi sâu vào đánh giá hiệu quả. Việc đánh giá chỉ mới tập trung ở thống kê mô tả, chưa đánh giá được những thang đo trong đánh giá đó có độ tin cậy không.

Theo MOFA (2013), Bộ Ngoại giao Nhật Bản thực hiện chương trình đánh giá (đánh giá của bên thứ 3) hàng năm để tăng cường tính minh bạch và thể hiện trách nhiệm với công chúng, cũng như để cải thiện quản lý Hỗ trợ phát triển chính thức. Phiên bản đầu tiên của Hướng dẫn đánh giá ODA được biên soạn vào năm 2003, dựa trên các lý thuyết quốc gia và quốc tế trong đánh giá ODA. Phiên bản thứ 8 của hướng dẫn này được xuất bản sau 7 lần sửa đổi, kết hợp kinh nghiệm của Bộ trong

việc đánh giá ODA và các thông lệ mới nhất. Phiên bản này đã được sửa đổi để cung cấp ví dụ về các đánh giá ODA gần đây và thúc đẩy hệ thống xếp hạng (phân loại hoặc chấm điểm) mà MOFA đã giới thiệu trong một thử nghiệm cơ sở vào các đánh giá từ quan điểm phát triển.

Lê Vinh Danh (2004), *Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh hiện trạng và giải pháp*, Đề tài VKT 03.2004, Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước gồm: Về phân cấp quản lý; Về việc lập kế hoạch; Tổ chức thực hiện kế hoạch; Về kiểm tra - kiểm soát việc thực hiện kế hoạch; Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Xuất phát từ phạm vi và đối tượng nghiên cứu của đề tài là các dự án đầu tư dùng tiền ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh nên hướng nghiên cứu tập trung vào đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đề tài không đi sâu vào nghiên cứu vấn đề quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên những nhận xét, đánh giá và những giải pháp đề tài đưa ra có ý nghĩa tham khảo, mang tính gợi mở cho việc so sánh, nhận định và tác giả luận án vận dụng để đưa ra các giải pháp cho quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

1.2. Những giá trị khoa học được kế thừa và khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Những giá trị khoa học được kế thừa

Thời gian qua đã có nhiều công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Các công trình nghiên cứu về đánh giá quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước ngày càng được quan tâm và có ý nghĩa lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình nêu trên, nghiên cứu sinh có thể kế thừa nhiều giá trị về mặt lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu, cụ thể:

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập khá đầy đủ với việc phân tích và đánh giá đầu tư công, giải pháp quản lý đầu tư công hiệu quả tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ và tại một số lĩnh vực, ngành tại Việt Nam. Các nghiên cứu tập trung vào các nhóm vấn đề chính: khái niệm về đầu tư công, vai trò của đầu tư công với tăng trưởng kinh tế, vai trò của chính phủ trong hoạch định chính sách, nguyên lý đảm bảo chi tiêu công hiệu quả, chính sách đầu tư công các quốc gia, hiệu quả của đầu tư công, quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư sử dụng NSNN. Một số công trình cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh: Điều kiện tự nhiên; Kinh tế xã hội; Cơ chế và chính sách của nhà nước; Nguồn lực con người; Năng lực tài chính; Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành; năng lực nhà thầu thi

công; phương pháp và công cụ quản lý nhà nước. Một số công trình đã đánh giá thực trạng QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh đồng thời bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững, hiệu quả, tác động, phù hợp của một địa phương cấp tỉnh nhằm đưa ra các khuyến nghị chính sách để thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về quản lý đầu tư công nói chung và QLNN đối với đầu tư phát triển từ NSNN đồng thời bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững mà các nền kinh tế đang hướng tới. Đây là những tài liệu tham khảo có giá trị cao khi làm rõ khung lý luận về đầu tư công nói chung, về đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN và QLNN đối với hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN tại một địa phương nói riêng.

Một số công trình trong nước liên quan đến ĐTPT từ nguồn vốn NSNN xem xét đến các khía cạnh: hiệu quả của ĐTPT từ nguồn vốn NSNN, công tác quản lý ĐTPT từ nguồn vốn NSNN trên địa bàn một tỉnh hoặc thành phố hoặc trên cả nước. Hiện nay, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thường tập trung vào hoạt động quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư các lĩnh vực như giao thông, xây dựng, nông nghiệp, thủy lợi, chưa đề cập đến các hoạt động khác trong QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Một số công trình nghiên cứu về quản lý vốn đầu tư cho các lĩnh vực khác nhau của Thái Bình như lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực thủy lợi đã giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn khái quát về thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình, thực trạng quản lý vốn cho đầu tư phát triển của Thái Bình thời gian qua. Tuy nhiên, do giới hạn trong phạm vi nghiên cứu nên các công trình nghiên cứu chỉ tiếp cận một hoặc một số nội dung, một số khía cạnh nhất định của hoạt động ĐTPT từ nguồn vốn NSNN nói chung, ĐTPT từ nguồn vốn NSDP nói riêng. Đây là những tài liệu có giá trị tham khảo cao và gợi mở những ý tưởng nghiên cứu cho luận án về thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Thái Bình. Tuy vậy, việc ứng dụng để đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp quản lý nhà nước đối với ĐTPT từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Thái Bình thì cần phải vận dụng linh hoạt và có những điều kiện nhất định.

1.2.2. Khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước ở những mức độ khác nhau, đều có điểm tương đồng là cải thiện chất lượng hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các công trình nghiên cứu trước đây tập trung nghiên cứu về quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước của một số lĩnh vực như xây dựng cơ bản, nông nghiệp, giao thông và những tác động của nó đến hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước đến kinh tế xã hội. Song cách tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khác nhau: quản lý chi NSNN trong lĩnh vực XD CB, nông nghiệp, giao thông (chú trọng vào dự toán chi ngân sách trong vòng 1 năm); quản lý đầu

tư công (ngoài bộ phận là NSNN đầu tư vào nông nghiệp, giao thông và đầu tư XDCB còn đề cập đến các nguồn vốn khác: từ doanh nghiệp nhà nước và khoản chi dự trữ, viện trợ); hoặc quản lý một khâu trong chu trình quản lý dự án đầu tư XDCB hoặc 1 khâu trong quá trình quản lý vốn (quyết toán hoặc thanh tra)... Vì vậy, khác với các công trình nghiên cứu trước tác giả tiếp cận nghiên cứu này dưới góc độ quản lý kinh tế gắn với quản lý quá trình quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN bao gồm các nội dung cơ bản: Phân cấp Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN và Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN một địa phương cấp tỉnh.

Thứ hai, trong thời gian quan, đặc biệt là từ năm 2020, phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có sự thay đổi lớn để đáp ứng các quy định mới ban hành về đầu tư như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội thay thế Luật Đầu tư công 49/2014/QH13, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản hướng dẫn quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Trong khi các nghiên cứu đề cập trên đều ra đời khá lâu, trong khoảng thời gian chưa ban hành cách văn bản trên hoặc ban hành chưa đầy đủ. Vì vậy, cần có nghiên cứu cập nhật về QLNN đối với hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đã được tích cực hoàn thiện.

Thứ ba, do đối tượng nghiên cứu có sự khác biệt hoặc do tính hạn chế về địa lý và lịch sử, do đặc thù của mỗi ngành nghề lĩnh vực khác nhau, đặc điểm của mỗi địa phương khác nhau cũng như sự biến động nhanh chóng của kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, do đó những dự báo đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước cũng như những nhân tố ảnh hưởng và quy trình quản lý cũng có những thay đổi. Một số nghiên cứu những tác động của hoạt động đầu tư tới kinh tế xã hội của Việt Nam hoặc địa phương trong và ngoài nước trong một khoảng thời gian nhất định. Một số công trình nghiên cứu dù có hướng tiếp cận khá gần, song phạm vi nghiên cứu rộng hơn (quản lý chi tiêu công, quản lý đầu tư công hoặc đầu tư phát triển của dự án đầu tư) hoặc hẹp hơn (trong phạm vi nội bộ Bộ, địa phương hoặc theo ngành kinh tế), trong khi đó luận án của tác giả chỉ nghiên cứu quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN của địa phương, không gồm các nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước, vốn tín dụng đầu tư nhà nước; nghiên cứu tổng thể nguồn vốn NSNN bao gồm cả cấp trung ương, địa phương, cấp cho các ngành kinh tế, do vậy việc thu thập số liệu hay đánh giá của tác giả cũng mang tính tổng quát hơn. Từ đó, những giải pháp nâng cao hiệu

qua QLNN về đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN nói chung không còn phù hợp với tình hình thực tiễn cả ở cấp Trung ương và cấp địa phương.

Hơn nữa, về không gian nghiên cứu, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách trực tiếp, đầy đủ, toàn diện về QLNN đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình cũng như những yếu tố tác động đến QLNN đối với hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Thông qua tổng quan, luận án cũng đã chỉ ra được những khoảng trống nghiên cứu để phục vụ cho việc nghiên cứu trong quá trình xây dựng luận án của nghiên cứu sinh, đồng thời cũng khẳng định tính cấp thiết và có ý nghĩa của đề tài nghiên cứu. Xuất phát từ nghiên cứu tổng quát về điểm tương đồng, những vấn đề chưa được nghiên cứu nêu trên, hoạt động nâng cao hiệu quả Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN tại Thái Bình khắc phục những bất cập trong khoảng trống nghiên cứu, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

1.3. Phương pháp nghiên cứu của luận án

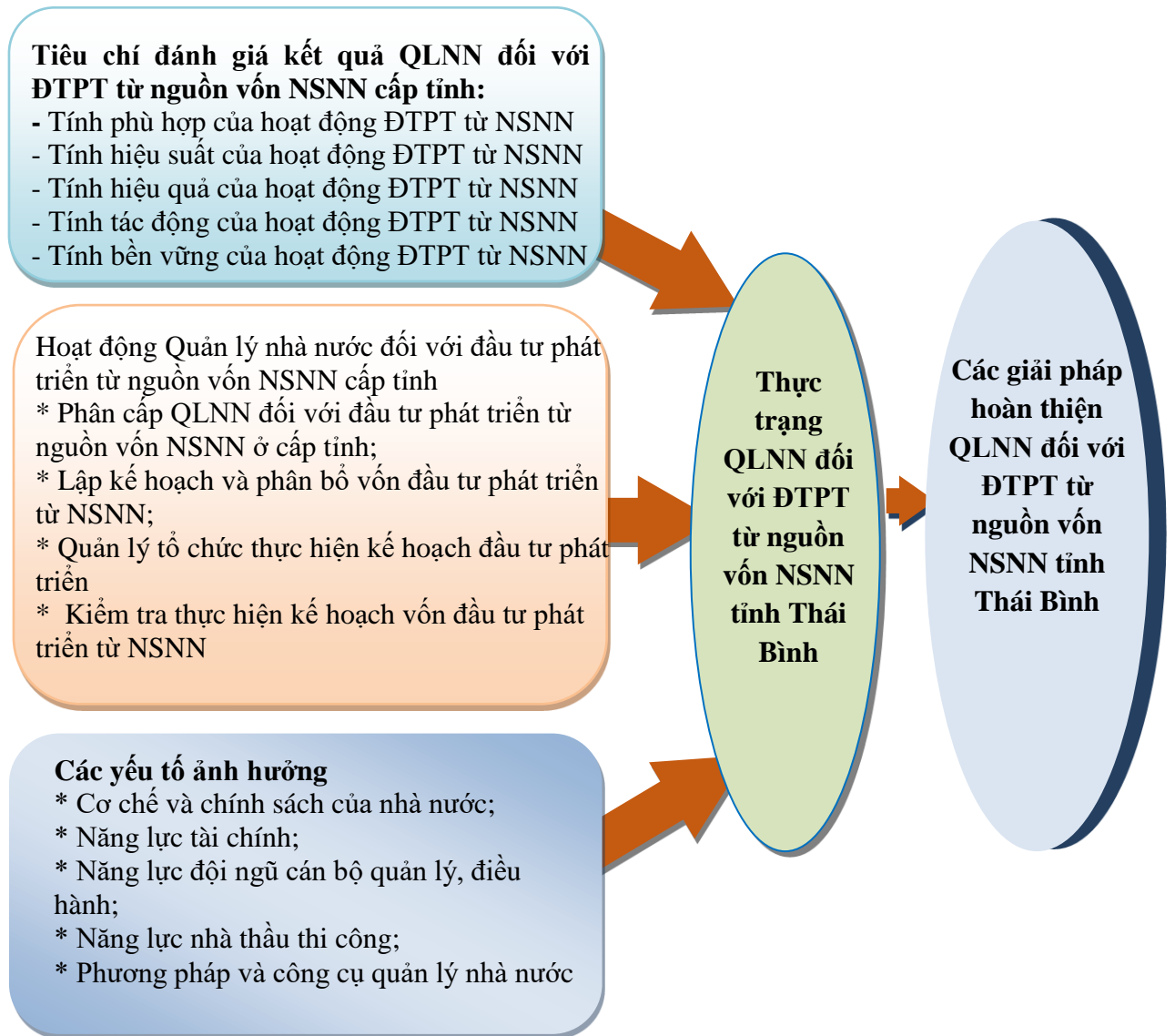
1.3.1. Cách tiếp cận và quy trình nghiên cứu của luận án

Cách tiếp cận nghiên cứu của luận án: Khác với các công trình nghiên cứu trước đây khi tiếp cận nghiên cứu này dưới góc độ quản lý chu trình ngân sách nhà nước với dự án đầu tư công (Lập dự toán và phân bổ vốn đầu tư, Cấp phát và thanh toán vốn đầu tư; (iv) Quyết toán vốn đầu tư từ NSNN; (v) Kiểm tra, kiểm soát quản lý vốn đầu tư từ NSNN) hoặc theo các giai đoạn của chu trình dự án (Đấu thầu, Triển khai thực hiện dự án, Kiểm tra đánh giá dự án và Thanh lý dự án), đề tài tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ quản lý kinh tế hay quản lý nhà nước với hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, cụ thể luận án tiếp cận theo chu trình quản lý với dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: (i) Phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; (ii) Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; (iii) Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; và (iv) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống kết hợp với phương pháp hiện đại, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng để phân tích thực trạng nội dung thực hiện hoạt động quản lý nhà nước và các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp từ nguồn dữ liệu thứ cấp qua báo cáo về đặc điểm kinh tế xã hội, thực trạng thu, chi ngân sách, thực trạng đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của UBND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình hiện nay và qua điều tra xã hội học với sự hỗ trợ của các phần mềm phân tích dữ liệu để tiến hành phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái

Bình liên quan đến luận án. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp để phân tích và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình hiện nay.

Quy trình nghiên cứu của luận án: Để thực hiện luận án, trước hết, nghiên cứu sinh cần xác định được mục tiêu, câu hỏi, nội dung cần nghiên cứu; xác định hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu luận án. Tiếp đó, để có dữ liệu nghiên cứu luận án, nghiên cứu sinh tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. Các số liệu thứ cấp sử dụng trong đề tài được lấy từ các báo cáo chính thức của các Bộ/ngành liên quan, các báo cáo của UBND tỉnh, các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư của Thái Bình và từ nguồn thu thập thông tin đi khảo sát thực tế và trong các bài báo, bài nghiên cứu, hội thảo chuyên ngành. Các số liệu và phân tích chính sách được dùng để phân tích từ năm 2016 đến năm 2022 và các giải pháp kiến nghị đề xuất trước hết cho giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến những năm tiếp theo. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phiếu điều tra các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước tại Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cán bộ tại các huyện của tỉnh Thái Bình. Sau khi thu thập xong dữ liệu, nghiên cứu sinh tiến hành xử lý dữ liệu điều tra, đối với dữ liệu sơ cấp thì làm sạch phiếu, tổng hợp, xử lý dữ liệu và đánh giá điểm trung bình và độ lệch chuẩn; đối với dữ liệu thứ cấp thì phân loại theo nội dung nghiên cứu để thuận lợi cho quá trình nghiên cứu, đánh giá. Sau khi hoàn thiện hệ thống dữ liệu, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu theo chuyên đề của đề tài luận án. Sau khi hoàn thiện các chuyên đề của luận án, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu tổng hợp và viết luận án theo quy định. Phương pháp thống kê mô tả được tác giả sử dụng phổ biến trong chương 3 nhằm phân tích quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình về Số lượng dự án và lĩnh vực dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã tiến hành thanh tra, kiểm tra của tỉnh Thái Bình, Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các ngành, lĩnh vực của tỉnh Thái Bình và nguồn vốn cho đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình trong giai đoạn 2016-2022.

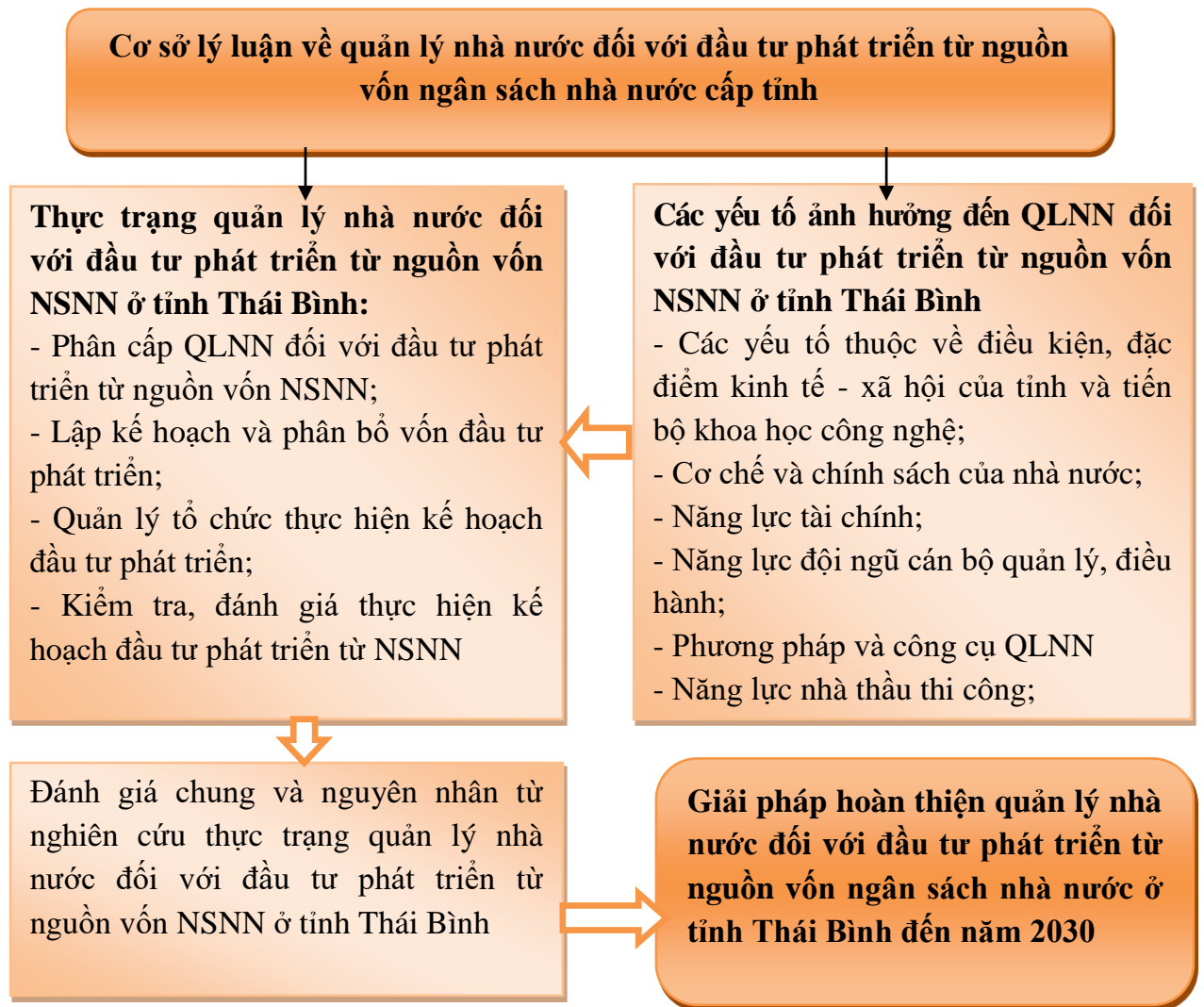
Hình 1.1: Sơ đồ khung nghiên cứu của luận án



Nguồn: Nghiên cứu sinh xây dựng

Để thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu nghiên cứu đã đề ra đối với nghiên cứu này, đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn, phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa và phương pháp quy nạp, từ những công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố. Đề tài lựa chọn phương pháp tiếp cận, nghiên cứu dưới góc độ Quản lý nhà nước. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của đề tài gồm: phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích dữ liệu. Dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài gồm dữ liệu thứ cấp và sơ cấp và với mỗi dữ liệu đó có phương pháp thu thập và phân tích riêng. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả dùng phương pháp sử dụng mô hình lý thuyết do Saunders, M., Lewis, P. và Thornhill, A.(2010) đề xuất. Với phương pháp này, tác giả sử dụng mô hình phân tích như sau :

Hình 1.2: Quy trình thực hiện đề tài luận án



Nguồn : Nghiên cứu sinh tổng hợp theo Saunders và Thornhill,A. (2010)

Phương pháp phân tích và tổng hợp từ nguồn tài liệu trong và ngoài nước: thu thập các tài liệu liên quan trên 2 hướng, tài liệu lý luận có tính hàm lâm về nội dung quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của một địa phương nói riêng, các tài liệu có tính tổng kết thực tiễn và thực hành quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một địa phương trong và ngoài nước. Cụ thể đó là dữ liệu thứ cấp thu thập từ dữ liệu thứ cấp thu thập từ hệ thống EBSCO host, ScienceDirect với các bài báo, tạp chí uy tín trên thế giới, các luận án tiến sĩ, các giáo trình trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý vốn ngân sách nhà nước, sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển.

Phương pháp phân tích: Phân tích trước hết là phân chia cái toàn thể của đối tượng nghiên cứu thành những bộ phận, những mặt, những yếu tố cấu thành giản đơn hơn để nghiên cứu, phát hiện ra từng thuộc tính và bản chất của từng yếu tố đó, và từ đó giúp chúng ta hiểu được đối tượng nghiên cứu một cách mạch lạc hơn, hiểu được

cái chung phức tạp từ những yếu tố bộ phận ấy. Nhiệm vụ của phân tích là thông qua cái riêng để tìm ra được cái chung, thông qua hiện tượng để tìm ra bản chất, thông qua cái đặc thù để tìm ra cái phổ biến. Tác giả sử dụng phương pháp này nhằm phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022 trên cơ sở dữ liệu đã được thống kê mô tả, nhằm tìm ra những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém, đồng thời xác định các nguyên nhân của những hạn chế tồn tại và đề xuất các giải pháp cho công tác này trong giai đoạn tiếp theo.

1.3.2. Xây dựng thang đo nghiên cứu của luận án

Trình tự thực hiện đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình bao gồm: xây dựng thang đo nghiên cứu, phỏng vấn lấy ý kiến chuyên gia và hiệu chỉnh thang đo.

- Thang đo đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình được áp dụng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Ngoại giao Nhật Bản (MOFA), của tác giả Lê Công Thanh (2022), Trịnh Thị Hằng (2020), các nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011), S. Pindyck và L. Rubinfeld (1995), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013). Thang đo gồm 5 tiêu chí được hiệu chỉnh phù hợp với điều kiện áp dụng ở tỉnh Thái Bình. Thang đo đánh giá chung được xây dựng trên cơ sở tổng hợp lại các thang đo đã được khẳng định và thực chứng bằng việc phân tích dữ liệu khảo sát. Các câu hỏi nhằm có được nhận định chung của đối tượng khảo sát về từng tiêu chí, sau đó được thực hiện công việc phân tích thống kê mô tả.

- Việc xin ý kiến tham vấn các chuyên gia về thang đo đánh giá được thực hiện thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia đã có quá trình tham gia quản lý, điều hành các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Số lượng chuyên gia được phỏng vấn là 10 người gồm có: 08 nhà khoa học trong các cơ sở đào tạo, là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hay các nhà khoa học đang giảng dạy hoặc nghiên cứu về lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý công, 02 chuyên gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình (Phụ lục 3,4,5). Sau khi phỏng vấn các chuyên gia, nội dung các câu hỏi được bổ sung và hiệu chỉnh.

Để thu thập thông tin liên quan đến đề tài, bảng câu hỏi của phiếu khảo sát được thiết kế gồm phần thông tin cá nhân của người được phỏng vấn như Giới tính, Trình độ, Tên hoạt động đầu tư phát triển và Thời gian công tác của người được phỏng vấn. Phần nội dung chính được thiết kế để thu thập những thông tin về nội dung điều tra khảo sát: đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Nội dung các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình là nội dung quan trọng, phức tạp, đòi hỏi người được phỏng vấn phải có hiểu biết sâu về chuyên ngành nghiên cứu.

Bảng 1.1: Thang đo khảo sát đánh giá hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Tiêu chí	Nội dung ý kiến	Ký hiệu	Nguồn
Phù hợp (Relevance)	Tính phù hợp của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Mục tiêu dự án nhất quán với định hướng, định hướng phát triển trong thời gian tới của địa phương, quốc gia.</i>	PH1	Trịnh Thị Hằng (2020), MOFA, Hà Thị Thu (2014)
Hiệu quả (Effectiveness)	Tính hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Dự án có tiến độ thực hiện đảm bảo theo kế hoạch đặt ra và hoàn thành đúng hạn và sau khi kết thúc, dự án đã đạt được các mục tiêu đề ra ban đầu.</i>	HQ1	Trịnh Thị Hằng (2020), MOFA, Hà Thị Thu (2014), Vũ Quang Phiến (2019)
Hiệu suất (Efficiency)	Tính hiệu suất của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: - <i>Chi phí xây dựng thực tế đồng nhất (có mức tăng giảm không đáng kể) với chi phí xây dựng trên kế hoạch.</i> - <i>Trong chi phí dành cho việc xây dựng, về mặt tổng thể, dự án đã thanh toán kịp thời cho bên cung ứng nguyên vật liệu và nhân công (không có tình trạng chây ì thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lương, nợ nguyên vật liệu...)</i>	HS1	Trịnh Thị Hằng (2020), MOFA, Hà Thị Thu (2014)
Tác động (Impact)	Tính tác động của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Có sự thay đổi rõ rệt về công nghiệp hoặc sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương kể từ thời điểm hoàn thành dự án cho đến nay. Thông qua dự án này, có sự tác động tích cực đến GRDP của tỉnh Thái Bình.</i>	TD1	Trịnh Thị Hằng (2020), MOFA, Hà Thị Thu (2014)
Bền vững (Sustainability)	Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Thời điểm hoàn công, đã có kế hoạch thực tế thỏa đáng về việc duy trì và bảo dưỡng thuộc dự án này và các cấp có liên quan sẽ thực hiện cam kết đảm bảo các yêu cầu trong vận hành, bảo dưỡng, bảo vệ các công trình, dự án sau khi đã được bàn giao.</i>	BV1	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2013), (Trịnh Thị Hằng (2020), MOFA, Hà Thị Thu (2014)

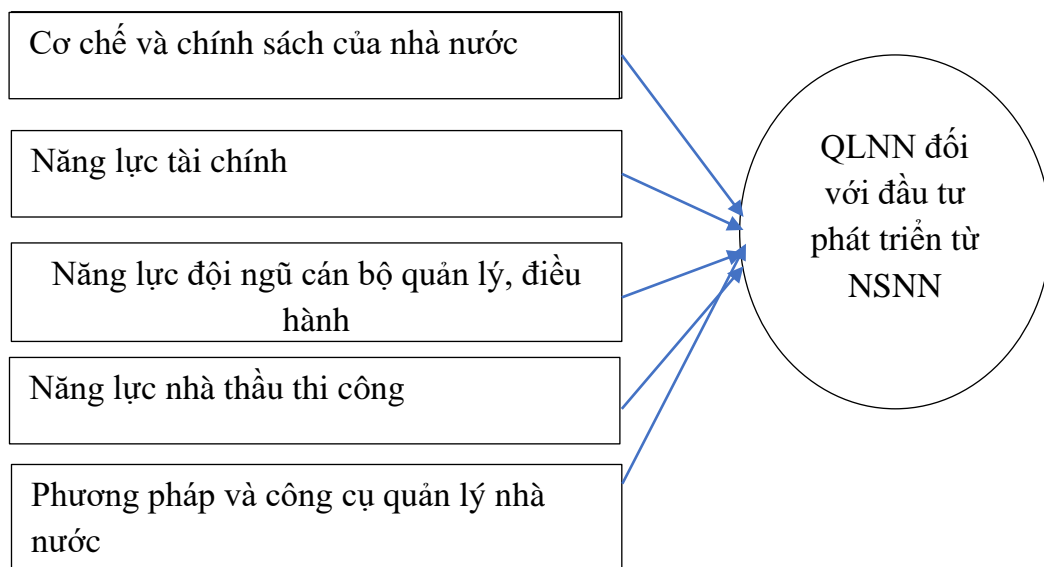
(Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của nghiên cứu sinh)

Qua các nghiên cứu nghiên cứu sinh đã tổng hợp, việc đánh giá hiệu quả dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là một quá trình thẩm định có tính hệ thống và khách quan nhằm xem xét quá trình thiết kế, thực hiện và kết quả của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Theo OECD - DAC (1991), MOFA (2013), Hà Thị Thu (2014) và Trịnh Thị Hằng (2020) đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong đó có năm tiêu chí

(Sự phù hợp; Hiệu quả; Hiệu suất; Tác động và Bền vững) được tác giả sử dụng trong nghiên cứu của mình. Xem xét những lợi ích của việc thực hiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sẽ được duy trì hoặc mở rộng như thế nào khi hoạt động đầu tư phát triển kết thúc. Tính bền vững thể hiện ở những khía cạnh ngay khi hoạt động đầu tư phát triển còn đang thực hiện có được tạo điều kiện về thể chế, chính sách cho sự phát triển tiếp theo của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sau khi hoàn thành. Tiêu chí này xem xét sự tiếp tục hưởng lợi từ một can thiệp phát triển sau khi những hỗ trợ phát triển đã kết thúc, hoặc khả năng để một dự án tiếp tục có lợi ích lâu dài. (OED-WB 2001), (OECD-DAC, 2002), (SIDA, 2004), Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2013) và (Hà Thị Thu, 2014). Qua nghiên cứu các tiêu chí “hiệu quả”, “hiệu suất”, “tác động”, “phù hợp” và “bền vững” và trên cơ sở phạm vi nghiên cứu của luận án là “*Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình*”, đề tài sẽ đánh giá việc Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách: (i) Xem xét tính phù hợp của các mục tiêu của Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách với các vấn đề thực tế, các nhu cầu và những ưu tiên cho các mục tiêu đầu tư phát triển của địa phương; (ii) Xem xét tác động của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách đến chính sách, con người, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ,... của tỉnh Thái Bình như thế nào?; (iii) Xem xét liệu hiệu quả Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách có đạt được theo các mục tiêu đã đặt ra hay không? (iv) Xem xét hiệu suất của Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách và (v) Xem xét tính bền vững của Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách.

Các nghiên cứu trước đây tập trung vào việc xác định các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả Quản lý vốn ngân sách nói chung và ảnh hưởng của vốn ngân sách nhà nước tới tăng trưởng kinh tế mà thiếu vắng những nghiên cứu đánh giá các nhân tố tác động tới hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình, nghiên cứu sinh xuất phát từ những nghiên cứu về các nhân tố khác nhau ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án như: Era Flyvbjerg (2003), Esfahani và Ramirez (2003), Haque và Kneller (2008), Dabla-Noris và cộng sự (2011), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), trong những nghiên cứu đó đã chỉ ra rằng thể chế, mức độ quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước hay Cơ chế và chính sách của nhà nước... có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận đầu tư cũng như hiệu quả của các dự án đầu tư. Baral (2005); Kouser và cộng sự, (2011) đã nhận định năng lực tài chính chính là khả năng quản trị tài chính, tạo quỹ và dòng tài chính để đảm bảo công việc. Đảm bảo năng lực tài chính tốt là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động. Nhân tố năng lực của các bên tham gia và hoạt động đầu tư phát triển (đội ngũ cán bộ quản lý,

điều hành, nhà thầu thi công ...) được đề cập đến trong các nghiên cứu của Robert S.pindyck và Daniel L.Rubinfeld (1995), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013). Nếu năng lực, trình độ và kinh nghiệm của các đơn vị này tốt sẽ có tác động tích cực tới kết quả hoạt động đầu tư cũng như hiệu quả sử của dự án. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu tiền nhiệm kết hợp với bước nghiên cứu định tính và tham vấn ý kiến các chuyên gia, trong luận án này nghiên cứu sinh đề xuất các yếu tố tác động đến công tác QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình bao gồm: (1) Cơ chế và chính sách của nhà nước; (2) Năng lực tài chính; (3) Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành; (4) Năng lực nhà thầu thi công; (5) Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước.



(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

Hình 1.3: Các yếu tố ảnh hưởng tới Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Thang đo các yếu tố ảnh hưởng được xây dựng dựa vào tổng hợp từ các nghiên cứu tiền nhiệm và đặc biệt tham vấn ý kiến các chuyên gia. Các câu hỏi đánh giá về Cơ chế và chính sách của nhà nước được tổng hợp từ các nghiên cứu của (Lê Công Thanh (2022), Nguyễn Thị Lan Anh (2015)); các câu hỏi đánh giá về Năng lực tài chính của dự án được tác giả tham khảo từ nghiên cứu của (Trần Đình Nam, 2017), (Cù Thanh Thủy, 2018). Thang đo đánh giá mức độ tác động của Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành và Năng lực nhà thầu thi công đến hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển được tổng hợp từ nghiên cứu của Cù Thanh Thủy (2018) và nhiều nhà nghiên cứu khác. Thang đo Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước được tổng hợp từ các nghiên cứu của Lê Công Thanh (2022), Nguyễn Thị Lan Anh (2015)). Các thang đo này được thể hiện ở bảng 5 và được đưa vào phiếu điều tra đối với đối tượng cán bộ

tham gia QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu của Lê Công Thanh (2022), Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến của chuyên gia, luận án đã xây dựng thang đo nhân tố tác động đến hiệu quả Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình ở tầm vi mô gồm năm nhân tố: Cơ chế và chính sách của nhà nước, Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, Năng lực nhà thầu thi công, Năng lực tài chính và Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước.

Bảng 1.2: Thang đo khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Tiêu chí	Mã hóa	Phát biểu dùng để khảo sát đối tượng cán bộ quản lý	Nguồn
Cơ chế và chính sách của nhà nước	DBCS1	Chính sách, chiến lược đầu tư phát triển được xây dựng trên các căn cứ rõ ràng, được hoạch định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ?	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020), Nguyễn Quốc Toàn (2018), Lê Vinh Danh (2004),
	DBCS2	Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phù hợp với cơ chế, chính sách quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam?	
	DBCS3	Môi trường pháp luật trong quy hoạch, kế hoạch, lập thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng	
	DBCS4	Khi xây dựng chương trình đầu tư phát triển tại địa phương thường lường trước những rủi ro chính sách trong thời gian thực hiện dự án?	
	DBCS5	Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được ban hành kịp thời, đảm bảo đáp ứng tình hình thực tế?	
	DBCS6	Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện kịp thời so với yêu cầu tiến độ mà dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đặt ra?	
	DBCS7	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án; tăng cường sự giám sát đối với các dự án ở Thái Bình đã được chú trọng?	
Năng lực tài chính	NLTC1	Trong các giai đoạn thực hiện hoạt động đầu tư phát triển tiến độ giải ngân vốn ngân sách nhà nước luôn theo đúng kế hoạch đề ra?	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ
		Luôn có vốn dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra trong	

	NLTC2	từng dự án?	Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
	NLTC3	Vốn NSNN cho các hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn?	
	NLTC4	Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích?	
Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành	NLCB1	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại?	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
	NLCB2	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành và nắm vững tình hình thực tế của các dự án?	
	NLCB3	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ?	
	NLCB4	Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các hoạt động đầu tư phát triển đã được kiểm soát chặt chẽ?	
Năng lực nhà thầu thi công	NLNT1	Năng lực của đơn vị thi công trong nước: điều kiện con người, trình độ quản lý, trang thiết bị ... đã đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động đầu tư phát triển tại Thái Bình	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và tham vấn ý kiến chuyên gia
	NLNT2	Việc nhà thầu chính thuê các nhà thầu phụ đã đảm bảo theo đúng các điều kiện quy định tại hợp đồng các hoạt động đầu tư phát triển tại Thái Bình	
	NLNT3	Khi triển khai dự án, nhà thầu đã sử dụng các nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chấp thuận để thi công với sự quản lý giám sát chặt chẽ về mặt tiến độ, chất lượng cũng như an toàn trong quá trình thi công?	
	NLNT4	Trước khi thi công bất kỳ hạng mục nào, Nhà thầu đều tổ chức phổ biến kiến thức an toàn, kiểm tra các máy móc thiết bị và chỉ dẫn chi tiết cho cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường nhằm mục đích hoàn thành giai đoạn thi công một cách hiệu quả mà không có bất kỳ tai nạn hay sự cố nào xảy ra?	

	NLNT5	Trong quá trình thi công, Nhà thầu đã tuân thủ theo đúng yêu cầu của dự án, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Bản vẽ thi công, Biện pháp thi công được duyệt, không có sự cố lớn nào xảy ra; tất cả các khiếm khuyết nhỏ đều được Nhà thầu sửa chữa, khắc phục đảm bảo chất lượng, được Tư vấn chấp thuận; Hồ sơ chất lượng được thể hiện rõ trong hồ sơ hoàn công	
Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước	CCQL1	Tổ chức và công cụ kiểm soát dự án, bao gồm việc theo dõi tiến độ, nguồn lực, và ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch và hiệu quả	Lê Công Thanh (2022), Nguyễn Thị Lan Anh (2015), Ngô Hoài Sơn & Nguyễn Lê Kim Kiều (2022), Lê Vinh Danh (2004), Nguyễn Quốc Toàn (2018), và tham vấn ý kiến chuyên gia
	CCQL2	Công tác theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững	
	CCQL3	Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả	

(Nguồn: Đề xuất của nghiên cứu sinh)

1.3.3. Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu

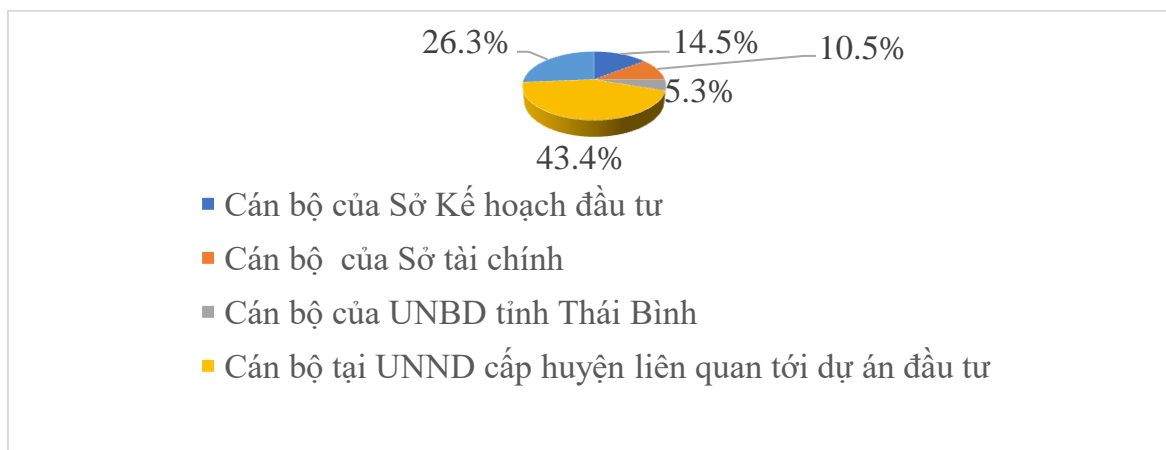
Thu thập dữ liệu thứ cấp: Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là phương pháp được sử dụng để nghiên cứu xuyên suốt toàn bộ đề tài. Tác giả sử dụng các niên giám thống kê, các báo cáo kinh tế - xã hội có liên quan từ năm 2016 đến nay. Nghiên cứu sinh tiến hành tổng hợp các thông tin đã chọn lọc nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, khái quát lý thuyết, nhận định về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình khoa học, các số liệu thống kê đã được công bố, các báo cáo tổng hợp từ các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND, HĐND tỉnh Thái Bình, Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình, báo cáo hàng năm của các phòng kinh tế huyện Đông Hưng; Hưng Hà; Kiến Xương; Quỳnh Phụ; Thái Thụy; Tiền Hải; Vũ Thư và thành phố Thái Bình liên quan đến dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Phương pháp tổng hợp, thống kê và phân tích kinh tế được sử dụng để tổng hợp và thống kê, phân tích những dữ liệu một số chỉ tiêu kinh tế và xã hội của việc quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.

Thu thập dữ liệu sơ cấp: Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp điều tra, khảo sát thông qua “Phiếu khảo sát” đối với các cá nhân có liên quan đến

công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình. Để thiết kế “Phiếu khảo sát/Bảng hỏi” tác giả dựa trên các khái niệm từ quá trình tổng quan nghiên cứu, kết hợp với phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phương pháp chuyên gia. Để thu thập dữ liệu sơ cấp, nghiên cứu sinh tiến hành điều tra khảo sát bằng bảng hỏi nhóm đối tượng là Cán bộ quản lý có liên quan đến các chương trình, dự án đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước. Vì đối tượng khảo sát là các cá nhân tham gia trực tiếp quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình nên việc điều tra, khảo sát tác giả thực hiện dưới 02 hình thức đó là:

Phát “Phiếu khảo sát” trực tiếp cho các cá nhân ngay tại các phòng làm việc của họ. Với hình thức khảo sát trực tiếp này tốn chi phí vì tác giả phải mất thời gian công sức đi lại nhưng độ chính xác sẽ cao và thời gian thu thập “Phiếu khảo sát” phản hồi của đối tượng khảo sát sẽ nhanh vì họ có thể trả lời ngay lập tức và nếu có thắc mắc gì trong quá trình trả lời thì tác giả có thể giải thích được ngay cho họ. Gửi “Phiếu khảo sát” qua thư điện tử bằng cách gửi đường Link bảng câu hỏi thông qua phần mềm hỗ trợ Survey Monkey. Với hình thức khảo sát online này là không tốn chi phí cho tác giả nhưng tác giả bắt buộc phải thu thập được địa chỉ Email chính xác của các đối tượng cần khảo sát.

Cách thức chọn mẫu và quá trình thực hiện điều tra: Nghiên cứu sinh lấy mẫu theo nguyên tắc của Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2011), cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức là $n=50+8*m$ (trong đó n là cỡ mẫu, m là số biến độc lập). Như vậy, số lượng mẫu tối thiểu cho nghiên cứu của tác giả là $50+8*5=90$ mẫu đối với cán bộ quản lý dự án đầu tư phát triển và cán bộ quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Thái Bình. Việc lựa chọn nhóm đối tượng này để khảo sát nhằm thu thập đa dạng các ý kiến, đưa ra đánh giá từ nhiều góc nhìn khác nhau, nội dung câu hỏi có tính bao quát, tổng hợp và phức tạp hơn vì đây là những người có hiểu biết sâu về vấn đề đang nghiên cứu. Luận án không tiến hành khảo sát đối tượng người dân thụ hưởng các chương trình, dự án đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước như một số công trình khác, do các câu hỏi trong bảng hỏi phải trực tiếp cán bộ làm trong cơ quan nhà nước mới hiểu rõ quy trình quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trong nghiên cứu này, nghiên cứu sinh chọn mẫu ngẫu nhiên. Theo đó, chọn mẫu ngẫu nhiên là phương pháp chọn mẫu mà tất cả các đơn vị của tổng thể đều có khả năng chọn lọc như nhau. Đây là phương pháp tối ưu nhất để cho phép chọn ra một mẫu có khả năng đại biểu cho tổng thể. Trước tiên, nghiên cứu sinh phân chia tổng thể thành các tổ theo một vài tiêu thức có liên quan đến mục đích nghiên cứu, sau đó trong từng nhóm, dùng cách chọn mẫu ngẫu nhiên để chọn ra các đối tượng khảo sát. Đối với chọn ở mỗi đơn vị không tuân theo tỷ lệ cố định.



Hình 1.4. Thống kê mẫu khảo sát nghiên cứu

Nguồn: Tổng hợp nghiên cứu của nghiên cứu sinh

Trong luận án, nghiên cứu sinh phát tổng số 175 phiếu, thu về 175 phiếu, loại bỏ 23 phiếu điều tra không đáp ứng được các yêu cầu về nội dung thông tin cần được khảo sát, giữ lại 152 phiếu (chiếm tỷ lệ 86,8%) đạt yêu cầu để thực hiện các phép toán thống kê. Trong số 152 cán bộ quản lý hoặc liên quan tới dự án đầu tư phát triển được khảo sát, cán bộ của Sở KH&ĐT là 14,5%, cán bộ của Sở Tài chính là 10,5%, cán bộ tại UBND tỉnh là 5,3%, cán bộ tại UBND huyện và thành phố là 43,4% và Cán bộ quản lý dự án đầu tư là 26,3%. Như vậy, trong luận án tổng quy mô mẫu khi điều tra là 152 > 90 là phù hợp và đảm bảo. Phương pháp khảo sát, phạm vi và đối tượng khảo sát được trình bày ở trên. Dữ liệu sau khi được điều tra, thu thập về sẽ tiến hành mã hóa, kiểm tra. Kết quả thu được sẽ được làm sạch và xử lý với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0. Sau khi xem xét, loại bỏ các mẫu không phù hợp, số liệu được xử lý bằng máy tính theo các chỉ tiêu tương ứng. Nghiên cứu sinh đã điều tra chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, một trong các hình thức chọn mẫu phi xác suất, tác giả có thể chọn những đối tượng nghiên cứu có thể tiếp cận được (một số dự án đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình 2019 - 2022). Thời gian thực hiện khảo sát được tiến hành từ tháng 03/2022 đến tháng 06/2022.

Phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu: Phương pháp định tính, nghiên cứu định tính là phương pháp mô tả và phân tích đặc điểm văn hóa và hành vi của các đối tượng từ quan điểm của nhà nghiên cứu. Nghiên cứu định tính cung cấp thông tin toàn diện về đặc điểm của môi trường xã hội nơi nghiên cứu được thực hiện. Trong nghiên cứu này, nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính là thu thập và phỏng vấn. Đối với dữ liệu từ hoạt động thu thập, nghiên cứu sinh tiến hành phân tích kiểm tra dựa theo các tiêu chí về tính chính xác, tính phù hợp và tính cập nhật. Sau đó, các dữ liệu được đối chiếu, so sánh để thu được thông tin đảm bảo nhất quán và phản ánh đúng nội dung phân tích. Kết hợp phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp nghiên cứu so sánh nhằm phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình hiện nay. Từ những dữ liệu thu

thập được, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu, tổng hợp và phân loại các thông tin theo từng nội dung cụ thể theo định hướng và logic nghiên cứu. Phương pháp tổng hợp giúp tác giả đưa ra những nhận định và đánh giá khái quát về vấn đề nghiên cứu trong luận án. Tác giả đã sử dụng phương pháp này để thu thập, tổng hợp số liệu về thực trạng thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022.

Phương pháp so sánh: Phương pháp so sánh được sử dụng trong quá trình đánh giá các kết quả điều tra, phân tích, tổng hợp cũng như xu hướng biến động tăng giảm của các kết quả đó so với các mốc. Phụ thuộc vào mục tiêu, các mốc so sánh sẽ được xác định phù hợp với các điều kiện có thể so sánh được. Có 2 loại mốc cơ bản, bao gồm (i) mốc thời gian (kỳ kế hoạch, kỳ trước, cùng kỳ năm trước...) và (ii) mốc không gian (so với bộ phận chi tiết, so với tổng thể, so với đơn vị khác có điều kiện tương đương...). Các mốc được lựa chọn so sánh gọi là kỳ gốc, còn khoảng thời gian, không gian được chọn để phân tích là kỳ phân tích. Thông qua so sánh, nghiên cứu sinh có thể biết được kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra và mức độ cụ thể của từng chỉ tiêu cần phân tích. Dựa vào các kết quả này, nghiên cứu sinh tiến hành xây dựng các giải pháp, kiến nghị khắc phục hạn chế, thiếu sót còn tồn tại. Nghiên cứu sẽ lựa chọn so sánh thực trạng đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong thời gian từ năm 2016 đến nay để rút ra những bài học thành công và thất bại về quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đặc biệt là có sự so sánh và bài học kinh nghiệm một số tỉnh, thành phố làm tốt công tác nói trên. Phương pháp chuyên gia và lấy ý kiến các UBND tỉnh và Sở ban ngành của địa phương: được tiến hành nhằm mục đích thu nhận các ý kiến đóng góp của các nhà đầu tư, các nhà khoa học tại các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, đại diện các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,... về quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc và các giải pháp kiến nghị.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng để lượng hóa mối quan hệ giữa các biến trong mô hình nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình (Gồm: 05 biến độc lập là: Cơ chế và chính sách của nhà nước; Năng lực tài chính; Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành; Năng lực nhà thầu thi công; Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước và 01 biến phụ thuộc là: Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình); và đánh giá điểm số trung bình các yếu tố thông qua việc sử dụng các công cụ phân tích thống kê. Nghiên cứu sinh lượng hóa các hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình theo quy trình thực hiện và đánh giá kết quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua qua 5 tiêu chí (tiêu chí “hiệu quả”, “hiệu suất”, “tác động”, “phù hợp” và “bền vững”). Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp thống kê mô tả được thực hiện với cách tiếp cận hệ thống dữ liệu

thứ cấp bằng các tài liệu tham khảo, số liệu thông tin thực tế thu thập ở tỉnh Thái Bình. Là phương pháp tập hợp, so sánh những thông tin đã thu thập được về hiện tượng nghiên cứu nhằm làm cơ sở cho việc tổng hợp, phân tích các hiện tượng cần nghiên cứu.

Đối với số liệu khảo sát bảng hỏi, sau khi thu thập được tất cả các phiếu trả lời theo các hình thức khác nhau, nghiên cứu sinh tổng hợp lại số lượng các bảng hỏi và loại đi những phiếu trả lời không hợp lệ, chủ yếu do sai đối tượng điều tra và các phiếu không được điền đủ thông tin cần thiết. Các số liệu thu thập, khảo sát sẽ được phân tích trên phần mềm xử lý số liệu thống kê xã hội học SPSS 20.0 và được tổng hợp và phân tích, so sánh trên bảng Excel để đưa ra các kết luận về thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Sau khi xem xét, loại bỏ các mẫu không phù hợp, số liệu được xử lý bằng máy tính theo các chỉ tiêu tương ứng. Sử dụng các bảng tần suất để đánh giá những đặc điểm cơ bản của mẫu điều tra thông qua việc tính toán các tham số thống kê như: giá trị trung bình (Mean), sử dụng các bảng tần suất mô tả sơ bộ các đặc điểm của mẫu nghiên cứu.

Thang đo khảo sát sau khi có sự hiệu chỉnh theo ý kiến các chuyên gia được mã hóa, chi tiết thành từng ý kiến để người trả lời dễ quan sát và đưa ra nhận định. Nghiên cứu sinh sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để thực hiện nghiên cứu nội dung đề tài, cụ thể: Hoàn toàn không đồng ý, Không đồng ý, Phân vân, Đồng ý, Hoàn toàn đồng ý. (Mẫu phiếu điều tra khảo sát đối với các cán bộ tham gia công tác quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình được thể hiện ở phụ lục số 1). Mức độ đánh giá từ 1 đến 5 được sắp xếp theo hướng tăng dần mức độ đồng ý của người được phỏng vấn đối với các tiêu chí đánh giá hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình và về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình. Do đó, để thuận tiện cho việc nhận xét khi sử dụng giá trị trung bình (Mean) đánh giá mức độ đồng ý đối với từng yếu tố tác giả quy ước:

Bảng 1.3: Quy ước khoảng đo giá trị trung bình của mức đánh giá của đề tài luận án

Thang đo	Khoảng đo	Mức đánh giá
5	4,21-5,0	Cao
4	3,41 – 4,20	Khá
3	2,61 – 3,40	Trung bình
2	1,81 – 2,60	Thấp
1	1,0 – 1,80	Rất thấp

(Nguồn: Thang đo Likert và Nguyễn Thị Hà (2022))

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH

2.1. Một số lý luận cơ sở về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh

2.1.1. Khái niệm về đầu tư, đầu tư phát triển, đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.1.1.1. Khái niệm đầu tư phát triển

Hiểu theo nghĩa rộng, trên quan điểm vĩ mô, các tác giả William F. Sharpe, Gordon J. Alexander, David J. Flower cho rằng: Đầu tư có nghĩa là sự hy sinh giá trị chắc chắn ở hiện tại để đạt được giá trị (có thể không chắc chắn) trong tương lai. Giá trị ở hiện tại có thể hiểu là tiêu dùng, còn giá trị tương lai hiểu là năng lực sản xuất, có thể làm tăng sản lượng quốc gia.

Về phương diện kinh tế, theo quan điểm của P. Masse: Đầu tư là hy sinh tất cả của cải hôm nay để nhận được số tiền lớn hơn trong tương lai. Hay nói cách khác, đầu tư là việc bỏ vốn ngày hôm nay để mong thu được lợi nhuận ngày mai, nghĩa là hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho người đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. Hai nhà kinh tế học người Mỹ Paul S. Samuelson và William d. Norhaus cho rằng đầu tư là hy sinh tiêu dùng hôm nay nhằm tăng sản lượng trong tương lai. Đầu tư gồm vốn hữu hình (nhà xưởng, máy móc,...) vốn vô hình (trí tuệ, sức lao động,...).

Theo từ điển Bách khoa Việt Nam, đầu tư là việc bỏ vốn để mua sắm thiết bị, xây dựng mới, hoặc thực hiện việc hiện đại hóa, mở rộng xí nghiệp nhằm thu doanh lợi hay phát triển phúc lợi công cộng. Luật đầu tư năm 2019 của Việt Nam đưa ra định nghĩa, đầu tư là việc bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản, tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Pháp luật. Vốn đầu tư là tiền và các tài sản hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động đầu tư.

Từ các quan điểm trong các lý thuyết kinh tế, quan điểm của các nhà nghiên cứu cho thấy đầu tư là việc huy động một hoặc một số nguồn lực trong các nguồn lực sau: tiền, tài nguyên thiên nhiên, sức lao động, trí tuệ và đưa ra để tiến hành các hoạt động cụ thể nào đó trong một khoảng thời gian dài (từ 2 năm trở lên) với mục đích thu được các kết quả trong tương lai về tiền, tài sản vật chất, tài sản trí tuệ, nguồn nhân lực lớn hơn nguồn nhân lực bỏ ra theo một cách tính toán nào đó. Có thể chia đầu tư làm 3 loại: đầu tư tài chính, đầu tư thương mại, đầu tư phát triển. Theo ý kiến của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước thì còn có rất nhiều vấn đề cần phải được tiếp tục nghiên cứu, bàn luận để làm sáng tỏ thêm. Trong một số giáo trình, tài

liệu đã xuất bản có nhiều quan điểm khác nhau đối với đầu tư phát triển. Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là hoạt động sử dụng vốn trong hiện tại, nhằm tạo ra những sản phẩm vật chất và trí tuệ mới, năng lực sản xuất mới và duy trì những tài sản hiện có, nhằm tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển. Đầu tư phát triển là một phương thức đầu tư trực tiếp, trong đó, quá trình đầu tư làm gia tăng giá trị và năng lực sản xuất, năng lực phục vụ của tài sản. Thông qua hành vi đầu tư này, năng lực sản xuất và năng lực phục vụ của nền kinh tế cũng gia tăng.

Theo giáo trình Kinh tế Đầu tư của Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng thì “*Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là việc chi dùng vốn trong hiện tại để tiến hành các hoạt động nhằm tăng thêm hoặc tạo ra những tài sản vật chất (nhà xưởng, thiết bị,...), tài sản trí tuệ (tri thức, kỹ năng,...), gia tăng năng lực sản xuất, tạo thêm việc làm mới và vì mục tiêu phát triển*”. Do vậy, có thể hiểu đầu tư phát triển là việc sử dụng các nguồn lực ở hiện tại để duy trì tiềm lực của những cơ sở đang hoạt động và tạo tiềm lực mới cho nền kinh tế xã hội, nhằm đạt được mục tiêu phát triển xác định trong tương lai. Ở góc độ danh từ, đầu tư phát triển là một khoản vốn bằng tiền mặt mà nhà đầu tư sẵn sàng đầu tư vì mục đích phát triển. Sau khi hoàn thành việc đầu tư nó sẽ chuyển hóa thành tài sản, hàng hóa. Ở góc độ động từ, đầu tư phát triển là việc cá nhân, tổ chức đem một khoản tiền vốn để thực hiện một số hoạt động vì mục đích phát triển, đầu tư phát triển không chỉ làm tăng tài sản cố định mà còn phát triển trình độ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Theo tác giả Phạm Hoài Nam (2022) thì “*Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là hoạt động sử dụng vốn trong hiện tại nhằm tạo ra những tài sản vật chất và trí tuệ mới, năng lực sản xuất mới và duy trì tài sản hiện có, nhằm tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển. Đầu tư phát triển là một phương thức đầu tư trực tiếp, trong đó quá trình đầu tư làm gia tăng giá trị và năng lực sản xuất, năng lực phục vụ của tài sản. Thông qua hành vi đầu tư này, năng lực sản xuất và năng lực phục vụ của nền kinh tế cũng gia tăng*”.

Việc trực tiếp tạo ra tài sản mới là sự khác biệt căn bản giữa đầu tư phát triển với đầu tư tài chính và đầu tư thương mại. Trên phương diện kinh tế, đầu tư phát triển là biểu hiện bằng tiền toàn bộ những chi phí đã chi ra để tạo ra năng lực sản xuất và các khoản đầu tư phát triển khác. Những kết quả thu được do hoạt động đầu tư phát triển mang lại có thể là sự tăng thêm tài sản tài chính (tiền vốn); tài sản vật chất (nhà máy, thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, đường xá); tài sản trí tuệ và nguồn nhân lực (trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, trình độ khoa học kỹ thuật). Đầu tư phát triển bao gồm:

Đầu tư phát triển tạo ra tài sản cố định (xây lắp, mua sắm thiết bị, máy móc,...): Là khoản đầu tư làm tăng thêm giá trị tài sản cố định, bao gồm vốn đầu tư xây dựng mới nhà cửa, vật kiến trúc, mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản và đầu tư cho sửa chữa lớn tài sản cố định. Toàn bộ chi phí cho việc thăm dò, khảo sát thiết kế và qui hoạch xây dựng chuẩn bị cho việc đầu tư cũng như chi phí lắp đặt máy móc thiết bị cũng được tính vào khoản mục này. Đầu tư phát triển làm tăng tài sản lưu động: Là khoản đầu tư duy trì và phát triển sản xuất bao gồm vốn đầu tư mua nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản. Đầu tư phát triển khác: Bao gồm tất cả các khoản đầu tư của xã hội nhằm tăng năng lực phát triển của xã hội. Sự phát triển của xã hội ngoài yếu tố là tăng tài sản cố định, tài sản lưu động còn yếu tố tăng nguồn lực khác như:

Nâng cao trình độ dân trí, tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường, hỗ trợ các chương trình phát triển khác như: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đầu tư phát triển tạo ra nguồn nhân lực (y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, dạy nghề, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, truyền thông đại chúng,...). Đầu tư phát triển sản phẩm khoa học công nghệ (nghiên cứu cơ chế, chính sách, pháp luật, nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai).

Từ những khái niệm và phân tích trên, trong giới hạn của luận án thì “*Đầu tư phát triển là việc đem một khoản vốn bằng tiền để thực hiện hoạt động đầu tư tạo ra tài sản mới cho xã hội, nhằm mục đích phát triển tài sản cố định, nhân lực, sản phẩm khoa học công nghệ góp phần phát triển kinh tế, nhằm tăng năng lực phát triển của xã hội. Thông qua hành vi đầu tư này, năng lực sản xuất và năng lực phục vụ của nền kinh tế cũng gia tăng*”.

Đầu tư phát triển được tiến hành trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, các lĩnh vực KTXH như: công nghiệp, giao thông vận tải, an ninh quốc phòng, văn hóa xã hội. Trong đó, theo tác giả Lê Công Thanh (2022) thì cho đầu tư phát triển gồm có đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn; Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước; chi bổ sung dự trữ nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Đầu tư phát triển có tính chất lâu dài, nó thể hiện ở thời gian thực hiện đầu tư và thời gian vận hành các kết quả đầu tư trải qua nhiều tháng năm và chịu tác động tích cực và tiêu cực của nhiều yếu tố biến động như điều kiện kinh tế, xã hội, các chính sách của nhà nước liên quan đến đầu tư công, điều kiện về địa hình, thời tiết khí hậu. Vì vậy

đầu tư phát triển cần phải được tiến hành một cách nghiêm túc và quản lý khoa học, trách nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động đầu tư phát triển.

2.1.1.2. Khái niệm vốn ngân sách nhà nước

Trong hệ thống tài chính, ngân sách nhà nước (NSNN) là bộ phận chủ đạo, là điều kiện vật chất quan trọng để Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của mình. Mặt khác nó còn là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện điều tiết vĩ mô nền kinh tế xã hội. Xét về bản chất kinh tế chứa đựng trong NSNN: Các hoạt động thu chi Ngân sách đều phản ánh những quan hệ kinh tế giữa nhà nước với các chủ thể khác trong xã hội gắn với quá trình tạo lập quản lý và sử dụng quỹ NSNN. Hoạt động đó đa dạng được tiến hành trên hầu hết các lĩnh vực và có tác động đến mọi chủ thể kinh tế xã hội. Những quan hệ thu nộp cấp phát qua quỹ NSNN là những quan hệ được xác định trước, được định lượng và nhà nước sử dụng chúng để điều tiết vĩ mô kinh tế xã hội. Như vậy, trên phương diện kinh tế có thể hiểu NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ chung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của mình trên cơ sở luật định. Ngân sách nhà nước có những vai trò quan trọng, ngân sách nhà nước là công cụ tài chính quan trọng nhất để cung ứng nguồn tài chính cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Ngân sách nhà nước là công cụ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững; Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và kiềm chế lạm phát. Ngân sách nhà nước là công cụ hữu hiệu của nhà nước để thực hiện công bằng xã hội.

Ngân sách nhà nước (NSNN) hay ngân sách chính phủ, là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử; là một thành phần trong hệ thống tài chính. Thuật ngữ "Ngân sách nhà nước" được sử dụng rộng rãi trong đời sống kinh tế, xã hội ở mọi quốc gia. Song quan niệm về NSNN lại chưa thống nhất, người ta đã đưa ra nhiều định nghĩa về NSNN tùy theo các trường phái và các lĩnh vực nghiên cứu. Các nhà kinh tế Nga quan niệm: NSNN là bảng liệt kê các khoản thu, chi bằng tiền trong một giai đoạn nhất định của quốc gia

Theo Philip Taylor (1963) định nghĩa rằng “*Ngân sách là chương trình tài chính chính yếu của Chính phủ. Tài liệu này tập trung các dữ liệu thu và chi trong khoảng thời gian của tài khóa, bao hàm các chương trình hoạt động phải thực hiện và các phương tiện tài trợ các hoạt động ấy*”.

Theo tác giả Nguyễn Văn Tuyên (2019), Ngân sách nhà nước được hiểu theo hai góc độ Kinh tế: “*NSNN được hiểu là bản dự toán các khoản thu và chi tiền tệ của một quốc gia, được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước quyết định để thực hiện trong thời hạn nhất định, thường là một năm*”. Dưới góc độ pháp lý thì “*Ngân sách nhà nước là toán bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan*

có thẩm quyền của Nhà nước quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước". Với các định nghĩa này, NSNN đã đề cập tới ba vấn đề cơ bản: Thứ nhất, NSNN là toàn bộ các khoản thu và chi của Nhà nước nằm trong dự toán đã được quyết định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thứ hai, các khoản thu, chi này chỉ được thực hiện trong thời hạn 1 năm; Thứ ba, các khoản thu, chi này được xây dựng và thực hiện nhằm mục tiêu bảo đảm về mặt tài chính cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Qua đó, vốn ngân sách nhà nước hiểu là tất cả các nguồn vốn được tính dựa trên các khoản thu, chi của Nhà nước, trong đó bao gồm các nguồn từ ngân sách cấp địa phương tới ngân sách cấp trung ương (các đối tượng sau: tổ chức chính trị; tổ chức chính trị-xã hội, cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao; tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao, Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước). Nguồn vốn này đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm tài chính mà trong đó nguồn vốn chỉ được bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách nhà nước chủ yếu từ các khoản thuế, phát hành tiền, lệ phí, phát hành tiền, nhận viện trợ, bán tài sản và đóng góp tự nguyện.

Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm. NSNN gồm có NSTW và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có HĐND và UBND. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước địa phương bao gồm: Phần ngân sách này được hình thành từ các nguồn thu của địa phương theo quy định của luật ngân sách nhà nước và vốn NSTW điều tiết trực tiếp cho địa phương. Nguồn thu chủ yếu của vốn đầu tư từ NSDP tự tích lũy để đầu tư bao gồm chủ yếu là các khoản thu từ thuế, phí từ địa phương, các khoản thu thanh lý tài sản theo quy định của nhà nước và địa phương và các khoản thu từ quy đất ban hành theo phân cấp của các khoản thu của địa phương theo quy định của pháp luật. Vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước địa phương do địa phương quản lý và là toàn bộ vốn đầu tư phát triển của 3 cấp ngân sách địa phương gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

2.1.1.3. Khái niệm đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Đầu tư phát triển làm gia tăng tài sản cho nhà đầu tư và cho nền kinh tế, làm tăng năng lực sản xuất của doanh nghiệp và cho nền kinh tế. Đầu tư chuyển dịch không thực hiện được chức năng đó. Nó chỉ làm dịch chuyển tài sản từ người này sang người khác, từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

Trong đó, chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Theo tác giả Phan Thị Thu Hiền (2015) thì “*Đầu tư phát triển từ NSNN là hoạt động đầu tư phát triển sử dụng nguồn vốn được cấp phát trực tiếp từ NSNN. Khái niệm này được hiểu là hoạt động của nhà nước sử dụng một phần vốn tiền tệ đã được tạo lập thông qua hoạt động thu của NSNN để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, gia tăng năng lực sản xuất nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu ổn định và tăng cường và phát triển kinh tế xã hội*”. Nguồn vốn NSNN là nguồn chi của NSNN cho đầu tư phát triển, đây là nguồn vốn đầu tư quan trọng trong chiến lược phát triển KTXH của mỗi quốc gia nói chung và mỗi tỉnh/thành phố nói riêng. Nguồn vốn này thường được sử dụng cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, hỗ trợ các dự án của các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực cần có sự tham gia của nhà nước, chi cho đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đầu tư phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo, đầu tư phát triển y tế, đầu tư phát triển khác.

Trong khuôn khổ luận án thì “*Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là việc sử dụng vốn từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động đầu tư nhằm tăng thêm tài sản tài chính (tiền vốn); tài sản vật chất (nhà máy, thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, cầu cống, đường xá); tài sản trí tuệ và nguồn nhân lực (trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, trình độ khoa học kỹ thuật) cho kinh tế xã hội, nhằm phục vụ nhu cầu của xã hội, vì lợi ích chung của cộng đồng*”. Do đó, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước gồm đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư cho sửa chữa lớn tài sản cố định mua sắm và lắp đặt thiết bị máy móc; đầu tư bổ sung cho vốn lưu động và đầu tư phát triển khác như đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cho khoa học công nghệ, cho đào tạo nguồn nhân lực con người...ĐTPT từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại địa phương là hoạt động ĐTPT sử dụng nguồn vốn từ ngân sách của địa phương để tiến hành các hoạt động đầu tư phát triển trên địa bàn của địa phương nhằm tìm kiếm lợi ích cho địa phương và vì mục tiêu phát triển chung của địa phương, của xã hội.

ĐTPT từ nguồn vốn NSNN thì chủ thể đầu tư là địa phương và đại diện chính quyền địa phương đóng vai trò là chủ đầu tư và phải chịu trách nhiệm với quyết định đầu tư của mình, cụ thể đó là HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương còn phải chịu trách nhiệm hoạch định các chính sách, quy định thực cấp mình liên quan đến ĐTPT từ nguồn vốn NSNN như: ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư, xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, chính sách khuyến khích xuất khẩu, chính sách chống làm hàng giả, gian lận thương mại. ĐTPT từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh phải đảm bảo lợi ích KTXH của địa phương, của quốc gia. Tuy nhiên, nếu ĐTPT từ nguồn vốn NSNN mà chỉ quan tâm đến lợi ích KTXH của địa phương, của quốc gia mà không quan tâm đến lợi ích nhà đầu tư thì đầu tư đó cùng

không hấp dẫn đối với nhà đầu tư khi tiến hành các hoạt động đầu tư. Nếu ĐTPT từ nguồn vốn NSNN chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà bỏ qua các lợi ích KTXH khác thì hoạt động đầu tư đó cũng không mang lại lợi ích tổng thể của địa phương của quốc gia. Sự khác biệt của ĐTPT từ nguồn vốn NSNN so với hoạt động ĐTPT khác là ĐTPT khác quan tâm nhiều hơn đến các lợi ích kinh tế còn ĐTPT từ nguồn vốn NSNN quan tâm nhiều đến lợi ích KTXH của địa phương, của quốc gia.

2.1.1.4. Đặc điểm của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Thứ nhất, ĐTPT từ nguồn vốn NSNN là sử dụng nguồn vốn của nhà nước để tiến hành các hoạt động ĐTPT và luôn gắn với chủ thể là Nhà nước. Ở góc độ quản lý kinh tế, đầu tư công là các khoản chi tiêu công của Chính phủ. Do đó, nhà nước trực tiếp quản lý việc sử dụng và phân bổ các nguồn vốn và Nhà nước quản lý tất cả các khâu của quá trình quản lý và xây dựng. Đối với các nguồn vốn khác (FDI, nguồn vốn của khu vực tư nhân) thì do người dân hoặc chủ đầu tư tự quyết định quá trình quản lý, sử dụng vốn, còn đối với ĐTPT từ nguồn vốn NSNN thì do nhà nước quyết định việc sử dụng nguồn vốn đầu tư để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội, từ lập, thẩm định, phê duyệt, bố trí nguồn vốn để thực hiện và trực tiếp thanh tra, kiểm tra, giám sát để đảm bảo hoạt động đầu tư công được công khai, minh bạch, hiệu quả, đạt được các mục tiêu đầu tư.

Thứ hai, chi ĐTPT từ nguồn vốn NSNN là những khoản chi lớn của NSTW và ngân sách địa phương, nhưng ngân sách địa phương thường lại có tính không ổn định, nó phụ thuộc vào cân đối ngân sách của địa phương và cũng thường chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi các yếu tố như: tư duy, nhận định, đầu tư theo phong trào, không xác định được cái kết quả đầu ra điều này dễ dẫn đến vốn đầu tư dàn trải, manh mún.

Thứ ba, ĐTPT từ nguồn vốn NSNN do nhà nước quản lý chủ yếu là đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội của đất nước và tại địa phương không có khả năng thu hồi vốn, thu hồi vốn chậm và không hoàn trả trực tiếp. ĐTPT từ nguồn vốn NSNN tại địa phương có tác động rất lớn đến việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển KTXH của địa phương: góp phần phát triển kết cấu hạ tầng, KTXH của địa phương, thúc đẩy đầu tư từ nguồn vốn khác, phát triển khoa học công nghệ, nguồn nhân lực của địa phương, thúc đẩy đầu tư xây dựng nông thôn mới nhưng những công trình này lại không có khả năng hoàn trả trực tiếp nên việc tính toán hiệu quả đầu tư của các công trình này rất phức tạp. Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, KTXH chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng vốn ĐTPT từ nguồn vốn NSNN. Đặc biệt đối với các tỉnh/thành phố mới được tách ra từ các tỉnh, thành khác, do hệ thống kết cấu hạ tầng, KTXH còn ở mức độ kém, thiếu đồng bộ thì nhu cầu đầu tư vào kết cấu hạ tầng, KTXH là rất lớn và vốn ĐTPT vào kết cấu hạ tầng, KTXH thường là chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn ĐTPT từ nguồn vốn NSNN. ĐTPT vào hệ thống kết cấu hạ

tầng, KTXH của địa phương là cơ sở để thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác và tạo ra năng lực cạnh tranh của địa phương so với các địa phương khác.

Thứ tư, ĐTPT từ nguồn vốn NSNN chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự phát triển kinh tế của đất nước và KTXH trên địa bàn tỉnh, địa phương. Trước hết, nhằm tạo ra kết cấu hạ tầng, đường xá, công trình xây dựng làm tăng năng lực sản xuất, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế của đất nước và mỗi địa phương. Đồng thời, còn có ý nghĩa là “vốn môi” để tạo môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành, lĩnh vực theo định hướng của chính phủ, vùng kinh tế và các địa phương trong từng thời kỳ. Hơn thế nữa, ĐTPT từ nguồn vốn NSNN thường mang lại lợi ích kinh tế xã hội cho người dân, cho địa phương nên khi đánh giá những lợi ích mà ĐTPT từ nguồn vốn NSNN cần phải quán triệt đặc điểm này.

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN

“Quản lý” đó là một phạm trù có liên quan mật thiết với hợp tác và phân công lao động, là một thuộc tính tự nhiên tất yếu của mọi lao động mang tính hiệp tác; C.Mác đã coi việc xuất hiện quản lý như là kết quả tất yếu của sự chuyển nhiều quá trình lao động cá biệt, tản mạn, độc lập với nhau thành một quá trình xã hội được phối hợp lại. Quản lý được thừa nhận và sử dụng rộng rãi trên thế giới. Theo đó, quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý quản lý bằng cơ chế tác động (nguyên tắc, phương pháp, công cụ) nhằm đạt mục tiêu đề ra. Quản lý nhà nước xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của nhà nước và được xác định là một dạng quản lý đặc biệt.

Quản lý nhà nước là sự thực hiện các quyền lực chính trị của tổ chức để quản lý một quốc gia, quản lý các nguồn tài nguyên kinh tế - xã hội phục vụ cho sự phát triển của quốc gia (WB, 1989). Quản lý nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân được xác định, là sự tác động có tổ chức bằng quyền lực của Nhà nước pháp quyền lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế, phát huy các cơ hội để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế cho đất nước trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế (Đỗ Hoàng Toàn, 2005).

Quản lý nói chung là sự tác động có mục đích của chủ thể quản lý vào các đối tượng quản lý để điều khiển đối tượng quản lý nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Quản lý đầu tư chính là sự tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng quá trình đầu tư (bao gồm công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và vận hành kết quả đầu tư cho đến khi thanh lý tài sản do đầu tư tạo ra) bằng một hệ thống đồng bộ các biện pháp kinh tế - xã hội và tổ chức - kỹ thuật cùng các biện pháp khác nhằm đạt được hiệu quả kinh tế xã hội

cao trong những điều kiện cụ thể xác định và trên cơ sở vận dụng sáng tạo những quy luật kinh tế khách quan nói chung và quy luật vận động đặc thù của đầu tư nói riêng.

Trong nội dung của luận án: *“Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh là việc chính quyền cấp tỉnh sử dụng tổng thể các biện pháp, công cụ tác động vào quá trình phân bổ và sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ nhất định”*. Theo đó, việc QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh được thực hiện ở phạm vi hẹp hơn và không phức tạp như quản lý vốn này ở cấp trung ương. Mặt khác, QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trung ương do chính quyền trung ương thực hiện, đồng thời được áp dụng chung đối với tất cả các địa phương trong cả nước. Trong khi đó, quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, một mặt phải tuân thủ các quy định chung về quản lý của chính quyền trung ương, mặt khác, chính quyền địa phương (tỉnh) có thể được quyền quyết định theo quy định phân cấp quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, do chính quyền trung ương quy định. Một điểm cần nhấn mạnh trong quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh là các quyết định QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh phải bảo đảm tính tập trung thống nhất, vì lợi ích của địa phương nhưng không mâu thuẫn với lợi ích chung của quốc gia hay lợi ích của các địa phương khác.

2.1.2.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Khi xem xét khái niệm QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cần lưu ý một số đặc điểm:

Một là, chủ thể QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh là chính quyền cấp tỉnh. Ở mỗi quốc gia, chính quyền tỉnh được tổ chức theo mô hình riêng và có chức năng cụ thể, do pháp luật quy định.

Hai là, đối tượng QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh là ngân sách nhà nước tỉnh được sử dụng cho đầu tư phát triển và các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia vào quá trình đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh. Vốn ngân sách nhà nước được sử dụng để đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh bao gồm ngân sách nhà nước tỉnh từ thu thuế và phí ở tỉnh được để lại theo quy định của Luật Ngân sách, ngân sách nhà nước trung ương điều chuyển cho tỉnh, viện trợ nước ngoài cho tỉnh. Khoản vốn viện trợ có thể do nước ngoài (chính phủ, các tổ chức phi chính phủ,...) viện trợ cho chính phủ và chính phủ phân bổ cho tỉnh hoặc do các tổ chức nước ngoài thông qua chính phủ, viện trợ trực tiếp cho tỉnh.

Ba là, mục tiêu QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh góp phần bảo đảm hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, thực

hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng lãnh thổ; góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Bốn là, phương thức và công cụ QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm việc phân cấp quản lý, lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; kiểm tra, kiểm soát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

Năm là, QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh được thực hiện trên một số lĩnh vực quan trọng. Các lĩnh vực đó bao gồm những lĩnh vực mà các phân kinh tế khác không đủ khả năng hoặc không được phép đầu tư. Chẳng hạn, những dự án công ích có suất đầu tư lớn nhưng khả năng thu hồi vốn chậm hoặc khó thu hồi vốn như đường sá, công trình thủy điện, các dự án trồng rừng, dự án xử lý môi trường,... Những lĩnh vực đó có thể là các lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không muốn đầu tư. Đó là những lĩnh vực không mang lại lợi ích trực tiếp hoặc khả năng sinh lời thấp, như đầu tư cho các dịch vụ công cộng, giáo dục phổ cập tiểu học, chăm sóc sức khoẻ ban đầu, đầu tư phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn... Nhà nước đầu tư vào những lĩnh vực này thể hiện vai trò của Nhà nước trong khắc phục những khuyết tật của thị trường... Những lĩnh vực đầu tư mang tính định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ phát triển cho toàn bộ nền kinh tế địa phương. Chẳng hạn, chính quyền tỉnh có thể đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở những vùng khó khăn về địa hình, đất đai, thổ nhưỡng, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đầu tư vào các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, thông tin liên lạc...

Sáu là, cơ chế QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh là hệ thống các biện pháp, công cụ, cách thức chính quyền tỉnh sử dụng để quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh. Cơ chế đó bao gồm hệ thống pháp luật, chính sách, các quy định của Nhà nước trung ương về QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh; các chính sách và các quy định của chính quyền tỉnh ban hành và áp dụng riêng cho QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh phù hợp và thống nhất với QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trung ương.

2.1.3. Mục tiêu và vai trò của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.1.3.1. Mục tiêu của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN

Mục đích của đầu tư phát triển là vì sự phát triển bền vững, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng và nhà đầu tư. Trong đó, đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập quốc dân, góp phần giải quyết việc

làm và nâng cao đời sống của các thành viên trong xã hội. Về cơ bản, mục tiêu của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thể hiện trên các mặt sau:

Một là, mục tiêu ĐTPT từ nguồn vốn NSNN là vì sự phát triển bền vững, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng, địa phương và nhà đầu tư. Trong đó, đầu tư nhà nước nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển KTXH, phát triển hạ tầng cơ sở, giao thông, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa, y tế, xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống của các thành viên trong xã hội, thúc đẩy đầu tư từ các thành phần kinh tế khác. Mục tiêu của ĐTPT nhằm tìm kiếm lợi ích và phát triển. Trong đó, lợi ích bao gồm cả lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội. Lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội cần phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với bảo vệ môi trường, cải tạo môi sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường, góp phần cải thiện chất lượng môi trường. Đối với ĐTPT từ nguồn vốn NSNN đảm bảo lợi ích KTXH và đảm bảo môi trường, bền vững trong phát triển luôn là mục tiêu quan trọng hàng đầu và chủ thể tiến hành các hoạt động đầu tư lợi ích luôn mang lại cho toàn xã hội, khác hẳn với nhà đầu tư tư nhân thì khi tiến hành đầu tư lại quan tâm nhiều đến lợi ích kinh tế, những dự án càng mang lại lợi ích kinh tế cao thì càng hấp dẫn các nhà đầu tư. Mục tiêu của QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN hướng tới mục tiêu tối đa hóa phúc lợi xã hội và đảm bảo môi trường trong sự tương quan với phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Hai là, chính quyền địa phương hiểu rõ được các điều kiện thực tế của địa phương, các yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu của người dân địa phương. Nếu họ được chủ động ra các quyết định sử dụng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các quyết định đó sẽ sát hợp, phù hợp với thực tế địa phương. Theo đó, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sẽ được sử dụng đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương, đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của người dân địa phương. QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh/thành phố thì kế hoạch nguồn vốn NSNN dành cho đầu tư phát triển được xây dựng cho kỳ kế hoạch 5 năm cùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5, 10 năm mà Nhà nước cũng như chính quyền địa phương đã hoạch định để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch NSNN dành cho đầu tư phát triển của tỉnh/thành phố được xây dựng căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm và căn cứ vào khả năng huy động các nguồn vốn ngân sách nhà nước từ ngân sách TƯ và các nguồn ngân sách của địa phương. Mục tiêu quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN là đảm bảo sử dụng nguồn vốn NSNN đúng mục đích, đúng nguyên tắc, đúng tiêu chuẩn, đúng chế độ

quy định. Đối với đầu tư phát triển, hiệu quả đầu tư không chỉ là hiệu quả kinh tế đơn thuần mà phải đạt được hiệu quả tổng hợp, hiệu quả kinh tế - xã hội.

Ba là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở địa phương giúp tiết kiệm chi phí vốn ngân sách nhà nước. Vốn là một trong những yếu tố đầu vào của nền kinh tế. Vốn chỉ có thể sử dụng được khi có yếu tố lao động, một yếu tố đầu vào khác không thể thiếu của quá trình sản xuất, đầu tư. Do đó, vốn từ NSNN được đưa vào sử dụng cho đầu tư phát triển sẽ kéo theo nhu cầu cầu về lao động. Quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh có tác động thu hút đầu tư từ các địa phương khác và từ nước ngoài. Các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở địa phương, thường được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tốt tại địa phương. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tốt có tác động thu hút các nhà đầu tư ở tỉnh bạn hoặc nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư tại địa phương. Theo đó, có tác động tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, kích thích tăng trưởng kinh tế tại địa phương.

Bốn là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu làm tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế địa phương và góp phần tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế cả nước, tăng tổng cung của nền kinh tế trong dài hạn. Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của chính quyền tỉnh thường được tập trung cho các công trình lớn như đường sá, cầu cống, các công trình thủy lợi, trồng rừng,... Các công trình này khi được đưa vào sử dụng sẽ có tác động làm tăng năng suất lao động của địa phương, tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế địa phương. Mặt khác, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được sử dụng để đầu tư vào vốn con người, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động, nâng cao chất lượng nhân lực địa phương. Điều đó không chỉ làm tăng năng suất lao động của kinh tế địa phương mà còn có thể làm thay đổi nền kinh tế địa phương về mọi mặt, tạo gia tốc cho nền kinh tế địa phương. Theo đó, góp phần tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế cả nước, tăng tổng cung trong dài hạn.

Ngoài ra, Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh thực hiện mục tiêu cải cách cơ cấu ngành. Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước có tác động lan toả, kích thích các ngành nghề khác phát triển như dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng. Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh được sử dụng đầu tư tại địa phương nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương. Kinh tế địa phương phát triển theo hướng tiềm năng, lợi thế riêng sẽ làm thay đổi cơ cấu kinh tế của cả nước. Một cơ cấu kinh tế hiệu quả sẽ có tác động tích cực đối với phát triển kinh tế địa phương và kinh tế cả nước trong dài hạn.

2.1.3.2. Vai trò của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh

Nền kinh tế một địa phương (tỉnh) là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế cả nước. Do đó, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh có vai trò đối với kinh tế địa phương, đồng thời góp phần có vai trò đối với kinh tế của cả nước. Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế địa phương và nền kinh tế của cả nước do nó được sử dụng cho đầu tư phát triển. Sự cần thiết của QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN xuất phát từ vai trò của đầu tư phát triển đối với nền kinh tế, cụ thể:

Một là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được xác định cho từng năm và cho từng thời kỳ. Những mục tiêu này sẽ được thực hiện bằng nhiều chính sách, trong đó, có chính sách đầu tư phát triển của tỉnh. Mục 2.1.1 đã phân tích chỉ ra khái niệm và đặc điểm của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trong đó có vai trò tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, kích thích tăng trưởng kinh tế địa phương đã được đặt ra trong từng thời kỳ... Đây là hai trong nhiều mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội thường được đặt ra cho địa phương.

Hai là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh. Trong đó, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được các cơ quan chức năng của Nhà nước cấp tỉnh xác định tính khả thi của việc bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư, đặc biệt là việc bố trí vốn ngân sách nhà nước, xác định điểm dự án đầu tư và nhu cầu sử dụng vốn, giai đoạn thực hiện vốn đầu tư nhà nước, bảo đảm vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác cho đầu tư, phối hợp giữa với các cơ quan chức năng để thúc đẩy sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả.

Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời, qua đó, nhà nước (chính quyền tỉnh) hạn chế những khuyết tật của thị trường trong hoạt động đầu tư phát triển. Điều đó sẽ góp phần đảm bảo nguồn lực của địa phương, của đất nước được sử dụng tốt. Tuân thủ cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước nói riêng. Điều đó thể hiện sự phối hợp giữa nhà nước và thị trường trong phân bổ nguồn lực. Bên cạnh đó, qua hoạt động QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh còn hạn chế những khuyết tật, những hạn chế của kinh tế thị trường như cạnh tranh thiếu lành mạnh trong giao nhận

thầu công trình, hủy hoại tài nguyên, môi trường... Đây là điều kiện để vốn đầu tư phát triển, một nguồn lực quan trọng của địa phương, của đất nước được sử dụng tốt.

Ba là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh có vai trò định hướng cho các hoạt động đầu tư trong nền kinh tế địa phương, thúc đẩy việc sử dụng các nguồn lực vốn đầu tư phát triển của một cách hiệu quả. Ngay ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, các cơ quan chức năng của Nhà nước đã phải tiến hành thẩm định tính khả thi của việc bố trí các nguồn lực cho vốn đầu tư phát triển, đặc biệt là việc bố trí vốn ngân sách nhà nước, xác định địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất. Giai đoạn thực hiện đầu tư, nhà nước bảo đảm vốn ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác cho thực hiện đầu tư, phối hợp giữa các cơ quan chức năng để thúc đẩy sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Nhà nước tiến hành kiểm tra, kiểm soát quá trình vốn đầu tư phát triển để uốn nắn, chấn chỉnh, nhằm mục tiêu sử dụng đúng đắn và tiết kiệm các nguồn lực. Vốn ngân sách nhà nước tình được quản lý sử dụng tốt cho đầu tư phát triển có vai trò định hướng các hoạt động đầu tư phát triển từ các nguồn vốn khác vào những vùng, những lĩnh vực cần ưu tiên phát triển, mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài, lợi ích của địa phương và của cả quốc gia. Theo đó, thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế của địa phương.

Bốn là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh góp phần bảo đảm kỷ cương, thực hiện trên cơ sở tuân thủ pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy định, kỷ luật, chính sách của Nhà nước trung ương. Điều này bảo đảm trật tự kỷ cương trong thực thi pháp luật và chính sách của Nhà nước, bảo đảm tính tập trung thống nhất trong công tác quản lý nhà nước với đầu tư công bằng nguồn vốn NSNN của cả nước, hạn chế sự rối loạn trong hoạt động đầu tư phát triển, trong sử dụng ngân sách cho đầu tư phát triển, bảo đảm tối đa hóa lợi ích của tỉnh và của cả nước khi thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, hạn chế thất thoát lãng phí, tham nhũng trong sử dụng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

Năm là, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh còn bảo đảm phát huy tính chủ động của cấp tỉnh trong quản lý đầu tư phát triển và vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh. Ở cấp tỉnh, chính quyền địa phương hiểu rõ được các điều kiện thực tế của địa phương, các yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu của người dân địa phương. Nếu họ được chủ động ra các quyết định sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các quyết định đó sẽ sát hợp, phù hợp với thực tế địa phương. Theo đó, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ được sử dụng đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương, đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của người dân địa phương.

2.1.4. Những yêu cầu của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh

Trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết, vì công tác này quyết định hiệu quả sử dụng của những đồng vốn mà NSNN chi ra để đầu tư phát triển. Nhà nước là chủ thể định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, nhà nước sử dụng công cụ, biện pháp, chính sách để quản lý nhà nước để đảm bảo hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước một cách hiệu quả, công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu như sau:

Một là, cơ sở của phân cấp trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chính quyền huyện, xã là phân cấp quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước,... Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của cả nước, của ngành, của vùng kinh tế, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng các quy hoạch cấp địa phương, bao gồm quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các tiểu vùng lãnh thổ thuộc tỉnh và của các đơn vị hành chính trực thuộc, quy hoạch cụ thể phát triển ngành trên địa bàn, quy hoạch xây dựng các đô thị, nông thôn của tỉnh.

Hai là, đối với lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NSNN. Các dự án chuẩn bị đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thì phải có trong danh mục được duyệt, phù hợp với quy hoạch, trên cơ sở dự toán chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các dự án đầu tư phát triển mới, phải có quyết định phê duyệt dự án đầu tư phát triển của cấp có thẩm quyền trước năm kế hoạch. Các dự án đầu tư phát triển chuyển tiếp, phải có đầy đủ thủ tục đầu tư và căn cứ vào tiến độ thực hiện để ghi chỉ tiêu kế hoạch quản lý vốn cho sát đúng.

Ba là, đối với quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN. Thứ nhất, cấp phát, giải ngân vốn đầu tư phát triển từ NSNN phải trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư phát triển từ NSNN, nguyên tắc này đảm bảo tính kế hoạch và hiệu quả của vốn đầu tư phát triển từ NSNN. Vốn đầu tư phát triển phải được cấp phát theo đúng nội dung và khối lượng thực tế hoàn thành trong phạm vi giá trị dự toán và kế hoạch vốn được duyệt. Điều này nhằm đảm bảo việc giải ngân đúng mục đích, đúng giá trị của công trình. Cấp phát, giải ngân vốn đầu tư phát triển từ NSNN phải thực hiện việc kiểm tra kiểm soát đối với các hoạt động sử dụng vốn; kiểm tra phải bao trùm toàn bộ quá trình đầu tư bắt đầu từ giai đoạn kế hoạch đầu tư và kết thúc dự án đầu tư phát triển. Thực hiện nguyên tắc này nhằm thúc đẩy việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hợp lý, đúng mục đích, đúng kế hoạch.

Bốn là, đối với kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN với các đầu tư dự án hoàn thành và được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Đầu tư công. Các dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn từ NSNN sau khi hoàn thành đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư phát triển, vốn đầu tư được duyệt quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. UBND cấp tỉnh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm theo quy định tại Điều 70 của Luật Đầu tư công; định kỳ gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế của kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.1.5. Nguyên tắc của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một tỉnh

Quản lý đầu tư là sự tác động liên tục, có tổ chức, định hướng mục tiêu vào quá trình đầu tư (bao gồm công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và vận hành kết quả đầu tư) và các yếu tố đầu tư, bằng một hệ thống đồng bộ các biện pháp kinh tế- xã hội, tổ chức kỹ thuật và các biện pháp khác nhằm đạt được kết quả và hiệu quả đầu tư cao nhất, trong điều kiện cụ thể xác định và trên cơ sở vận dụng sáng tạo những qui luật khách quan và qui luật đặc thù của đầu tư. Quản lý hoạt động đầu tư là công tác phức tạp đòi hỏi phải tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định. Nguyên tắc quản lý hoạt động đầu tư tuân theo những nguyên tắc quản lý kinh tế nói chung và được vận dụng cụ thể vào quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ở tầm vĩ mô và vi mô, và đảm bảo nguyên tắc như sau:

Thứ nhất, thống nhất giữa lãnh đạo chính trị và kinh tế trong quản lý hoạt động đầu tư. Thống nhất giữa chính trị và kinh tế là một đòi hỏi khách quan vì kinh tế quyết định chính trị và chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế, có tác dụng trở lại đối với sự phát triển kinh tế. Nếu đường lối chính trị đúng đắn, giải quyết hài hòa các loại lợi ích trong xã hội thì sẽ tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế phát triển, đồng thời việc lãnh đạo chính trị cũng sẽ dễ dàng hơn nếu đất nước có một nền kinh tế ổn định, phát triển, dân cư có trình độ phát triển cao, mức sống của dân cư tốt, việc đưa và thực hiện các chính sách cũng dễ thực hiện hơn. Trên giác độ quản lý vĩ mô hoạt động đầu tư, nguyên tắc thống nhất giữa chính trị và kinh tế thể hiện ở vai trò quản lý của nhà nước, thể hiện trong cơ chế quản lý đầu tư, cơ cấu đầu tư (đặc biệt là cơ cấu thành phần kinh tế và vùng lãnh thổ), chính sách đối với người lao động hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, các chính sách bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thể hiện thông qua việc giải quyết quan hệ tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, giữa phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng và giữa yêu cầu phát huy nội lực và tăng cường hợp tác quốc tế trong đầu tư.

Đối với các cơ sở, nguyên tắc đòi hỏi phải đảm bảo quyền lợi cho người lao động, doanh lợi cho cơ sở, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Trong quản lý hoạt động đầu tư, các chính sách về kinh tế phải phù hợp với các định hướng về chính trị. Kết hợp tốt giữa kinh tế và xã hội là điều kiện cần và là động lực cho sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện theo mục tiêu đầu tư nói riêng.

Nhà nước quản lý về mặt chính trị cũng đồng thời quản lý nhà nước về mặt kinh tế với các nội dung. Cụ thể trong hoạt động quản lý đầu tư: xây dựng hoàn chỉnh hệ thống luật pháp và những văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động đầu tư, ban hành sửa đổi bổ sung luật và các văn bản liên quan. Xây dựng chiến lược qui hoạch kế hoạch đầu tư; trên cơ sở chiến lược qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của đất nước của ngành địa phương vùng lãnh thổ, xây dựng các qui hoạch kế hoạch đầu tư, trong đó xác định nhu cầu về vốn, nguồn vốn, các giải pháp huy động; ban hành các chính sách chủ trương đầu tư nhằm cải thiện môi trường và thủ tục đầu tư. Nhà nước đóng vai trò là người tạo ra và giải quyết sự hài hòa các loại lợi ích để khuyến khích, động viên mọi nguồn lực cho phát triển. Giải quyết một cách hài hòa giữa lợi ích của nhà đầu tư và lợi ích của xã hội bằng công cụ quản lý gián tiếp (thuế và ưu đãi đầu tư).

Thứ hai, quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Nguyên tắc này là sự kết hợp một cách khách quan từ xu hướng chuyên môn hóa theo ngành và phân bổ sản xuất theo vùng lãnh thổ. Cụ thể là bất cứ hoạt động của cơ sở hay doanh nghiệp nào đều chịu sự quản lý của cơ quan chủ quản & địa phương. Địa phương quản lý về mặt hành chính và xã hội đối với mọi đối tượng nằm tại địa phương cũng như quản lý nhà nước về kinh tế đối với tất cả các hoạt động đầu tư diễn ra ở địa phương theo mức độ được nhà nước cho phép. Bộ, ngành chịu trách nhiệm quản lý kỹ thuật của ngành mình. Việc phối hợp giữa ngành, địa phương có thể dưới 1 trong 3 hình thức sau: Tham quản: Một vấn đề nào đó do một chủ thể ngành lãnh thổ có thẩm quyền quyết nhưng họ tham khảo thêm ý kiến của bên kia để quyết định bên mình thêm sáng suốt. Hiệp quản: Giống như tham quản nhưng nhà nước bắt buộc ý kiến của bên kia là điều kiện cần phải có để tạo nên tính hợp pháp cho một quyết định quản lý nào đó. Đồng quản: Khi hai cơ quan theo ngành lãnh thổ cùng liên tịch ra văn bản ra quyết định quản lý. Cần tăng trách nhiệm và thẩm quyền của chính quyền địa phương trong việc quyết định những vấn đề của địa phương, đặc biệt là về quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư cho khu vực công cộng, về thu chi ngân sách, về tổ chức và nhân sự hành chính địa phương, về xử lý các vụ việc hành chính. Việc phân định trách nhiệm và thẩm quyền của các cấp chính quyền phải phù hợp với tính chất và yêu cầu của từng ngành và lĩnh vực hoạt động, với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp chính quyền trên từng địa bàn; phù hợp với điều kiện và khả năng của các địa phương có quy mô, vị trí khác nhau. Giữa các cấp chính quyền địa

phương cũng cần cụ thể hoá việc phân cấp theo hướng việc nào do cấp nào giải quyết sát với thực tế hơn thì giao nhiệm vụ và thẩm quyền cho cấp đó.

Hiện nay, trên cơ sở phân định rõ chức năng quản lý, các quy định về phân công, phân cấp và xây dựng nội dung và mức độ thống nhất quản lý ngành cho từng ngành theo đặc điểm ngành; nội dung và mức độ quản lý theo lãnh thổ; nội dung, mức độ kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ, bộ máy quản lý nhà nước đã có sự phân định chức năng giữa các cơ quan quản lý: Các Bộ chuyên ngành, UBND địa phương, và đã có sự kết hợp trong công tác quản lý nhà nước nói chung cũng như công tác quản lý đầu tư nói riêng. Sự kết hợp và thống nhất hai mặt quản lý chủ yếu được thể hiện: 1) Tổ chức điều hoà, phối hợp các hoạt động của tất cả các đơn vị thuộc các ngành, các thành phần kinh tế, các cấp quản lý, cũng như các tổ chức văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng để phát triển nền kinh tế quốc dân theo một cơ cấu hợp lý nhất, có hiệu quả nhất về ngành cũng như về lãnh thổ. Các dự án đầu tư phải được xem xét ở khía cạnh địa phương cũng như khía cạnh ngành nghề liên quan. 2) Quản lý công việc chung của quốc gia trên phạm vi cả nước, cũng như trên từng đơn vị hành chính - lãnh thổ kết hợp hài hoà lợi ích chung của cả nước, cũng như lợi ích của địa phương. Kế hoạch đầu tư của địa phương phải phù hợp với kế hoạch phát triển chung của đất nước, cũng như các qui hoạch phát triển ngành, vùng.

Thứ ba, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng NSNN, vốn đầu tư công như: Luật điều chỉnh về quản lý ngân sách (Luật NSNN), quản lý hoạt động đầu tư (đầu tư, quy hoạch, xây dựng...) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cũng đặt trong tổng thể mối quan hệ quản lý của xã hội, vì vậy cần tuân thủ các nguyên tắc, luật lệ của quốc gia, địa phương. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan QLNN, tổ chức, cá nhân liên quan đến QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN.

Thứ tư, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển quốc gia, tỉnh và quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, 10 năm của địa phương. Chiến lược xác định tầm nhìn dài hạn và đưa ra quan điểm, mục tiêu cơ bản và giải pháp chủ yếu. Quy hoạch là bước cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp của chiến lược đồng thời định hướng tổ chức phân bố không gian các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và bước đầu cân đối các nguồn lực phát triển. Kế hoạch là bước cụ thể hóa mục tiêu, giải pháp của quy hoạch trên cơ sở bố trí cụ thể các nguồn lực phát triển theo lộ trình 5 năm, 10 năm và hàng năm, trong đó có vốn NSNN nói riêng và QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN đóng vai trò trọng yếu, là công cụ để đạt được các nhiệm vụ đề ra. Với đặc thù của dự án đầu tư công hay đầu tư phát triển thường diễn ra trong nhiều năm, vì vậy, QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN theo kế hoạch, phù hợp với tiến

độ thực hiện dự án là nguyên tắc cốt lõi. QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Xuất phát từ giới hạn nguồn lực NSNN, trong bối cảnh nhu cầu đầu tư công hay đầu tư phát triển rất lớn, thì QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN phải tuân thủ theo nguyên tắc cân đối NSNN là tất yếu khách quan. Việc tuân thủ nguyên tắc này nhằm đảm bảo phân bổ NSNN cho hoạt động đầu tư phát triển được tập trung, có trọng điểm; tránh đầu tư dàn trải khắc phục tình trạng lãng phí vốn và nợ đọng dự án đầu tư phát triển.

Thứ năm, nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Tiết kiệm, hiệu quả vừa giải pháp rút ngắn thời gian, chi phí thực hiện mục tiêu vừa là phương hướng, nguyên tắc trong QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Nội dung của nguyên tắc này là quản lý sao cho với một đồng vốn đầu tư phát triển từ NSNN sẽ thu được lợi ích lớn nhất trên phạm vi toàn xã hội, bao gồm cả phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Thứ sáu, bảo đảm công khai, minh bạch. Nguyên tắc này cần đảm bảo trong tất cả các khâu của hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN trên các mặt, như: Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn; Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Quy hoạch, kế hoạch, chương trình ĐTPT từ nguồn vốn NSNN trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;... Với việc công khai các quy định, yếu tố liên quan đến quá trình QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN sẽ tăng cường khả năng tiếp cận, khai thác thông tin để sử dụng. Các thông tin số liệu về dự án được minh bạch tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý, đẩy mạnh sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức và nhân dân.

2.2. Nội dung, các tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

2.2.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

2.2.1.1. Phân cấp QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở cấp tỉnh

Phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước vừa là chủ trương, vừa là giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phân quyền trong quản lý nhà nước là sự phân giao quyền lực giữa các cơ quan quản lý nhà nước, mỗi cơ quan có nhiệm vụ, quyền hạn riêng gắn với trách nhiệm cụ thể; những nhiệm vụ, quyền hạn này phải được quy định rõ trong luật. Việc phân quyền một cách rõ ràng sẽ tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, nhất là khi có vấn đề nảy sinh. Sự phân

định hợp lý về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước bằng các văn bản luật là tiêu chí để đánh giá tính hợp pháp, trách nhiệm, hiệu quả trong hoạt động của mỗi cơ quan nhà nước trên thực tế. Phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên cơ sở phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt của chính quyền Trung ương, tăng cường kỷ luật, kỷ cương để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội ở từng địa phương phát triển, trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi địa phương. Hoạt động của các cấp chính quyền địa phương phải chịu sự kiểm tra, giám sát của chính quyền Trung ương, đảm bảo giữ vững nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, thuộc về Nhân dân

Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước theo nhiều tầng nấc đòi hỏi có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cấp. Việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước khác nhau là cách thức để quyền lực nhà nước được sử dụng hiệu quả nhất, tránh lạm dụng quyền lực nhà nước để phục vụ cho lợi ích riêng của cá nhân, “nhóm lợi ích”. Xu hướng chung trong các nhà nước dân chủ hiện đại là khi xã hội phát triển cao thì việc phân cấp diễn ra nhiều hơn, chính quyền các địa phương được trao cho nhiều nhiệm vụ, quyền hạn hơn. Chính sách phân cấp, phân quyền hành chính nhà nước được thể hiện thông qua các quy định pháp luật về phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp nhằm phát huy tính tự chủ, sáng tạo của các cấp trong thực thi quyền lực nhà nước, bảo đảm cho các cơ quan hành chính nhà nước các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công một cách hiệu lực và hiệu quả.

Theo Lê Xuân Bá (2012) thì phân cấp quản lý là việc chủ thể quản lý cấp trên phân chia và trao cho cấp quản lý thấp hơn một phần quyền quản lý, đồng thời, quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm cho mỗi cấp quản lý. Mục tiêu của phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh là phân chia quyền quản lý giữa chính quyền cấp tỉnh với cấp huyện, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền nhà nước, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính để nâng cao hiệu lực, hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên cơ sở phân cấp của Trung ương cho các địa phương, các tỉnh, thành phố quyết định việc phân cấp quyết định đầu tư cho cấp huyện và cấp xã trên một số lĩnh

vực. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là hai cơ quan giữ vai trò đầu mối trong quản lý vốn đầu tư. Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm lập dự toán chi tiêu công tại cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo các lĩnh vực và khoản mục chi. Hội đồng nhân dân quyết định việc phân bổ ngân sách cho đầu tư công cho các chương trình, dự án trong phạm vi ngân sách cấp mình, quyết định điều chỉnh dự toán chi tiêu công khi cần thiết. Hội đồng nhân dân quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư công; giám sát việc thực hiện các hoạt động chi tiêu công đã được thông qua. Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương cho đầu tư công, dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến, gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân quyết định giao nhiệm vụ chi tiêu công cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới; quy định nguyên tắc bố trí và chỉ đạo thực hiện dự toán chi tiêu công. Hội đồng nhân dân cũng giữ vai trò chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong quản lý ngân sách đầu tư trên địa bàn. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ động phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình để báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. Về nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh, việc phân cấp thường tuân thủ một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, các địa phương căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển, phân bổ cụ thể cho các cơ quan cấp dưới hoặc đến từng dự án cụ thể, việc phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh có sự phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước của từng cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán, điều chỉnh, phân bổ, quyết toán ngân sách địa phương do các Ban Quản lý đầu tư ở tỉnh lập và trình. Phân cấp quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tỉnh được dựa trên căn cứ tính chất, phạm vi hoạt động, lĩnh vực đầu tư, quy mô và nguồn vốn đầu tư chính quyền cấp tỉnh được quyền quyết định các dự án đầu tư từ ngân sách địa phương và cấp giấy phép cho các dự án đầu tư nước ngoài phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng quản lý của địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể đề nghị Chính phủ điều chỉnh lại các nguồn thu và

tăng tỷ lệ để lại cho địa phương theo hướng để các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt mức phát triển trung bình của cả nước tự cân đối được chi thường xuyên theo định mức của Chính phủ. Phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh còn được dựa vào phân cấp quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Việc phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo các loại dự án, công trình (nhóm A, B, C) và theo quy mô vốn của dự án, công trình.

Thứ hai, phân cấp quản lý nhà nước đối đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh xuất phát bảo đảm hài hoà lợi ích địa phương và lợi ích quốc gia, không chỉ vì lợi ích cục bộ của địa phương. Do đó, việc phân cấp được dựa trên nguyên tắc đảm bảo khai thác, phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương vì mục đích phát triển của các địa phương và cho phát triển chung của đất nước. Sự kết hợp hài hoà lợi ích chung của tỉnh với lợi ích của từng địa phương trong tỉnh, lợi ích riêng của từng tỉnh và lợi ích của các tỉnh trong mỗi vùng là nguyên tắc được tuân thủ nghiêm ngặt trong phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

Thứ ba, phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tuân thủ yêu cầu đảm bảo chống khép kín, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí. Khép kín từ khâu thiết kế, dự toán kinh phí, thẩm định dự án đầu tư đến khâu thi công hay thực hiện đầu tư thường làm đội nhu cầu vốn ngân sách nhà nước một cách vô lý. Nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh là đảm bảo hạn chế tối đa tình trạng tham nhũng, thất thoát lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh, huyện. Phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát và có chế tài thưởng phạt nghiêm minh đối với các chủ thể tham gia sử dụng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Cơ chế giám sát yếu ớt, lỏng lẻo sẽ tạo cơ hội lớn cho thất thoát, lãng phí phát triển.

2.2.1.2. Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước

Kế hoạch hóa hoạt động đầu tư phát triển đóng vai trò hết sức quan trọng trong QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Lập kế hoạch tốt sẽ là cơ sở quan trọng để đầu tư có định hướng, cân đối, tránh được hiện tượng đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN chòng chéo, thiếu đồng bộ, lãng phí nguồn lực của đất nước. Kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh/thành phố phải được xây dựng dựa trên nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, đảm bảo các công trình đầu tư phát triển đồng bộ, kịp thời và phù hợp với những điểm đặc thù của đầu tư phát triển ở từng địa phương, bao quát đầy đủ, toàn diện các giai đoạn của quy trình đầu tư phát triển. Việc xây dựng chiến lược đầu tư hợp lý xác định ưu tiên đầu tư vào các dự án đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của địa phương, xác định

đầu tư vào công trình nào, đầu tư thế nào thì đem lại hiệu quả tốt nhất. Xác định cơ cấu vốn đầu tư theo nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cơ cấu vốn theo kỹ thuật (vốn xây dựng, vốn thiết bị, vốn cơ bản khác), cơ cấu vốn theo loại công trình (xây dựng, giao thông, giáo dục, y tế...). Sau khi xây dựng chiến lược đầu tư hợp lý, hoạch định các khu vực cần được đầu tư, mức vốn, thời gian đầu tư và dựa vào đó lập kế hoạch vốn đầu tư, khả năng đáp ứng vốn đầu tư, thời gian đầu tư theo từng giai đoạn. Sau đó tiến hành phân cấp QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, trong phân cấp cần xác định rõ các dự án do tỉnh phê duyệt đầu tư, dự án do cấp huyện phê duyệt đầu tư nhằm xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đầu tư phát triển. Các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ phát triển KT-XH cấp tỉnh hàng năm, lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư công và thực hiện đầu tư phát triển trong các lĩnh vực trình UBND cấp tỉnh xem xét. Các đơn vị lập kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo yêu cầu là các danh mục đầu tư trong năm phải xác định theo từng dự án, theo từng nguồn đó là nguồn vốn ngân sách, vốn huy động, nguồn khác và theo từng nhóm công trình đã quyết toán, đang quyết toán, hoàn thành, chuyển tiếp hay mới khởi công. Căn cứ vào quy hoạch xây dựng và phát triển của tỉnh được duyệt, kế hoạch đầu tư phát triển của các ngành, lĩnh vực, chính quyền địa phương phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển đảm bảo nhiệm vụ đầu tư, xây dựng các công trình đầu tư phát triển của tỉnh theo quy định. Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư, chính quyền địa phương giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng của địa phương cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển của NSNN cho các lĩnh vực khác nhau, các đơn vị căn cứ kế hoạch sẽ làm báo cáo và trình chính quyền địa phương xem xét phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Chính quyền địa phương quyết định dự toán ngân sách địa phương, thực hiện phân bổ ngân sách địa phương trên cơ sở báo cáo và báo cáo thẩm tra của cơ quan chức năng của địa phương. Trường hợp có thay đổi lớn về thu chi ngân sách của tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh có quyền điều chỉnh dự toán ngân sách cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đúng quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương quyết định các chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương. Chính quyền địa phương còn quyết định một số khoản thu về phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật. Việc lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thành khi dự toán ngân sách địa phương đã được Nhà nước và chính quyền địa phương thông qua. Chính quyền địa phương hướng dẫn lập dự toán ở địa phương. Các đơn vị chức năng của địa phương phối hợp, xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị của địa phương, dự toán thu do các cơ quan thuế, hải quan lập, dự toán thu chi của các cấp chính quyền từ huyện đến tỉnh/thành phố. Trên cơ sở đó, các cơ quan chức năng phụ trách tài chính và phụ trách kế hoạch đầu tư phối hợp và tổ chức thực hiện lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Sau khi tổng hợp, Các

cơ quan chức năng phụ trách lĩnh vực đầu tư và tài chính sẽ báo cáo chính quyền địa phương xem xét. Sau đó, báo cáo dự toán ngân sách địa phương sẽ được gửi đến các bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ, các cơ quan quản lý các chương trình, mục tiêu quốc gia.

Cùng với việc lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, uỷ ban nhân dân tỉnh còn xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước một cách đồng bộ, kịp thời và phù hợp với những điểm đặc thù của đầu tư phát triển ở từng địa phương, bao quát đầy đủ, toàn diện các giai đoạn của quy trình đầu tư phát triển. Các chính sách này hướng tới thực hiện các mục tiêu cụ thể của từng dự án đầu tư, của cả chương trình đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiến lược phát triển từng ngành, lĩnh vực và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2.2.1.3. Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN

Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, tài chính và hành chính nhằm biến các chỉ tiêu vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch trở thành thực hiện. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN là tuân thủ các chỉ tiêu dự kiến ban đầu, mà còn phải phân tích ứng với những biến đổi khách quan khi thực hiện và đảm bảo tính hiệu quả của vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Đây là giai đoạn trọng tâm của quy trình quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc tổ chức quản lý, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh. Ban Quản lý đầu tư phát triển ở các sở thực hiện giám sát việc sử dụng ngân sách dành cho đầu tư phát triển của uỷ ban nhân dân và các đơn vị sử dụng ngân sách. Các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước uỷ ban nhân dân về triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc phạm vi mình quản lý.

Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN gồm, phân bổ vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch đã được phê duyệt, việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách, tổ chức việc cấp phát vốn và thanh, quyết toán vốn đầu tư phát triển cho các đơn vị thụ hưởng. Mọi khoản cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đều được thực hiện qua hệ thống Kho bạc nhà nước. Trên cơ sở tổng mức vốn được phê duyệt, uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các công trình, dự án cụ thể, cho các huyện theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh. Phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ các quy định Luật ngân sách nhà nước. Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý vốn đầu tư phát triển. Về thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư, đối với vốn đầu tư thuộc địa phương

quản lý, uỷ ban nhân dân cấp huyện lập phương án phân bổ đầu tư trình uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định. Riêng các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn để lại theo Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ và dự án bổ sung có mục tiêu từ Nhà nước Trung ương cho các địa phương còn phải tuân thủ theo các quy định về đối tượng đầu tư và mục tiêu sử dụng của từng nguồn vốn đầu tư phát triển.

Việc cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về xây dựng công trình. Điều đó có nghĩa là chỉ những dự án đầu tư thực hiện đầy đủ các trình tự của dự án đầu tư phát triển và xây dựng thì mới được cấp vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Việc cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được thực hiện đúng mục đích. Cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các dự án đảm bảo đúng kế hoạch đã được nhà nước xét duyệt. Đây là một nguyên tắc quan trọng, đảm bảo đầu tư phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối nền kinh tế trong cả nước, trong mỗi vùng và trong mỗi ngành kinh tế. Phương thức cấp phát vốn rất đa dạng. Vốn có thể được cấp một lần, trước khi dự án được tiến hành. Vốn đầu tư có thể được cấp nhiều lần, theo tiến độ dự án hoặc mức độ hoàn thành của dự án, hoặc tạm ứng trước...

Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng mức độ thực tế hoàn thành kế hoạch, trong phạm vi giá dự toán được duyệt. Điều này nhằm đảm bảo việc cấp phát đúng mục đích, đúng giá trị của công trình. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được cấp phát trực tiếp cho từng công trình, theo phương thức cấp phát không hoàn trả và cho vay có hoàn trả. Quá trình chi vốn đó được thực hiện dưới sự kiểm tra của cơ quan quản lý cấp phát. Việc cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được kiểm tra, bảo đảm việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kiểm tra trong toàn bộ chu kỳ đầu tư, từ giai đoạn đầu đến khi đưa công trình vào sử dụng. Thực hiện nguyên tắc này nhằm thúc đẩy việc sử dụng vốn hợp lý, đúng mục đích.

Trong quá trình thực hiện vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện tốt kế hoạch vốn đầu tư phát triển của địa phương, kiểm tra việc thực hiện vốn đầu tư phát triển, đảm bảo ngân sách nhà nước được thực hiện nghiêm theo các quy định của Nhà nước, giám sát việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển nhằm kiểm định chủ trương đầu tư phát triển của tỉnh có đạt mục tiêu đề ra không và việc tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển có đảm bảo cho việc chủ trương được thi hành có hiệu quả không. Giám sát còn cho biết vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có được sử dụng hiệu quả và đúng mục đích không.

Kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN được quyết toán theo dự toán ngân sách nhà nước (quyết toán năm) và quyết toán theo công trình hoàn thành (thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng). Về quyết toán theo năm, sau

khi kết thúc năm ngân sách, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được kiểm tra để đánh giá lại những việc đã làm được, chưa làm được, xác định tính đúng đắn của số liệu báo cáo thực hiện vốn đầu tư phát triển. Việc quyết toán được thực hiện trong thời gian của năm ngân sách tiếp theo. Ở cấp tỉnh, kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN được uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong quyết toán ngân sách địa phương. Quy trình quyết toán vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thuộc ngân sách địa phương quản lý được thực hiện từ dưới lên, trên cơ sở các báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán gửi cho cơ quan tài chính. Ngân sách cấp dưới đã được quyết toán được gửi lên cấp trên và là một bộ phận cấu thành của ngân sách quyết toán cấp trên. Cấp huyện lập quyết toán của mình gửi lên Sở Tài chính và uỷ ban nhân dân tỉnh. Sở Tài chính tổng hợp và lập quyết toán ngân sách cấp tỉnh, gửi uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt.

Về quyết toán công trình, dự án hoàn thành, sau khi các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư thực hiện quyết toán theo quy định của nhà nước. Báo cáo quyết toán công trình, dự án đã hoàn thành được lập cùng với hồ sơ hoàn công và được thực hiện kiểm toán, thông qua hội đồng thẩm định. Sau đó, những hồ sơ báo cáo này được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra. Việc QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo từng công trình, dự án được coi là kết thúc khi công trình, dự án được hoàn thành, hoàn tất các thủ tục quyết toán theo quy định và chấm dứt việc theo dõi tài khoản cấp phát vốn tại Kho bạc nhà nước. Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn NSNN.

2.2.1.4. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN

Trong hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN, với cơ chế tác động và biện pháp điều chỉnh chủ yếu là bằng pháp luật, cơ quan QLNN có thẩm quyền phải thường xuyên tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm loại trừ các hành vi bất hợp pháp ra khỏi hoạt động đầu tư công và đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các văn bản pháp luật là một khâu quan trọng trong quá trình quản lý nhà nước về kinh tế nói chung, với hoạt động đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN nói riêng. Đó là một khâu quan trọng đảm bảo hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong các hoạt động đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN cấp tỉnh.

Mục tiêu của kiểm tra quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là nhằm bảo đảm cho các luật, pháp lệnh và các quy định về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thi hành một

cách nghiêm minh và công bằng. Kiểm tra quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước còn nhằm tăng cường vai trò giám sát, trách nhiệm của các chủ thể quản lý nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi các hành vi tham nhũng, thất thoát, lãng phí nguồn lực quốc gia. Qua kiểm tra, cơ quan quản lý có thể xác định được tính đúng đắn, hợp lý của các chính sách, cơ chế quản lý vốn đầu tư của cơ quan quản lý, đồng thời có thể phát hiện những hạn chế, bất cập trong chính sách và cơ chế quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh. Mặt khác, kiểm tra giúp cơ quan quản lý phát hiện những sai phạm, những vi phạm của các chủ thể, của các cơ quan tổ chức thực thi chính sách, cơ chế quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh.

Hình thức kiểm tra có thể là kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, giám sát, thanh tra, kiểm toán... Kiểm tra đối với việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được thực hiện trên một số nội dung như sau:

- Hình thành bộ máy kiểm tra vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước từ cấp tỉnh đến huyện. Bộ máy này có thể được thành lập riêng để kiểm tra một số dự án đầu tư quan trọng sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có thể sử dụng bộ máy kiểm tra hiện có để kiểm tra. Đó là các cơ quan thanh tra (Thanh tra Chính phủ, các cơ quan thanh tra chuyên ngành tại các bộ, ngành, địa phương như thanh tra xây dựng, thanh tra tài chính, thanh tra kế hoạch và đầu tư...), cơ quan kiểm tra chi ngân sách nhà nước và thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư phát triển hoàn thành, các cơ quan điều tra, kiểm soát, xét xử (công an, viện kiểm sát, tòa án), cơ quan kinh tế nhà nước (ngoại kiểm).

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của từng cơ quan kiểm tra, kiểm soát để có cơ sở pháp lý khi thực thi nhiệm vụ. Tiến hành các hoạt động kiểm tra vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Việc kiểm tra đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được thực hiện trong toàn bộ quá trình đầu tư phát triển, từng giai đoạn trong chu trình của đầu tư, kiểm tra, việc hình thành và hoạt động của cơ quan chủ đầu tư, Ban quản lý đầu tư, việc thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, việc thực hiện các mục tiêu của từng dự án đầu tư, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Mục đích của kiểm tra, kiểm soát là để phát hiện những mặt tích cực, chỉ ra được những khuyết điểm, sai phạm. Cùng với kiểm tra là xử lý kết quả kiểm tra, nhằm phát huy được những yếu tố tích cực, đẩy lùi, hạn chế, ngăn chặn, răn đe một cách hữu hiệu tình trạng tham nhũng, lãng phí vốn đầu tư ở các đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhà nước trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Yêu cầu của kiểm tra là trung thực, đầy đủ, chính xác,

khách quan và kịp thời. Vì vậy, cơ quan quản lý của chính quyền tỉnh tạo điều kiện thực hiện chức năng kiểm tra, nhằm đảm bảo các yêu cầu của kiểm tra, từ tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, quy định về địa vị pháp lý, quy định chức năng, nhiệm vụ một cách chặt chẽ, về quy trình, đảm bảo tính độc lập trong hoạt động.

Việc đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN được Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định của Nhà nước và theo văn bản quy pháp pháp luật; định kỳ gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế của kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và hằng năm đến cơ quan trung ương và chính phủ. thực hiện theo thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn được đánh giá giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch. Nội dung đánh giá kế hoạch đầu tư phát triển bao gồm: Mức độ đạt được so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tác động của kế hoạch đầu tư công trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển kinh tế - xã hội; Tính khả thi của kế hoạch đầu tư công; Tình hình quản lý đầu tư công; Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các giải pháp xử lý.

Đánh giá sự phối kết hợp trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước giữa các cơ quan quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước với các đơn vị sử dụng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Trong đó, xác định rõ các công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, cơ quan chịu trách nhiệm chính, cơ quan hỗ trợ,... Đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, từng bộ phận trong phối hợp thực hiện các chức năng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh. Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan chức năng. Sự phối hợp giữa các khâu, các cấp trong bộ máy quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh bảo đảm cho việc lập kế hoạch, quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và kiểm tra thực hiện kế hoạch này được thực hiện một cách thông suốt. Đánh giá sự phối hợp này đòi hỏi xác định tính hợp lý trong phân công, phân nhiệm, đánh giá trách nhiệm trong phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, các bộ phận trong bộ máy quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Đánh giá sự phối hợp trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh đòi hỏi xác định những bất hợp lý có thể có trong phân công và phối hợp giữa các cơ quan, các bộ phận trong quá trình thực hiện các chức năng quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được coi là có hiệu quả khi nguồn vốn NSNN được sử dụng đầu tư có tính tập trung,

tránh dàn trải và có tính chất quyết định trong việc thực hiện mục tiêu cải tạo, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được coi là có hiệu quả khi góp phần duy trì và nâng cao chất lượng tăng trưởng trong suốt quá trình tái sản xuất xã hội. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phải góp phần trực tiếp hay gián tiếp bảo đảm sự bền vững của tăng trưởng và hướng sát tới mục tiêu phát triển dài hạn của quốc gia, của địa phương, chất lượng cuộc sống được cải thiện. Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh có thể được đánh giá theo nội dung quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh hay đánh giá tính hiệu quả của dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là một quá trình thẩm định có tính hệ thống và khách quan nhằm xem xét quá trình thiết kế, thực hiện và kết quả của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Qua việc tổng hợp tài liệu của chương 1, trong phạm vi luận án của mình, đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được đánh giá qua năm tiêu chí (Sự phù hợp; Hiệu quả; Hiệu suất; Tác động và Bền vững).

Tính hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: Tiêu chí này phản ánh mức độ đạt được hoặc dự kiến đạt được các mục tiêu của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, có xét đến tầm quan trọng tương đối của chúng, là phép đo mức độ phát triển đã đạt được hoặc dự kiến sẽ đạt được những mục tiêu liên quan một cách hiệu quả và bền vững (IFAD, 2002 và Hà Thị Thu, 2014). Là thước đo mức độ đạt được các mục tiêu đã đề ra của chương trình đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đánh giá sự phù hợp của đầu vào và mức độ đạt được các mục tiêu thiết lập. Kết quả thực hiện mục tiêu được xác định bằng cách so sánh khái quát các kết quả mà hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đạt được với mục tiêu đã đề ra trong báo cáo khả thi hay hoạt động đầu tư được duyệt. Một số nội dung cụ thể được xem xét khi đánh giá tính hiệu quả của việc đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước như: Sau khi kết thúc, dự án đã đạt được các mục tiêu đề ra ban đầu? Để đánh giá hiệu quả sử dụng đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước về mặt kinh tế - tài chính.

Tính hiệu suất của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: Hiệu suất là phép đo về phương diện kinh tế trong việc biến các nguồn lực, đầu vào (ngân sách, chuyên gia, thời gian...) thành kết quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. (OECD-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004) và (Hà Thị Thu, 2014). Tức là so sánh đầu tư một đơn vị yếu tố đầu vào sẽ đưa lại bao nhiêu sản phẩm đầu ra. Thông qua việc so sánh, lựa chọn các yếu tố đầu vào để đạt được kết quả đầu ra như mong đợi thấy được quy trình thực hiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển

từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã hợp lý nhất hay chưa? Xem xét tính hiệu suất cho thấy để đạt được mục tiêu đã đề ra thì quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã tiết kiệm được nguồn lực đầu vào như thế nào?

Tính tác động của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: Tiêu chí này phản ánh các ảnh hưởng của với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với môi trường rộng lớn, và đóng góp của với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các mục tiêu lớn hơn hoặc mục tiêu tổng thể của địa phương, các ảnh hưởng này bao gồm các ảnh hưởng dài hạn tích cực và tiêu cực, nguyên phát và thứ phát do một can thiệp phát triển gây ra trực tiếp hoặc gián tiếp, có chủ định và không chủ định. (OECD-WB, 2001), (OECD-DAC, 2002), (SIDA, 2004) và (Hà Thị Thu, 2014).

Tính phù hợp của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: Tiêu chí này xem xét tính phù hợp của các mục tiêu của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các vấn đề thực tế, các nhu cầu và những ưu tiên của hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các đối tượng thụ hưởng mà hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cần phải chú trọng; và phù hợp với môi trường vật chất và chính sách mà dự án đang hoạt động (Hà Thị Thu, 2014).

Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: Xem xét những lợi ích của việc thực hiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sẽ được duy trì hoặc mở rộng như thế nào khi hoạt động đầu tư phát triển kết thúc. Tính bền vững thể hiện ở những khía cạnh ngay khi hoạt động đầu tư phát triển còn đang thực hiện có được tạo điều kiện về thể chế, chính sách cho sự phát triển tiếp theo của quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sau khi hoàn thành. Tiêu chí này xem xét sự tiếp tục hưởng lợi từ một can thiệp phát triển sau khi những hỗ trợ phát triển đã kết thúc, hoặc khả năng để một dự án tiếp tục có lợi ích lâu dài. Vào thời điểm hoàn công, đã có kế hoạch thực tế thỏa đáng về việc duy trì và bảo dưỡng đoạn đường thuộc dự án này chưa? Cơ cấu tổ chức và nhân lực quản lý, điều hành công tác duy trì và bảo dưỡng đoạn đường thuộc dự án đã được thành lập vào thời điểm hoàn thành việc xây dựng? Kế hoạch mở rộng nguồn tài chính cần thiết cho việc duy trì và bảo dưỡng đoạn đường thuộc dự án đã được thiết lập vào thời điểm hoàn thành việc xây dựng? Các cấp có liên quan sẽ thực hiện cam kết đảm bảo các yêu cầu trong vận hành, bảo dưỡng, bảo vệ các công trình, dự án sau khi đã được bàn giao? Dự án sẽ tiếp tục được theo dõi, giám sát, đánh giá các cấp khi đã kết thúc?

Trong nội dung của luận án, quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh có thể được đánh giá theo hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà

nước. Hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là phạm trù kinh tế, biểu hiện quan hệ so sánh giữa các kết quả kinh tế - xã hội đã đạt được của hoạt động đầu tư với các chi phí bỏ ra để có các kết quả đó trong một thời kỳ nhất định. Hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có thể được đánh giá dựa vào kết quả được tạo ra trên nhiều phương diện. Nếu chỉ xét trên khía cạnh kinh tế thì đó là hiệu quả kinh tế. Nếu xét về mặt chính trị xã hội như kết quả giải quyết công ăn, việc làm, công bằng xã hội, môi trường... thì đó là hiệu quả chính trị - xã hội. Khi xét chung cả mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... gọi là hiệu quả kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cũng có thể được xem xét trên phương diện một dự án, có thể xem xét trên phương diện địa phương và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong phạm vi giới hạn của đề tài, tác giả tập trung làm rõ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước nhìn nhận dưới góc độ địa phương.

Ngoài ra, đối với đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN là việc Nhà nước sử dụng NSNN tiến hành thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và một số lĩnh vực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư phát triển từ NSNN có nhiều đặc điểm khác biệt về bản chất so với các nguồn vốn khác do đó việc đo lường hiệu quả chủ yếu dựa trên các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và các thước đo định tính, vì vốn NSNN hầu hết là tập trung đầu tư vào các lĩnh vực không có khả năng thu hồi vốn. Hiệu quả tuyệt đối là hiệu quả được xác định trên hiệu số giữa kết quả đạt được của hoạt động đầu tư và chi phí đầu tư đã bỏ ra. Hiệu quả tương đối là tỷ lệ giữa các kết quả đạt được do thực hiện đầu tư với tổng số vốn đầu tư đã thực hiện.

$$\text{Hiệu quả ĐTPT từ NSNN} = \frac{\text{Kết quả ĐTPT đạt được}}{\text{Vốn NSNN đã thực hiện}}$$

Thực tế cho thấy, hiệu quả ĐTPT từ NSNN là yếu tố quan trọng được phản ánh thông qua hiệu quả chi NSNN ở Việt Nam. Nếu không chứng minh được bằng các chỉ tiêu cụ thể thì mọi nhận xét về kết quả, hiệu quả ĐTPT từ NSNN đều thiếu tính thuyết phục và không tạo ra niềm tin. Qua nghiên cứu, tổng hợp từ tác giả Bùi Minh Chuyên (2022) và tác giả Ngô Thúy Quỳnh (2019) đã kiến nghị sử dụng để tính Kết quả ĐTPT đạt được từ NSNN trong điều kiện Việt Nam đó là tỷ lệ đóng góp của ĐTNSNN cho gia tăng kinh tế của địa bàn nghiên cứu (GDP do ĐTPT từ NSNN tạo ra). Đây là chỉ tiêu rất quan trọng nhưng ở Việt Nam chưa có số liệu thống kê phản ánh trực tiếp về mặt này. Thời gian qua, ở Việt Nam, các nhiều chỉ tiêu chưa có số liệu thống kê, gây khó khăn cho việc nghiên cứu về hiệu quả ĐTNSNN ở Việt Nam. Một mặt, hiệu quả ĐTNSNN không là vấn đề tự thân, nó còn phụ thuộc vào hiệu quả

đầu tư xã hội nói chung và đầu tư tư nhân trong nước cũng như hiệu quả đầu tư FDI. Mặt khác, ĐTNSNN để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thường diễn ra trong nhiều năm và những công trình này được phát huy giá trị trong hàng chục và thậm chí hàng trăm năm nên khó tính được chỉ số hiệu quả đầu tư từ NSNN một cách rành mạch như tính chung cho đầu tư phát triển. Mặt khác, cũng cần phải thấy rằng, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước không chỉ đơn thuần nhằm mục tiêu kinh tế mà còn bao hàm cả mục tiêu về chính trị xã hội. Nó không chỉ là phương tiện đơn thuần để làm thay đổi cơ cấu kinh tế có hiệu quả hơn mà còn giải quyết vấn đề chính trị quan trọng như: thu hẹp khoảng cách phát triển ở các vùng núi, khó khăn, đảm bảo an ninh quốc phòng ... Điều này đảm bảo cho việc phân tích toàn diện hiệu quả chứ không chỉ là những nhận định đơn thuần về hiệu quả kinh tế.

Theo tác giả Nguyễn Thị Lan Phương (2018), Hà Thị Tuyết Minh (2019) và nhiều tác giả khác, để đo lường hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, có thể dùng hệ số ICOR thể hiện khả năng sử dụng có hiệu quả đồng vốn bỏ ra. Hệ số ICOR cao hay thấp thể hiện số vốn đầu tư nhiều hay ít cho sự tăng trưởng một đồng GDP, cụ thể:

$$ICOR = \frac{\text{Tổng Vốn đầu tư}}{\text{GDP năm nghiên cứu} - \text{GDP của năm trước năm nghiên cứu}} = \frac{\text{Vốn đầu tư}}{\text{Mức tăng GDP}}$$

Bên cạnh đó, có thể đánh giá hiệu quả kinh tế của đầu tư từ nguồn vốn NSNN: (1) Tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. (2) Quy mô GRDP tạo ra trên một đồng vốn đầu tư bằng nguồn vốn NSNN (được tính bằng GRDP do đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tạo ra chi cho tổng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện). (3) Quy mô thu ngân sách trên địa bàn tính trên một đồng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương (được tính bằng cách lấy tổng thu ngân sách do đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đóng góp chia cho tổng vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện). (4) Hệ số lôi kéo đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách với vốn đầu tư tư nhân (được tính bằng cách lấy tổng vốn tư nhân chia cho tổng vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đã thực hiện). Đây là các tiêu chí có khả năng lượng hóa, trong khuôn khổ luận án, tác giả dùng tiêu chí này để đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư phát triển bằng nguồn vốn NSNN.

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước luôn chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan đối với chủ thể quản lý.

Một số yếu tố khách quan và chủ quan sẽ có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước:

a) Các yếu tố thuộc về điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh

Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương: đây là nhân tố khách quan, có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của địa phương. Mỗi một địa phương khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau mà có nhu cầu và nguồn lực vốn đầu tư phát triển khác nhau. Điều kiện kinh tế khác nhau cũng làm cho đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của các địa phương khác nhau. Tỉnh có mức độ phát triển kinh tế cao hơn thường có các cơ sở hạ tầng và nguồn lực phát triển mạnh mẽ hơn, điều này có thể làm tăng hiệu quả của đầu tư phát triển. Trong khi đó, các tỉnh đang phát triển có thể cần đầu tư nhiều hơn để đạt được cùng một hiệu suất kinh tế. Số lượng và chất lượng dân số của tỉnh có ảnh hưởng đến nguồn lao động có sẵn. Các tỉnh có dân số lớn và nguồn lao động đủ kỹ năng có thể hấp dẫn cho các dự án đầu tư, trong khi tỉnh có dân số ít hơn có thể đối mặt với khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn lao động phù hợp. Haque và Kneller (2008), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), và Nguyễn Thị Hạnh Vân (2021) trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng thể chế, mức độ quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước... có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận đầu tư cũng như hiệu quả của các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các yếu tố như tăng trưởng kinh tế, tổng thu nhập quốc dân, lạm phát, thất nghiệp hay những thay đổi chính trị ở một quốc gia hay của địa phương sẽ ảnh hưởng đến hoạt động QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Ổn định về chính trị, tăng trưởng về kinh tế là một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng để nâng cao khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng nguồn vốn NSNN cho hoạt động đầu tư công nói chung và đầu tư phát triển nói riêng của một tỉnh.

Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước luôn phục vụ cho mục tiêu phát triển KTXH nói chung và sự phát triển ngành, lĩnh vực nói riêng. Do đó nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước luôn phải bám sát phục vụ các mục tiêu này kể cả về quy mô và phạm vi đầu tư. Chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh sẽ xác định các lĩnh vực mục tiêu cho đầu tư. Hiệu quả của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh sẽ tăng lên nếu các dự án được lựa chọn liên quan chặt chẽ đến mục tiêu chiến lược của tỉnh. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm tình hình cơ sở hạ tầng hiện tại và nhu cầu tương lai, sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư. Đối với các tỉnh có nhu cầu cơ sở hạ tầng lớn, việc đầu tư vào các dự án hạ tầng quan trọng sẽ làm tăng hiệu quả phát triển kinh tế. Đầu tư phát triển cần xem xét tính bền vững của các dự án. Các yếu tố về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, và phát triển xã hội cần được tính đến để đảm bảo rằng đầu tư không gây ra ảnh hưởng tiêu cực trong tương lai. Cuối cùng, các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà

nước cấp tỉnh cần phải phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh. Điều này đảm bảo rằng các dự án có khả năng gắn kết với các ngành công nghiệp hiện có và tạo ra giá trị gia tăng đối với kinh tế địa phương.

b) Các yếu tố thuộc về tiến bộ khoa học công nghệ

Sự tiến bộ của khoa học công nghệ: sự tiến bộ của khoa học công nghệ có ảnh hưởng nói chung đến công tác quản lý vốn đầu tư, buộc chủ đầu tư phải tính đến thành tựu của khoa học, công nghệ để xác định quy mô, cách thức đầu tư về trang thiết bị, quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất.... Đặc biệt trong đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, sự tiến bộ của khoa học công nghệ đã làm tăng năng suất lao động, giúp cải tiến kỹ thuật tổ chức thi công, rút ngắn thời gian hoàn thành công trình. Bên cạnh đó quá trình quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN sẽ phức tạp hơn đòi hỏi các cơ quan quản lý đầu tư phải nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

Tác động của sự phát triển khoa học công nghệ đến quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thể hiện: sự phát triển của khoa học công nghệ là điều kiện để nhà nước tiết kiệm chi ngân sách nhà nước cho vốn đầu tư phát triển do ứng dụng công nghệ mới sẽ tạo điều kiện cho việc nâng cao năng suất lao động, chất lượng công trình và hạ giá thành. Với một lượng kinh phí đầu tư không đổi, với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật có thể tạo ra kết quả lớn hơn so với công nghệ cũ. Điều này đòi hỏi nhà nước phải xử lý tốt việc đổi mới cơ chế quản lý, xác định mức chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm tiết kiệm ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư.

c) Các yếu tố thuộc về cơ chế và chính sách của Nhà nước

Cơ chế và chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng lớn đến quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách của một tỉnh. Quy trình thủ tục liên quan đến QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một tỉnh là nhân tố hết sức quan trọng liên quan đến khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển bao gồm: các văn bản Luật như Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước,.... văn bản hướng dẫn Luật, các Nghị định, Quyết định, Thông tư quy định về quản lý nguồn vốn, quản lý tài chính. Chính phương thức phân phối ngân sách, quản lý ngân sách, chính sách thuế, và chính sách phát triển kinh tế và xã hội đều ảnh hưởng đến khả năng tỉnh sử dụng vốn này để thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội của địa phương. Chính phủ ban hành chính sách và chiến lược về đầu tư công để thúc đẩy phát triển hạ tầng và dự án công cộng. Quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh phụ thuộc vào việc hiện thực hóa các dự án này và theo dõi quy trình triển khai thực hiện theo quy định của chính sách và chiến lược của Nhà nước về phát triển kinh tế và xã hội. Chính sách quản lý ngân sách, quy trình kiểm toán, và tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách đều quyết định khả năng tỉnh sử dụng vốn đầu tư phát triển một cách hiệu quả. Chính sách thuế của

Nhà nước ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách tỉnh. Chính sách thuế thuận lợi có thể tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và phát triển kinh tế của địa phương. Thuế thu được từ các nguồn như thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, và thuế tiêu dùng đều đóng góp vào ngân sách tỉnh và ảnh hưởng đến quy mô và khả năng đầu tư phát triển.

Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra cơ chế chính sách quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước... có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận đầu tư cũng như hiệu quả của các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khi thực hiện các chương trình/dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một tỉnh, các địa phương đều có những chính sách, thủ tục riêng yêu cầu các đơn vị thực hiện tiếp nhận cần tuân thủ như xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, các thủ tục về đấu thầu, các thủ tục về giải ngân hay chế độ báo cáo định kỳ... các thủ tục này có thể khiến dự án đầu tư phát triển tiếp nhận gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện khiến cho tiến độ các chương trình/dự án bị trì trệ, kéo dài thời gian so với thời gian dự kiến gây tổn thất nguồn lực giảm hiệu quả sử dụng vốn. Do đó, việc nắm bắt và thực hiện đúng các chủ trương của chính phủ, Bộ Kế hoạch đầu tư và UBND tỉnh là vô cùng cần thiết đối với các dự án đầu tư phát triển.

d) Các yếu tố thuộc về các phương pháp và công cụ quản lý nhà nước của tỉnh

Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước của tỉnh có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của một địa phương, cụ thể:

Kế hoạch phát triển của tỉnh: Tỉnh cần xây dựng kế hoạch phát triển dự án đầy đủ và chi tiết để xác định các mục tiêu, ưu tiên và hạng mục đầu tư. Kế hoạch này phải phản ánh chiến lược phát triển của tỉnh và cần nhắc đến các yếu tố đặc thù của khu vực. Quy trình đấu thầu và lựa chọn nhà thầu cần được thiết kế để đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả trong việc chọn nhà thầu cho các dự án đầu tư. Các biện pháp chống tham nhũng và kiểm soát tài chính cũng cần được tích hợp vào quy trình này

Tổ chức và công cụ kiểm soát dự án, bao gồm việc theo dõi tiến độ, nguồn lực, và ngân sách, rất quan trọng để đảm bảo rằng các dự án đầu tư được thực hiện theo kế hoạch và không vượt quá nguồn lực được giao. Điều này giúp tránh lãng phí và chậm trễ trong việc hoàn thành dự án. Sự kiểm toán và giám sát độc lập có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách. Các cơ quan kiểm toán và giám sát nên có quyền hạn đủ để thực hiện công việc của họ một cách hiệu quả.

Công cụ quản lý tài chính và ngân sách chính là các hệ thống và quy trình quản lý nguồn lực tài chính của tỉnh. Điều này bao gồm việc theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững. Sử dụng hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại có thể cải thiện quản lý và giám sát đầu tư. Các công cụ quản lý dự án và hệ thống thông tin tài chính có thể giúp tỉnh nắm bắt thông tin

quan trọng và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Tỉnh cần sử dụng hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại có thể cải thiện quản lý và giám sát đầu tư. Các công cụ quản lý dự án và hệ thống thông tin tài chính có thể giúp tỉnh nắm bắt thông tin quan trọng và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Tóm lại, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước của tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Điều này đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ, minh bạch và tích hợp của tất cả các yếu tố liên quan đến quá trình đầu tư và phát triển dự án.

e) Các yếu tố thuộc về bộ máy và đội ngũ công chức quản lý của tỉnh

Đối với các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, quy mô và phạm vi địa bàn thực hiện rộng do đó nếu cơ chế và năng lực đội ngũ quản lý tốt thì dù nguồn vốn ngân sách nhà nước ít nhưng lại tránh được tình trạng thất thoát, lãng phí do đó hiệu quả sử dụng đạt được lại rất cao. Nhân tố năng lực đội ngũ cán bộ quản lý điều hành được đề cập đến trong các nghiên cứu của S.pindyck, R. và L.Rubinfeld, D. (1995), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013) đã chỉ rõ nếu năng lực, trình độ và kinh nghiệm đội ngũ cán bộ quản lý điều hành dự án tốt sẽ có ảnh hưởng tích cực tới kết quả hoạt động đầu tư phát triển cũng như hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước của dự án. Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành được đánh giá thông qua một số tiêu chí như: trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kinh nghiệm công tác, khả năng tổ chức, năng lực điều hành, phẩm chất trung thực khách quan và khả năng chịu đựng được áp lực cao trong công việc. Năng lực của các cán bộ thực hiện chương trình, quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cũng là một nhân tố ảnh hưởng không nhỏ tới tính hiệu quả và thành công của dự án đầu tư phát triển. Các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư phát triển nói riêng, quản lý đầu tư công từ ngân sách nhà nước cần có kiến thức, kỹ năng trong việc lên kế hoạch, triển khai thực hiện, quản lý nguồn vốn đầu tư phát triển... Điều này đòi hỏi các cán bộ phải có kiến thức chuyên môn sâu về pháp luật, kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ. Ngoài năng lực công tác chuyên môn, các cán bộ quản lý dự án nhất thiết phải có phẩm chất trung thực, khách quan và có khả năng chịu đựng được áp lực cao trong công việc.

Trình độ quản lý, mỗi cơ chế quản lý, vận hành của hệ thống chỉ có thể tồn tại gắn liền với cơ cấu nhất định của hệ thống đó. Do đó, mô hình tổ chức bộ máy chi phối trực tiếp đến quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Mô hình tổ chức bộ máy là cơ sở cho việc thiết lập cơ chế phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước (bao gồm phân quyền, trách nhiệm trong quản lý, phân công nhiệm vụ trong quản lý) và định ra các nguyên tắc xác lập mối quan hệ phối hợp trong quản lý giữa các cấp. Mô hình tổ chức quản lý cũng chi phối đến quy trình lập, phê duyệt, phân bổ ngân sách nhà nước cho vốn đầu tư phát triển, đồng thời nó cũng đặt ra yêu cầu phải thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát tương ứng đối với tất cả các giai đoạn của quá trình vốn đầu tư

phát triển từ ngân sách nhà nước. Nếu mô hình tổ chức quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phù hợp sẽ tạo điều kiện cho việc phân cấp quản lý và thiết lập mối quan hệ phối hợp thuận lợi giữa các cấp. Trình độ quản lý chi phối đến việc quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, đặc biệt là cơ chế phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Nếu trình độ quản lý đồng đều, đáp ứng được yêu cầu quản lý trong điều kiện kinh tế thị trường thì sẽ xác lập được cơ chế quản lý tốt, có khả năng tăng cường phân cấp sâu rộng trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Trình độ quản lý cũng ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và vận dụng các quy luật của thị trường, khả năng triển khai các nguyên tắc, phương pháp quản lý, ứng dụng các kỹ thuật hiện đại vào quản lý cũng như khả năng giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

f. Các yếu tố thuộc về Năng lực tài chính của dự án

Baral (2005); Kouser và cộng sự, (2011) đã nhận định năng lực tài chính chính là khả năng quản trị tài chính, tạo quỹ và dòng tài chính để đảm bảo công việc. Đảm bảo năng lực tài chính tốt là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động. Năng lực tài chính là nguồn lực tài chính của dự án, là khả năng tạo tiền, tổ chức lưu chuyển tiền một cách hợp lý, đảm bảo khả năng thanh toán thể hiện ở quy mô vốn, chất lượng tài sản và khả năng sinh lời đủ để đảm bảo và duy trì hoạt động của dự án được tiến hành bình thường.

Hiệu quả quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN còn phụ thuộc vào nguồn lực đối ứng của chủ đầu tư dự án hay năng lực của tài chính của nhà thầu thi công dự án. Năng lực tài chính của đối tượng tiếp nhận có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn NSNN. Quản lý dự án yêu cầu sự cung cấp liên tục của nguồn vốn để duy trì tiến độ và đảm bảo rằng dự án không bị gián đoạn do thiếu hụt tài chính. Sự đảm bảo có đủ nguồn vốn và khả năng quản lý nguồn này là quan trọng để đảm bảo hiệu quả quản lý dự án. Dự án cần có một khoản dự phòng tài chính để ứng phó với các rủi ro không mong muốn hoặc biến đổi trong quá trình triển khai. Sự dự phòng này có thể đảm bảo rằng dự án vẫn tiến triển mặc dù có xuất hiện các khó khăn tài chính. Do đó, Năng lực tài chính của dự án là một yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

i. Các yếu tố thuộc về Năng lực đội ngũ nhà thầu thi công

Nhân tố năng lực của các bên tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển như Nhà thầu thi công ... được đề cập đến trong các nghiên cứu của S.pindyck, R. và L.Rubinfeld, D. (1995), Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013). Năng lực của đơn vị thực hiện sẽ quyết định tiến độ, chất lượng của các hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN trong giai đoạn thực hiện đầu tư. Nếu đơn vị thi công hay nhà thầu xây lắp có năng lực tài chính tốt, nguồn vốn đối ứng dành cho các dự án đầu tư

phát triển từ nguồn vốn NSNN của các đơn vị này sẽ tốt hơn, điều này rất quan trọng đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước khi các dự án triển khai thực hiện trước sau đó quyết toán khi hoàn thành dự án hoặc được tạm ứng trong khi thực hiện dự án, nếu khả năng duy trì và quay vòng vốn kém sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án. Hay nếu các nhà thầu thiếu kinh nghiệm thi công sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện dự án đặc biệt đối với các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, những khó khăn và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thi công có thể dẫn tới nhưng ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả dự án.

2.3. Kinh nghiệm một số địa phương và bài học cho tỉnh Thái Bình trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.3.1. Kinh nghiệm một số địa phương về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Ở Việt Nam, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê công tác chi ngân sách so với GDP của Việt Nam chiếm tỷ lệ cao, xu hướng tỷ trọng chi ngân sách so với GDP ngày càng tăng từ trên 23% GDP năm 2000, đến trên 29% GDP năm 2009, 2010, sau đó có giảm nhẹ và hiện nay duy trì mức trên 29% GDP, được lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn vay, nguồn vốn viện trợ, vốn Nhà nước khác. Quản lý và sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả đóng vai trò rất quan trọng và quyết định đến sự ổn định và phát triển nền kinh tế quốc gia, đảm bảo an ninh quốc phòng của cả nước cũng như từng địa phương. Ngược lại, nếu quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ NSNN không tốt, sử dụng nguồn vốn này lãng phí sẽ ảnh hưởng rất lớn đến ổn định kinh tế vĩ mô, dẫn đến nợ công, bất ổn tài chính ngân sách. Thực tiễn đầu tư công giai đoạn 2011- 2023 cho thấy, đầu tư Nhà nước đã phát huy vai trò trong những giai đoạn kinh tế khó khăn và là động lực quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, có tác động lan tỏa lớn, nhất là đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng.

Trong giai đoạn vừa qua có rất nhiều địa phương trong cả nước đã có những cách thức làm và làm rất hiệu quả trong thực hiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để phục vụ cho phát triển kinh tế của địa phương đó. Những bài học kinh nghiệm của các địa phương điển hình nghiên cứu này (Các địa phương làm tốt công tác đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước như Quảng Ninh và hai địa phương có điều kiện, đặc điểm tương đồng với tỉnh Thái Bình như Vĩnh Phúc và Nam Định) có thể giúp tạo những bài học kinh nghiệm quý báu đối với tỉnh Thái Bình. Mỗi địa phương với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khác nhau thì việc xây dựng thực hiện chính sách quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cũng khác nhau nhằm tạo ra cơ chế quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp nhất với địa phương đó. Việc nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm của các địa phương điển hình nghiên cứu này xuất phát từ những điều

kiện địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của những điểm tương đồng một cách nhất định để rút ra những bài học có thể áp dụng vào trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.

2.3.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh

Nằm ở địa đầu vùng Đông Bắc của Tổ quốc, Quảng Ninh là tỉnh có các điều kiện về tự nhiên, xã hội đa dạng và phong phú, được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, với diện tích đất liền trên 6.000 km² và diện tích mặt biển tương đương với nhiều tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh riêng. Quảng Ninh là một trong điểm kinh tế, một đầu tàu của vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc. Quảng Ninh có nhiều khu kinh tế, Trung tâm thương mại Móng Cái là đầu mối giao thông giữa Việt Nam - Trung Quốc và các nước trong khu vực. Với tinh thần “dám nghĩ, dám làm”, mạnh dạn đột phá của các cấp lãnh đạo, tỉnh Quảng Ninh vươn lên và trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới, sáng tạo của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc.

Tỉnh Quảng Ninh xác định đầu tư công, quản lý đầu tư công là trụ cột quan trọng trong tăng trưởng GRDP, vì vậy Tỉnh đã lên kế hoạch phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công được giao và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công. Giai đoạn 2016-2021, Quảng Ninh đã phân bổ hơn 49.000 tỷ đồng vốn ngân sách cho đầu tư ở các lĩnh vực. UBND tỉnh Quảng Ninh chủ động trong việc quản lý đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, như phân bổ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh cho các dự án, công trình, chủ đầu tư. Bên cạnh việc bám sát những chỉ đạo của Trung ương, một trong những giải pháp được tỉnh Quảng Ninh thực hiện rất hiệu quả là rà soát lại việc phân bổ các dự án, tập trung tối đa nguồn lực cho những dự án quan trọng, cụ thể như năm 2021, Tỉnh có 16 dự án, thì đến năm 2022 cắt giảm còn 13 dự án. Năm 2023, tổng kế hoạch vốn đầu tư công được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 là 14.804 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách trung ương 1.271 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 8.975 tỷ đồng, ngân sách huyện 4.557 tỷ đồng. Đến nay, đã phân khai chi tiết trên 11.000 tỷ đồng cho các dự án, công trình. Theo báo cáo của HĐND tỉnh Quảng Ninh trong nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ninh, Sự thành công trong thực hiện chính sách đầu tư công của Quảng Ninh xuất phát từ việc chú trọng triển khai đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả các nội dung sau:

Một là, tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công do Nhà nước quy định. Đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN phải bám sát và phục vụ cho việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển xã hội, Việc phân bổ vốn phải phục vụ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch đã được phê duyệt, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Hai là, tỉnh bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch, khoảng cách giàu - nghèo. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; làm dự án nào dứt điểm dự án đó, sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công phải được chi tiết đến từng dự án cụ thể. Chỉ bố trí kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Tuân thủ thứ tự bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư phát triển; việc lựa chọn danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Việc bố trí vốn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư và kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

Ba là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Tinh siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư, công khai minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư phát triển, chú trọng nâng cao năng lực và hiệu lực hoạt động của các cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kết quả quản lý và sử dụng đầu tư công nói chung và đầu tư phát triển nói riêng. Theo dõi, đôn đốc (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân dự án. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công và thực hiện dự án. Các thông tin về dự án đầu tư công được công bố công khai, đầy đủ, kịp thời, và chính xác, gồm trách nhiệm của các bên thực hiện dự án đầu tư phát triển. Đồng thời tỉnh kiên quyết cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn đối với các dự án đầu tư phát triển chậm triển khai, không bảo đảm tỷ lệ giải ngân cho các công trình, dự án có chất lượng chuẩn bị đầu tư tốt hơn, đang có nhu cầu vốn, có tiến độ giải ngân tốt hơn và có khả năng hoàn thành sớm, phát huy hiệu quả.

Quy định rõ ràng trách nhiệm của những người đứng đầu cơ quan chính quyền mỗi cấp trước kết quả quản lý đầu tư công của cấp đó. Tinh yêu cầu gắn trách nhiệm và tăng cường hơn nữa vai trò của người đứng đầu chính quyền các cấp, các sở, ngành liên quan và các chủ đầu tư trong triển khai quyết liệt các giải pháp tăng tỷ lệ

nguồn vốn đầu tư phát triển gắn với khối lượng hoàn thành và nâng cao chất lượng công trình, dự án, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn.

Bốn là là, tỉnh đã đặt nhiệm vụ tập trung làm tốt, nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án khởi công mới, bảo đảm thủ tục chặt chẽ, tuân thủ đúng quy trình, quy định; hoàn thành phân bổ vốn chi tiết và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công gắn với nâng cao chất lượng công trình, dự án. Chính quyền Tỉnh giao các sở, ngành bám sát để thực hiện sớm những khâu, như: chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng...; đồng thời, phân công lãnh đạo Tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành phụ trách từng chủ đầu tư để đôn đốc, thực hiện dự án đúng tiến độ. Đặc biệt, Tỉnh yêu cầu các sở, ngành tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là động lực thúc đẩy tăng trưởng, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần ưu tiên chỉ đạo.

2.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Nam Định

Nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng; tỉnh Nam Định có tiềm năng, lợi thế rất lớn chưa được khai thác hết cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là: Lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, được đào tạo cơ bản, có chất lượng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông mới được đầu tư khá đồng bộ, giúp rút ngắn khoảng cách và thời gian đi đến thủ đô Hà Nội cũng như cảng biển cửa ngõ quốc tế Hải Phòng chỉ còn khoảng 1 giờ đồng hồ. Vùng kinh tế biển của tỉnh rất giàu tiềm năng về phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ và hạ tầng đô thị. Tỉnh luôn đảm bảo an ninh, an toàn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nam Định là địa phương có rất nhiều điểm tương đồng về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên – xã hội đối với tỉnh Thái Bình.

Trong những năm vừa qua, kết quả quản lý nhà nước về ĐTPT từ nguồn vốn NSNN của Nam Định được đánh giá là hết sức ấn tượng. Nhờ triển khai nhiều giải pháp theo hướng đồng bộ mà hoạt động ĐTPT từ NSNN của tỉnh có những tín hiệu tích cực. Đặc biệt, chính quyền tỉnh Nam Định lưu ý các sở, ngành, UBND các huyện cần làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án; kiểm tra, rà soát từng dự án bố trí kế hoạch vốn, đặc biệt là các dự án khởi công mới; lựa chọn dự án đủ thủ tục đầu tư, đáp ứng các điều kiện bố trí vốn theo quy định; nâng cao khả năng sẵn sàng triển khai thực hiện dự án. Năm 2023, kế hoạch vốn ĐTPT từ NSNN của tỉnh Nam Định là 8.560 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 2.420 tỷ đồng; ngân sách địa phương 6.140 tỷ đồng). Trong quý 1/2023, tỉnh đã giải ngân được 19% kế hoạch vốn đầu tư công, xếp thứ 4 toàn quốc. Tỉnh có 5 dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội với tổng kinh phí là 1.511 tỷ đồng; toàn bộ 5 dự án đã được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đầu tư và giao vốn chi tiết. UBND tỉnh Nam Định cũng yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện cần lưu tâm rà soát, điều chỉnh ngay các bất cập đã phát hiện trong thực hiện các dự án ĐTPT năm 2022; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong ĐTPT từ nguồn vốn NSNN, xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá

nhân liên quan, xử lý nghiêm nếu phát hiện các dấu hiệu, hành vi vi phạm các quy định liên quan đến ĐTPT. Nội dung của quản lý nhà nước về ĐTPT từ nguồn vốn NSNN của Nam Định được thực hiện hiệu quả cụ thể như sau:

Thứ nhất, tỉnh Nam Định nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công do Nhà nước quy định. Trong xây dựng định hướng chiến lược, kế hoạch đầu tư công và đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành, hướng dẫn triển khai các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành liên quan trong lĩnh vực đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý ĐTPT.

Thứ hai, trong quản lý thực hiện dự án ĐTPT, tỉnh đã tính đến thứ tự ưu tiên cho các dự án, các nguồn vốn NSNN cho ĐTPT được phân bổ công khai, minh bạch và theo nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã quyết toán, dự án đã hoàn thành rồi mới đến các dự án chuyển tiếp. Từ năm 2011 tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn theo hướng từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư công để nâng cao hiệu quả và tích cực huy động các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển. Để đảm bảo giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch đúng thời gian quy định, tỉnh đã phân công cụ thể từng lãnh đạo tỉnh phụ trách, theo dõi trực tiếp từng dự án trọng điểm; thường xuyên tổ chức các cuộc họp kiểm điểm tiến độ triển khai thủ tục đầu tư và tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công xây lắp để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án theo đúng quy định. UBND tỉnh đã có Quyết định số 741/QĐ-UBND, ngày 14-4-2023, thành lập 3 Tổ công tác để theo dõi, đôn đốc công tác chỉ đạo, điều hành về giải ngân vốn đầu tư phát triển. Đây là một cách làm rất mới, thể hiện sự quyết liệt của tỉnh nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển.

Tỉnh cũng quyết liệt yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư các dự án nâng cao trách nhiệm, tập trung chấn chỉnh công tác chuẩn bị đầu tư và điều chỉnh dự án ĐTPT trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, địa phương đã tích cực phối hợp để khắc phục tình trạng trình phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhiều lần liên quan đến thay đổi các nội dung chi tiết của dự án (như quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phân kỳ đầu tư, địa điểm thực hiện, thời gian thực hiện...). Kiểm soát chặt chẽ quy mô dự án đầu tư từ giai đoạn đề xuất dự án, quyết định chủ trương đầu tư, đảm bảo quy mô đầu tư các dự án phù hợp với nhu cầu thực tế sử dụng, kế hoạch công trung hạn và các quy hoạch, kế hoạch, dự án có liên quan, tránh để xảy ra việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có

liên quan; tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công do Nhà nước quy định. Phân công cụ thể lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện; bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Do đó, chất lượng thi công, các giai đoạn, các hạng mục thi công đều được kiểm soát theo đúng quy trình.

2.3.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và có vị trí quan trọng trong vùng và đặc biệt đối với thủ đô Hà Nội. Với những lợi thế vành đai phát triển công nghiệp các tỉnh phía Bắc, những năm qua Vĩnh Phúc đã phát huy được nội lực, thu hút được đầu tư, sau 8 năm phát triển từ một tỉnh nông nghiệp đã nhanh chóng trở thành tỉnh công nghiệp. Tỉnh Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh liên tục đứng ở vị trí tốp đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong bảng xếp hạng những năm gần đây. Những năm vừa qua, Vĩnh Phúc luôn có mức tăng trưởng về GDP ở mức cao. Năm 2022, tốc độ tăng trưởng đạt 7,89%, đứng thứ 3 trong vùng kinh tế trọng điểm của khu vực Bắc Bộ, sau thành phố Hà Nội (10,2%) và thành phố Bắc Ninh (8,25%) (UBND tỉnh Vĩnh Phúc, 2022). Do nguồn thu ngân sách trong tỉnh tăng với tốc độ cao nên chi ngân sách được bố trí ngày càng tăng và hợp lý hơn. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 18.010 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2018-2022 đạt 17,62%/năm.

Tỉnh luôn coi trọng phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế với phát triển xã hội, phát triển nguồn nhân lực (coi lao động kỹ thuật cũng là một khâu đột phá quan trọng), phát triển vùng sâu vùng xa và bảo vệ môi trường. Theo đó, đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN tập trung vào giải quyết những vấn đề phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, mạng lưới điện, cấp thoát nước, đầu tư phát triển hạ tầng xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn gắn với công tác xóa đói giảm nghèo. Những chủ trương này rất được lòng dân và chính quyền cơ sở. Do vậy, công tác triển khai, quản lý, sử dụng và giám sát rất hiệu quả; tiến độ thực hiện nhanh, tỷ lệ giải ngân hàng năm 90-95%; tỷ lệ đói nghèo hiện nay còn dưới 10%, phấn đấu mỗi năm giảm 2,5%; số lao động qua đào tạo 40% mỗi năm tăng được 3,6%. Tỉnh Vĩnh Phúc coi quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách là một nguồn vốn mồi, xúc tác tạo tiền đề để phát triển KT-XH. Việc quản lý này theo một quy trình rất chặt chẽ, vừa phân cấp để tạo điều kiện cho cơ sở nhưng gắn với trách nhiệm cơ sở vào sự hướng dẫn của cấp trên; đồng thời cũng tập trung ưu tiên đầu tư một số công trình, lĩnh vực, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, coi đây là khâu đột phá. Tất cả các vốn có nguồn gốc NSNN đều phải được HĐND tỉnh xem xét chuẩn y trước khi phân bổ, quyết định. Trong thu hút vốn đầu tư, tỉnh luôn xác định quy hoạch đi trước, đền bù làm trước, làm tốt để luôn có một quỹ đất trống, sạch; tỉnh luôn tạo thuận lợi để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư bằng

cách quan tâm đến lợi ích các doanh nghiệp và môi trường đầu tư. Ngoài ra, tỉnh rất coi trọng xây dựng XDCB và cải cách hành chính, là một trong những địa phương dẫn đầu về cải cách hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Để có được những thành tựu này, Vĩnh Phúc đã thực hiện hoạt động QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN như sau:

Thứ nhất, công tác QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN từng bước được chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về quản lý chỉ đạo và điều hành, thông qua việc thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính và tập trung quản lý về các địa phương và chủ đầu tư. Việc quản lý chặt công tác đầu tư thông qua việc cho chủ trương dự án, thẩm định và trình duyệt dự án đã từng bước giảm nợ đọng đầu tư công đã hạn chế tình hình đầu tư dàn trải. Hệ thống hạ tầng KT-XH của tỉnh được chú trọng đầu tư và phát triển nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển đã đóng góp tích cực trong phát triển KT-XH và xoá đói, giảm nghèo. Bằng việc triển khai đồng bộ các nguồn vốn từ các dự án, chương trình gồm: các nguồn vốn cân đối tập trung từ cấp tỉnh, cấp huyện và nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn viện trợ có mục tiêu của Chính phủ, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ bởi những tập thể, cá nhân trong và ngoài nước,... nhiều chương trình dự án đã hoàn thiện và đi vào hoạt động hiệu quả.

Thứ hai, trên cơ sở những quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hàng năm phòng Tài chính - Kế hoạch đã tổng hợp, lập kế hoạch nguồn vốn đầu tư trong dự toán chi Ngân sách tỉnh trình HĐND, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc và trình với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu Tư phân bổ lại dự toán vốn đầu tư trên cơ sở đó trình UBND Tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện giao dự toán về nguồn vốn đến UBND các xã, phường và các Ban QLDA thuộc Tỉnh Vĩnh Phúc quản lý. Đảm bảo nguồn vốn để các đơn vị và Kho bạc Nhà nước kịp thời giải ngân theo quy định. Kế hoạch nguồn vốn NSNN cho đầu tư phát triển đã được dàn đều ra và ưu tiên cho các công trình quan trọng. Công tác thẩm định dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu ngày một đổi mới và nâng cao về chất lượng. Điều này đã đảm bảo được chất lượng công trình luôn đáp ứng với yêu cầu và chọn được những đơn vị có đủ khả năng thực hiện dự án và góp phần giảm vốn đầu tư. Cơ chế "một cửa" bước đầu được áp dụng để thẩm định dự án và thẩm định nhà thầu đã đạt được hiệu quả và nâng cao được chất lượng công tác thẩm định.

Tỉnh Vĩnh Phúc đã thành lập Tổ công tác đặc biệt thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và phân công cụ thể các đồng chí Lãnh đạo tỉnh chỉ đạo tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư của các dự án trọng điểm; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công theo quy định... Đặc biệt, các Tổ công tác thực hiện kiểm tra đối với các địa phương, các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức trung bình của tỉnh; Nghiêm túc điều chuyển vốn đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp, kiểm điểm trách nhiệm các chủ đầu tư.

Thứ ba, công tác giám sát, đánh giá tổng thể ĐTXD công trình trên địa bàn được UBND tỉnh và tỉnh Vĩnh Phúc quan tâm, chỉ đạo sát sao và nghiêm túc theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ban hành ngày 20/11/2015 của Chính phủ về công tác giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 2/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/12/2015 của Bộ KH&ĐT quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư cho dự án. Sở Kế hoạch và Đầu Tư cũng đã triển khai công tác giám sát, đánh giá đầu tư đến các chủ đầu tư. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra, đánh giá đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện với sự tham gia của các sở ban 47 ngành như: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở GTVT.... rồi tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Bộ KH&ĐT theo quy định. Tỷ lệ các dự án được giám sát, kiểm tra, đánh giá đầu tư hàng năm khá cao đạt trung bình trên 95%. Định kỳ từ 06 tháng và 01 năm, các chủ đầu tư dự án thực hiện nhiệm vụ báo cáo đánh giá, giám sát quá trình đầu tư, qua đó Sở Kế hoạch và Đầu Tư tổng hợp báo cáo đánh giá gửi UBND tỉnh và Bộ KH&ĐT. Các báo cáo này đã trở thành một kênh cung cấp thông tin quan trọng giúp các cơ quan QLDA theo dõi, giám sát, đánh giá về quá trình thực hiện đầu tư, đặc biệt là về hiệu quả đầu tư của các dự án.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình về quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Như vậy, qua tìm hiểu, trong quá trình phát triển, các địa phương đều không ngừng nghiên cứu chính sách đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển phù hợp với hoàn cảnh từng giai đoạn phát triển. Kinh nghiệm rút ra cho thấy, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam nói chung và với một tỉnh nghèo, đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ như Thái Bình nói riêng, cần phải có một văn bản pháp lý đủ mạnh, một quy trình quản lý đầu tư công chặt chẽ, hiệu quả để quản lý quá trình đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước một cách toàn diện và hiệu quả. Vì đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng đất nước, xây dựng địa phương, là động lực chủ chốt cho sự tăng trưởng và phát triển của quốc gia, của một tỉnh, dựng nên cơ sở hạ tầng xã hội, hỗ trợ hoạt động của tất cả các thành phần kinh tế. Thông qua kinh nghiệm từ những điển hình nghiên cứu có thể rút ra một số bài học như sau đối với tỉnh Thái Bình trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Thứ nhất, Tỉnh Thái Bình nên học bài học của tỉnh Quảng Ninh và Nam Định trong việc tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan, tập trung quán triệt và triển khai nghiêm túc, hiệu quả chính sách đầu tư công từ nguồn vốn NSNN, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, hiện đại, sớm hoàn thành đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả thực tế.. Cần phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về đầu tư công; nhất là các

quy định mới ban hành; song song với đó, triển khai kịp thời rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù của địa phương và quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, tiến hành đề xuất kiến nghị sửa đổi những quy định của pháp luật về đầu tư công còn vướng mắc trong quá trình thực hiện tại Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư công, nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ, không tạo kẽ hở dễ bị lợi dụng làm thất thoát, lãng phí đầu tư công. Chủ động đề xuất chính sách cơ chế tính đặc thù, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện nhiều giải pháp tăng thu ngân sách, đẩy mạnh xúc tiến, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ giải quyết các thủ tục đầu tư nhanh gọn. Tỉnh cần coi quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách là một nguồn vốn môi, xúc tác tạo tiền đề để phát triển KT-XH. Việc quản lý này theo một quy trình rất chặt chẽ, vừa phân cấp để tạo điều kiện cho cơ sở nhưng gắn với trách nhiệm cơ sở vào sự hướng dẫn của cấp trên; đồng thời cũng tập trung ưu tiên đầu tư một số công trình, lĩnh vực, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, coi đây là khâu đột phá. Tất cả các vốn có nguồn gốc NSNN đều phải được HĐND tỉnh xem xét chuẩn y trước khi phân bổ, quyết định.

Chính vì vậy, công việc này không phải để lấy thành tích hoạt động của cơ quan hữu quan, mà cần phải hướng đến hiệu quả mang tính nền tảng và trên diện rộng của cộng đồng. Việc kết hợp hiệu quả quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước với các công cụ chính sách khác đòi hỏi có sự điều phối và phối hợp hiệu quả của các cơ quan chức năng liên quan - trở thành một yêu cầu quan trọng. Điều này cũng đòi hỏi công tác điều hành chính sách nói chung phải có sự cân bằng giữa tính linh hoạt và kỷ luật đối với các nguyên tắc đề ra.

Thứ hai, bài học về tổ chức bộ máy quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tỉnh Thái Bình học tập của tỉnh Nam Định, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc quy hoạch, lập kế hoạch trong định hướng đầu tư phát triển, việc quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư đã có sự phân cấp rõ ràng, nâng cao cải cách hành chính và năng lực bộ máy nhà nước. Tổ chức bộ máy quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực sự được coi là nhiệm vụ ưu tiên. Do vậy, đội ngũ lãnh đạo địa phương rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ngay từ những tháng đầu năm, đã có các cuộc họp bàn về công tác giải quyết các vướng mắc trong quá trình quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nghe báo cáo tình hình đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước, ban hành chỉ thị đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước,... điều đó nói lên tính năng động của đội ngũ lãnh đạo địa phương. bài học về phân cấp quản lý.

Tỉnh học kinh nghiệm tỉnh Nam Định, Vĩnh Phúc đối với phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nếu được thực hiện tốt sẽ có tác động rất tích cực tới tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển.

Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước luôn gắn liền với quản lý dự án đầu tư. Đây là một lĩnh vực rất phức tạp, với mặt bằng trình độ quản lý còn thấp, nếu phân cấp mà chưa gắn liền với đào tạo, huấn luyện cán bộ thì phân cấp chưa thể đem lại kết quả như mong muốn. Tăng cường năng lực cho các Ban quản lý dự án, trong đó cần nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định mới của Nhà nước.

Thứ ba, bài học về kế hoạch quản lý, từ kinh nghiệm của tỉnh Nam Định trong việc lập kế hoạch quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là một bộ phận của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đây là công cụ quản lý nhà nước theo mục tiêu được thể hiện bằng những mục tiêu, định hướng phát triển trong một thời gian nhất định. Cùng với tiến trình hội nhập và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác hoạch định kế hoạch quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cần tiếp tục được đổi mới theo hướng tiếp cận với những chính sách và phương pháp tiên tiến.

Thứ tư, tỉnh nên học tập kinh nghiệm của cả ba tỉnh về bài học về giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện dự án đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Mục đích giám sát là đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng dự án, đúng quy định và có hiệu quả. Việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện thông qua chính sách hậu kiểm, phải được kiểm toán nhằm phát hiện những nhân tố mang tính hệ thống ảnh hưởng tới hiệu quả và chất lượng của dự án. Cần thực hiện kiểm tra, giám sát các ban quản lý dự án đầu tư phát triển trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đặc biệt là các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, phát hiện những vấn đề phát sinh và đề xuất các biện pháp giải quyết.

Cần chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay. Cần tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra một cách định kỳ, đột xuất theo quy định ở tất cả các khâu của chu kỳ dự án. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư công cũng cần xác định nhân tố quan trọng ảnh hưởng là nhân tố con người. Do đó, cần phải quan tâm đầu tư để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp giải quyết công việc và ý thức, tinh thần trách nhiệm thông qua các hình thức, như: đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH

3.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình

3.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Bình

Thứ nhất, về vị trí địa lý, địa hình: Thái Bình thuộc Đồng bằng châu thổ sông Hồng, theo Bộ Kế hoạch và đầu tư (2020), diện tích đất tự nhiên của Thái Bình là 1.586,3 km² với địa hình tương đối bằng phẳng với độ dốc nhỏ hơn 1%; được bao bọc bởi hệ thống sông, biển khép kín. Bờ biển dài trên 50 km, có 4 sông lớn chảy qua địa phận của tỉnh: Phía bắc và đông bắc có sông Hóa dài 35,3 km, phía bắc và tây bắc có sông Luộc (phân lưu của sông Hồng) dài 53 km, phía tây và nam là đoạn hạ lưu của sông Hồng dài 67 km, sông Trà Lý (phân lưu cấp 1 của sông Hồng) chảy qua giữa tỉnh từ tây sang đông dài 65 km. Đồng thời có 5 cửa sông lớn (Văn Úc, Diêm Điền, Ba Lạt, Trà Lý, Lân). Các sông này đều chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều, mùa hè mức nước dâng nhanh, lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao, mùa đông lưu lượng giảm nhiều, lượng phù sa không đáng kể. Nước mặn ảnh hưởng sâu vào đất liền (15-20 km), phù hợp và thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp đa ngành.

Vùng Thái Bình có mối quan hệ mật thiết với Biển Đông, qua đó quan hệ với các nước nằm trong khu vực này như: các tỉnh Đông và Đông Nam Trung Quốc: Quảng Đông Hải Nam, Hồng Kông, Ma Cao.... (dân số khoảng trên 150 triệu người, là vùng có chính sách mở cửa, được ưu đãi đặc biệt và đang phát triển nhanh, sôi động của Trung Quốc), Philippin, Indonexia, Singgapo và các nước Đông Nam Á, thông qua hệ thống các cửa khẩu, các hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng như: Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh, vòng cung kinh tế Trung Quốc - Việt Nam - Đông Nam Á, vòng cung kinh tế biển Đông: Hồng Kông - Ma Cao - Thẩm Quyển - Hải Nam - Quảng Ninh - Hải Phòng... Trong đó đáng chú ý là tuyến đường thủy (sông Hồng là con sông cái của vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam, bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam - Trung quốc) có nhiều tiềm năng khai thác để trở thành tuyến vận tải hàng hoá và hành khách cho cả Việt Nam và Trung Quốc. Như vậy, động lực phát triển kinh tế đối với Thái Bình chủ yếu dựa trên lợi thế về vị trí địa lý, mối quan hệ liên vùng và sự hấp dẫn của các nguồn tiềm năng về điều kiện tự nhiên, con người, cơ chế chính sách... Đặc biệt là các lợi thế từ Biển Đông sẽ thúc đẩy mối giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, dịch vụ thương mại, du lịch, văn hoá và khoa học - kỹ thuật giữa Thái Bình với vùng, miền trong cả nước và các nước liên quan đến Biển Đông nói chung và Trung Quốc nói riêng.



Hình 3.1: Bản đồ chỉ giới hành chính tỉnh Thái Bình

Nguồn: UBND tỉnh Thái Bình

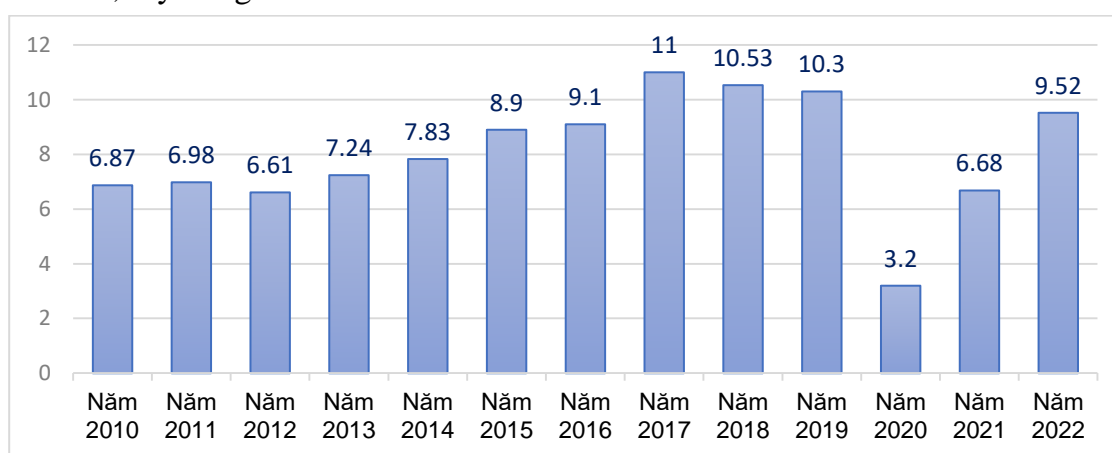
Thứ hai, về tài nguyên đất: Thái Bình có diện tích phù sa màu mỡ, được bồi tụ bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Hệ thống công trình thủy lợi tưới tiêu thuận lợi, góp phần làm nên cánh đồng 14 - 15 tấn/ha, đang thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp để xây dựng cánh đồng 50 - 100 triệu đồng/ha. Tổng diện tích đất tự nhiên 158.630 ha, trong đó: diện tích cây hàng năm: 94.187 ha; ao hồ đã đưa vào sử dụng: 6.018 ha. Hầu hết đất đai đã được cải tạo hàng năm có thể cấy trồng được 3-4 vụ, diện tích có khả năng làm vụ đông khoảng 40.000 ha.

Thứ ba, về khí hậu thủy văn: Thái Bình nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm, có 3 thủy vực khác nhau: (1) nước mặn chiếm khoảng 17 km²; (2) nước lợ chiếm khoảng 20.705 ha; (3) nước ngọt khoảng 9.256 ha. Thái Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, bức xạ mặt trời lớn với tổng bức xạ trên 100 kca/cm²/năm. Số giờ nắng trung bình từ 1.600 - 1.800 giờ/năm, tổng nhiệt cả năm khoảng 8.500 độ C, nhiệt độ trung bình năm từ 23 - 24 độ C, lượng mưa trung bình năm 1.500 - 1.900 mm, độ ẩm từ 80 - 90%.

3.1.2. Khái quát đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình

Thái Bình là tỉnh có dân số đông, đến năm 2020 dân số của tỉnh là 1.874.768 nghìn người, tăng 44.417 người so với năm 2015, đứng thứ 11 cả nước. So với các tỉnh, thành phố trong khu vực đồng bằng sông Hồng, Thái Bình đứng thứ 4, sau thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương. Dân số trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình là 1.878,5 nghìn người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.141,6 nghìn người, trong đó lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế là 1.129 nghìn người. Cơ cấu lao động như sau: lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ 27%, lao động công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ 46,03% và lao động dịch vụ chiếm tỷ lệ

26,97%. Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Toàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho 34.500 lao động, đào tạo nghề cho 36.100 lao động, đạt 100% kế hoạch. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 bảo đảm đúng quy định. Tỉnh thực hiện hỗ trợ đối với 220.961 người lao động và người dân của 3.294 đơn vị, doanh nghiệp với tổng số tiền trên 93 tỷ đồng; hỗ trợ giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động của 2.628 đơn vị với số tiền trên 87,2 tỷ đồng, hỗ trợ bằng tiền mặt cho 186.462 người lao động với số tiền trên 442 tỷ đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà cho 1.283 người lao động của 79 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với số tiền trên 1,8 tỷ đồng.

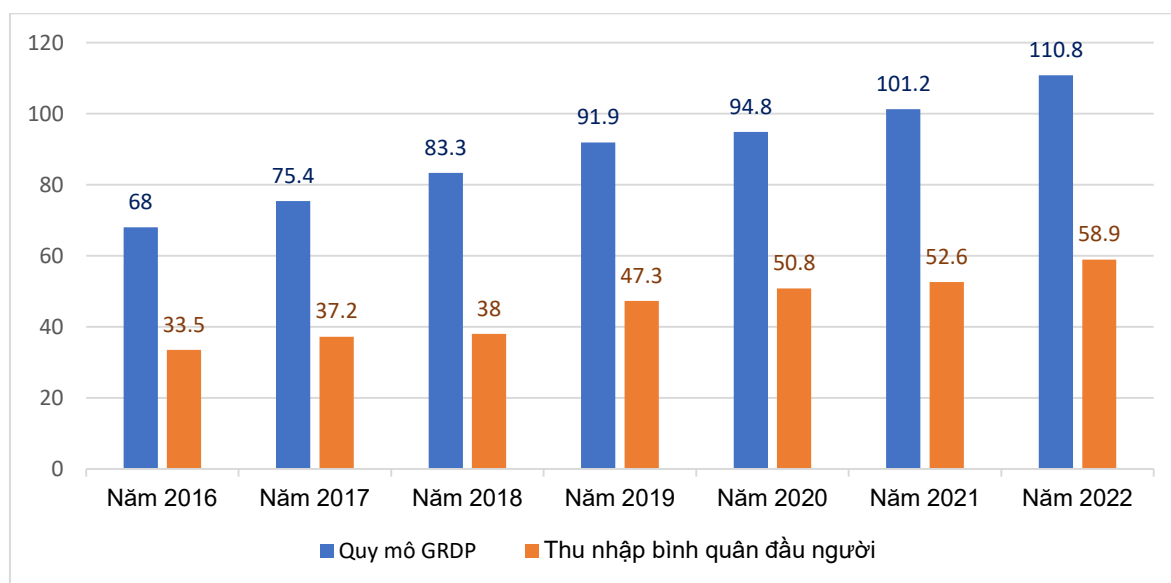


Hình 3.2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP tỉnh Thái Bình

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2010-2022

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010-2019: Trong giai đoạn này, GRDP của tỉnh Thái Bình (tính theo giá so sánh năm 2010) liên tục tăng, cao nhất là năm 2017 tăng đến 11%, năm 2018 tăng 10,5% và năm 2019 là 10,3% cao hơn mức tăng chung của cả nước. Giai đoạn 2010-2022, GRDP của tỉnh Thái Bình (tính theo giá so sánh năm 2010) liên tục tăng, cao nhất là năm 2017 tăng đến 11%, năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Thái Bình chỉ đạt 3,2%, tuy nhiên do sự cố gắng của các cấp ngành, các thành phần kinh tế tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Bình vẫn cao hơn mức tăng chung của cả nước (2,91%) và đến năm 2022 đạt 9.52%. Các năm 2017-2019 cũng là giai đoạn tăng trưởng cao của khu vực dịch vụ tỉnh Thái Bình, đạt mức 7-9%/năm, so với tốc độ chỉ chưa đến 6% của năm 2016. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng thấp nhất trong ba khối ngành, năm 2019 tăng trưởng âm do ảnh hưởng của dịch bệnh trong ngành chăn nuôi, tuy nhiên đến năm 2020 đã hồi phục trở lại. Năm 2022, GRDP trên địa bàn tỉnh Thái

Bình (giá so sánh 2010) đạt 110,8 tỷ đồng, tăng 9,52% so với cùng kỳ năm 2021. Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 13.486 tỷ đồng, tăng 2,56% so với cùng kỳ, đóng góp 0,58 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Khu vực Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 26.810 tỷ đồng, tăng 14,09% so với cùng kỳ, đóng góp 5,76 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng; trong đó: ngành công nghiệp tăng 17,49% (đóng góp 4,71 điểm phần trăm), ngành xây dựng tăng 7,49%. Khu vực dịch vụ ước đạt 18.553 tỷ đồng, tăng 8,15% so với cùng kỳ, đóng góp 2,43 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; thuế sản phẩm đóng góp 0,75 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Tốc độ tăng trưởng GRDP đứng thứ 6/11 tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và thứ 18/63 tỉnh trong cả nước. Quy mô GRDP theo giá hiện hành tỉnh Thái Bình đứng thứ 8/11 tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và đứng thứ 22/63 tỉnh trong cả nước. GRDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 58,9 triệu đồng. Cơ cấu GRDP tỉnh Thái Bình ước năm 2022 (theo giá hiện hành): khu vực Nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,2%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 42,9%; khu vực Dịch vụ chiếm 29,6%; thuế sản phẩm chiếm 6,3%.



Hình 3.3: Quy mô GRDP và thu nhập bình quân đầu người tỉnh Thái Bình

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2016-2022

Thu nhập bình quân đầu người của Tỉnh tăng liên tục trong giai đoạn 2015-2022, năm 2016 đạt 33,5 triệu đồng/tháng/người tăng 10,3% so với năm 2015, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Thái Bình năm 2018 đạt 38 triệu đồng/tháng/người. Năm 2019 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 47,3 triệu đồng/người/năm, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 46,64 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn 2,66%. mặc dù sang năm 2020 vẫn còn chịu nhiều tác động của đại dịch COVID-19,

nhưng thu nhập bình quân đầu người tỉnh Thái Bình năm 2020 đạt 50,76 triệu đồng/người/năm. Với năm 2022, thu nhập bình quân đầu người (GRDP giá hiện hành) đạt 58,9 triệu đồng/người, gấp 1,93 lần so với năm 2016. Tỉnh Thái Bình 237/237 xã (đạt 100%) trên địa bàn tỉnh Thái Bình có thu nhập bình quân đầu người đạt trên 50 triệu đồng/năm.. Tuy nhiên, khu vực nông thôn có mức thu nhập bình quân đầu người 2.745 nghìn đồng/tháng, thấp hơn nhiều so với khu vực thành thị, chỉ bằng 62% mức thu nhập bình quân của khu vực thành thị.

Tính theo các phân ngành kinh tế cấp 1, năm ngành có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2022 là các ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Xây dựng; Sản xuất, phân phối điện; Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô và xe có động cơ khác; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 8,61%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp thủy sản, tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ (tỷ trọng khu vực nông lâm thủy sản trong GRDP năm 2022 đạt 21,2%, giảm 9,1% so với năm 2016, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ đạt 72,5%, năng 10,1% so với năm 2016), Xuất khẩu năm 2022 đạt 2.455 triệu USD, gấp 1,89 lần năm 2016, nhập khẩu đạt 2.095 triệu USD, gấp 1,78 lần so với năm 2016.

3.1.3. Khái quát về tình hình thu và chi ngân sách cho đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình

Công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt kết quả khá, luôn vượt dự toán được giao, bảo đảm cân đối ngân sách cho các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh, nhất là công tác phòng chống dịch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt trên 44.655,95 tỷ đồng, tăng 22,6% so với kế hoạch (thu nội địa đạt 28.975 tỷ đồng, tăng 17,3% so với kế hoạch) và thu ngân sách nhà nước năm 2021 đạt 22.016 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ (trong đó thu nội địa lần đầu tiên vượt 10.000 tỷ đồng). Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2022 đạt 35.346 tỷ đồng, trong đó thu nội địa ước đạt 11.585 tỷ đồng, tăng 10,0% so cùng kỳ. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2022 đạt 26.467 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên ước đạt 9.052 tỷ đồng, tăng 7,0% so năm 2021. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản bảo đảm chặt chẽ; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và giải ngân đầu tư công, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm của tỉnh luôn thuộc tốp đầu trong cả nước. Công tác giải phóng mặt bằng được chỉ đạo quyết liệt; một số dự án, công trình trọng điểm, kết nối quan trọng được tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành, tạo động lực cho phát triển kinh tế. Kết quả đầu tư phát triển của tỉnh giai đoạn vừa qua đạt kết quả khá tích cực, nhiều nhiệm vụ lớn, công trình trọng điểm được triển

khai thực hiện. Tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn hằng năm của tỉnh đạt khá tốt, luôn là tỉnh có tỷ lệ giải ngân hằng năm đạt cao trong cả nước. Theo báo cáo tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh Thái Bình đứng thứ 11 trên 63 tỉnh thành phố của Việt Nam (51,2% trong tổng số vốn đầu tư cần giải ngân là 4.910 tỷ đồng).

Bảng 3.1: Tổng thu ngân sách của tỉnh Thái Bình

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2015	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
TỔNG SỐ	20.263.483	25.896.365	28.502.833	31.508.768	35.346.271
Tổng thu ngân sách nhà nước	7.359.680	9.937.317	8.969.912	12.504.002	15.003.955
Thu nội địa	4.709.278	8.510.503	7.749.704	10.534.374	11.584.614
Thu hải quan	1.244.965	1.221.478	1.139.071	1.889.902	3.390.714
Vay của ngân sách địa phương		165	1.114	19.033	31.033
Thu chuyển giao ngân sách	12.518.162	13.813.297	16.804.545	16.825.892	16.763.924
Thu chuyển nguồn	1.043.205	1.995.343	2.517.209	2.053.650	3.471.339
Thu kết dư ngân sách	81.428	150.244	210.054	106.191	76.020

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2022

Về cơ cấu nguồn thu, các khoản thu lớn của tỉnh Thái Bình trong ngân sách giai đoạn vừa qua gồm có: Thu từ doanh nghiệp và cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (chiếm khoảng 28%); Thu phí xăng dầu (chiếm khoảng 23%); Thu từ tiền sử dụng đất (chiếm khoảng 25%); Thu hải quan (chiếm khoảng 13%). So với các, tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSH, khoản thu từ doanh nghiệp và cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ còn chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu thu; chỉ cao hơn tỉnh Nam Định và Hải Phòng (tuy nhiên Hải Phòng có đặc điểm là tỷ trọng của thu hải quan rất lớn). Tốc độ tăng nguồn thu này cũng tỉnh Thái Bình thời gian qua cũng thấp hơn hầu hết với các tỉnh, thành phố khác trong vùng; chỉ cao hơn tỉnh Nam Định và Vĩnh Phúc (tuy nhiên quy mô khoản thu này của tỉnh Vĩnh Phúc hiện lớn gấp khoảng 9 lần so với tỉnh Thái Bình). Năm 2022, tổng thu ngân sách tỉnh Thái Bình đạt hơn 11.530 tỷ đồng, bằng 160% dự toán Trung ương, tăng 9,5% so với năm 2021. Đây là năm có số thu ngân sách cao nhất từ trước đến nay. Tỉnh Thái Bình thực hiện chi hơn 6.129 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34% tổng số chi NSDP, đạt 188,2% dự toán được HĐND tỉnh giao. Trong đó, thu từ thuế, phí đạt hơn 7.100 tỷ đồng, bằng 124% dự toán Trung ương, tăng 3,7% so với cùng kỳ; 8/8 huyện, thành phố đều vượt dự toán. 14/15 khoản thu hoàn thành vượt mức dự toán, đặc biệt các khoản thu lớn như: Thu tiền sử dụng đất hơn 4.400 tỷ đồng, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài

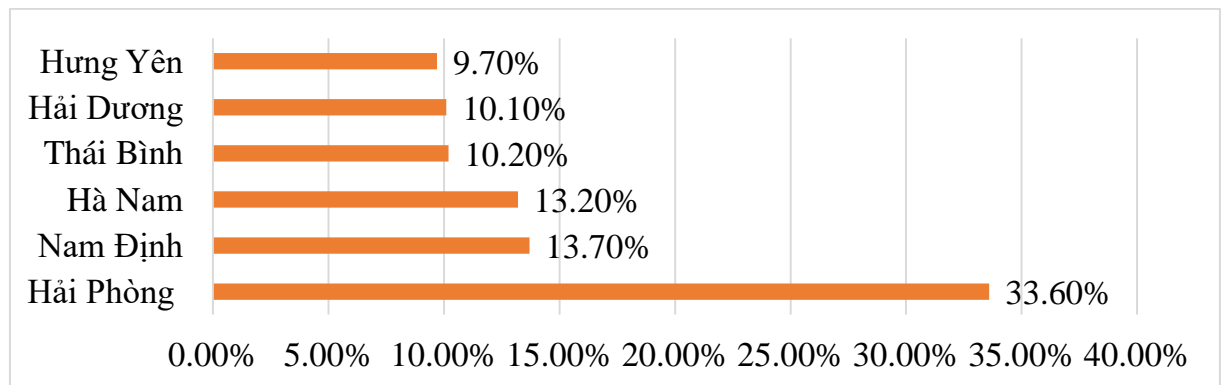
quốc doanh thực hiện hơn 2.200 tỷ đồng, thuế bảo vệ môi trường hơn 2.300 tỷ đồng, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 135 tỷ đồng... Năm qua, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn, tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp nhưng cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế Thái Bình đã vượt khó khăn, thách thức, kịp thời phục hồi, ổn định sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tích cực nộp ngân sách nhà nước với mức tăng cao so với cùng kỳ 2021.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020; trong điều kiện thu ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, nhu cầu đầu tư còn lớn, một số nhiệm vụ dở dang cần phải thực hiện tiếp như Chương trình nước sạch, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Đảng bộ, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực, vượt qua khó khăn, triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Thái Bình đã có bước phát triển vượt bậc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực đạt những kết quả tích cực, góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của địa phương. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 là 231.437 tỷ đồng, tăng bình quân 6,86%/năm; trong đó nguồn vốn nhà nước 76.118 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và dân cư là 144.772 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 10.547 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư công nguồn NSTW hỗ trợ và ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2016- 2020 là 15.832 tỷ đồng; trong đó vốn NSTW hỗ trợ là 7.048 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh là 8.784 tỷ đồng. Kế hoạch vốn ngân sách địa phương Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Thái Bình là 2.270,2 tỷ đồng, kế hoạch vốn tỉnh phân bổ là 6.764,9 tỷ đồng. Giải ngân đến hết ngày 31/1/2023 là 6.145 tỷ đồng, đạt 270% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 90,8% kế hoạch vốn tỉnh phân bổ, trong đó ngân sách cấp tỉnh là 2.684,5 tỷ đồng, giải ngân 2.676,7 tỷ, đạt 99,7% và ngân sách cấp huyện, xã là 4.080,4 tỷ, giải ngân 3.468,3 tỷ đồng, đạt 85%.

Về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công: Công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công luôn được tỉnh xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị, nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; tỉnh đã triển khai, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp quyết liệt nhằm đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm. Do đó, tình hình giải ngân vốn đầu tư công hàng năm của tỉnh đạt kết quả tích cực, tỷ lệ giải ngân hàng năm luôn đạt mức cao so với bình quân chung cả nước (trong đó vốn ngân

sách trung ương hỗ trợ mục tiêu, vốn ngân sách cấp tỉnh luôn đạt tỷ lệ trên 97%), cụ thể: Năm 2020 tỷ lệ giải ngân đạt 141,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 94,5% kế hoạch địa phương phân bổ. Năm 2021 tỷ lệ giải ngân đạt 180,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 89,7% kế hoạch địa phương phân bổ. Năm 2022 tỷ lệ giải ngân đạt 187,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 90,5% kế hoạch địa phương phân bổ. Năm 2023 (6 tháng đầu năm) tỷ lệ giải ngân đạt 49% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 28,8% kế hoạch địa phương phân bổ. Đối với kế hoạch vốn chưa giải ngân hết, hiện nay, UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 đối với dự án đáp ứng điều kiện được phép kéo dài theo quy định của Luật Đầu tư công.

Tuy nhiên, báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình đã chỉ ra tốc độ tăng huy động vốn đầu tư của tỉnh Thái Bình còn thấp hơn so với các tỉnh lân cận. Trong giai đoạn vừa qua, tốc độ tăng huy động của tỉnh Thái Bình đạt bình quân 10,2%/năm, tương đương với tỉnh Hải Dương (10,1%/năm) và chỉ cao hơn không nhiều so với tỉnh Hưng Yên (9,7%/năm), tuy nhiên thấp hơn so với các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Hải Phòng. Tuy vậy, về tổng quy mô huy động, tỉnh Thái Bình vẫn đạt cao hơn so với các tỉnh lân cận, ngoại trừ Hải Phòng.

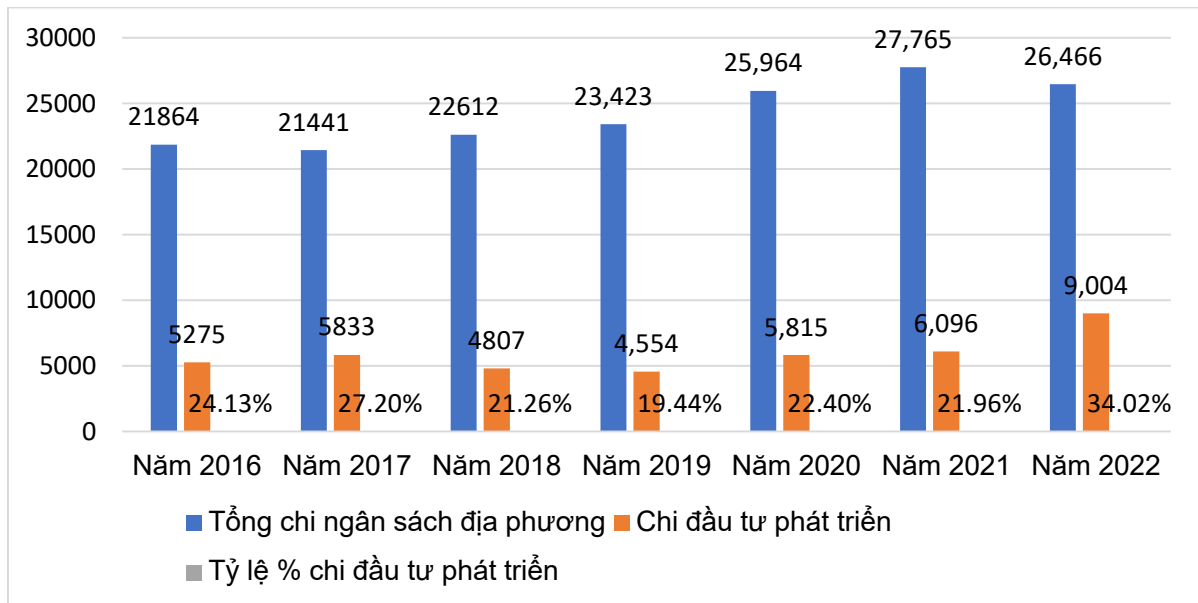


Hình 3.4: So sánh tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội của tỉnh Thái Bình với các tỉnh, thành phố lân cận

Nguồn: Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 thực hiện 75.995.5 tỷ đồng, tăng 40,3% so với giai đoạn 2011-2015; cụ thể: Chi đầu tư phát triển thực hiện 24.806 tỷ đồng, tăng 53,5% so với giai đoạn 2011-2015, chiếm 32,6% tổng chi NSDP; Chi thường xuyên thực hiện 39.265,9 tỷ đồng, tăng 37,9% so với giai đoạn 2011-2015, trong đó: năm 2016 là 21.864 tỷ đồng và năm 2017 đạt 21.441 tỷ đồng và tăng lên là 22.612 tỷ đồng năm 2018 và 23.424 tỷ đồng năm 2019, năm 2020 chi NSNN có sự sụt giảm còn là 20.789 tỷ. Trong tổng chi NSNN, chi đầu tư phát triển chiếm tỷ lệ dao động từ 19,2% - 27,2% giai đoạn 2016-2020. Tổng chi đầu tư phát

triển của tỉnh có sự biến động giai đoạn 2016-2020, năm 2016 là 5.275 tỷ đồng (tăng 41,3% so năm 2015), năm 2017 con số này là 5.833 tỷ đồng (tăng so 2016 là 10,6%), năm 2018 giảm còn là 4.807 tỷ đồng (giảm so 2017 là 17,6%) và năm 2019 con số này là 4.554 tỷ đồng (giảm nhẹ so với năm 2018 là 5,3%) và đến năm 2020 có sụt giảm với mức chi đầu tư còn là 4.005 tỷ đồng. Tỉnh đã cơ cấu lại chi ngân sách, giảm chi thường xuyên đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể... theo lộ trình và kết quả sắp xếp lại bộ máy; đồng thời thực hiện giảm cấp ngân sách chi thường xuyên đối với các Bệnh viện để bổ sung cho mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của ngành y tế và các chính sách an sinh xã hội tại địa phương.



Hình 3.5: Tình hình chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2016-2022

Tỷ lệ chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách địa phương hàng năm của tỉnh Thái Bình trong tổng chi nhìn chung còn thấp so với các địa phương khác trong vùng Đồng Bằng Sông Hồng. Đáng chú ý, trong khi tỷ lệ này từ năm 2018 đến năm 2021 của đại đa số các địa phương đều tăng khá nhiều so với năm 2016 thì đối với tỉnh Thái Bình, tỷ lệ này không có sự thay đổi đáng kể, đều khoảng từ 20% đến 22% tổng nguồn vốn ngân sách địa phương, giảm hơn so với năm 2017 là 27,2%. Đến năm 2022, tỷ lệ chi đầu tư phát triển so với tổng chi ngân sách địa phương của Thái Bình có bước nhảy vọt lên 34,02%, điều này cho thấy hoạt động đầu tư phát triển được địa phương hết sức quan tâm. Thu ngân sách của tỉnh Thái Bình còn có quy mô nhỏ, tốc độ tăng thấp, cơ cấu chưa thực sự bền vững, chưa dựa chủ yếu vào nguồn thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chi ngân sách chịu nhiều áp lực về chi thường xuyên; tích lũy cho chi đầu tư phát

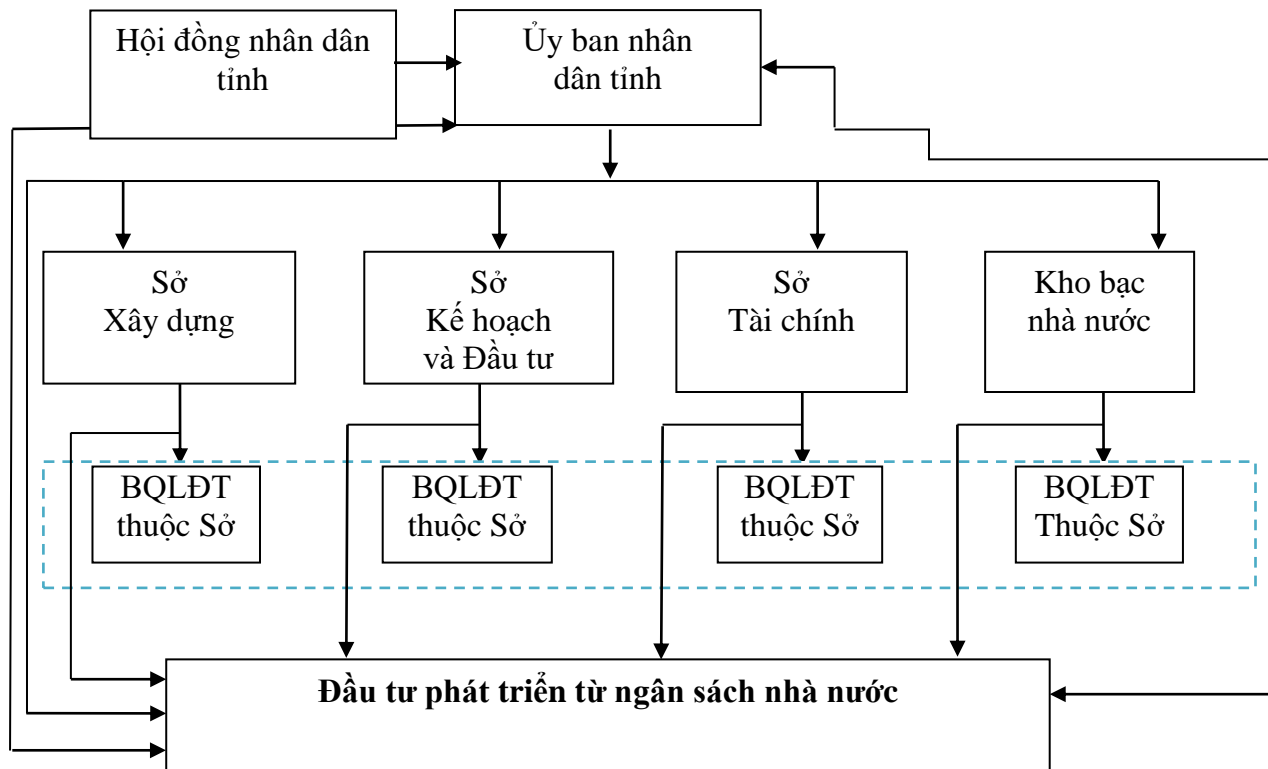
triển còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu. Chỉ cho phát triển nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa theo kịp các địa phương khác trong vùng.

3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

3.2.1. Phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Hiện nay, quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh được thực hiện bởi bộ máy quản lý với nhiều cấp, nhiều khâu, được quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các khâu và các cấp. Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh là cấp hành chính cao nhất trong 3 cấp cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh (tỉnh, huyện và xã). Theo quy định của Hiến pháp, cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh bao gồm Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND (UBND) tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Cũng như các tỉnh khác ở Việt Nam, tỉnh Thái Bình không có tổ chức bộ máy quản lý nhà nước riêng đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, mà các bộ phận này nằm trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Bộ máy quản lý nhà nước mang tính "kiêm nhiệm" ở nhiều khâu của quá trình quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (Xem hình 3.6). Xét trên góc độ quản lý nhà nước đối với tất cả các giai đoạn của chu trình đầu tư phát triển và các loại vốn đầu tư phát triển, chủ thể của quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước bao gồm những cơ quan sau: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Thái Bình thực hiện chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước ở cấp tỉnh giám sát đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước, trong đó có hoạt động quản lý chi từ nguồn vốn NSNN trong đó có hoạt động quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN nhằm tạo lập hệ thống pháp luật và môi trường cho các hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp mình và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp. HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B,C theo thẩm quyền; Quyết định dự toán NSNN địa phương và thông qua dự toán NSNN nói chung và hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn

NSNN nói riêng. Hoạt động này của HĐND tác động đến việc phân bổ, giao vốn NSNN cho đầu tư phát triển.



Hình 3.6: Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Nguồn: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình

Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất tại địa phương. UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo luật định và điều chỉnh hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN trên địa bàn như ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định... Xây dựng và chỉ đạo việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN nói riêng trên địa bàn tỉnh. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án theo thẩm quyền; phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các dự án theo phân cấp quản lý; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan về mọi mặt trong đó có công tác lập kế hoạch đầu tư, thực hiện các nội dung quản lý vốn, quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch được duyệt; Quyết định giao vốn NSNN cho các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra về vốn đầu tư phát triển từ trong đó từ NSNN. Chỉ đạo các Sở, ngành và chính quyền cấp dưới trong quá trình việc tổ chức thực hiện các khâu của quá trình quản lý vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN.

Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh Thái Bình. Sở KH&ĐT thực hiện chức năng quản lý dự đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN với các nội dung được giao như: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư; Cân đối vốn đầu tư làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư công; Chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu; Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán chi NSNN, phân bổ NSNN; Phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh. Sở Tài chính là cơ quan cấp phát và quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở địa phương, thống nhất khoản vốn vay, vốn viện trợ của tỉnh để dành cho đầu tư phát triển. Kho bạc nhà nước tham gia vào công việc thẩm định cấp phát và quản lý tất cả các dự án đầu tư thuộc vốn ngân sách nhà nước hoặc là nguồn vốn được coi như là ngân sách nhà nước, đó là khoản đóng góp, viện trợ không hoàn lại...Ban quản lý đầu tư là người trực tiếp quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển để giúp chủ đầu tư thực hiện dự án. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Ngoài ra, tham gia vào hệ thống quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn có thanh tra tỉnh, thanh tra chuyên ngành, các cơ quan tư pháp, các tổ chức đoàn thể, giám sát của cộng đồng...Về bộ máy và cán bộ quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các ngành, các ban chức năng phần lớn đã được đào tạo cơ bản, có những người do nhiều năm làm việc này, dày dặn kinh nghiệm và được đào tạo một cách có hệ thống, cho nên nhìn chung về việc quản lý quá trình đầu tư phát triển từ khâu lập thẩm định dự án cho đến nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng đều thực hiện tốt. Nhưng điều cần lưu ý là về sự phân công trách nhiệm quản lý giữa các ngành, các sở, các ban thì chưa được chặt chẽ hoặc là bị chồng chéo hoặc có khi lại có khe hở, đôi khi bỏ trống, qua loa. Sự phân công trách nhiệm giữa các cơ quan đầu tư - tài chính - kho bạc nhà nước, việc thẩm định các dự án có tính hình thức, dẫn đến việc quản lý các dự án không hiệu quả.

3.2.2. Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình được xây dựng trên cơ sở các kế hoạch đầu tư của tỉnh. Các kế hoạch này được xây dựng dựa trên các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của vùng. Do đó, có thể nói, việc xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình được xây dựng để có thể đáp ứng yêu cầu thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các huyện; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 16/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm

nhìn đến năm 2050; Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thành lập ban chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh Thái Bình về việc triển khai lập Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, việc lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình được thực hiện khá tốt. Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật. Tỉnh giao Sở KHĐT chủ trì phối hợp với các đơn vị tổ chức lập Kế hoạch đầu tư của địa phương, dự thảo báo cáo của tỉnh báo cáo xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ KHĐT, Bộ Tài chính. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh được xây dựng đã bám sát kế hoạch và yêu cầu đầu tư phát triển của tỉnh. Thực hiện Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, số 39/2019/QH14, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Chỉ thị về xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm, đồng thời Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản hướng dẫn các sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm của địa phương, đơn vị. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau. Căn cứ vào ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ, tình hình thực hiện đầu tư công của tỉnh và nhu cầu vốn đầu tư của các sở, ngành địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Sở Tài chính và các sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm của tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh phê duyệt phương án phân bổ kế hoạch vốn. Trên cơ sở số liệu thông báo dự kiến kế hoạch trung hạn hoặc hàng năm, UBND tỉnh giao Sở KHĐT chủ trì tiếp tục làm việc với các đơn vị hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm báo cáo trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết cho từng danh mục nhiệm vụ dự án. Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh thể chế bằng quyết định, Sở KHĐT thông báo đến từng chủ đầu tư.

Về lập kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hàng năm: Thực hiện quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hàng năm, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn và tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện huyện, thành phố, các chủ đầu

tư (gọi tắt là các đơn vị) tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện, báo cáo nhu cầu đầu tư của các đơn vị và căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, dự kiến phương án, xin ý kiến của Sở Tài chính và tham mưu báo cáo UBND tỉnh về kế hoạch đầu tư công hằng năm. Trên cơ sở báo cáo dự kiến phương án của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh tổ chức họp UBND tỉnh, tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh.

Căn cứ kế hoạch đầu tư công hằng năm được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, HĐND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh đã giao kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm, thông báo kế hoạch vốn hằng năm đến các đơn vị để triển khai thực hiện. Trong quá trình điều hành kế hoạch, căn cứ vào khả năng nguồn thu ngân sách tỉnh, tình hình giải ngân thực tế của dự án và nhu cầu điều chỉnh, bổ sung vốn của các địa phương, đơn vị, UBND tỉnh đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm cho các công trình, dự án của tỉnh để đảm bảo tỷ lệ giải ngân thanh toán, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện thực hiện một số dự án quan trọng, cấp bách của địa phương.

Trong năm 2023, tổng kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh Thái Bình là trên 5.397 tỷ đồng, bao gồm trên 4.909 tỷ đồng kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và trên 487 tỷ đồng địa phương giao thêm. Để giải ngân hết nguồn vốn được giao, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh Thái Bình đã chủ động giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh và vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 cho các dự án đủ thủ tục đầu tư. Theo báo cáo từ Kho bạc Nhà nước Thái Bình, trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã giải ngân được trên 2.500 tỷ đồng, đạt trên 51% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 31% tổng kế hoạch vốn. Hiện tỉnh Thái Bình đang nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về giải ngân vốn đầu tư công.

Bảng 3.2: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nguồn vốn	Giai đoạn 2016-2022	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Tổng số	28,211,475	10,257,078	3,203,330	5,945,052	2,360,392	3,465,092	3,955,672	5,595,422
A	Ngân sách Trung ương	14,765,015	5,191,239	1,655,630	3,040,626	1,291,496	1,982,531	1,977,836	2,910,939
1	NSTW trong nước	7,894,127	543,648	1,280,480	1,198,400	395,890	1,507,100	1,348,489	1,620,120
2	NSTW nước ngoài	1,214,767	106,057	38,894	236,954	377,552	242,500	102,387	110,423
3	Vốn Chương trình MTQG	1,318,556	125,400	107,930	136,200	222,600	499,970		226,456
B	Ngân sách địa phương	13,446,459	5,065,839	1,547,700	2,904,426	1,068,896	1,482,561	1,977,836	2,684,483
Tỷ lệ ngân sách địa phương/ Tổng số nguồn vốn		47.66%	49.39%	48.32%	48.85%	45.28%	42.79%	50.00%	47.98%

(Nguồn: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình)

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2022 là 28,211 nghìn tỷ đồng (Ngân sách TW là 14.765 nghìn tỷ, ngân sách địa phương là 13,446 nghìn tỷ đồng). Giai đoạn 2019 đến 2022, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh đều có xu hướng tăng lên hàng năm, từ hơn 2,360 nghìn tỷ lên đến 5,595 nghìn tỷ, xấp xỉ vốn đầu tư của năm 2018 (bảng 3.1), tỷ lệ giải ngân của ngân sách địa phương so với tổng ngân sách khoảng 45-50%, duy trì trong giai đoạn 2016 đến năm 2022. Trên cơ sở báo cáo nhu cầu vốn của các đơn vị gửi về, nhu cầu đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách cấp tỉnh là rất lớn (khoảng 36.456 tỷ đồng) trong khi khả năng nguồn vốn của tỉnh hạn chế, chỉ đáp ứng được 28% nhu cầu vốn đầu tư công (nguồn vốn ngân sách địa phương để lại cấp tỉnh tại thời điểm xây dựng kế hoạch và phê duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND là 10.151 tỷ đồng). Do đó, việc phân bổ kế hoạch phải xây dựng dựa trên nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ theo quy định, trong đó, phân bổ vốn tập trung, có trọng tâm trọng điểm, xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, không phân bổ kế hoạch vốn đối với các dự án chưa thực sự cấp thiết, chưa cân đối được nguồn vốn, chưa đảm bảo đủ thủ tục theo quy định do các sở, ngành, địa phương đề xuất. Đánh giá chung cho thấy việc bố trí vốn cho các dự án và các Chủ đầu tư, đơn vị quản lý đã sử dụng vốn cơ bản phù hợp, các dự án đã thực hiện đúng thời hạn đầu tư theo quy định. Bằng nguồn vốn đầu tư công trong giai đoạn 2020-2023, nhiều dự án được đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, phải thực hiện giãn cách xã hội, một số dự án phải điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, do đó phải trình cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đã phê duyệt.

Nhìn chung, quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và hằng năm, tỉnh Thái Bình tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan. Việc xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm của tỉnh cơ bản tuân thủ quy định về hồ sơ, mẫu biểu, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hằng năm; phương án phân bổ được lập cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và bố trí cho công trình chuyên tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý được phân bổ tập trung, có trọng tâm trọng điểm, xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, cơ cấu vốn phân bổ hợp lý giữa các ngành, địa phương, không bố trí cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn NSNN. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Kế hoạch đầu tư phát triển trên kế hoạch đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2016-2020 là chu kỳ kế hoạch đầu tiên thực hiện theo Luật Đầu tư công; UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch hàng năm, đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán kế hoạch đầu tư công của tỉnh. Về việc giao kế hoạch vốn: Đối với nguồn Ngân sách Trung ương: Căn cứ Quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã thông báo kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư, đơn vị để triển khai thực hiện.

Đối với nguồn ngân sách địa phương: Căn cứ vào số giao kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/08/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2018-2020 tỉnh Thái Bình tại Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/12/2017; Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 30/7/2018; Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 16/9/2019, Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định giao kế hoạch vốn cho các công trình, dự án để triển khai thực hiện.

Về Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025: Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/9/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Bình, đồng thời Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành các Văn bản số 1804/SKHĐT-TH ngày 27/9/2019, số 2277/SKHĐT-TH ngày 16/10/2020 hướng dẫn xây dựng và rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở báo cáo và đề xuất của các đơn vị, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua phương án dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2020.

Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó thông báo dự kiến tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh Thái Bình. Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 570/SKHĐT-TH ngày 07/4/2021 yêu cầu các sở, ngành, địa phương và chủ đầu tư rà soát lại kế hoạch đầu tư công, đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu. Căn cứ Văn bản số 2279/BKHĐT-TH ngày

22/4/2021, Công điện số 01/CĐ-BKHĐT ngày 28/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 60/HĐND-CTHĐ ngày 29/4/2021, UBND tỉnh đã có Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 29/4/2021 (lần 1) báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến thẩm định về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Ngày 11/5/2021, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 84/TTr-UBND trình HĐND tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; ngày 14/5/2021, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND thông qua phương án dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã có báo cáo số 47/BC-UBND ngày 14/5/2021 (lần 2) báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện Công điện số 03/CĐ-BKHĐT ngày 24/5/2021 và Văn bản số 2635/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Bình, UBND tỉnh đã có văn bản số 2276/UBND-KT ngày 04/6/2021 tiếp thu, giải trình và bổ sung phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công. Trên cơ sở số giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với sở Tài chính và các sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Bình và Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 91/TB-UBND ngày 28/9/2021 thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 1) và Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 (đợt 1) đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

Đối với việc lập và giao kế hoạch đầu tư công hàng năm. Căn cứ dự toán ngân sách, kế hoạch vốn đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có các văn bản hướng dẫn các sở, ngành địa phương tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện, nhu cầu đầu tư của các đơn vị và căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

kế hoạch đầu tư công hàng năm của tỉnh. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công ngân sách địa phương, kế hoạch vốn được bổ sung từ ngân sách tỉnh, trên cơ sở dự kiến khả năng nguồn vốn cấp quản lý, UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn tổ chức xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm ngân sách cấp quản lý bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công theo quy định.

Kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết: số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 về phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2020, số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2021, số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2022, số 55/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2023). Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công ngân sách địa phương, kế hoạch vốn được bổ sung từ ngân sách tỉnh, trên cơ sở dự kiến khả năng nguồn vốn cấp quản lý, UBND các huyện, thành phố, xã phường, thị trấn tổ chức xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm ngân sách cấp quản lý bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công theo quy định. Qua báo cáo cho thấy tổng kế hoạch vốn đầu tư công địa phương thực hiện giai đoạn 2016-2022 là 28,211,475 tỷ đồng, thấp hơn so với tổng kế hoạch vốn đầu tư công địa phương thực hiện trong ba năm (từ 01/01/2020 đến 30/6/2023) là 29.936,7 tỷ đồng, trong đó: Năm 2020 là 5.943,5 tỷ đồng, năm 2021 là 6.902,4 tỷ đồng, năm 2022 là 8.745,1 tỷ đồng, năm 2023 (tính đến 30/6/2023) là 8.345,8 tỷ đồng.

Việc phân cấp nguồn vốn ngân sách tỉnh giao qua cân đối ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh theo Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân ban hành. Cụ thể, trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân, theo đó: Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Thực hiện phân cấp 100% cho ngân sách cấp huyện đối với nguồn thu xổ số kiến thiết theo địa bàn huyện, thành phố. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tỷ lệ điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trong tỉnh (theo từng thời điểm). Đối với nguồn vốn đầu tư công phân cấp giao qua cân đối ngân sách địa phương: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao qua cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) sau khi thực hiện các nhiệm vụ chung của tỉnh (gồm: Quy hoạch tỉnh, cơ chế chính sách, trả vay ngân hàng, đối ứng các dự án ODA) còn lại được phân bổ theo định mức.

Tỉnh dành tối thiểu 30% bổ sung mục tiêu cho cấp huyện để bố trí cho các công trình, dự án thuộc cấp huyện quản lý. Phần vốn còn lại, tỉnh bố trí cho các công trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực do tỉnh quản lý và hỗ trợ một phần bổ sung có mục

tiêu cho các dự án quan trọng, dự án động lực, kết nối, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố. Ngoài ra còn phải đáp ứng các tiêu chí phân bổ về Dân số trung bình, diện tích đất, số đơn vị hành chính cấp xã và xác định mức hỗ trợ theo công thức:

$$K_i = K_{1i} + K_{2i} + K_{3i}$$

$$K_{1i} = \frac{\text{Số dân số trung bình huyện } i}{\text{Tổng dân số toàn tỉnh}}$$

$$K_{2i} = \frac{\text{Diện tích đất tự nhiên huyện } i}{\text{Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh}}$$

$$K_{3i} = \frac{\text{Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện } i}{\text{Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh}}$$

Trong đó:

K_i : Tổng hệ số theo các tiêu chí của huyện i ; K_{1i} : Hệ số theo Tiêu chí dân số trung bình của huyện i ; K_{2i} : Hệ số theo Tiêu chí diện tích đất tự nhiên của huyện i ; K_{3i} : Hệ số theo Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện i
- Xác định mức vốn đầu tư công của các huyện thành phố.

$$V_i = \frac{V \times K_i}{3}$$

Trong đó:

V : Tổng vốn đầu tư công của các huyện, thành phố.

V_i : Mức vốn đầu tư công của huyện i .

Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 và hàng năm của tỉnh Thái Bình đã tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan. Kế hoạch được xây dựng đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, trên cơ sở nhu cầu đầu tư của các sở, ngành, địa phương, đơn vị, đảm bảo phân bổ vốn tập trung, trọng điểm; trong đó đã tham mưu cấp có thẩm quyền chưa thực hiện phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án chưa thực sự cấp thiết, chưa cân đối được nguồn vốn, chưa đảm bảo đủ thủ tục theo quy định do các sở, ngành, địa phương đề xuất. Vì vậy, việc phân cấp vốn đầu tư công cho cấp huyện theo các nguyên tắc tiêu chí, định mức được thực hiện một cách khách quan hơn, phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ kinh tế chính trị của từng địa phương, hạn chế phát sinh tiêu cực do cơ chế xin - cho như trước đây.

Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý được phân bổ tập trung, có trọng tâm trọng điểm, xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, cơ cấu vốn phân bổ hợp lý

giữa các ngành, địa phương, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, bố trí cho công trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; không tham mưu hoặc phân bổ kế hoạch vốn đối với các dự án chưa thực sự cấp thiết, chưa cân đối được nguồn vốn, chưa đảm bảo đủ thủ tục... theo quy định. Tỉnh Thái Bình đã thực hiện tốt việc giao sớm chỉ tiêu kế hoạch. Cho đến nay, cả cấp tỉnh và cấp huyện đều thực hiện giao kế hoạch ngay từ tháng 12 năm trước để không làm chậm thời gian thực hiện của các địa phương, đơn vị. Đây là một bước chuyển biến tích cực trong công tác quản lý vốn ở Thái Bình. Ngay sau khi kế hoạch vốn được phân bổ và giao kế hoạch, căn cứ chức năng được giao, Sở Tài chính kịp thời cấp phát kế hoạch, nhập số kế hoạch vốn được giao trên Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân Sách và Kho bạc (Tabmis) đảm bảo công khai, minh bạch kế hoạch vốn. Các cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn đã đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian thẩm định, kiểm soát chi, tạo thuận lợi hơn cho các chủ đầu tư, các đơn vị trong quá trình thanh toán, giải ngân kế hoạch vốn.

Trong quá trình thực hiện các dự án, UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương thực hiện các thủ tục thanh toán giải ngân đối với các khối lượng hoàn thành nghiệm thu đủ điều kiện. Sau khi hoàn thành, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án theo đúng quy định, sớm đưa dự án vào sử dụng, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí phân bổ vốn theo quy định của năm phân bổ: Kế hoạch đầu tư công hằng năm của tỉnh được xây dựng bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ theo quy định, trong đó, phân bổ vốn tập trung, có trọng tâm trọng điểm, xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, cơ cấu vốn phân bổ hợp lý giữa các ngành, địa phương, ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, bố trí cho công trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; không tham mưu hoặc phân bổ kế hoạch vốn đối với các dự án chưa thực sự cấp thiết, chưa cân đối được nguồn vốn, chưa đảm bảo đủ thủ tục... theo quy định.

Việc chấp hành chính sách, chế độ phân bổ và sử dụng vốn: Việc phân bổ, bố trí vốn cho các dự án theo tiến độ thực hiện, bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đã cơ bản chấp hành đúng các quy định về mức vốn cho ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu; bố trí vốn đúng, đủ điều kiện cho các dự án.

Bảng 3.3. Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các ngành, lĩnh vực của Thái Bình giai đoạn 2016-2022

Đơn vị: Triệu đồng

	Giai đoạn 2016-2022	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng vốn đầu tư phát triển từ NSNN	Giai đoạn 2016-2022	4,283,653	2,975,004	2,747,989	2,064,938	3,732,131	3,428,712	4,641,482
Lĩnh vực kinh tế								
- Nông - lâm nghiệp	5,461,348	1,668,393	941,852	594,652	477,943	718,661	587,365	472,482
- Công nghiệp	40,717		2,698			12,019	23,000	3,000
- Giao thông vận tải	11,722,281	1,606,327	1,028,534	1,181,180	810,990	1,657,990	2,307,827	3,129,433
- Thương mại-dịch vụ	19,460					19,460		
Lĩnh vực xã hội								
- Giáo dục và thể thao	500,936	117,024	98,500	39,715	48,045	53,740	62,251	81,661
- Y tế	1,212,946	348,766	220,800	203,706	127,427	71,886	84,639	155,722
- Văn hoá và du lịch	1,012,102	127,367	182,355	103,221	96,548	289,294	116,008	97,309
- Thương binh xã hội	912,265	117,420	187,578	418,859	115,500	34,611	21,935	16,362
Các lĩnh vực khác	2,991,855	298,357	312,687	206,656	388,485	874,470	225,687	685,513

(Nguồn: Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình)

Số liệu bảng 3.3 cho chúng ta thấy quá trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước tập trung vào các ngành mũi nhọn như nông - lâm nghiệp, kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải, thực hiện các chính sách xã hội như giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, giáo dục - đào tạo, văn hoá thông tin. Nguồn vốn từ ngân sách cũng tập trung chi cho các lĩnh vực chủ yếu, trọng tâm của tỉnh, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ưu tiên cho ngành mũi nhọn. Đối với ngành giao thông vận tải, ngành được ưu tiên mức vốn ngân sách nhiều nhất, vốn ngân sách nhà nước tập trung vào cải tạo lại kết cấu cơ sở hạ tầng giao thông, nâng cấp các tuyến đường từ trung tâm tỉnh đi các huyện của tỉnh và các đường nối với các trục kinh tế lớn của cả nước.

Vốn đầu tư phát triển cho ngành giáo dục cũng được quan tâm. Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai thực hiện hoàn thành nâng cấp cơ sở vật chất, xây mới nhà học, nhà hiệu bộ của 10 trường trung học phổ thông và bố trí nguồn vốn để triển khai tăng cường cơ sở vật chất của trường Cao đẳng nghề, trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật và Trường cao đẳng nghề 19; đồng thời hỗ trợ kinh phí trang thiết bị để nâng cao năng lực đào tạo cho các trường dạy nghề và trường chuyên nghiệp của tỉnh (Cao đẳng văn hóa nghệ thuật, Trường cao đẳng sư phạm, Trường cán bộ thanh thiếu nhi). Về vốn đầu tư cho các ngành y tế, văn hóa, tuy chưa nhiều, nhưng hệ thống văn hoá, y tế đã được cải tạo lại từ đầu ở các vùng thành thị đến nông thôn. Lĩnh vực Văn hóa, Lao động xã hội: cơ bản hoàn thành Dự án đầu tư dữ liệu thông tin cung - cầu lao động, khu điều hành và đào tạo nghề, Trung tâm dịch vụ việc làm; tiếp tục triển khai dự án nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội.

Qua thực tiễn triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu không thể phủ nhận thì việc thực hiện vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Tình trạng đầu tư dàn trải, theo đó, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cũng bị dàn trải. Tình trạng này đã diễn ra trong nhiều năm chậm được khắc phục. Công tác đôn bù và giải phóng mặt bằng ở hầu hết các đầu tư đều có vướng mắc, tiến hành chậm làm chậm tiến độ thực hiện đầu tư, chậm phát huy hiệu quả của đầu tư, có trường hợp phải điều chỉnh địa điểm đầu tư công trình gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước, còn sai sót, vi phạm trong nghiệm thu, giám sát giải phóng mặt bằng. Số lượng dự án đầu tư được duyệt, chờ ngân sách nhà nước cấp vốn có xu hướng ngày càng tăng, không phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm. Nói cách khác, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư phát triển chưa đáp ứng được các yêu cầu về vốn của các dự án đầu tư. Báo cáo giám sát của Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2022 cho thấy, số dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước tăng lên qua các năm, không tương xứng tốc độ tăng của vốn đầu tư. Tình trạng dàn trải thể hiện ngay trong kế hoạch đầu tư phát triển.

3.2.3. Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Trong giai đoạn 2016 - 2022, quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình được thực thi trong bối cảnh hệ thống pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước và quản lý dự án đầu tư đã được tiếp tục hoàn thiện một bước. Luật Ngân sách nhà nước có hiệu lực từ 2015 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, Nghị định 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH 2020 Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư có hiệu lực từ 2020, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết 1023/NQ-UBTVQH13 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14) và Các Nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025. Đây cũng là giai đoạn thực hiện phân cấp mạnh giữa trung ương và địa phương, việc phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các địa phương được thực hiện thống nhất theo hệ thống tiêu chí do Chính phủ ban hành. Những chuyển biến đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương nói chung và tỉnh Thái Bình nói riêng thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Quy trình quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển một dự án bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình được thực hiện theo Điều 55. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và Điều 56. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm của Luật Đầu tư công 2019. Kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh từ NSNN chia ra thành 2 giai đoạn là: Lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn và tỉnh căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn thì mới phân bổ kế hoạch đầu tư công hằng năm trên cơ sở tổng kế hoạch vốn được giao trung hạn của chương trình, dự án. Trình tự từ bước lập, thẩm định, trình phê duyệt ở Điều 55, 56, 60, 61, 62, 63 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Thực tế tại tỉnh Thái Bình, UBND tỉnh căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C (Tiêu chí phân loại các nhóm dự án được quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14). Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án tại cấp tỉnh:

Theo quy định tại Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13: Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án: Chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư; Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này. Tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C của địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương. UBND các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư: Chương trình sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư; dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; Được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, nhóm C quy định tại điểm b khoản này cho cơ quan cấp dưới. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định; Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã; được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại điểm b khoản này cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân quyết định việc giao cho UBND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương. Các chương trình, dự án được quyết định chủ trương đầu tư phải đảm bảo các điều kiện: (1) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. (2) Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư. (3) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn. (4) Phù hợp với khả năng vay, trả nợ công, nợ Chính phủ và nợ chính quyền địa phương. (5) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

Đối với quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm: Giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn. Đối với quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý: Chủ tịch UBND các cấp có trách nhiệm: Giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp dưới trực tiếp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý; Chỉ đạo cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định. UBND trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, phạm vi, quy mô, tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Về thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình dự án đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, dự án nhóm B, nhóm C, do cấp mình quản lý. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án phải dựa trên các căn cứ: (1) Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. (2) Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (3) Sự cần thiết của chương trình, dự án. (4) Mục tiêu của chương trình, dự án. (5) Chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. (6) Khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để thực hiện chương trình, dự án.

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh Thái Bình thực hiện đúng theo quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc Hội, Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và các hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Giai đoạn từ năm 2016-2020, tỉnh Thái Bình đã ban hành tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 25/6/2015 của Hội đồng nhân dân, Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh), theo đó Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm theo quy định, UBND tỉnh phê duyệt các dự án nhóm C thuộc tỉnh quản lý; Quy định phân cấp quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016, Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 12/10/2017, Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh); Quy định phân cấp quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017); Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 (Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định 19/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh); Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2017 (Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Giai đoạn từ năm 2020-2022: Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân); giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh), theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng; phân cấp, phân công quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình (Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh); Quy định phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình (Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh); Điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Bình (Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 24/02/2020, Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 29/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)... Căn cứ các quy định của Trung ương, của tỉnh, các huyện, thành phố cũng xây dựng những quy định về phân cấp thuộc cấp mình quản lý đảm bảo đúng

quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa hiệu quả quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách trên địa bàn.

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt bằng nhiều các biện pháp: Thành lập 03 Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư và quản lý các dự án cấp tỉnh (gồm: *Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ban quản lý dự án xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp*), ở cấp huyện: mỗi huyện thành lập 01 Ban quản lý dự án cấp huyện để quản lý và triển khai các dự án đầu tư của huyện; thành lập các Tổ công tác hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và giải quyết các tồn tại cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư; thường xuyên tổ chức kiểm tra thực tế và làm việc với các Ban Quản lý dự án, UBND các huyện, thành phố nghe báo cáo tiến độ và chỉ đạo giải quyết kịp thời các vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án trọng điểm của tỉnh. Nổi bật là công tác giải phóng mặt bằng được Tỉnh ủy, HĐND, UBND lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xác định việc GPMB là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cấp uỷ, chính quyền nơi có dự án, do đó đã tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác GPMB, các địa phương đã có các cách làm hay, sáng tạo, nhiều hộ dân đã tự nguyện hiến đất để thực hiện các dự án, đã đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan chuyên môn thực hiện các chức năng thẩm định, quản lý xây dựng cơ bản, quản lý vốn ngân sách nhà nước đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính tạo điều kiện tối đa cho các đơn vị, doanh nghiệp. Do vậy, tiến độ thực hiện dự án và giải ngân hàng năm (nhất là đối với các dự án trọng điểm của tỉnh) luôn đạt khá, hàng năm là tỉnh có tỷ lệ giải ngân cao so với bình quân chung cả nước.

Việc thẩm định, phê duyệt: Công tác tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm được thực hiện bảo đảm đầy đủ hồ sơ, nội dung và cơ bản bảo đảm thời gian theo quy định và hướng dẫn của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chuyên môn về quản lý đầu tư công) chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của tỉnh, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định. Căn cứ ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kế hoạch vốn đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở ngành tiếp tục rà soát, tham mưu báo cáo UBND tỉnh, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng theo quy định.

Đối với kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm của cấp huyện, thành phố: UBND huyện, thành phố lập phương án kế hoạch đầu tư công của đơn vị (kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị Sở Tài chính phối hợp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Về giao kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các đơn vị: Căn cứ kế hoạch đầu tư công hàng năm được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giao và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định giao kế hoạch vốn và Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch vốn hàng năm cho từng đơn vị ngay từ đầu năm để triển khai thực hiện. Thời gian phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư hàng năm bảo đảm yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công (trước 31/12 của năm kế hoạch). Hàng năm, tỉnh bố trí vốn để triển khai các công trình, dự án luôn gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực hiện các đột phá phát triển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra, trong đó tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối các trục giao thông đầu mối trong tỉnh với các trung tâm kinh tế trong vùng, các tuyến đường huyết mạch trong tỉnh, xây dựng và phát triển Khu kinh tế Thái Bình thành trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện huyện, thành phố và các chủ đầu tư tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn, bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm: Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, các Chủ đầu tư đã tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được giao từ đầu năm. Do đó, tỉnh Thái Bình đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung thêm kế hoạch vốn ngân sách trung ương để bố trí cho các công trình dự án có tiến độ tốt, tỷ lệ giải ngân cao. Căn cứ quyết định về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các quyết định giao kế hoạch vốn, thông báo kịp thời cho các chủ đầu tư, đồng thời chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân hết kế hoạch vốn được Trung ương giao bổ sung hàng năm. Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tiến độ thi công, giải ngân của các dự án và nhu cầu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của các địa phương, đơn vị, UBND tỉnh xem xét thực hiện điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm đối với các công trình, dự án của tỉnh để đảm bảo tỷ lệ thanh

toán giải ngân, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện một số dự án quan trọng, cấp bách của địa phương. Từ 01/01/2020 đến hết 30/6/2023, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định đầu tư đối với 123 dự án với tổng mức đầu tư là 10.463,4 tỷ đồng, trong đó dự án nhóm A: 02 dự án với tổng mức đầu tư 5.102,8 tỷ đồng, dự án nhóm B: 22 dự án với tổng mức đầu tư 3.744,7 tỷ đồng, dự án nhóm C: 99 dự án với tổng mức đầu tư 1.585,9 tỷ đồng; trong đó số dự án đã phê duyệt điều chỉnh là 11 dự án.

Về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Việc giao chủ đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 13/6/2019. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng dự án và tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh giao các Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp) làm chủ đầu tư dự án hoặc giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư. Hàng năm, UBND tỉnh ban hành văn bản về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, trong đó chỉ đạo các chủ đầu tư phải thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc, kịp thời có giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án (nếu có); đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng, sớm hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Hình thức tổ chức quản lý dự án: Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc tổ chức quản lý dự án. Việc áp dụng hình thức tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. Trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư về hình thức quản lý dự án, các cơ quan chuyên môn về xây dựng xem xét, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt cụ thể hình thức quản lý dự án trong quyết định phê duyệt dự án, làm cơ sở để tổ chức thực hiện. Trong đó, đối với dự án do Ban quản lý dự án chuyên ngành của tỉnh làm chủ đầu tư thì Ban quản lý dự án trực tiếp quản lý dự án; đối với dự án do cơ quan, tổ chức làm chủ đầu tư thì chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án (trường hợp đủ điều kiện theo quy định) hoặc thuê đơn vị tư vấn để quản lý dự án; đối với dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư thì Ban quản lý dự án cấp huyện thực hiện quản lý dự án.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán của các đơn vị cơ bản tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định hiện hành của pháp luật. Sau khi dự án được phê duyệt, các chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để khảo sát, lập thiết kế, dự toán xây dựng công trình; hồ sơ thiết kế, dự toán được lập phù hợp với dự án được phê duyệt, các quy hoạch có liên quan, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, bảo đảm mỹ quan, môi trường, phù hợp với

yêu cầu sử dụng và chi phí xây dựng hợp lý. Quá trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình được thực hiện theo đúng quy định của tỉnh về phân công, phân cấp thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Công tác thẩm định thiết kế, dự toán công trình ngày càng được nâng cao về chất lượng, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng, định mức kinh tế - kỹ thuật của nhà nước, hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai các dự án. Các chủ đầu tư có Ban quản lý dự án chuyên nghiệp trực thuộc các sở, ngành hoặc UBND huyện, thành phố cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ, chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện dự án, chấp hành tốt các quy định về quản lý đầu tư xây dựng. Các chủ đầu tư không chuyên đã nắm bắt kịp thời công tác quản lý dự án hoặc thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án theo quy định trong quá trình thực hiện dự án. Các nhà thầu thi công xây dựng được lựa chọn đã cơ bản bảo đảm về năng lực về kinh nghiệm, kỹ thuật và tài chính để thi công xây dựng công trình.

- Công tác đấu thầu: Công tác đấu thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu đã cơ bản đảm bảo theo quy định, từ năm 2020 đến nay, tổng số gói thầu của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh là 1.281 gói thầu; trong đó, số gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi là 321 gói thầu; số gói thầu thực hiện chỉ định thầu là 855 gói thầu; số gói thầu chào hàng cạnh tranh là 01 gói thầu; số gói thầu tự thực hiện là 104 gói thầu. Báo cáo về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu thầu theo quy định của pháp luật: Việc thực hiện các quy định về công tác đấu thầu của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư ngày càng đi vào nề nếp, tuân thủ các quy định của nhà nước. Đã thực hiện đầy đủ báo cáo về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu thầu theo quy định của pháp luật; Ban hành, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về đấu thầu; Công tác thanh tra, kiểm tra trong đấu thầu được thực hiện đã kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp sai phạm, đôn đốc, nhắc nhở các chủ đầu tư, nhà thầu tuân thủ các quy định của nhà nước trong quá trình thực hiện dự án. Tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu là: 1,62% (so sánh giữa giá trúng thầu và dự toán gói thầu). Các gói thầu được chỉ định thầu phù hợp quy định tại Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ cho phép chỉ định thầu không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công; gói thầu rà phá bom mìn vật nổ chỉ định thầu phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22, Điều 28 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Các gói đấu thầu hạn chế: Không. Các gói thầu sử dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng đấu thầu quốc gia: 211 gói thầu.

Thực tế thời gian qua tại Thái Bình cho thấy trong tổ chức triển khai quản lý kế hoạch đầu tư công còn một số tồn tại, hạn chế: Việc lập, xây dựng kế hoạch chưa sát

thực tế, không khả thi dẫn đến một số dự án không có vốn triển khai thực hiện; phân bổ kế hoạch vốn còn dàn trải, số lượng dự án được bố trí kế hoạch vốn nhiều, còn chậm bố trí vốn cho các công trình dự án để thanh toán đã có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Còn có dự án phải xin ý kiến cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đã được bố trí. Công tác lập, thẩm định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định phê duyệt dự án còn hạn chế, nhất là năng lực của một số đơn vị tư vấn yếu kém, dẫn đến phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, kéo dài tiến độ thực hiện dự án. Công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu còn dễ xảy ra sai sót.

Một số chủ đầu tư còn dễ xảy ra sai sót trong quá trình lựa chọn nhà thầu như: Nội dung lập, trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa đủ các nội dung, đề xuất về loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng không có căn cứ, đơn vị thẩm định phải trả lại hồ sơ, làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục; một số trường hợp đưa các tiêu chí ngoài quy định vào hồ sơ mời thầu, việc đánh giá hồ sơ dự thầu còn mang tính chủ quan; một số chủ đầu tư, bên mời thầu chậm đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; việc trả lời kiến nghị của nhà thầu đôi khi chưa kịp thời, nội dung trả lời còn sơ sài, hình thức dẫn đến nhà thầu phải kiến nghị lên Hội đồng tư vấn đấu thầu, làm phát sinh thủ tục, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

Về quyết toán vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh, có hai loại quyết toán vốn là quyết toán vốn đầu tư phát triển theo năm và quyết toán vốn đầu tư phát triển theo công trình, dự án. Về quyết toán vốn theo năm, sau khi kết thúc năm tài chính, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được kiểm tra để đánh giá lại tiến độ giải ngân, lượng vốn đã được sử dụng, xác định tính đúng đắn của số liệu báo cáo thực hiện vốn đầu tư phát triển... Việc quyết toán vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện theo hướng dẫn của Chính Phủ về chế độ quyết toán vốn đầu tư phát triển. Giai đoạn 2021-2025 cơ bản thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, các dự án ngay sau khi hoàn thành đã khẩn trương hoàn thiện thủ tục trình Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công tác thẩm định được thực hiện đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Bên cạnh đó, thực tế triển khai cho thấy công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án đầu tư phát triển vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên tiến độ thực hiện và giải ngân một số dự án còn chậm. Nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của tỉnh lớn trong khi nguồn lực của tỉnh còn hạn chế. Nguồn vốn cần tập trung thanh toán cho các công trình đã hoàn thành và chuyển tiếp; trong khi tỉnh tiếp tục phải thực hiện một số dự án trọng điểm, cấp bách ngay trong năm 2021, 2022 và các năm tiếp theo nên việc triển khai rất khó khăn.

3.2.4. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Đánh giá về kết quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua cho thấy các đánh giá nằm dao động từ mức 3,49 đến 4,19. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là “Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước” với 4,19 điểm. Một số nội dung có mức điểm đánh giá khá thấp như “Tính hiệu suất của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước” chỉ đạt 3,49. Điều này cũng thể hiện đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua được thực hiện mức khá, tiêu chí bền vững và tác động tốt cho hoạt động phát triển kinh tế xã hội của địa phương với một số dự án đầu tư phát triển về hạ tầng giao thông vận tải, giáo dục và y tế. Về tính hiệu suất đạt kết quả không quá cao do thực tế chi phí xây dựng thực tế đồng nhất (có mức tăng giảm đáng kể) với chi phí xây dựng trên kế hoạch, việc lập và phê duyệt dự án không hợp lý, xác định dự toán, tổng mức đầu tư còn nhiều sai sót, thiếu chính xác,... dẫn đến hầu hết các dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư, trong đó nhiều dự án phải điều chỉnh nhiều lần, tổng mức đầu tư điều chỉnh cao gấp nhiều lần so với tổng mức đầu tư phê duyệt ban đầu. Điều chỉnh chủ yếu là về vốn, tiến độ đầu tư, quy mô; tổng mức đầu tư và tình trạng chi trả thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lương, nợ nguyên vật liệu tại một số dự án vẫn xảy ra gây chậm kế hoạch của dự án đầu tư phát triển so với thực tế.

Bảng 3.4: Đánh giá kết quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình theo các tiêu chí

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn
PH	Tính phù hợp của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước	3.632	1.238
HQ	Tính hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước	3.579	1.177
HS	Tính hiệu suất của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước	3.493	1.255
TD	Tính tác động của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước	3.724	1.146
BV	Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước	4.191	1.040

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư giai đoạn 2016 đến nay trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục thẩm định và giám sát đánh giá đầu tư

của Chính phủ tại các nghị định: số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015, số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư, hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình đã có văn bản triển khai đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư đề nghị báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư và các biểu mẫu giám sát đánh giá đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và UBND cấp huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành các cơ chế chính sách trong lĩnh vực đầu tư và hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với các văn bản quy định pháp luật và các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Qua đó hướng dẫn các cơ quan quản lý, chủ đầu tư, các đơn vị liên quan kịp thời nắm bắt, cập nhật các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đầu tư. Hàng năm, trên cơ sở rà soát các danh mục dự án đầu tư, Các cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư, xây dựng lồng ghép chức năng giám sát trong quá trình kiểm tra chất lượng công trình, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, trong đó nêu rõ mục đích yêu cầu; phương pháp thực hiện; nội dung giám sát và đánh giá đầu tư; thời gian và tổ chức thực hiện.

Căn cứ kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư, đã ban hành các quyết định thành lập đoàn giám sát và đánh giá đầu tư. Trên cơ sở thực tế triển khai các thủ tục đầu tư các dự án, các cơ quan xây dựng lịch làm việc gửi tới các chủ đầu tư chi tiết, cụ thể về thời gian, địa điểm để thực hiện giám sát. Các Chủ đầu tư đã chủ động xây dựng báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định, báo cáo trực tiếp với đoàn giám sát tại buổi làm việc và thực hiện giám sát các nội dung về tiến độ thực hiện dự án, cam kết của nhà thầu thi công trên hiện trường công trình. Qua công tác giám sát, đã kịp thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế của các đơn vị trong quá trình quản lý, thực hiện dự án, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi triển khai các dự án. Hàng năm, thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của tỉnh, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định về thời gian, chất lượng.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư tỉnh Thái Bình trong đó báo cáo về tình hình quản lý quy hoạch, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, các dự án sử dụng nguồn vốn khác, tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư và cơ quan nhà nước... gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo đúng thẩm

quyền, nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo kết luận đúng quy định của pháp luật; kế hoạch thanh tra, kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ đầu năm làm căn cứ thống nhất để các đơn vị thực hiện. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời một số tồn tại, sai phạm trên trong lĩnh vực quản lý đầu tư công; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng cơ bản, quản lý vốn đầu tư công. Các đối tượng, đơn vị thanh tra chấp hành nghiêm chỉnh các quy định theo yêu cầu. Tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế: Việc thực hiện chế độ thông tin, tổng hợp báo cáo công tác thanh tra của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, làm ảnh hưởng đến chất lượng dự báo, đánh giá tình hình chung và công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư gửi về, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình đã tổng hợp báo cáo tình hình đầu tư giai đoạn 2016-2022 các dự án thuộc cấp tỉnh, huyện quản lý:

Bảng 3.5. Tổng hợp số liệu công tác thanh tra, kiểm tra dự án đầu tư phát triển của Thái Bình giai đoạn 2016-2022

Đơn vị: Dự án

Các ngành lĩnh vực	Giai đoạn 2016-2022	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng	223	28	34	39	42	15	30	35
- Nông - lâm nghiệp	88	11	14	16	16	6	12	13
- Công nghiệp								
- Giao thông vận tải	90	12	14	15	17	5	11	16
- Thương mại-dịch vụ								
Lĩnh vực xã hội								
- Giáo dục và thể thao	12	2	2	2	2	2	1	1
- Y tế	10	2	1	2	1	1	2	1
- Văn hoá và du lịch	10	1	1	2	3		2	1
- Thương binh xã hội								
Các lĩnh vực khác	13		2	2	3	1	2	3

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình

Trong giai đoạn 2016-2022, Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo kết luận đúng quy định của pháp luật; kế hoạch thanh tra, kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ đầu năm làm căn cứ thống nhất để các đơn vị thực hiện. Giai đoạn 2016-2022, tỉnh đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 233 dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên tất cả các lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông, xây dựng, giáo dục.

Bảng 3.6. Tổng số tiền thu hồi các dự án thanh tra, kiểm tra của Thái Bình

Đơn vị: Triệu đồng

Thanh tra, kiểm tra	Dự án ĐTPT	Thu hồi	Giảm trừ
Giai đoạn 2020-2022	62	1,780	1,180
Giai đoạn 2016-2020	161	3,559	2,360
Tổng	223	5,339	3,541

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời một số tồn tại, sai phạm trên trong lĩnh vực quản lý đầu tư công; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng cơ bản, quản lý vốn đầu tư công. Các đối tượng, đơn vị thanh tra chấp hành nghiêm chỉnh các quy định theo yêu cầu. Các đơn vị được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán đã thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục, hoàn thiện hồ sơ phục vụ công tác kiểm toán. Sau khi có Kết luận kiểm toán, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện các kết luận của Kiểm toán nhà nước hàng năm, chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo quy định. Việc thực hiện kết luận sau Kiểm toán cơ bản được thực hiện đầy đủ, đúng quy định và các nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Tổng hợp số liệu công tác thanh tra, kiểm tra, giảm trừ giá trị thanh quyết, toán; thu hồi ngân sách nhà nước: Giai đoạn 2020-2022, Tổng số dự án đã được thanh tra, kiểm tra là 62 dự án; gói thầu đã được thanh tra là 39 gói thầu xây lắp, 01 gói thầu tư vấn lập dự án thu hồi cho NSNN 1,780 tỷ đồng. Giai đoạn 2016 -2020 tổng số 161 dự án thu hồi về hơn 3,559 tỷ đồng.

Tuy nhiên việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán còn gặp một số khó khăn, hạn chế: Việc thực hiện chế độ thông tin, tổng hợp báo cáo công tác thanh tra, kiểm toán của một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, làm ảnh hưởng đến chất lượng dự báo, đánh giá tình hình chung và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là trong giai đoạn 2020-2022 ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đề ra. Việc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của một số đơn vị còn chậm, kéo dài và chưa đầy đủ.

Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát chưa chặt chẽ, thường xuyên, liên tục. Việc quản lý sử dụng ngân sách có nơi chưa đảm bảo quy định, hàng năm, qua các cuộc thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng đã chỉ ra và yêu cầu rút kinh nghiệm, thực hiện các biện pháp khắc phục, công tác quản lý kế hoạch vốn của tỉnh còn thủ công, chưa áp dụng triệt để các ứng dụng, phần mềm trong quản lý đầu tư công (Hiện nay mới quản lý chi tiết danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và quản lý ngân sách trên hệ thống Tabmis)...

3.2.5. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình

Các yếu tố thuộc về chiến lược và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:
 Quy mô kinh tế tỉnh còn nhỏ, trình độ phát triển chưa cao, chất lượng tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc chủ yếu vào vốn đầu tư và lao động. Việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế tuy đạt kết quả tích cực nhưng còn chậm so với yêu cầu, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu kinh tế còn cao, nhất là so với các tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSH. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Thái Bình còn chưa đạt trung bình cả nước, tốc độ bất kịp có dấu hiệu chững lại trong các năm gần đây. Một số “điểm nghẽn” trong môi trường đầu tư kinh doanh còn chậm được cải thiện; xếp hạng về đào tạo lao động, tiếp cận đất đai trong bộ chỉ số về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Thái Bình vẫn rất thấp so với các địa phương khác trong vùng ĐBSH. Hệ thống cơ chế, chính sách chậm đổi mới so với yêu cầu phát triển mới; hỗ trợ thực tế từ chính sách cho các ngành, lĩnh vực phi nông nghiệp còn rất hạn chế so với lĩnh vực nông nghiệp. Chuỗi giá trị sản xuất chưa hoàn chỉnh, các ngành sản xuất nông, lâm thủy sản phát triển nhưng mức độ liên kết với các ngành công nghiệp còn hạn chế do các ngành công nghiệp chủ yếu là sản xuất gia công, thâm dụng lao động.

Kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt và sẽ sớm trở thành một nước thu nhập trung bình cao. Xuất khẩu là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong 10 năm qua và tiếp tục có cơ hội phát triển thuận lợi hơn với nhiều Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết và có hiệu lực, nhất là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ 14/01/2019 và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ 01/8/2020. Qua đó, tỉnh Thái Bình có cơ hội để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, chế biến xuất khẩu, tham gia nhiều hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mạng lưới giao thông của vùng nói riêng và cả nước nói chung tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ trong giai đoạn tới nhằm thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời gian 2021-2030 đã đề ra. Đây là cơ hội để Thái Bình nâng cao tính kết nối với các địa phương là các trung tâm công nghiệp của vùng, tiếp cận tốt hơn các hạ tầng chiến lược của quốc gia như cảng hàng không quốc tế, cảng biển cửa ngõ quốc tế, qua đó nâng cao tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tiềm năng. Làn sóng chuyển dịch sản xuất khỏi Trung Quốc sang các quốc gia khác vốn đã bắt đầu từ trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát sẽ trở nên rõ rệt hơn trong thời gian tới, trong đó Việt Nam là một điểm đến rất được các nhà đầu tư trên thế giới chú ý. Đây là cơ hội để các địa phương thu hút đầu tư trên cơ sở có sự chuẩn bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính tạo thuận lợi cho nhà đầu tư. Thái Bình nằm trong vùng ĐBSH là một trong hai trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, các tỉnh xung quanh đều có tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP cao, là điều kiện thuận lợi để đón nhận sự lan tỏa về phát triển công nghiệp trong vùng.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta còn chưa thực sự hoàn chỉnh, đồng bộ, đầy đủ; hệ thống chính sách, pháp luật của Trung ương còn nhiều vướng mắc, chông chéo, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, dẫn đến nhiều khó khăn cho các tỉnh, thành phố trong điều hành, quản lý kinh tế, xã hội tại địa phương. Với các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, ngoài việc có cơ hội tiếp cận thị trường các quốc gia khác, Việt Nam cũng phải mở cửa thị trường nội địa cho sản phẩm, dịch vụ từ các nước khác. Điều này làm tăng sức ép cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong nước trước hàng nhập khẩu. Các địa phương trong vùng ĐBSH nói riêng, cả nước nói chung đang cạnh tranh gay gắt về thu hút đầu tư; các tỉnh, thành phố đều chú trọng ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh. Đặc biệt là với cộng đồng doanh nghiệp sẵn có và cơ sở hạ tầng thuận lợi, nhiều tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSH hiện có lợi thế hơn so với tỉnh Thái Bình trong thu hút đầu tư. Tỷ lệ di dân ra khỏi địa bàn tỉnh ở mức cao, hướng về các địa phương khác có nhiều cơ hội việc làm thu nhập tốt và các tiện ích, dịch vụ chất lượng cao phục vụ đời sống. Tỉnh đứng trước nguy cơ đối mặt với tình trạng thiếu nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng, chất lượng. Việc thiếu nguồn lao động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp tại địa phương.

Yếu tố thuộc về tiến bộ khoa học công nghệ: Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ khiến lao động giá rẻ sẽ không còn là lợi thế trong tương lai gần. Mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng được nhìn nhận là phương thức duy nhất bảo đảm cho sự thịnh vượng kinh tế trong dài hạn. Tụt hậu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới là nguy cơ hiện hữu và sẽ khiến sức cạnh tranh kinh tế của tỉnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi không còn lợi thế về nguồn lao động dồi dào, chi phí thấp. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức lớn nhất cho tương lai phát triển bền vững của nhân loại, ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực, địa bàn nhất là nông nghiệp, tài nguyên nước và các khu vực ven biển của tỉnh Thái Bình. Đẩy nhanh phát triển kinh tế và thu hút đầu tư đặt tỉnh trước nguy cơ về ô nhiễm môi trường, các hoạt động sản xuất kinh tế gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, mức độ bền vững trên các mặt xã hội.

Thực hiện nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành văn bản hướng dẫn nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của các doanh nghiệp. Nhà nước nghiên cứu, có giải pháp khuyến khích, hỗ trợ hoạt động này của các doanh nghiệp. Mục tiêu hướng tới của Thái Bình năm 2030 là nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là

trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số (trước mắt tập trung vào việc giải quyết các TTHC trực tuyến), xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trong công tác quản lý nhà nước, xây dựng thành phố thông minh. Ngoài ra, tỉnh tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thông tin Khoa học và công nghệ. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức Khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Đánh giá cơ chế và chính sách của nhà nước: Kết quả đánh giá đối với nhân tố Tính cơ chế và chính sách của nhà nước hiện nay đang ở mức trung bình và khá, Các nhận định nằm dao động từ mức 2,8 đến 3,4. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là “Môi trường pháp luật trong quy hoạch, kế hoạch, lập thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng” với 3, 4. Một số nội dung có mức điểm đánh giá khá thấp như “Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện kịp thời so với yêu cầu tiến độ mà dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đặt ra” chỉ đạt 2,88. Điều này cũng thể hiện một thực tế tồn tại lâu nay, nhiều dự án nằm giữa các khu đô thị, lại thiếu vốn đối ứng phục vụ giải phóng mặt bằng nên công tác giải phóng gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và tổng mức đầu tư dự án. Hầu hết các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đều bị chậm bàn giao mặt bằng, nhiều gói thầu gần đến thời điểm kết thúc thời gian thi công vẫn chưa được bàn giao đủ mặt bằng. Mức điểm đánh giá cụ thể được thể hiện thông qua bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 3.7: Tổng hợp đánh giá về cơ chế và chính sách của nhà nước

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn
DBCS1	Chính sách, chiến lược đầu tư phát triển được xây dựng trên các căn cứ rõ ràng, được hoạch định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ?	3.316	1.159
DBCS2	Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phù hợp với cơ chế, chính sách quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam?	3.118	1.168
DBCS3	Môi trường pháp luật trong quy hoạch, kế hoạch, lập thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng	3.414	1.182
DBCS4	Khi xây dựng chương trình đầu tư phát triển tại địa phương thường lường trước những rủi ro chính sách trong thời gian thực hiện dự án?	2.954	1.273
DBCS5	Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước đối	3.145	1.165

	với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được ban hành kịp thời, đảm bảo đáp ứng tình hình thực tế?		
DBCS6	Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện kịp thời so với yêu cầu tiến độ mà dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đặt ra?	2.816	1.159
DBCS7	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án; tăng cường sự giám sát đối với các dự án ở Thái Bình đã được chú trọng?	3.138	1.068

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Đánh giá Năng lực tài chính: Kết quả đánh giá đối với nhân tố Năng lực tài chính hiện nay đang ở mức khá và cao, mức điểm đánh giá cụ thể được thể hiện thông qua bảng 3.8. Các nhận định nằm dao động từ mức 2,8 đến 3,8. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là “Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích” với 3,8. Nội dung có mức điểm đánh giá thấp nhất là “Vốn cho các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn” đạt 2,8. Do tình trạng vốn đầu tư các dự án từ ngân sách nhà nước dần trải nên xảy ra tình trạng vốn NSNN cho một số dự án đầu tư phát triển triển khai vẫn còn chậm so với kế hoạch làm dự án kém hiệu quả.

Bảng 3.8: Tổng hợp đánh giá về Năng lực tài chính

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn
NLTC1	Trong các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư phát triển tiến độ giải ngân vốn ngân sách nhà nước luôn theo đúng kế hoạch đề ra?	3.375	1.047
NLTC2	Luôn có vốn dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra trong từng dự án?	2.868	1.120
NLTC3	Vốn cho các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn?	2.836	1.026
NLTC4	Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích?	3.809	0.982

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Tuy nhiên, việc các chủ đầu tư tính toán chưa sát phần vốn phục vụ công tác giải phóng mặt bằng được đề cập trong quyết định đầu tư và những phức tạp trong các thủ tục pháp lý hiện hành mới là nguyên nhân chính khiến việc bố trí vốn trở lên

căng thẳng. Nhận định trên hoàn toàn có cơ sở, khi có đến 90% các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình có số lượng hộ dân bị ảnh hưởng cũng như chi phí đền bù, hỗ trợ di dời tăng lên sau khi chính quyền địa phương chính thức bắt tay vào đo đạc, kiểm đếm và áp giá. Trong trường hợp thiếu vốn, các sở, ngành phải tự chịu trách nhiệm. Đây chính là biểu hiện của việc thực hiện nghiêm kỷ luật ngân sách, nhất là trong giai đoạn kinh tế trong nước đang gặp nhiều khó khăn.

Đánh giá Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành: Kết quả đánh giá đối với nhân tố Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành hiện nay đang ở mức khá và cao, mức điểm đánh giá cụ thể được thể hiện thông qua bảng tổng hợp dưới Bảng 3.9:

Bảng 3.9: Tổng hợp đánh giá về Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn
NLCB1	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại?	4.2	1.04
NLCB2	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành và nắm vững tình hình thực tế của các dự án?	3.80	0.982
NLCB3	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ?	3.112	0.873
NLCB4	Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các dự án đầu tư phát triển đã được kiểm soát chặt chẽ?	3.546	1.035

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Các nhận định nằm dao động từ mức 3,1 đến 4,2. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại (NLCB1) với 4,2. Đa số các cán bộ đều có trình độ sau đại học đúng với chuyên ngành kỹ thuật được đào tạo. Nhận định có mức điểm thấp nhất là Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ với 3,11 điểm, do có sự phối hợp không đồng bộ giữa các cơ quan quản lý của tỉnh Thái Bình khác nhau như Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở tài chính, Kho Bạc nhà nước, và “Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các dự án đầu tư phát triển đã được kiểm

soát chặt chẽ” đánh giá điểm 3,54, ở mức khá, tuy nhiên vẫn xảy ra những biểu hiện tiêu cực, gian lận, tham nhũng trong các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình vẫn đang là một thực trạng đáng lo ngại đối với các cơ quan quản lý của tỉnh Thái Bình. Đây là các dự án lớn, phức tạp, thực hiện trong thời gian dài, dễ xảy ra các hành vi gian lận tuy nhiên số vụ việc được phát hiện và xử lý còn rất ít và đều không phải do chủ đầu tư hay các cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình phát hiện. Việc phối hợp, kết hợp cũng như trách nhiệm của các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Sở Giao thông, Sở xây dựng và huyện trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chưa chặt chẽ, chưa thống nhất, chưa rõ ràng.

Đánh giá Năng lực nhà thầu thi công: Kết quả đánh giá đối với nhân tố “Năng lực nhà thầu thi công” hiện nay đang ở mức khá, Các nhận định nằm dao động từ mức 2,8 đến 3,2 ở mức trung bình khá. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là NLNT3 với 3,3. Nhận định NLNT2, NLNT4 có mức điểm đánh giá thấp nhất đạt 2,8. Điều này cũng thể hiện một thực tế là các nhà thầu trong nước rất hạn chế về năng lực tài chính và kinh nghiệm thi công so với các nhà thầu nước ngoài và việc nhà thầu chính thuê các nhà thầu phụ vẫn chưa đảm bảo theo đúng các điều kiện quy định tại hợp đồng các dự án đầu tư phát triển tại Thái Bình. Để đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư, trong hồ sơ mời sơ tuyển một số dự án, tỉnh Thái Bình sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100. Cụ thể, năng lực về tài chính của nhà đầu tư chiếm tỷ trọng 60% tổng số điểm (tương ứng với 60 điểm); năng lực về kinh nghiệm của nhà đầu tư chiếm tỷ trọng 30% tổng số điểm (30 điểm) và phương pháp triển khai dự án của nhà đầu tư chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm (10 điểm). Mức điểm đánh giá cụ thể được thể hiện thông qua bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 3.10: Tổng hợp đánh giá về Năng lực nhà thầu thi công

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	TB	Độ lệch chuẩn
NLNT1	Năng lực của đơn vị thi công trong nước: điều kiện con người, trình độ quản lý, trang thiết bị ... đã đáp ứng được yêu cầu của các dự án đầu tư phát triển tại Thái Bình	2.941	1.169
NLNT2	Việc nhà thầu chính thuê các nhà thầu phụ đã đảm bảo theo đúng các điều kiện quy định tại hợp đồng các dự án đầu tư phát triển tại Thái Bình	2.816	1.094

NLNT3	Khi triển khai dự án, nhà thầu đã sử dụng các nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chấp thuận để thi công với sự quản lý giám sát chặt chẽ về mặt tiến độ, chất lượng cũng như an toàn trong quá trình thi công?	3.250	1.081
NLNT4	Trước khi thi công bất kỳ hạng mục nào, Nhà thầu đều tổ chức phổ biến kiến thức an toàn, kiểm tra các máy móc thiết bị và chỉ dẫn chi tiết cho cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường nhằm mục đích hoàn thành giai đoạn thi công một cách hiệu quả mà không có bất kỳ tai nạn hay sự cố nào xảy ra?	2.895	1.037
NLNT5	Trong quá trình thi công, Nhà thầu đã tuân thủ theo đúng yêu cầu của dự án, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Bản vẽ thi công, Biện pháp thi công được duyệt, không có sự cố lớn nào xảy ra; tất cả các khiếm khuyết nhỏ đều được Nhà thầu sửa chữa, khắc phục đảm bảo chất lượng, được Tư vấn chấp thuận; Hồ sơ chất lượng được thể hiện rõ trong Hồ sơ hoàn công	3.118	1.091

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Đánh giá phương pháp và công cụ quản lý nhà nước: Kết quả đánh giá đối với nhân tố “Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước của tỉnh Thái Bình” hiện nay đang ở mức khá, Các nhận định nằm dao động từ mức 3,4 đến 3,7 ở mức khá. Nhận định đạt mức điểm đánh giá cao nhất là “Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả” với 3,75 điểm. Nhận định CCQL2, CCQL3 có mức điểm đánh giá thấp nhất đạt 3,4 và 3,5 điểm ở mức khá. Điều này, cũng thể hiện một thực tế tỉnh đã tiến hành đổi mới đầu tư công phải hướng tới mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính Nhà nước, bảo đảm cho bộ máy hành chính hoạt động thông suốt, chuyên nghiệp và hiệu quả. Đây là cơ hội tỉnh Thái Bình thu hút đầu tư trên cơ sở có sự chuẩn bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính tạo thuận lợi cho nhà đầu tư. Thông qua cải cách, chuyển đổi số, đổi mới hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình bảo đảm cho việc sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả hơn. Thực tiễn cho thấy, công cụ, phương pháp quản lý đầu tư phát triển hiện đại và các yếu tố hỗ trợ khác được thực hiện để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển như hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách hệ thống quản trị, điều hành, quy hoạch và hoạch định chính sách, tiếp tục chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Mức điểm đánh giá cụ thể được thể hiện thông qua bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 3.11: Tổng hợp đánh giá về Phương pháp và công cụ QLNN của tỉnh Thái Bình

Biến mã hóa	Nhận định khảo sát	TB	Độ lệch chuẩn
CCQL1	Tổ chức và công cụ kiểm soát dự án, bao gồm việc theo dõi tiến độ, nguồn lực, và ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch và hiệu quả	3.507	1.218
CCQL2	Công tác theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững	3.461	1.085
CCQL3	Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả	3.750	1.099

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu bằng SPSS của nghiên cứu sinh

Thời gian qua, Thái Bình đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các ngành, lĩnh vực; tập trung đầu tư hạ tầng, dữ liệu và nền tảng số; xây dựng nguồn nhân lực và hệ thống an toàn, an ninh mạng để đẩy mạnh chuyển đổi số, nhất là trên 3 lĩnh vực chính gồm: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong chính quyền số, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, tỷ lệ văn bản điện tử ký số, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Tỉnh triển khai các hệ thống, nền tảng phục vụ chính quyền số như: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Tỉnh đã thực hiện đẩy mạnh đấu thầu qua hệ thống điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các mục tiêu từ năm 2025 đạt 100% các gói thầu thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi được tổ chức đấu thầu qua mạng (phù hợp với điều kiện hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hỗ trợ được về kỹ thuật hạ tầng tại thời điểm triển khai lựa chọn nhà thầu); 100% dữ liệu của nhà thầu được đánh giá, chấm điểm và chia sẻ trên Website của Sở Kế hoạch Đầu tư. Trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, các mục tiêu cần đạt là 100% ứng dụng nhật ký công trình điện tử và áp dụng chữ ký số trong công tác quản lý dự án; Xây dựng cơ sở dữ liệu giá vật tư thiết bị mua sắm cho đầu tư xây dựng với ít nhất 50% vật tư thiết bị được đưa vào quản lý. Đối với công tác quản lý hồ sơ của dự án: mục tiêu đến hết năm 2025 có tối thiểu 80% hồ sơ dự án đầu tư phát triển từ NSNN được quản lý dưới dạng hồ sơ điện tử. Do đó, vấn đề đặt ra là cải cách, đổi mới hoạt động đầu tư công hướng theo mục tiêu bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả.

3.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

3.3.1. Những thành công

Tỉnh đã kịp thời và quyết liệt trong công tác chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của Chính phủ và của Tỉnh, đảm bảo việc

quản lý, sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, không để phát sinh nợ đọng, tồn đọng vốn. Đã giải quyết dứt điểm nợ đọng từ các năm trước chuyển sang và không để phát sinh nợ đọng mới. Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đáp ứng được một số yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, nâng cao hiệu quả vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, tăng năng lực sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đã tạo ra được hệ thống tài sản mới cho tỉnh, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô của tỉnh.

Công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã đi vào nề nếp và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào việc định hướng phát triển tổng thể, dài hạn đối với các ngành và các địa phương, đã xây dựng và ban hành Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, cung cấp thông tin cần thiết để xây dựng chương trình phát triển, các dự án thu hút đầu tư.

Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đã được thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật; đã tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cấp, các ngành; các mặt công tác kỹ thuật được nâng cao, góp phần nâng cao chất lượng quy hoạch; bảo đảm tính hệ thống và tính khả thi.

Quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đã chấp hành theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước như: hoạt động đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí, ngân sách nhà nước, vấn đề thuế, thanh quyết toán, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Công tác phân cấp, giám sát đánh giá đầu tư bước đầu được triển khai. Điều này làm giảm đáng kể sự rườm rà, phức tạp của quy trình quản lý dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước; tăng cường tính tự chủ, sáng tạo cho các chủ thể quản lý, cấp trên không ôm đồm, còn cấp dưới không thụ động, bị động. Đã tăng cường năng lực hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý nhà nước trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước khá đầy đủ với những quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Thanh tra tỉnh.

Tỉnh đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị được giao quản lý dự án việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý ngân sách nhà nước. Qua công tác thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện sai phạm trong công tác quản lý đầu tư phát triển.

3.3.2. Những mặt còn hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

3.3.2.1. Những hạn chế

Thứ nhất, công tác quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN vẫn còn chậm trễ, dòn khối lượng công việc, vốn vào cuối năm gây khó khăn trong thực hiện. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN

thường xuyên phải điều chỉnh bổ sung trong năm, gây khó khăn cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát vốn, làm giảm tính pháp lý của kế hoạch. Ngoài ra, công tác thẩm định thiết kế dự toán còn những khiếm khuyết nhất định, dẫn đến nhiều dự án đầu tư quá quy mô cần thiết, hoặc chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, chia thành nhiều giai đoạn cho phù hợp với quyết định đầu tư, nên phải điều chỉnh lại tổng dự toán trong quá trình thực hiện dự án. Đối với khâu cấp phát, thanh toán vốn đầu tư phát triển từ NSNN: Công tác tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư phát triển còn chậm về hoàn chỉnh thủ tục đầu tư và thủ tục đấu thầu, nhất là dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh thiết kế dự toán, trình duyệt khối lượng phát sinh của dự án, gói thầu. Khâu nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu và tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành để hoàn tất thủ tục thanh toán vốn cũng chậm trễ. Số vốn giải ngân, thanh toán khối lượng hoàn thành khó sát với thực tế vì chỉ kiểm soát thanh toán trên hồ sơ. Công tác nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư tuy đã cải tiến và giảm thiểu các thủ tục hành chính, song vẫn là khâu mất nhiều thời gian với chủ đầu tư và nhà thầu. Các dự án thông thường được thanh toán qua KBNN nên khi có chênh lệch giữa số liệu quyết toán của UBND tỉnh Thái Bình và số liệu thanh toán của KBNN tỉnh Thái Bình thì rất khó xử lý. Trách nhiệm giữa KBNN tỉnh Thái Bình, UBND tỉnh Thái Bình và chủ đầu tư trong thanh toán vốn đầu tư chưa rõ ràng.

Thứ hai, công tác quản lý thực hiện kế hoạch vốn của tỉnh còn thủ công, chưa áp dụng triệt để các ứng dụng, phần mềm trong quản lý đầu tư công (Hiện nay mới quản lý chi tiết danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và quản lý ngân sách trên hệ thống Tabmis). Việc bố trí, phân bổ vốn còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, không rõ ràng về trình tự ưu tiên, có xu hướng chia đều cho các ngành, các vùng, tính khả thi và hiệu quả của từng dự án đầu tư chưa cao, tính cân đối liên ngành, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc lập chương trình bị hạn chế. Một số dự án đầu tư không thực hiện theo đúng tiến độ, kế hoạch. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cho thấy những sai phạm qua các năm không giảm đi mà còn có xu hướng ngày càng gia tăng.

Thứ ba, việc lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém chưa sát thực tế, không khả thi dẫn đến một số dự án không có vốn triển khai thực hiện; phân bổ kế hoạch vốn còn dàn trải, số lượng dự án được bố trí kế hoạch vốn nhiều, còn chậm bố trí vốn cho các công trình dự án để thanh toán đã có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Tình trạng đầu tư dàn trải, theo đó, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cũng bị dàn trải, tình trạng này đã diễn ra trong nhiều năm chậm được khắc phục. Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng ở hầu hết các đầu tư đều có vướng mắc, tiến hành chậm làm chậm tiến độ thực hiện đầu tư. Việc quản lý cấp phát vốn chưa tập trung thông nhất vào một đầu mối, nhiều cơ quan cùng tham gia: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài

chính, Kho bạc nhà nước nên dẫn tới hoạt động quản lý nhà nước và chức năng giám sát chi chưa được phân định rõ ràng, còn chồng chéo.

Đối với khâu quyết toán vốn đầu tư: quyết toán là khâu cuối của quá trình đầu tư. Với các công trình đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình trực tiếp cấp phát, thanh toán cho các nhà thầu thì việc quyết toán có tác dụng nhất định để các cơ quan quản lý của tỉnh Thái Bình “hậu kiểm” giá trị thanh toán mà các chủ đầu tư thực hiện. Số nợ đọng vốn đầu tư phát triển từ NSNN còn ở mức cao. Giá trị khối lượng hoàn thành chuyển giao năm sau thanh toán còn rất lớn, gây khó khăn trong công tác quản lý. Bên cạnh đó, giá cả vật tư, thiết bị biến động thường xuyên và tăng cao so với dự toán ban đầu, vượt ngoài tầm kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu, gây khó khăn cho cả tỉnh Thái Bình và đơn vị thi công. Vẫn còn tình trạng cán bộ quản lý chưa nhận thức đúng, đầy đủ về công tác quyết toán vốn đầu tư, còn chủ quan trong công tác lập báo cáo quyết toán. Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng của nhà nước và UBND tỉnh Thái Bình trong những năm gần đây thay đổi nhiều, trong khi đơn vị quản lý lại không kịp cập nhật, hiểu rõ để thực hiện.

Thứ tư, việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan thanh tra nhà nước của tỉnh chưa thường xuyên, diện kiểm tra còn hẹp, chưa sâu, chất lượng kiểm tra còn nhiều hạn chế, chất lượng thanh tra của thanh tra các ban, ngành đạt được thấp hơn rất nhiều so với chất lượng thanh tra do thanh tra tỉnh đảm nhiệm. Chưa xây dựng được cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thanh tra: Thanh tra nhà nước (thanh tra cấp huyện), thanh tra Sở kế hoạch - đầu tư, thanh tra xây dựng, thanh tra tài chính. Vì chưa có sự phối hợp chặt chẽ nên đã dẫn đến trùng lặp trong hoạt động giữa các lực lượng thanh tra.

Thứ năm, năng lực quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn bất cập về chất lượng và số lượng. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án chưa được tiêu chuẩn hóa. Cán bộ các ban quản lý dự án trình độ chuyên môn còn hạn chế, không có kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực được giao.

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế:

Thứ nhất, giai đoạn vừa qua là giai đoạn có nhiều biến động cả về kinh tế lẫn xã hội. Biến động, diễn biến phức tạp thiên tai, dịch bệnh, nhất là trong giai đoạn 2020-2022 ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đã tác động không nhỏ tới tình hình thực hiện các dự án, giá nguyên nhiên vật liệu xây dựng tăng, khan hiếm, thiếu nguyên vật liệu, đất đắp nền trong một số thời điểm; công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên tiến độ thực hiện và giải ngân một số dự án còn chậm tiến độ đã gây ảnh hưởng không ít trong kết hoạch chung đối với đầu tư phát triển của tỉnh.

Thứ hai, không chỉ chịu tác động ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 mà còn là việc áp dụng nhiều quy định mới như Luật Đầu tư công, Thông tư của Chính phủ và

các Bộ ngành; các chính sách, quy định của pháp luật về đầu tư có sự thay đổi, tuy nhiên việc ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công còn chậm, dẫn đến khó khăn trong công tác cập nhật, chỉ đạo, điều hành, chưa kịp thời có những quy định cụ thể, hướng dẫn để các đơn vị, cơ quan cấp dưới triển khai, thực hiện. Do thể chế, chính sách liên quan trực tiếp đến việc triển khai dự án còn bất cập, nhiều nội dung quy định còn chưa thống nhất giữa các Luật, Nghị định, Thông tư..., nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế, khó khăn trong việc bố trí kế hoạch vốn cho các dự án trong khi phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị, nhiều dự án trọng điểm của tỉnh (kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu đầu tư).

Thứ ba, việc lập quy hoạch và chương trình đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc từ dưới lên và thiếu sự phối hợp của tỉnh cũng như sự phối hợp giữa các Sở, ngành, và cấp huyện. Mỗi Sở và địa phương chỉ chú trọng tới quy hoạch đầu tư trong ngành mình trong nhiều trường hợp là do chạy theo thành tích và lợi ích cục bộ mà không quan tâm đến quy hoạch đầu tư trong các Sở ngành và huyện khác khác. Đồng thời, công tác quản lý tổ chức thực hiện lập kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN, đối với khâu lập dự toán, phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NSNN: do công tác quy hoạch tổng thể chưa được chính xác vì vậy dẫn đến tình trạng phải điều chỉnh lại quy hoạch, quy hoạch từ những năm trước không có tính kế thừa phát triển, do đó ngân sách cho đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước khó khăn nhưng lại không hiệu quả. Thực tế một số đơn vị cấp huyện, cấp xã dù mới xây dựng được 5 đến 7 năm đã phải di chuyển địa điểm; có những công trình đang xây dựng dở dang lại phải dừng, công trình hoàn thành mới đưa vào sử dụng lại không phù hợp... do điều chỉnh, tổ chức lại biên chế lực lượng.

Thứ tư, chưa có quy định thưởng, phạt cụ thể, rõ ràng trong việc lập, duyệt kế hoạch vốn đầu tư, dẫn đến việc bố trí kế hoạch vốn không phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Điều kiện để được ghi kế hoạch vốn là phải có đủ thủ tục về đầu tư. Tuy nhiên, cơ chế chưa có ràng buộc về trách nhiệm và xử phạt khi vi phạm quy định này, nên vẫn xảy ra tình trạng bố trí vốn cho một số công trình, dự án chưa đủ thủ tục về đầu tư. Nhiều dự án do đặc thù về nhiệm vụ chính trị phải triển khai ngay, do đó có dự án khởi công chỉ có quyết định đầu tư, chưa có quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.

Ý thức chấp hành pháp luật của một số cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư, đơn vị thi công chưa cao; chưa tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của các dự án, nhất là về giải phóng mặt bằng, có tình trạng một số địa phương ngại trong việc xử lý các thủ tục liên quan đến đất đai; năng lực của một số chủ đầu tư, đơn vị thi công còn hạn chế. Việc đánh giá, kiểm tra, thẩm tra quyết toán chủ yếu dựa trên hồ sơ mà chủ đầu tư trình duyệt, công tác kiểm tra thực tế tại các công trình còn chưa

được chú trọng, nên chậm phát hiện ra những sai sót. Việc thực hiện các nội dung phê duyệt của Tỉnh Thái Bình chưa triệt để, còn tùy tiện, thay đổi theo ý chủ quan.

Thứ tư, cán bộ trong các sở ban ngành chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý các loại mô hình đầu tư phát triển các lĩnh vực, các ngành khác nhau, tỉnh Thái Bình chưa tổ chức tập huấn thường xuyên, hoặc mời cán bộ chuyên ngành về hướng dẫn và học bổ túc; cán bộ quản lý chưa tích cực cập nhật với những kiến thức mới, phù hợp với cơ chế quản lý theo cơ chế thị trường hiện nay. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý dự án đầu tư phát triển nhất là lĩnh vực xây dựng cơ bản của chủ đầu tư còn yếu về năng lực và thiếu về số lượng. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án chưa được tiêu chuẩn hóa, cán bộ các ban quản lý dự án trình độ chuyên môn còn hạn chế, không có kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực được giao, trưởng ban quản lý dự án thường là người kiêm nhiệm để thực hiện dự án đầu tư phát triển; chưa cập nhật thường xuyên các chế độ, chính sách; công tác kế toán của chủ đầu tư chưa được coi trọng, không ít cán bộ kế toán của chủ đầu tư trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế, chưa kiểm soát chặt chẽ các nội dung kinh tế phát sinh và tuân thủ chế độ chi tiêu do nhà nước ban hành, thậm chí có nơi chi tiêu sai chế độ; việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo của nhiều đơn vị chưa tốt.

Thứ năm, công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn một số hạn chế, kết hợp cũng như trách nhiệm của các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, và các sở ban ngành khác của tỉnh trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chưa chặt chẽ, chưa thống nhất vào một đầu mối, nhiều cơ quan cùng tham gia, chưa rõ ràng. Chức năng quản lý nhà nước và chức năng giám sát chi chưa được phân định rõ ràng, còn chồng chéo hoặc bị bỏ sót và chậm trễ trong quản lý, chẳng hạn, khâu thẩm tra, thẩm định cấp phát, hoàn thành giai đoạn, quyết toán công trình sau khi đã hoàn thành. Trách nhiệm của các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, và các sở ban ngành khác của tỉnh trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chưa chặt chẽ, chưa thống nhất vào một đầu mối, nhiều cơ quan cùng tham gia, chưa rõ ràng.

Bên cạnh đó, công tác giám sát đầu tư của chủ đầu tư còn hình thức, chưa phản ánh đúng, chính xác thực tiễn đầu tư; công tác thông tin, báo cáo của một số ngành, địa phương, chủ đầu tư chưa kịp thời, chưa đầy đủ, chất lượng báo cáo chưa cao, chưa đề xuất được các giải pháp có hiệu quả về quản lý đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư mà chủ yếu kiến nghị phân bổ vốn từ Ngân sách nhà nước cho ngành, địa phương mình.

CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

4.1. Dự báo, quan điểm và mục tiêu hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo

4.1.1. Dự báo về triển vọng phát triển và lợi thế cạnh tranh cho phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo

Theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 thì mục tiêu là xây dựng tỉnh Thái Bình đến năm 2040 có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững, trong đó chú trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2040 phấn đấu vượt mức trung bình của Vùng đồng bằng sông Hồng; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thời kỳ phát triển tiếp theo; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Xây dựng Thái Bình đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển khá, đến năm 2030 theo kịp nhóm dẫn đầu và đến năm 2045 là tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng sông Hồng. Bình quân giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 10%/năm trở lên. Năng suất lao động (theo giá so sánh) tăng từ 9%/năm trở lên. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 10%/năm trở lên. Tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm so với GRDP đạt 60% trở lên. Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa (không tính tiền thu sử dụng đất) đạt 12%/năm trở lên. Đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đạt 80% trở lên. GRDP bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng/người (3.500 USD) trở lên. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động toàn xã hội giảm còn 22%. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 30% trở lên. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên. Số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 14 bác sĩ trở lên. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 99% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng/năm trở lên. Giảm 1/3 số hộ nghèo so với năm 2020. Tỷ lệ gia đình, thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá đạt 90% trở lên. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20% trở lên. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80% trở lên. Theo mục tiêu của Tỉnh ủy Thái

Bình, đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh và bền vững. Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 (tính theo GRDP, giá thực tế) tăng gấp 1,8 lần so với năm 2025 và đến năm 2045 tăng gấp 6 lần năm 2025. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ trong GRDP (không tính thuế sản phẩm) đến năm 2030 đạt 85% trở lên và đến năm 2045 khoảng 90%. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 tương đương với bình quân chung của cả nước và đến năm 2045 cao gấp 1,2 lần trở lên mức bình quân chung của cả nước. Căn cứ theo báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Thái Bình đã đưa ra 3 kịch bản phát triển trong thời kỳ 2021-2030:

Kịch bản 1: Phát triển nhanh, bền vững theo trọng tâm. Kịch bản này được dự báo trong tình hình dịch được kiểm soát tốt, các yếu tố của môi trường kinh tế cả trong và ngoài nước tương đối thuận lợi. Đối với tỉnh Thái Bình, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp cơ bản đồng bộ, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh vẫn đạt mức tăng trưởng tích cực. Thái Bình tiếp tục tham gia vào các cụm ngành và chuỗi giá trị của vùng ĐBSH. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh về thu hút đầu tư trong vùng khá gay gắt, mức độ lan tỏa công nghiệp đến tỉnh chưa đạt kỳ vọng. Theo kịch bản này, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP giai đoạn 2021-2030 đạt bình quân 13,0%/năm; tỷ lệ lấp đầy Khu kinh tế ở mức khá, đạt khoảng 25%.

Kịch bản 2: Tăng trưởng vừa phải. Kịch bản này được dự báo môi trường bên ngoài diễn biến tương đối bất lợi cho kinh tế cả nước nói chung, kinh tế tỉnh Thái Bình nói riêng. Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột chiến tranh Nga - Ucraina và các khu vực khác trên thế giới tiếp tục leo thang và căng thẳng. Thương mại, đầu tư quốc tế phục hồi chậm. Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam chưa phục hồi như xu hướng trước khi đại dịch. Mô hình tăng trưởng của Thái Bình không có nhiều thay đổi so với giai đoạn trước. Các ngành sản xuất công nghiệp tăng trưởng trở lại nhưng ít có đột phá. Hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Thái Bình và các khu, cụm công nghiệp được hoàn thiện và thu hút đầu tư nhưng quy mô không lớn như kỳ vọng... Theo kịch bản này, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP giai đoạn 2021-2030 đạt bình quân 12,4%/năm; tỷ lệ lấp đầy khu kinh tế ở mức trung bình khá, ước đạt khoảng 20%.

Kịch bản 3: Tăng trưởng cao và phát triển đột phá. Kịch bản này được dự báo tỉnh Thái Bình được hưởng lợi từ nhiều tác động thuận lợi trong và ngoài tỉnh. Tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát nhanh hơn, cùng với nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên, thời tiết..., kéo theo dòng vốn FDI và xuất khẩu hàng hóa quay lại trở lại quỹ đạo tăng trưởng nhanh. Công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển mạnh mẽ tại vùng ĐBSH, lan tỏa mạnh đến Thái Bình, trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy nền

kinh tế của tỉnh. Việc hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối trong và ngoài tỉnh, đẩy nhanh tiến độ triển khai Khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp sẽ tiếp tục giúp Thái Bình thu hút được các nguồn vốn đầu tư của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước... Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực sẽ góp phần nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất và dịch vụ. Các dự án, giải pháp đột phá hầu hết được hoàn thành vượt chỉ tiêu. Phát triển công nghiệp gắn với tổ chức hoạt động sản xuất theo các cụm liên kết ngành (Cluster). Địa bàn phát triển trọng điểm là khu vực phía Bắc của Khu kinh tế; các khu công nghiệp trong Khu kinh tế triển khai đồng bộ. Theo kịch bản này, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP thời kỳ 2021-2030 đạt trên 13,4%/năm; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp trong khu kinh tế ở mức cao, kỳ vọng là khoảng 35%.

Xét theo thực trạng, định hướng và quyết tâm của tỉnh, kịch bản 3 tăng trưởng cao và phát triển đột phá là phương án cơ sở cho phát triển kinh tế Thái Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được thực hiện dựa trên lợi thế của tỉnh Thái Bình như sau: Thứ nhất, tiềm năng của khu kinh tế ven biển Thái Bình và các khu công nghiệp (hiện hữu và mới thành lập) vẫn còn rất lớn, có nhiều điều kiện đột phá. Quy hoạch trong khu kinh tế hiện nay đã cơ bản hoàn thành bắt đầu thu hút vốn đầu tư; việc khu kinh tế được đưa vào hoạt động ổn định trong giai đoạn tới sẽ giúp tỷ trọng công nghiệp trong GRDP tăng cao, trở thành động lực phát triển của tỉnh. Thứ hai, các dự án kết nối giao thông như đường bộ ven biển đã và đang triển khai thuận lợi sẽ giúp nâng cao CSHT liên kết một cách mạnh mẽ. Thứ ba, Thái Bình có thể tiếp tục đưa ra các chính sách ưu đãi, khuyến khích để tận dụng tối đa vị trí địa lý, đặc biệt là vị trí tiếp giáp với tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, để thu hút vốn đầu tư cùng nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ cao. Dự kiến đến năm 2030, quy mô GRDP toàn tỉnh theo giá so sánh 2010 đạt trên 176.312 tỷ đồng. Quy mô nền kinh tế Thái Bình đến năm 2025 vươn lên xếp thứ 6 trong ĐBSH và duy trì vị trí này đến năm 2030, từ vị trí thứ 8 ở thời điểm hiện tại.

Bảng 4.1. Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu theo kịch bản phát triển tỉnh Thái Bình

Stt	Chỉ tiêu	Kịch bản 1			Kịch bản 2			Kịch bản 3		
		Giai đoạn 2021- 2025	Giai đoạn 2026- 2030	Thời kỳ 2021- 2030	Giai đoạn 2021- 2025	Giai đoạn 2026- 2030	Thời kỳ 2021- 2030	Giai đoạn 2021- 2025	Giai đoạn 2026- 2030	Thời kỳ 2021-2030
I	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân	9,7%	16,5%	13%	8,9%	15,6%	12,4%	10,4%	16,5%	13,4%
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1,1%	2,3%	1,7%	0,1%	1,2%	0,7%	2,1%	2,3%	2,2%
2	Công nghiệp và xây dựng	13,3%	21,8%	17,4%	12,1%	20,4%	16,2%	14,4%	21,8%	18%
3	Dịch vụ	10,5%	13,6%	12%	10,5%	13,6%	12%	10,5%	13,6%	12%
II	Cơ cấu kinh tế									
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	17,1%	8,9%	8,9%	16,8%	8,6%	8,6%	17,3%	9,1%	9,1%
2	Công nghiệp và xây dựng	49,9%	62,1%	62,1%	48,2%	59,3%	59,3%	49,9%	62,1%	62,1%
3	Dịch vụ	33,9%	29,8%	29,8%	35%	32,1%	32,1%	32,8%	28,8%	28,8%
III	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	96	162	162	95	158	158	98	165	165
IV	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	14,3%	8,5%	11,4%	14,3%	8,5%	11,4%	14,3%	8,6%	11,4%

Nguồn: UBND tỉnh Thái Bình

4.1.2. Dự báo về nhu cầu đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo

Nhu cầu đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng chưa cao, hệ số ICOR của tỉnh Thái Bình vẫn tương đối cao trong giai đoạn 2016-2020 (ICOR gần bằng 10). Căn cứ vào giá trị ICOR quá khứ và chiến lược đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo kịch bản 3, ước tính hệ số ICOR sẽ tiếp tục ở mức cao trong trung hạn từ 2021-2025 và sẽ giảm dần trong giai đoạn tiếp theo 2026-2030, khi các khoản đầu tư bắt đầu tạo ra giá trị thặng dư kinh tế. Dựa vào mục tiêu giá trị sản xuất toàn tỉnh trong các giai đoạn 2021- 2025 và 2026-2030 theo kịch bản 3, ước tính tỉnh Thái Bình sẽ cần khoảng 268,3 nghìn tỷ và 530 nghìn tỷ vốn đầu tư toàn xã hội tương ứng trong 2 giai đoạn này. Trong đó, nguồn vốn từ các doanh tư nhân, FDI và dân cư sẽ đóng vai trò chủ đạo. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ đóng vai trò tạo lập. Trên cơ sở thực trạng nguồn lực đầu tư công trong thời gian qua, mục tiêu thu ngân sách trong 10 năm tới, dự báo nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong trung hạn giai đoạn 2021- 2025 là 16.200 tỷ, trong giai đoạn 2026-2030 là khoảng 32.000 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chủ yếu được dự định cho các công trình hạ tầng quan trọng, tập trung vào xây dựng hạ tầng Khu kinh tế và hạ tầng kết nối.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 dự kiến là: 5.369,952 tỷ đồng (Vốn trong nước: 5.248,558 tỷ đồng; Vốn ODA: 121,394 tỷ đồng). Sau khi trừ đi nguồn vốn hỗ trợ huyện, thành phố xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh theo Nghị quyết 30/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là 487,885 tỷ đồng và kinh phí để thực hiện quy hoạch, kiểm kê, đo đạc đất đai, lập bản đồ hiện trạng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tổng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 khoảng 10.151 tỷ đồng, đáp ứng khoảng 28% so với nhu cầu. Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, và quy định của Trung ương, của tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Sau khi thực hiện phân cấp nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 cho cấp huyện và cấp xã, kế hoạch vốn đầu tư công cấp tỉnh đã đảm bảo đúng theo thứ tự ưu tiên bố trí vốn: thanh toán trả nợ vay; thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh; trả nợ xây dựng cơ bản; đối ứng các dự án ODA; vốn nhà nước tham gia các dự án PPP trọng điểm; các công trình chuyển tiếp của giai đoạn 2016-2020; bố trí cho công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, sửa chữa lớn; bố trí đủ nguồn để triển khai một số dự án trọng điểm của tỉnh, và một số dự án khởi công mới. Bố trí cho

công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, sửa chữa lớn, bố trí đủ nguồn để triển khai một số dự án đầu tư phát triển trọng điểm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 756-TB/TU, Thông báo số 16,95-TB/TU, một số dự án trọng điểm của tỉnh trong thời gian tới như dự án đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình, đoàn từ cầu ngang S1 đến đường Chu Văn An kéo dài... và một số dự án khởi công mới.

Ngoài ra, còn các dự án đầu tư phát triển khác cần triển khai nhưng chưa cân đối được nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư phát triển nói riêng và đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025 với tổng nhu cầu vốn khoảng 30.557 tỷ đồng: 05 dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư (Dự án Xử lý cấp bách kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang đoạn qua thành phố Thái Bình; Dự án Xử lý cấp bách kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang giai đoạn từ xã Vũ Quý đến Thị trấn Kiến Xương; Dự án đầu tư xây dựng công trình đoạn tuyến nhánh nối từ QL.39 đến dự án BOT; Dự án Bảo tàng Thái Bình; Dự án đầu tư xây dựng công trình biểu tượng quê hương 5 tấn. Các dự án đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, đã có văn bản thực hiện (Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Bình – Hà Nam - Giai đoạn 2; Dự án xây dựng trụ sở các đơn vị PK02, PC10, hệ thống khoa, các dự án thuộc đề án bảo tồn và phát triển làng nghề sản xuất muối Thụy Hải huyện Thái Thụy. Các công trình dự án đầu tư phát triển do các sở, ngành, huyện và chủ đầu tư đề xuất với tổng nhu cầu khoảng 24.630 tỷ đồng.

Căn cứ quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017, Thông tư của Bộ Tài chính; các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội...; kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2023-2025 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo và dự toán ngân sách năm 2023 lập theo quy định; các sở, ngành, các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm giai đoạn 2023-2025, trong đó:

Kế hoạch thu NSNN của tỉnh Thái Bình: Khả năng phát triển kinh tế từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong 2023-2025 phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, nội dung trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của

từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Giai đoạn 2023-2025, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế bình quân khoảng 8-9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 5-6%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

Lập kế hoạch chi NSNN của tỉnh Thái Bình: Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 của các sở, cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập theo yêu cầu quy định tại hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia), chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các sở, cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của sở, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2023-2025. Đối với các sở quản lý ngành, lĩnh vực đồng thời với việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2023-2025 (phần sở trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2023-2025 trên phạm vi cả nước, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán, trong đó lưu ý lập kế hoạch chi ĐTPT giai đoạn 2023-2025 căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp (nếu có)/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; nội dung trình kế hoạch trung hạn; gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước: UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn địa phương năm 2023-2025, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025. Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, dự toán thu NSNN trên địa bàn địa phương năm 2023, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Cơ quan Hải quan địa phương và các cơ quan khác có liên

quan ở địa phương lập kế hoạch thu NSNN năm 2023-2025. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp hiện hành, dự kiến số bổ sung từ NSTW cho NSDP do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2023-2025; các nội dung trình 5 năm 2021-2025 về kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công tại địa phương; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch chi NSDP năm 2023-2025, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của Trung ương cho từng năm của giai đoạn 2023-2025; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2023-2025, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2023-2025.

Dự toán chi ĐTPT nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn ODA (vốn vay và vốn viện trợ), vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất) được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với Nghị quyết 43/2022/QH15, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023 đến 2025; tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2023. Các địa phương lập riêng dự toán năm 2023 đến 2025 và các năm tiếp theo cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo mức bố trí 02 năm 2024-2025 đối với các nhiệm vụ này theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, chi tiết theo ngành, lĩnh vực, kèm phụ lục chi tiết từng chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

4.1.3. Quan điểm và mục tiêu hoàn thiện QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo

a) Quan điểm về tăng cường QLNN đối với ĐTPT từ nguồn vốn NSNN của Thái Bình

Việc thực hiện Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành và chỉ đạo của UBND Tỉnh; thực hiện triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn (5 năm), dài hạn (10 năm) trên cơ sở căn cứ tình

hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn trước của tỉnh theo từng nguồn vốn; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của tỉnh; các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch 10 năm 2021-2030; Chương trình hành động thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021-2030; Các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến những năm tiếp theo và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình; Cơ chế chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: PPP, xã hội hóa...

Tỉnh Thái Bình tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển. Có biện pháp phù hợp, đúng quy định để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dự án xây dựng cơ bản, đường xá giao thông và xây dựng nông thôn mới. Quan tâm về tăng cường QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của Thái Bình như sau:

Một là, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng phù hợp, bền vững và bảo đảm tính hiệu quả của vốn đầu tư phát triển. Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn góp phần nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Điều đó được quán triệt trong mọi khâu của chu trình quản lý vốn đầu tư phát triển từ NSNN của tỉnh.

Ba là, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước của Thái Bình phải đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cấp quản lý từ công tác Phân cấp QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NSNN; Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN; Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN. Tăng cường giám sát của cộng đồng theo quy chế của Chính phủ về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. coi việc giám sát cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản.

b) Mục tiêu tăng cường QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo

Tích cực huy động các nguồn vốn Ngân sách nhà nước và vốn đầu tư của doanh nghiệp, vốn trong nước, vốn ngoài nước để thực hiện nâng cấp, phát triển hệ

thống hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình. Tập trung vốn Ngân sách nhà nước đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu tạo động lực phục vụ phát triển kinh tế; đầu tư cho các xã điểm nông thôn mới và các xã nghèo, xã bãi ngang có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về việc quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Xây dựng đồng bộ các chính sách liên quan đến việc quản lý nhà nước (QLNN) đối với các dự án đầu tư phát triển như các chính sách về thuế, lãi suất, chính sách về lao động, đất đai. Tổ chức lại các ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn theo quy định về điều kiện năng lực của Luật Đầu thầu. Việc phê duyệt và bố trí vốn cho dự án phải bảo đảm đúng trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên đầu tư dự án, công trình thiết thực với đời sống Nhân dân như: trường học, trạm y tế, đường giao thông, điện phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Nâng cao năng lực chuyên môn cho các cơ quan quản lý đầu tư các cấp, cho các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Hai là, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng vốn NSNN cho các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách cấp tỉnh cần được thẩm định, phê duyệt kịp thời, đồng bộ, gắn kết, phù hợp, tránh chồng chéo. Cần chấn chỉnh các khâu từ quy hoạch, xây dựng chiến lược đầu tư đến việc quản lý các nguồn vốn đầu tư. Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình các bước của dự án từ việc chọn dự án, đấu thầu, thẩm định đến thực hiện dự án. Công khai các quy trình thủ tục, thời hạn, trách nhiệm trong từng khâu của quá trình triển khai dự án đầu tư phát triển. Nâng cao năng lực và hiệu lực QLNN, thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp (UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước), các huyện trong việc quản lý các dự án đầu tư phát triển. Kịp thời xử lý các vi phạm, thực hiện tốt chức năng giám sát đối với các dự án, đánh giá hiệu quả thực hiện và hiệu quả đầu tư dự án đầu tư phát triển. Hoàn chỉnh sớm bộ tiêu chí về đánh giá hiệu quả đầu ra của các dự án đầu tư phát triển theo hướng phù hợp, đồng thời ngay từ khi lựa chọn dự án cần làm rõ kết quả đầu ra tương xứng với nguồn lực được đầu tư.

Ba là, nâng cao công tác quản lý lựa chọn nhà thầu. Để lựa chọn được nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm tốt, có chi phí thực hiện hợp lý nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế của gói thầu thì quá trình lựa chọn nhà thầu phải được thực hiện chặt chẽ, công bằng, minh bạch. Đẩy mạnh triển khai đấu thầu qua mạng. Kinh nghiệm triển khai đấu thầu trên thế giới và thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, đấu thầu qua mạng là công cụ hữu hiệu nhất để tăng cường hiệu quả mua sắm công của Chính phủ, thể hiện ở các chỉ tiêu về tăng tính cạnh tranh, tỷ lệ tiết kiệm cao, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí đi lại, chi phí in ấn của nhà thầu, bên mời thầu. Khi đấu thầu qua mạng được áp dụng rộng rãi, chi phí xã hội, chi phí doanh nghiệp sẽ giảm rất lớn. Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra công tác đấu thầu, trong đó thanh

tra, kiểm tra, giám sát là công cụ để Nhà nước quản lý việc thực hiện công tác đấu thầu. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu. Củng cố và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác đấu thầu.

Bốn là, nâng cao công tác quản lý chi phí đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh. Việc kiểm soát chi phí thực hiện trong các khâu như tổ chức sản xuất hợp lý, xây dựng hệ thống định mức và giao khoán định mức để sử dụng tiết kiệm các hao phí vật chất, tăng năng suất sản xuất; kiểm soát giá và các yếu tố đầu vào các khoản mục chi phí gián tiếp phục vụ trong quá trình thi công, đồng thời với các hoạt động kiểm soát quá trình thực hiện thanh quyết toán kịp thời, bảo đảm các giá trị thực hiện được thanh khoản đầy đủ và các kiểm soát khác như phát sinh xảy ra, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh theo hướng phân cấp mạnh, rõ trách nhiệm, giảm thời gian của các khâu trong quá trình đầu tư và xây dựng. UBND tỉnh chủ trì và các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp đề xuất, kiến nghị loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh. Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh nhằm phát hiện, ngăn chặn những hành vi gây lãng phí, thất thoát tiền vốn của Nhà nước. Đồng thời, phát hiện những thiếu sót, sơ hở trong cơ chế quản lý của Nhà nước, kiến nghị với Nhà nước để khắc phục và xử lý; thực hiện xử lý nghiêm sau kết luận thanh tra. Sử dụng cơ chế thuê các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực kiểm tra và thẩm tra chất lượng các sản phẩm của tất cả quá trình đầu tư dự án. Thành lập hệ thống mạng lưới kiểm tra chất lượng dự án trong phạm vi cả nước để quản lý, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả dự án và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và phân cấp cho địa phương trong việc quản lý các dự án đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh. Cần tạo lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan của Quốc hội (ban hành luật), cơ quan của Chính phủ (hướng dẫn thi hành luật) với các địa phương trong việc thực hiện QLNN đối với các dự án đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh. Quy định chế độ báo cáo, chế độ trách nhiệm, các chế tài cần thiết xử lý các vi phạm đối với việc quản lý các dự án đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh.

Sáu là, nâng cao năng lực của cán bộ tham gia quản lý dự án đầu tư phát triển từ NSNN cấp tỉnh bằng việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý dự án. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Quản lý dự án phải trở thành một nghề mang tính chuyên nghiệp, quản lý rủi ro là nội dung quan trọng hàng đầu của quản lý dự án.

Đào tạo những kiến thức cơ bản và tạo điều kiện để cán bộ quản lý nghiên cứu về kinh tế thị trường và các kiến thức liên quan như thị trường vốn, thị trường xây dựng, thị trường bất động sản, các kiến thức về luật đầu tư công, luật đấu thầu,...

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và những năm tiếp theo

4.2.1. Hoàn thiện phân cấp quản lý nhà nước hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Thứ nhất, hoàn thiện phân cấp thẩm quyền, thẩm định và phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình. Tăng cường phân cấp thẩm quyền trong thẩm định vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước theo hướng phân cấp cần triệt để, rõ ràng hơn, cụ thể, không duy trì việc một cơ quan có tư cách pháp lý kép (vừa là người quyết định đầu tư, vừa là chủ đầu tư), tăng quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, chỉ thực hiện uỷ quyền trong trường hợp không thể phân cấp được. Tách bạch quyền quyết định đầu tư và quyền chủ đầu tư. Với một quy mô vốn đầu tư, cơ quan quản lý ở một cấp (một cá nhân chịu trách nhiệm, được phân quyền) đã được phân cấp quyết định vốn đầu tư thì không được phân cấp làm chủ vốn đầu tư. Hoặc cơ quan quản lý ở một cấp được phân cấp làm chủ đầu tư thì không thực hiện thẩm quyền quyết định vốn đầu tư.

Phân cấp toàn diện việc phê duyệt vốn đầu tư và kế hoạch đấu thầu đối với vốn đầu tư nhóm B và C cho các cơ quan cấp huyện nếu xét thấy đủ điều kiện, năng lực tổ chức thực hiện vốn đầu tư, không nhất thiết phải là cơ quan cấp tỉnh trực tiếp thực hiện quy định hiện hành. Việc phân cấp quyết định vốn đầu tư phát triển phải gắn liền với quy định về đấu thầu trong tổ chức thực hiện vốn đầu tư. Việc phân cấp thẩm quyền thẩm định vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phải dựa trên cơ sở năng lực thực tế và các điều kiện cụ thể của từng cơ quan, đơn vị nhằm, một mặt phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các cấp, mặt khác phải đảm bảo chất lượng quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, hoàn thiện phân cấp phân bổ ngân sách đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm lập dự toán chi tiêu công tại cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp huyện, chi tiết theo các lĩnh vực và khoản mục chi. Ban quản lý đầu tư tham mưu cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính về việc phân bổ ngân sách đầu tư phát triển cho các công trình, dự án trong phạm vi ngân sách cấp tỉnh, trình ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Ủy ban nhân dân cũng quyết định điều chỉnh dự toán chi tiêu công khi cần thiết. Ban quản lý đầu tư quyết định các biện pháp để triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển, giám sát việc thực hiện các hoạt động chi tiêu đầu tư đã được thông qua. Sở KH&ĐT tỉnh chịu trách nhiệm lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong

trường hợp cần thiết và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước trung ương, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp (Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ban Quản lý đầu tư cấp tỉnh hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách cấp địa phương, báo cáo thường trực ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến, gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ. Phòng tài chính ở cấp huyện có trách nhiệm xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách cấp huyện, chủ động phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình để báo cáo ủy ban nhân dân huyện. Về chi ngân sách đầu tư phát triển, căn cứ vào điều kiện thực tế của tỉnh và chức năng quản lý của cán bộ, các huyện trình ủy ban nhân dân tỉnh ra quy định phân cấp quản lý chi đầu tư phát triển cho ngân sách nhà nước từng huyện. Việc phân cấp quản lý phải đảm bảo đồng bộ từ khâu duyệt dự toán thiết kế đến quá trình quản lý phân bổ, cấp phát và quyết toán vốn.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần nghiên cứu và ban hành quy định phân cấp quản lý giữa các ngành và huyện. Chẳng hạn, ủy ban nhân dân tỉnh nên phân giao nhiệm vụ quản lý duy trì, sửa chữa nâng cấp các tuyến đường giao thông liên huyện trên địa bàn huyện quản lý, các tuyến đường tỉnh lộ, các tuyến đường từ tỉnh lỵ đi các huyện lỵ, cho ngành quản lý (Phòng Giao thông huyện quản lý). Đối với hệ thống thủy lợi, kể cả các công trình tưới, tiêu, hệ thống các trường học mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, hệ thống trạm, trung tâm y tế,... cần phải có quy định phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển đồng bộ với phân cấp quản lý đầu tư, để xác định rõ trách nhiệm của từng cấp và hạn chế sự chồng chéo trong quá trình quản lý cấp phát vốn đầu tư như hiện nay. Về chi thường xuyên, đối với chi sự nghiệp kinh tế, bên cạnh việc phân cấp quản lý cho các ngành, đơn vị về vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng, công tác khuyến nông... cần tiếp tục phân cấp cho ngành, đơn vị quản lý các chương trình giống, cây con theo hướng phát triển của tỉnh. Đối với chi vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước huyện, giao cho huyện trên cơ sở phân cấp của tỉnh về quản lý các nhà trẻ, mẫu giáo, trạm y tế. Cần đảm bảo hoạt động của hệ thống này thông qua việc huy động đóng góp của người dân.

Thứ ba, đổi mới nhận thức, quan điểm về phân cấp quản lý nhà nước hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Cần hiểu rõ sự thống nhất biện chứng giữa việc đảm bảo quản lý thống nhất của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở với việc cần thiết phải khuyến khích phát huy, tăng cường tính tích cực, chủ động của chính quyền địa phương, chính quyền cơ sở trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế - xã hội. Kiện toàn bộ máy quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cấp xã. HĐND, UBND tỉnh sớm đưa ra đề án nghiên cứu thành lập Ban quản lý dự án cấp xã trình Chính phủ, Quốc hội xem xét.

Sau khi có ý kiến của các cơ quan trung ương nhanh chóng triển khai thí điểm, phân tích các ưu điểm, hạn chế để nhanh chóng kiện toàn bộ máy cấp xã.

4.2.2. Hoàn thiện lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình

Thứ nhất, trong công tác quản lý vốn đầu tư, công tác lập kế hoạch là công tác trung tâm mang tính định hướng. Để làm tốt công tác lập kế hoạch theo phương hướng, mục tiêu đầu tư giai đoạn từ nay đến 2025 tầm nhìn đến năm 2030 đã được tỉnh Thái Bình xác định, cần nhận thức đúng đắn vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý vốn đầu tư phát triển từ NSNN cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình. Công tác lập kế hoạch đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, của các cấp ủy Đảng và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động trong công tác lập kế hoạch của đơn vị mình bởi vì lập kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các lĩnh vực là cơ sở để phân bổ vốn cho các dự án, là điều kiện quan trọng để tổ chức thực hiện dự án.

Với phương châm lấy quy hoạch phát triển tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 làm định hướng cho công tác đầu tư phát triển từng ngành, từng lĩnh vực tỉnh Thái Bình cần rà soát lại các quy hoạch các ngành, lĩnh vực..., kiên quyết đình chỉ các dự án, công trình xây dựng không phù hợp với quy hoạch hoặc thực hiện sai quy hoạch được duyệt, đồng thời điều chỉnh và xây dựng các quy hoạch mới cho phù hợp. Cần tăng cường sự phối hợp các ngành, đơn vị trong việc lập kế hoạch ngân sách (vốn ngân sách) đầu tư phát triển. Kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển được xây dựng cho kỳ kế hoạch 5 năm cùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm mà Đảng và Nhà nước đã hoạch định để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển được xây dựng căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm và căn cứ vào khả năng huy động các nguồn vốn. Các sở chuyên ngành cần nhanh chóng xây dựng chiến lược phát triển ngành giai đoạn từ nay đến năm 2021 đến 2030 để trình ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và các kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh,... Ủy ban nhân dân tỉnh, với tư cách là cơ quan chủ trì, tiến hành xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển cần có cơ chế tham gia phối hợp của các ngành, đơn vị. Các cấp hiểu rõ hơn ai hết nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch của mình và khả năng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các loại nguồn vốn khác đáp ứng kế hoạch đầu tư phát triển. Vì vậy, tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển là giải pháp cần thiết để ngân sách đầu tư phát triển thực sự là công cụ kế hoạch của tỉnh, ngành, đơn vị trong đầu tư phát triển. Việc lập hay phê duyệt các dự án đầu tư phải trên cơ sở quy hoạch được duyệt và đã có chủ

trương bằng văn bản của UBND tỉnh Thái Bình, cơ quan thẩm định phải xác định được rõ nguồn vốn trước khi thẩm định và trình phê duyệt để tránh hiện tượng “dự án treo”.

Thứ hai, chú trọng hơn nữa công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bởi đây là cơ sở để định hướng đầu tư theo kế hoạch trung, dài hạn và hàng năm đối với phát triển tỉnh Thái Bình. Công tác quy hoạch chi tiết phải đáp ứng được yêu cầu lâu dài và có kế thừa cho phát triển, khắc phục tình trạng xây dựng giai đoạn sau phá vỡ ý tưởng của giai đoạn trước. Kiên quyết không quyết định đầu tư tràn lan, khi chưa xác định được nguồn vốn để hoàn thành dự án. Để giải quyết được yêu cầu này, cơ quan tham mưu về kế hoạch cần có thống kê giá trị chuyển tiếp năm sau phải thực hiện, tổng mức đầu tư các dự án thủy lợi mới đã phê duyệt, dự kiến phải bố trí vốn báo cáo người có thẩm quyền, cân nhắc trước khi phê duyệt các dự án đầu tư phát triển. Nâng cao chất lượng lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển theo hướng tăng cường nghiên cứu cơ bản, xã hội hóa việc đề xuất ý tưởng đầu tư, nâng cao tính khoa học của luận chứng đầu tư nhằm đảm bảo tính sát thực của việc đưa ý tưởng hình thành đầu tư vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, vùng, lĩnh vực, chương trình đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

Công khai, minh bạch, tăng cường công tác giám sát, tham gia của cộng đồng đối với việc xây dựng kế hoạch. Các báo cáo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm cần có sự tham gia, phản biện của các ngành, đơn vị hữu quan, của cộng đồng dân cư nhằm tập hợp được đông đảo trí tuệ của tập thể, hạn chế tối đa những bất cập, sai sót và tăng cường công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động lập kế hoạch của tỉnh. Bản đồ quy hoạch xây dựng được công khai để các chủ đầu tư dễ dàng tiếp cận, sử dụng trong quá trình lập quản lý vốn đầu tư phát triển. Gắn trách nhiệm kinh tế, chính trị, chức vụ với chất lượng quyết định phê duyệt các quy hoạch của người có thẩm quyền. Triệt để xóa bỏ tư tưởng làm quy hoạch theo nhiệm kỳ, theo ý đồ cá nhân, ngành, đơn vị tỉnh có thẩm quyền.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong công tác lập kế hoạch và phân cấp quản lý vốn đầu tư phát triển từ NSNN nhằm khắc phục sự chậm trễ ở mỗi khâu dẫn đến triển khai dự án chậm, không đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đề ra và không giải ngân được. Các cơ quan, đơn vị phải khẩn trương rà soát các quy định hiện hành, mạnh dạn sửa đổi, điều chỉnh, giải quyết những bất cập, thực hiện nghiêm quy chế làm việc, công khai, minh bạch về quy trình giải quyết công việc, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tạo thuận lợi cho đơn vị và chủ đầu tư, chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ do cơ quan mình thẩm định. Đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình. Đây là một chủ trương đúng, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính của Nhà nước, tạo quyền chủ động cho các đơn vị, giảm bớt thời gian giải quyết thủ tục đầu tư. Tuy nhiên, một số đơn vị được ủy

quyền thực hiện chưa tốt, chưa thực hiện tiết kiệm trong quyết định đầu tư, đặc biệt thiếu các chế tài kiểm tra, giám sát. Do đó cần hoàn thiện các chế tài, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh Thái Bình, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy định của nhà nước và UBND trong quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của tỉnh. Việc thẩm định dự án đầu tư phải do hội đồng thẩm định tiến hành. Kịp thời phát hiện và xử lý các hiện tượng nhũng nhiễu, kéo dài thời gian giải quyết công việc.

Thứ tư, để đảm bảo chất lượng kế hoạch vốn đầu tư phát triển được nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế nói chung và là căn cứ chắc chắn cho việc kế hoạch hoá hoạt động tại các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cần thực hiện việc tạo khung khổ pháp lý đủ mạnh, đồng bộ cho việc lập kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển, đồng thời kiện toàn việc lập, phê duyệt và quản lý kế hoạch ở tất cả các ngành, đơn vị. Đặt phương thức, nội dung và phương pháp lập kế hoạch trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Chú trọng kế hoạch dự báo và cung cấp thông tin đầy đủ, đa chiều cho các ngành, đơn vị, phục vụ công tác xây dựng kế hoạch. Tuân thủ các quy luật của thị trường để đẩy mạnh, nâng cao chất lượng của tổ chức tư vấn thuộc mọi thành phần kinh tế, đồng thời có chế tài đủ mạnh, gắn quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức tư vấn kế hoạch đối với sản phẩm kế hoạch của các tổ chức tư vấn, đảm bảo kết hợp hài hòa, hợp lý, thống nhất giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, đơn vị và sử dụng đất, giữa quy hoạch với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Đảm bảo tính kết nối giữa các loại quy hoạch của tỉnh trong địa phương.

Thứ năm, bố trí đủ kinh phí nhà nước cho công việc quy hoạch, kế hoạch. Điều này xuất phát từ tầm quan trọng của chính việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải đi trước một bước làm tiền đề cho quy hoạch xây dựng và quy hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Quy hoạch xây dựng phải đi trước một bước làm tiền đề cho các hoạt động xây dựng tiếp theo. Chủ trương đầu tư là đúng hay sai đối với đầu tư phát triển nói chung và đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước nói riêng phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng được duyệt. Nhà nước cần bố trí thỏa đáng vốn ngân sách nhà nước cho công tác quy hoạch, kế hoạch. Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị cần biến nhận thức về tầm quan trọng của việc lập quy hoạch, kế hoạch.

Cân đối và phân bổ các loại nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển phải đảm bảo tính khả thi cao. Các loại nguồn vốn cho kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển được xây dựng trên cơ sở tốc độ tăng trưởng hàng năm của nền kinh tế, tỷ lệ tích lũy và tiêu dùng dự kiến của UBND. Việc của lập mục tiêu của kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển không được quá tham vọng, ôm đồm, thoát ly khỏi khả năng cân đối các loại nguồn vốn, tránh áp đặt mong muốn chủ quan của các cơ quan quản lý nhà nước. Tỉnh cần tiến hành cập nhật, hiệu chỉnh vốn ngân sách đầu tư phát triển một cách khoa

học. Hàng năm, uỷ ban nhân dân tỉnh cần phải có đánh giá việc thực hiện các nội dung và mục tiêu của kế hoạch ngân sách đầu tư phát triển thuộc tỉnh. Trên cơ sở đó Sở kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đánh giá việc thực hiện các nội dung và mục tiêu của kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước báo cáo uỷ ban nhân dân tỉnh để có thể cập nhật, hiệu chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước một cách khoa học, kịp thời.

4.2.3. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Thứ nhất, đổi mới thẩm định, lựa chọn dự án để đưa vào danh mục ưu tiên và bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên không thể tách rời khỏi bối cảnh thể chế và cải cách thể chế về quản lý đầu tư công, đặc biệt là bối cảnh đổi mới về hệ thống thẩm định dự án đầu tư công. Nếu không đổi mới về lựa chọn, thẩm định dự án đầu tư công, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư công thì việc đổi mới quy trình quản lý đầu tư công sẽ thiếu thực chất, ít tác dụng. Chất lượng lựa chọn, thẩm định dự án đầu tư phát triển từ NSNN là cốt lõi của quá trình đổi mới quản lý vốn đầu tư NSNN. Phải có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính hiệu quả kinh tế xã hội của dự án và có quy định bắt buộc thực hiện đối với các dự án đầu tư phát triển. Các công cụ hỗ trợ công tác thẩm định phải được chuẩn hóa (áp dụng phần mềm thẩm định dự án, hướng dẫn áp dụng suất đầu tư, định mức kinh tế kỹ thuật,... để ước tính chi phí đầu tư xây dựng) và xác định rõ gồm những yếu tố gì phải có trong báo cáo thẩm định từng khâu. Đối với đề xuất chủ trương đầu tư dự án, các nội dung thiết yếu của Báo cáo là: Nội dung của dự án: thời gian, phạm vi, mục tiêu, kết quả đầu ra, ước tính chi phí. Xác định chương trình, lĩnh vực đầu tư có bao gồm nội dung của dự án. Khẳng định sự phù hợp của dự án với chiến lược phát triển ngành (chiến lược phát triển quy định ở đâu? Việc thực hiện dự án đóng góp những gì vào việc thực hiện chiến lược trong trung hạn). Kết quả sẽ xác định được: kết quả đầu ra của dự án sẽ đóng góp vào bao nhiêu % mục tiêu của chương trình, chi phí thực hiện dự án sẽ chiếm bao nhiêu tổng chi phí của cả chương trình.

Xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong khâu lập, thẩm định và phê duyệt dự án: Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi hoặc báo cáo đầu tư. Người lập dự án có trách nhiệm giải trình đầy đủ, kịp thời những nội dung liên quan đến dự án đầu tư mà người thẩm định yêu cầu. Người lập dự án có trách nhiệm giải trình đầy đủ các nội dung liên quan mà bên thẩm định yêu cầu. Bên thẩm định dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định của mình. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường. Người quyết định phê duyệt dự án là cấp trên của chủ đầu tư và đơn vị thẩm định.

Trong lập, thẩm định, phê duyệt và quyết định dự án đầu tư là giai đoạn rất quan trọng gồm 4 chủ thể tham gia là người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, tư vấn lập dự án đầu tư và tư vấn thẩm định. Trong đó, người đại diện chủ sở hữu vốn NSNN và vốn

trái phiếu chính phủ là người quan trọng nhất, quyết định nhất, chịu trách nhiệm chính về hiệu quả đầu tư; người quyết định đầu tư ký duyệt dự án, quyết định ai là chủ đầu tư, giá trị của dự án, hiệu quả KTXH mà dự án này mang lại là người có thẩm quyền lựa chọn “đơn vị thẩm định” giúp mình thẩm định dự án. Chủ thể thứ hai chịu trách nhiệm về dự án là chủ đầu tư; chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước “người quyết định đầu tư” về dự án do mình trình lên. Các chủ thể “tư vấn lập dự án”, “tư vấn thẩm định dự án” chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, người có thẩm quyền thông qua hợp đồng kinh tế. Mọi sai sót do khâu lập dự án, thẩm định gây ra phải được xử lý theo hợp đồng kinh tế và hợp đồng kinh tế càng chi tiết càng dễ dàng xử lý. Có như vậy mới nâng cao được chất lượng dự án, chất lượng thẩm định và tính chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn lập dự án và thẩm định dự án.

Thứ hai, quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới cần được đổi mới theo hướng khắc phục những thất thoát lãng phí trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Điều đó được quán triệt trong mọi khâu của chu trình quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh. Việc đổi mới từ khâu lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển, thực hiện kế hoạch vốn, phân bổ vốn, cấp phát vốn, quyết toán vốn đến kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn, phải bảo đảm các khâu được quản lý chặt chẽ, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí trong sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển của tỉnh. Đồng thời, quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh cần được đổi mới theo hướng đảm bảo các khâu trong chu trình quản lý, các quy định về quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, theo đó có thể nâng cao hiệu quả của vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển của tỉnh. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thống nhất giữa các ban, ngành của tỉnh. Chú trọng nghiên cứu làm rõ mục đích và tính chất của những chương trình dự án đầu tư nhằm quản lý tập trung và thu gọn các dự án đầu tư có cùng tính chất vào một đầu mối nhằm quản lý chặt chẽ vốn đầu tư phát triển. Riêng đối với vốn đầu tư phát triển của nhà nước cần quản lý chặt chẽ tiến trình đầu tư. Thực hiện cơ chế đầu tư theo đúng tiến trình của chương trình, dự án đã được phê duyệt. Chỉ được tiến hành đầu tư cho những chương trình, dự án có tính chất khả thi và quyết định cho phép đầu tư. Tuyệt đối không cấp vốn đầu tư đối với những chương trình, dự án mà ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của tỉnh.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện phương pháp cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đối với các chương trình, dự án đầu tư và công trình mà nguồn vốn do ngân sách nhà nước dành cho đầu tư phát triển. Việc cấp phát vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước nên tập trung giao cho ngành tài chính thực hiện,

thông qua hệ thống kho bạc nhà nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung, quản lý vốn, cấp phát và nhận vốn của các chủ dự án đầu tư phát triển, Thời gian cấp phát vốn nên căn cứ vào tiến độ và kết quả của những chương trình, dự án, căn cứ vào thời vụ, đặc điểm sinh trưởng của cây con để đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn đảm bảo tính liên tục của quá trình sản xuất của những chương trình và dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước.

Nhằm khắc phục tình trạng nhiều khâu trung gian, là cơ sở gây nên tình trạng phân tán và thất thoát vốn, toàn bộ lượng vốn đã có kế hoạch đầu tư cho các dự án đầu tư thuộc tỉnh, nên giao cho tỉnh quản lý, giám sát, phân bổ và sử dụng. Việc giao vốn đầu tư cho tỉnh quản lý và sử dụng theo luận chứng kỹ thuật đã được các bộ, ngành hữu quan thẩm định sẽ có hiệu quả hơn. Bởi lẽ, bộ máy chính quyền địa phương sẽ là cơ quan quản lý hiểu rõ nhất về mọi mặt tình hình của địa phương, đặc biệt là sự am hiểu về đặc điểm sinh trưởng phát triển của vật nuôi, cây trồng và ngành nông nghiệp, dịch vụ, am hiểu tâm tư nguyện vọng của người dân, khả năng sản xuất kinh doanh của người dân tỉnh Thái Bình để phân bổ kịp thời và quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đạt được mục tiêu và hiệu quả đã đề ra.

Cần quy định rõ các nội dung được điều chỉnh, hạn chế điều chỉnh và trình tự thủ tục khi điều chỉnh. Đối với việc điều chỉnh kế hoạch vốn bố trí hàng năm tổng mức vốn đầu tư phát triển của địa phương, điều chỉnh này có phạm vi tác động lớn ảnh hưởng tới toàn bộ danh mục dự án tiến hành, vì vậy cần rà soát chặt chẽ theo đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền quyết định lập dự toán các cấp. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh này. Chỉ điều chỉnh khi có biến động lớn do nguyên nhân khách quan như: hụt thu,.. Tương tự như trên, việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án ảnh hưởng tới nguồn lực bố trí trong trung hạn và hàng năm, vì vậy cần đánh giá kỹ tác động và có phương án bổ sung nguồn lực đảm bảo khả năng thực hiện và không làm phát sinh nợ đọng. Đối với việc điều chỉnh này, cần tuân thủ các quy trình chặt chẽ như trên, chỉ thực hiện khi có biến động lớn về lạm phát cao, thiên tai và các yếu tố khách quan khác làm phát sinh thêm chi phí.

4.2.4. Hoàn thiện kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình

Kiểm tra, thanh tra, giám sát và đánh giá đầu tư, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN có vai trò rất quan trọng trong cung cấp thông tin về tình hình chi và quản lý chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, phát hiện những bất cập và vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư các dự án thuộc nguồn vốn NSTW và NSDP. Những thông tin đầy đủ, toàn diện và chính xác về tình hình chi và quản lý chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cho phép các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có những biện pháp điều chỉnh cơ chế chính sách, chỉ đạo điều hành phù hợp với thực tiễn nhằm tháo gỡ những bất cập, điều chỉnh và ngăn chặn những sai

phạm trong quản lý chi đầu tư phát triển. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và đánh giá đầu tư, thực hiện chế độ báo cáo đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN còn có tác dụng quan trọng làm rõ trách nhiệm và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của UBND tỉnh, các sở, các đơn vị chủ đầu tư, nhà thầu trong thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn NSNN. Chú trọng hơn đến việc phân tích để làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân dẫn đến sai phạm trong từng khâu của quá trình thực hiện dự án như: trách nhiệm của Chủ đầu tư và các nhà quản lý đầu tư; trách nhiệm của các nhà thầu xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư; trách nhiệm của các nhà quản lý tư vấn... qua đó có thể đưa ra những kiến nghị xử lý một cách triệt để và hiệu quả.

Thứ nhất, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của uỷ ban nhân dân tỉnh theo hướng xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, hàng năm, theo nhiệm kỳ của uỷ ban nhân dân tỉnh, kết hợp kiểm tra, giám sát định kỳ với kiểm tra, giám sát đột xuất đối với một số dự án đầu tư quan trọng của tỉnh. Kiểm tra, giám sát hoạt động tại các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của một ngành, đơn vị trong những trường hợp cụ thể, nhằm tạo ra yêu cầu, áp lực cao cho ngành, đơn vị trong quá trình thực thi quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Cán bộ làm công tác thanh, kiểm tra ngoài việc tìm sai sót, còn phải tăng cường trong trách nhiệm tư vấn, khuyến nghị đề xuất sửa đổi, các biện pháp khắc phục. Phải thường xuyên cập nhật kiến thức để tăng cường chất lượng kết quả thanh tra, kiểm toán.

Thứ hai, tăng cường chế độ báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng vốn đầu tư phát triển, gắn trách nhiệm của người có thẩm quyền với trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá sử dụng vốn đầu tư phát triển tại các ngành, đơn vị. Quy định người có thẩm quyền quyết định đầu tư (trách nhiệm cá nhân) sẽ bị xử lý kỷ luật, đồng thời bị xử phạt hành chính nếu không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng vốn đầu tư. Việc thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng vốn đầu tư giúp các ngành, đơn vị phân tích, đánh giá đúng tình hình đầu tư phát triển tại các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước để có phương án chỉ đạo điều hành một cách phù hợp, qua đó có thể sửa đổi, bổ sung kịp thời cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Tăng cường kiểm tra đối với tiến trình thực hiện các chương trình dự án đầu tư, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện quyết toán vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, nhất là đối với các chương trình trọng điểm tỉnh và công trình trọng điểm huyện.

Thứ ba, tăng cường hơn công tác kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán đồng thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ trách nhiệm đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc không thực hiện kết luận, kiến nghị

của Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở và Kiểm toán nhà nước. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán, Thanh tra Sở, tỉnh, nhất là việc xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân đối với các sai phạm của các đơn vị trong thời gian qua chưa được đầy đủ, nghiêm minh và kịp thời. Cần ban hành chế tài xử lý nghiêm đối với các huyện, các dự án không thực hiện tốt công tác giám sát và đánh giá đầu tư, chế độ báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn NSNN. Đồng thời cũng quy định rõ chế tài xử phạt đối với các chủ đầu tư, các cán bộ quản lý dự án, các huyện không thực hiện nghiêm chỉnh chế độ quyết toán vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN hàng năm và chế độ quyết toán công trình hoàn thành.

4.2.5. Một số giải pháp khác

4.2.5.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình

Sở KH&ĐT thực hiện nghiêm Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về QLDA đầu tư, Thông tư số 101/2017/TT-UBND ngày 27/4/2017 của UBND về việc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong UBND tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở tài chính phải tổng hợp các nguồn vốn thu được của tỉnh để cân đối, lồng ghép các nguồn và đề ra các phương án sử dụng vốn trong từng năm. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đến năm 2030 và các năm tiếp theo cần sớm được xây dựng để trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở Tài chính quản lý các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước, kể cả vốn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Nếu ngân sách cấp huyện dành cho đầu tư thì ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và giao cho Phòng Tài chính huyện tổ chức cấp phát. Khi xác định được nhu cầu vốn và nguồn vốn, ủy ban nhân dân tỉnh cần phân công, phối hợp các ngành chức năng tổ chức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Cơ quan dự toán (chủ đầu tư) phải tổ chức lại quy trình thủ tục thực hiện cấp phát vốn theo hướng đơn giản và thuận lợi. Vốn sẽ được cấp phát trực tiếp từ nguồn đầu tư đến đơn vị thực hiện dự án thông qua khối lượng hoàn thành được xác nhận. Việc quản lý vốn cấp phát phải thể hiện qua nội dung: Phải xác định nguồn hình thành và đối tượng sử dụng của vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; Phải tuân theo nguyên tắc quản lý cấp phát vốn; Phải thực hiện đúng cơ chế quản lý cấp phát vốn.

Việc thẩm định dự án đầu tư phải được tiến hành dân chủ, công khai; có sự tham gia của nhiều cơ quan chuyên môn trong tỉnh Thái Bình. Nếu cần thì thuê chuyên gia để thẩm định, nhằm nâng cao tính phản biện trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, chấm dứt tình trạng chỉ giao cho một cơ quan thẩm định như hiện nay. Việc phê duyệt tổng mức đầu tư dự án thủy lợi phải theo phương pháp lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình nói chung của Nhà nước. Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư có thể điều chỉnh tổng mức đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán. Việc điều chỉnh dự án đầu tư, tổng dự toán phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước và UBND tỉnh Thái

Bình. Trước khi phê duyệt điều chỉnh phải tiến hành giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị 154 định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ và Thông tư 99/2017/TTUBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Thái Bình.

Việc phê duyệt kế hoạch đầu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu phải quán triệt và chấp hành nghiêm Luật Đấu thầu, các quy định tại Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu, Thông tư số 75/2010/TT-UBND ngày 12/6/2010 của UBND tỉnh Thái Bình hướng dẫn chi tiết một số nội dung về quản lý đầu thầu trong UBND. Xử lý nghiêm vi phạm, cụ thể là: ngừng thanh toán vốn đầu tư, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên (theo quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính); không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán được tham gia đấu thầu dự án đầu tư phát triển mới.

4.2.5.2. Hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý đầu tư phát triển từ NSNN của tỉnh Thái Bình

Vấn đề hoàn thiện bộ máy quản lý là một yêu cầu khách quan, phù hợp với quy luật phát triển. Để quản lý có hiệu quả thì vấn đề chuyên môn hoá bộ máy quản lý là cần thiết, tránh những chồng chéo về nhiệm vụ và trách nhiệm trong quản lý.

* Đối với cơ quan nhà nước quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN:

Thứ nhất, rà soát lại chức năng quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước từ NSNN của ba hệ thống cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước để phân định chức năng rõ ràng hơn. Phòng Kế hoạch và đầu tư, Tài chính là hai cơ quan chuyên môn ở cấp huyện đã sáp nhập vào nhau. Ở tỉnh Thái Bình vẫn còn tồn tại nhưng cần xác định cụ thể để tránh trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót: chẳng hạn các kế hoạch định hướng và dài hạn (dễ bị bỏ sót), các phân bổ cụ thể, dễ bị trùng lặp...trên cơ sở đó mỗi cơ quan cần có hệ thống phòng ban phù hợp để quản lý, không nên giao cho nhiều phòng quản lý theo dõi vốn ĐTPT hạn chế để tính liên tục và hệ thống trong công việc. Và một việc quan trọng cần hoàn thiện là các phòng quản lý theo dõi công việc này cần có một cơ cấu cán bộ hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, cần triển khai phân cấp hợp lý trong quản lý ĐTPT, Trung ương phân cấp cho tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình phân cấp lại cho các huyện thuộc tỉnh. Bảo đảm tính tự chủ và nâng cao năng lực sáng tạo cấp dưới, cấp nào đảm nhiệm vai trò của cấp đó, trung ương không làm thay các công việc của tỉnh, tỉnh không làm thay các công việc của huyện...Việc phân cấp chú ý các yêu cầu sau: phân cấp phải đồng bộ bộ máy trước hết là cơ quan UBND thực hiện phân cấp cho cấp dưới. Việc phân cấp phải đi với phân quyền và phân tiền để có điều kiện thực hiện các công việc m cách chủ động (tránh các

hiện tượng can thiệp hành chính hoặc phi hành chính hoặc kinh tế... ảnh hưởng đến nhiệm vụ phân cấp. Bên cạnh đó phân cấp phải chú ý đến nâng cao trình độ, tập huấn hướng dẫn cấp dưới và tăng cường kiểm tra, chỉ đạo... là những điều kiện rất quan trọng mới có thể quản lý hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Thứ ba, triển khai mạnh mẽ cải cách hành chính theo đề án của Chính phủ, nhưng không nên quá máy móc cứng nhắc. Cải cách hành chính phải đi đôi với nâng cao chất lượng cán bộ và phải gắn với áp dụng hiện đại hóa công nghệ thông tin trong quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước từ NSNN. Cải cách hành chính trong quản lý đầu tư phát triển từ NSNN là một trong những trọng tâm trong cải cách nền hành chính quốc gia mà Chính phủ đã có chương trình đến năm 2020. Yêu cầu cải cách hành chính là phải làm đồng bộ các khâu: thể chế, bộ máy, con người, tài chính công, và làm một cách thường xuyên, uyển chuyển. Hiện nay ở cấp cơ sở đang triển khai cơ chế một cửa ở tất cả các cơ quan nhằm nâng cao chất lượng phục vụ (thời gian rút ngắn, thủ tục đơn giản, thuận tiện trong giao dịch...) và hiệu quả quản lý. Tuy vậy một số trường hợp cần nghiên cứu điều chỉnh để phù hợp thực tế, tránh áp đặt máy móc trong giao dịch một cửa như: công việc thẩm tra dự án ở Sở KH&ĐT tỉnh Thái Bình (60 ngày làm việc với dự án nhóm A, 30 ngày làm việc với dự án nhóm B, 20 ngày làm việc với dự án nhóm C) mỗi năm bình quân 35-45 dự án, 70-80 báo cáo kinh tế kỹ thuật. Nếu tập trung cán bộ (các sở ngành liên quan) tại một cửa liên thông thì phải thêm biên chế và lãng phí thời gian vì bình quân 10 ngày mới nhận một hồ sơ dự án và hai hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, trong khi thời gian nghiên cứu thẩm định lại thiếu, mặt khác một số phần hành cần có dự toán độc lập để kiểm soát lẫn nhau thì mới an toàn trong quản lý NSNN. Một điểm quan trọng trong hoàn thiện bộ máy là phải nâng cao chất lượng cán bộ, trẻ hóa cán bộ công chức, đồng thời tiến hành cải cách hành chính phải gắn với hiện đại hóa công nghệ thông tin trong quản lý để nâng cao năng suất lao động quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ đảm bảo yêu cầu nhanh, kịp thời, chính xác.

* Đối với nhóm trực tiếp quản lý, sử dụng ĐTPT từ NSNN là chủ đầu tư, Ban quản lý dự án:

Thứ nhất, khẩn trương sắp xếp lại bộ máy quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước từ NSNN. Do việc phân bổ vốn đầu tư có tính chất phân tán, dàn trải lâu nay, mặt khác lại chưa quan niệm quản lý đầu tư phát triển là một nghề nên tình trạng số Ban quản lý dự án quá nhiều và cơ quan tổ chức nào cũng có thể làm được Ban quản lý dự án nên vấn đề đặt ra là cần khẩn trương kiện toàn sắp xếp lại. Nội dung chính là đánh giá lại năng lực của từng ban theo những tiêu chí cụ thể (ví dụ như cơ cấu bộ máy, trình độ năng lực, con người...) phải xem nội dung này trong điều kiện thực tế cho phép, cơ cấu lại bộ máy và cán bộ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, kiện toàn và mạnh dạn loại các ban yếu kém trong thời gian ngắn nhất.

Thứ hai, tích cực đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý, trình độ của các chức danh trong ban (lãnh đạo ban, kế toán, kỹ thuật, kế hoạch...), một mặt tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, định mức tiêu chuẩn quản lý dự án cho phù hợp thực tế, có căn cứ khoa học, đồng bộ, ổn định và có tính khả thi cao. Mặt khác biên soạn lại một số giáo trình quản lý dự án phù hợp với điều kiện nước ta (hiện nay giáo trình dự án có quá ít và không phù hợp thực tế) làm tài liệu cho nghiên cứu, học tập và áp dụng. Cơ quan cấp quản lý nhà nước chỉ đảm nhiệm chức năng hoạch định chính sách, chế độ và kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách ấy, không bao biện làm thay cho cơ sở. Thành lập các công ty chuyên nghiệp thay cho các ban quản lý dự án như hiện nay nhằm nâng cao năng lực và chất lượng quản lý thực hiện dự án đầu tư công và đầu tư phát triển.

4.2.5.3. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành về trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức

Vấn đề nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề hết sức quan trọng, nó có ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực trong đó có cả lĩnh vực quản lý đầu tư công từ ngân sách nhà nước, phải nghiên cứu và quy hoạch tổ chức lại cán bộ sao cho gọn nhẹ, có hiệu lực và có hiệu quả. Tiêu chuẩn hoá cán bộ và tổ chức tốt công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước cho phù hợp; xác định chính thức chức danh kỹ sư quản lý dự án để có cơ sở tiêu chuẩn hoá nhân lực, cán bộ của các Ban quản lý dự án, cơ quan chuyên môn giúp việc cho chủ đầu tư tiến tới yêu cầu bắt buộc với cán bộ quản lý dự án (chủ nhiệm điều hành dự án) phải có chứng chỉ hành nghề. Để xây dựng được lực lượng cán bộ chuyên môn sử dụng lâu dài cần chú trọng kế hoạch đào tạo mới những cán bộ trẻ, có năng lực để đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo trong tương lai. Cần phải tạo điều kiện thuận lợi, công bằng cho đội ngũ cán bộ có khả năng cạnh tranh lành mạnh, cần phải có chế độ đãi ngộ thích đáng đối với những cán bộ có bằng cấp, có trình độ, có kinh nghiệm, có như thế mới nâng cao được chất lượng cán bộ.

Đổi mới công tác quản lý, sử dụng cán bộ: Cán bộ là người trực tiếp thực thi pháp luật và chất lượng quản lý vốn phụ thuộc nhiều vào đội ngũ cán bộ nên cần đổi mới cơ chế tiền lương, tiền công cho cán bộ, tinh giản biên chế, tăng mức phụ cấp trách nhiệm, bố trí công việc theo vị trí việc làm để tạo động lực cho cán bộ. Tăng cường các chính sách hỗ trợ nhằm thu hút, tuyển dụng nhân tài. Đổi mới cách thức tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý trong từng khâu như khâu thẩm định dự án cần cán bộ có chuyên môn kỹ thuật phân tích dự án có khả năng sử dụng công nghệ hiện đại, chạy các mô hình. Cán bộ lập kế hoạch có kỹ năng phân tích tài chính. Cán bộ kiểm tra giám sát, có chứng chỉ hành nghề. Cơ quan tư vấn, giám sát phải có đủ năng lực, các tiêu chuẩn của từng cán bộ trong từng khâu phải được cụ thể và tổ chức đánh giá, xét tuyển hàng năm. Các cán bộ được tham gia vào khâu quan trọng phải được đào tạo bài bản, cập nhật kiến thức thường xuyên.

Cải tiến cách thức chuyển giao, đào tạo cán bộ trong việc minh bạch, quản lý ngân sách gắn với kết quả đầu ra. Hạn chế tình trạng tư tưởng và chính sách chỉ được thông suốt ở cấp trung ương và các lãnh đạo. Đây là một trình trạng phổ biến ở nước ta trong triển khai thực hiện các biện pháp chính sách mới, do cấp dưới không nắm được đầy đủ thông tin, không hiểu tầm quan trọng của việc thay đổi, dẫn tới tình trạng không quan tâm hoặc triển khai đối phó do chỉ thấy mẫu biểu thay đổi mà chưa thấy lợi ích dài hạn của việc cải cách chính sách. Từ đó việc triển khai chậm, không đồng bộ làm phát sinh vướng mắc trong việc thực hiện dẫn tới chất lượng quản lý vốn bị ảnh hưởng. Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động, phát triển đội ngũ kiểm toán viên có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, kiến thức và kỹ năng tương xứng với yêu cầu công việc; hoàn thiện quy trình, chuẩn mực kiểm toán; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng kiểm toán đối với từng cuộc kiểm toán cũng như từng kiểm toán viên.

Điều chỉnh nội dung và phương pháp đào tạo để tạo ra lớp kỹ sư tư vấn đảm bảo kỹ thuật chuyên môn; đồng bộ cả về chuyên môn, ngoại ngữ các kiến thức pháp luật, kiến thức KT-XH và công nghệ chuyên ngành. Đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần để cho cán bộ yên tâm công tác thông qua chế độ tiền lương phải khá hơn ở lĩnh vực doanh nghiệp và tiến tới việc trả lương theo trình độ chuyên môn, vị trí công việc, trách nhiệm công việc với mục đích phải đảm bảo cuộc sống đầy đủ để họ chuyên tâm vào công tác chuyên môn, hạn chế vấn đề tiêu cực trong các cán bộ quản lý nhà nước.

4.2.5.4. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước, xây dựng cơ sở dữ liệu về đầu tư công và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước

Hiện nay, việc theo dõi tình hình thu, chi NSNN đã được triển khai đồng bộ thông qua hệ thống TABMIS. Hệ thống TABMIS bắt đầu thí điểm triển khai từ năm 2012, tuy nhiên đến năm 2015 hệ thống mới được triển khai đồng bộ trên phạm vi cả nước. Tất cả các khoản chi từ NSNN hàng năm sau khi được Quốc hội và HĐND phê duyệt sẽ được nhập liệu theo dõi trước khi năm ngân sách có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện các hoạt động thu và chi NSNN được cập nhật, kết xuất theo từng nhiệm vụ phát sinh. Cơ sở dữ liệu trên hệ thống TABMIS là thống nhất, các cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước và thuế vừa là tổ chức nhập liệu, vừa là tổ chức khai thác thông tin báo cáo. Thông tin kết xuất trên hệ thống TABMIS được coi là đầy đủ và đáng tin cậy. Thành công của hệ thống TABMIS là do phân tách được nhiệm vụ và trách nhiệm của người tham gia vào hệ thống: Quy định rõ người nhập liệu, người kế toán và người phê duyệt. Người chịu trách nhiệm phê duyệt là Thủ trưởng đơn vị, người có thẩm quyền cao nhất trong việc quản lý nghiệp vụ thu, chi.

Mặc dù đã có quy định rõ về lĩnh vực chi đầu tư tương ứng với từng mục, tiêu mục song do kế hoạch vốn đầu tư hiện nay không thực hiện chi tiết theo 13 lĩnh vực của Luật NSNN mới do vậy không bóc tách được thông tin ngay từ dữ liệu đầu vào.

Mặt khác do Luật NSNN cho phép chuyển nguồn kinh phí chi đầu tư công, song không quy định tách riêng trong các mẫu biểu báo cáo, vì vậy, việc so sánh số thực hiện chi và dự toán NSNN chỉ mang tính chất tương đối. Thêm vào đó do chế độ chính sách liên quan đến quản lý vốn đầu tư thay đổi lớn dẫn tới các mẫu biểu các năm không thống nhất, trong cùng một nội dung chi nhưng phạm vi là khác nhau. Việc so sánh không đồng chất dẫn đến chất lượng đánh giá chưa cao. Do vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống TABMIS để đảm bảo tính phù hợp với Luật NSNN mới và đổi mới cách thức lập kế hoạch ĐTPT cho phù hợp. Theo đó cần đổi mới cách thức theo dõi thông tin theo hướng bao quát cả thu chi ngân sách trung hạn, ngân sách cuốn chiếu và hàng năm. Mẫu biểu kết xuất theo đúng chuẩn Thông tư hướng dẫn. Điều chỉnh tài khoản để đảm bảo theo dõi, kiểm soát kịp thời các khoản vay vốn nước ngoài thực hiện theo hình thức ghi thu, ghi chi để đầu tư dự án.

Bắt đầu từ năm 2018, tuy đã ứng dụng một phần công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, giao và quản lý kế hoạch đầu tư công nhưng vẫn còn ở mức độ hạn chế và thực tế là chưa có quy định pháp lý đối với nội dung này. Xuất phát từ thực tế trên, việc hình thành cơ sở dữ liệu về đầu tư công từ khâu lập kế hoạch, thực hiện đến theo dõi, đánh giá sẽ giảm nhẹ thủ tục hành chính cho công tác báo cáo, đánh giá dự án là vấn đề cấp thiết. Hệ thống quản lý, theo dõi, đánh giá về đầu tư công áp dụng cơ sở dữ liệu mạng sẽ thuận lợi về kỹ thuật, giảm thời gian, công sức về nhân lực thực hiện các biểu mẫu báo cáo; phục vụ công tác cập nhật, cung cấp số liệu, báo cáo theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ; Hệ thống cơ sở dữ liệu cập nhật và công khai sẽ làm tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động đầu tư công, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công; tận dụng Hệ thống mạng máy tính, nhân lực sẵn có về tin học của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Nghiên cứu tích hợp, gắn kết 02 hệ thống nêu trên để việc cải tiến hệ thống thông tin quản lý đầu tư công nói chung và quản lý đầu tư phát triển từ NSNN nói riêng sát với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ. Quản lý bằng hệ thống công nghệ thông tin là một giải pháp tiến bộ và cần phải được pháp điển hóa một cách chính thức cũng đáp ứng được yêu cầu thực tế ngày càng phức tạp và diễn ra nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát đầu tư công nói chung và đầu tư phát triển nói riêng.

4.2.5.5.. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình

Tập trung thực hiện cải cách hành chính công một quyết liệt và coi đây là giải pháp có tính đột phá. Cần phải nhất quán trong việc thực hiện một đầu mối trong thủ tục hành chính về quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh. Tạo cơ chế liên thông trong thực hiện các thủ tục đầu tư và cấp phát, thanh quyết toán vốn

đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh. Công khai hoá các quy trình, thực hiện nghiêm chỉnh quy quy định về quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Triển khai mạnh mẽ cải cách hành chính theo đề án của Chính phủ, nhưng không nên quá máy móc cứng nhắc. Cải cách hành chính phải đi đôi với nâng cao chất lượng cán bộ và phải gắn với áp dụng hiện đại hóa công nghệ thông tin trong quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Cải cách hành chính trong quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là một trong những trọng tâm trong cải cách nền hành chính quốc gia mà Chính phủ đã có chương trình đến năm 2020. Yêu cầu cải cách hành chính là phải làm đồng bộ các khâu: thể chế, bộ máy, con người, tài chính công, và làm một cách thường xuyên, uyển chuyển. Hiện nay ở cấp cơ sở đang triển khai cơ chế một cửa ở tất cả các cơ quan nhằm nâng cao chất lượng phục vụ (thời gian rút ngắn, thủ tục đơn giản, thuận tiện trong giao dịch...) và hiệu quả quản lý. Tuy vậy một số trường hợp cần nghiên cứu điều chỉnh để phù hợp thực tế, tránh áp đặt máy móc trong giao dịch một cửa như: công việc thẩm tra dự án ở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (60 ngày làm việc với dự án nhóm A, 30 ngày làm việc với dự án nhóm B, 20 ngày làm việc với dự án nhóm C) mỗi năm bình quân 35-45 dự án, 70-80 báo cáo kinh tế kỹ thuật. Nếu tập trung cán bộ (các sở ngành liên quan) tại một cửa liên thông thì phải thêm biên chế và lãng phí thời gian vì bình quân 10 ngày mới nhận một hồ sơ dự án và hai hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, trong khi thời gian nghiên cứu thẩm định lại thiếu, mặt khác một số phân hành cần có dự toán độc lập để kiểm soát lẫn nhau thì mới an toàn trong quản lý NSNN.

4.3. Một số kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các ban ngành Trung ương

4.3.1. Kiến nghị với Quốc hội

Thái Bình là một tỉnh còn nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách còn hạn hẹp trong bối cảnh Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đã xác định một trong ba hướng đột phá của tỉnh là “Tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối các trục giao thông đầu mối trong tỉnh với các trung tâm kinh tế vùng Duyên hải Bắc Bộ. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Thái Bình thành trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh”, để hỗ trợ Thái Bình thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến 2025 và các năm tiếp theo, UBND tỉnh Thái Bình đề nghị Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

Kiến nghị Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đầu tư công về thẩm quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương; việc giao thẩm quyền đề xuất chủ trương đầu tư. Do HĐND các cấp quyết định kế hoạch đầu tư công hằng

năm của các cơ quan, đơn vị nên quy định thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị tại khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công là phù hợp. Đề nghị tỉnh thực hiện theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương giữa các đơn vị đề nghị UBND các cấp báo cáo HĐND các cấp tổ chức kỳ họp bất thường. Việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có ý nghĩa quan trọng, là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở để các cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án. Vì vậy, khi xây dựng Luật Đầu tư công, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội giao cho cơ quan chuyên môn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để bảo đảm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có chất lượng, có tính khả thi. Đồng thời, theo quy định của Luật Xây dựng, hầu hết các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thành lập Ban Quản lý dự án. Các Ban quản lý dự án được giao là chủ đầu tư dự án. Nếu để Ban Quản lý dự án lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xảy ra tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”, không bảo đảm tính minh bạch, khách quan của dự án.

4.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các ban ngành Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 30-NQ/TW nhằm xây dựng tỉnh Thái Bình phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng bộ, hiện đại, thông minh; Chương trình hành động phải cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 30-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW; là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh Thái Bình xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh Thái Bình quyết tâm phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh Thái Bình tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án và dự án quan trọng; mở rộng hợp tác quốc tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng đồng bằng Sông Hồng với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của đất nước, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các nguồn vốn: Trái phiếu chính phủ, Chương trình mục tiêu quốc gia,... để hỗ trợ tỉnh Thái Bình thực hiện các dự án giao thông trọng điểm và lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chuyển tiếp của giai đoạn 2021 - 2023 sang giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn tiếp theo và thực hiện đầu tư các dự án mới. Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ bổ sung vốn cho tỉnh để thanh toán phần vốn ngân sách cấp tỉnh đã tạm ứng trước cho nhà đầu tư để hạn chế phát sinh lãi trả chậm theo quy định của dự án Đầu tư phát triển, cụ thể dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường nối tỉnh Thái Bình - Hà Nam với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình do nguồn vốn ngân sách địa phương còn hạn chế, không cân đối đủ nguồn để bố trí thu hồi tạm ứng của dự án.

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, tạo điều kiện giúp tỉnh Thái Bình đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Thái Bình, kêu gọi dự án đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp; công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử, cơ khí chế tạo, công nghiệp phụ trợ...để góp phần cải thiện nguồn thu cho ngân sách tỉnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

KẾT LUẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, một địa phương. Nó bảo đảm cho sự phát triển ổn định, vững chắc của nền kinh tế, nâng cao mức sống của người dân. Quản lý nhà nước với hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN có vai trò quan trọng để đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn NSNN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tỉnh Thái Bình có bước phát triển mạnh mẽ, hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách đã thu được những thành tựu quan trọng, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thiệt thực quản lý đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được một cách có hiệu quả, Tỉnh Thái Bình cần phải xúc tiến và đẩy nhanh quá trình này để sớm khắc phục được những tồn tại gây thất thoát, lãng phí vốn thời gian qua. Vấn đề này, cần sự đồng thuận từ các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương và sự quyết tâm của các nhà quản lý. Trong nội dung luận án này, nghiên cứu sinh đã làm rõ được một số vấn đề như:

Một là, phân tích và làm rõ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh. Trong đó, làm rõ khái niệm về đầu tư, đầu tư phát triển, đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN và đặc điểm của QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN. Luận án đã làm rõ những yêu cầu và nguyên tắc của QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một tỉnh và xác định 4 nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tỉnh, bao gồm: (i) Phân cấp Quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN; (ii) Lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển; (iii) Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển; và (iv) Kiểm tra thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ NSNN. Luận án đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến hiệu quả QLNN đối với đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình bao gồm: (i) Cơ chế và chính sách của nhà nước; (ii) Năng lực tài chính; (iii) Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành; (iv) Năng lực nhà thầu thi công; (v) Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước.

Hai là, trên cơ sở phân tích khái quát điều kiện tự nhiên, thực trạng tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình, thực trạng đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình, những thuận lợi và khó khăn của tỉnh trong đầu tư phát triển của tỉnh Thái Bình. Luận án đã phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2022, chỉ ra những thành công. Đặc biệt, luận án đã chỉ ra 5 hạn chế cần được khắc phục, đó là: (1) Việc ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công còn chậm, dẫn đến khó khăn trong công tác cập nhật, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn để các đơn vị, cơ quan cấp dưới triển khai, thực hiện (2) Chất lượng lập kế hoạch

và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chưa cao, còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém chưa sát thực tế, không khả thi dẫn đến một số dự án không có vốn triển khai thực hiện (3) Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ NSNN từ đầu năm vẫn còn chậm trễ, dồn khối lượng công việc, vốn vào cuối năm gây khó khăn trong thực hiện (4) Việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan thanh tra nhà nước của tỉnh và các sở ban ngành chưa thường xuyên, diện kiểm tra còn hẹp, chưa sâu, chất lượng kiểm tra còn nhiều hạn chế; (5) Năng lực quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn bất cập về chất lượng và số lượng.

Ba là, dựa trên quy hoạch chung xây dựng tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nghiên cứu sinh cũng đã tổng hợp và chỉ ra được quan điểm cũng như mục tiêu phương hướng để có thể hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình trong giai đoạn tới và đề khắc phục những hạn chế trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình, có 5 nhóm giải pháp đã được đưa ra: (1) Hoàn thiện phân cấp quản lý nhà nước hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; (2) Hoàn thiện lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển; (3) Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; (4) Hoàn thiện kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; (5) Một số giải pháp khác. Trong các giải pháp này, nhóm giải pháp 2,4,5 được coi là giải pháp quan trọng nhất, có tính đột phá, bảo đảm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình trong thời gian tới. Việc áp dụng đồng bộ hệ thống các giải pháp sẽ mang lại tác động tích cực trong quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN ở tỉnh Thái Bình.

Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo:

Đề tài luận án là một đề tài mới và khá phức tạp, chưa được nghiên cứu ở tỉnh Thái Bình. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do hạn chế về số liệu thống kê, tài liệu tham khảo, hạn chế trình độ, Luận án không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các nhà quản lý và những người chuyên nghiên cứu trong lĩnh vực này để bản luận án được hoàn chỉnh hơn. Cụ thể:

Thứ nhất, do hạn chế về điều kiện nghiên cứu như thời gian, chi phí... nên nghiên cứu chỉ tập trung thực hiện trong phạm vi tỉnh Thái Bình. Việc thực hiện khảo sát chỉ thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh Thái Bình sẽ không phản ánh được chính xác hiệu quả hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN. Nếu phạm vi khảo sát được tiến hành mở rộng trên phạm vi các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam hay trên phạm vi cả nước thì kết quả nghiên cứu sẽ có tính khái quát cao hơn.

Thứ hai, phương pháp nghiên cứu được thực hiện trong đề tài là phương pháp

lấy mẫu thuận tiện, số mẫu nhỏ, phân phối không đồng đều. Nếu có thể lấy mẫu với số lượng lớn hơn và phương pháp lấy mẫu theo xác suất kết hợp với phương pháp lấy mẫu theo tỷ lệ thì kết quả nghiên cứu sẽ chính xác hơn và độ tin cậy sẽ cao hơn. Chưa đánh giá được hết chỉ số ICOR của tỉnh Thái Bình, mặt khác chưa nghiên cứu được tính hiệu quả của các dự án đầu tư phát triển khi đưa vào sử dụng từ nhóm đối tượng là người dân thụ hưởng các chương trình, dự án đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước, từ đó chưa phản ánh hết hiệu quả quản lý nhà nước với hoạt động đầu tư phát triển từ NSNN.

Thứ ba, luận án mới chỉ nghiên cứu công tác quản lý hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cấp tỉnh. Tuy nhiên về hoạt động đầu tư phát triển còn có nhiều cấp liên tỉnh/liên quốc gia nên hướng nghiên cứu tiếp sẽ nghiên cứu ở một phạm vi không gian rộng hơn.

Thứ tư, luận án mới chỉ nghiên cứu đến việc quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước mà chưa đề cập đến nguồn vốn xã hội hóa, vốn ODA và các nguồn vốn khác. Hướng nghiên cứu tiếp sẽ đề cập đến việc quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nhiều nguồn vốn khác nhau.

Thứ năm, luận án chưa nghiên cứu được kinh nghiệm về công tác quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của các tỉnh/thành phố ở nước ngoài để rút ra kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình. Do đó, hướng nghiên cứu tiếp theo cần phải tìm hiểu kinh nghiệm về công tác quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN của một số tỉnh/thành phố khác ở nước ngoài làm căn cứ đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước với đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN cho tỉnh Thái Bình thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Xuân Bá (2012), *Một số vấn đề về phân cấp đầu tư công giữa trung ương và địa phương*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Tái cấu trúc đầu tư công và tái cấu trúc DNNN”, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, ngày 03/05/2012
2. Nguyễn Văn Bình (2010), *Nâng cao hiệu quả, hiệu lực thanh tra tài chính dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.
3. Nguyễn Thị Bình (2012), *Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách trong ngành giao thông vận tải Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Thái Bá Cận (2009), *Giáo trình Phân tích và Quản lý dự án đầu tư*, NXB Giáo dục
5. Võ Văn Cận (2014), *Nghiên cứu cơ chế kiểm tra, giám sát vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Ngân Hàng, TP. Hồ Chí Minh
6. Chính phủ (2015), Nghị định số 30/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2015
7. Chính phủ (2021), Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2021.
8. Dương Đăng Chinh (2009), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
9. Nguyễn Huy Chí (2017), *Quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản bằng ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện hành chính quốc gia.
10. Bùi Minh Chuyên (2022), *Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn*, Tạp chí Tài chính số kỳ 2 tháng 5/2022.
11. Lê Vinh Danh (2004), *Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh hiện trạng và giải pháp*, Đề tài VKT 03.2004, Viện Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
12. Hà Văn Đông (2018), *Phát triển kinh tế nông thôn ở tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
13. Nguyễn Văn Dũng (2014), *Huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam giai đoạn 2010-2020*, Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

14. Nguyễn Ngọc Hải (2008), *Hoàn thiện cơ chế quản lý chi ngân sách nhà nước cho việc cung ứng hàng hóa công cộng ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Đại học Thương mại.
15. Võ Văn Hợp (2013), *Nâng cao tính bền vững của ngân sách nhà nước Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính.
16. Trịnh Thị Hằng (2020), *Hiệu quả sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong lĩnh vực giao thông vận tải ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
17. Nguyễn Thị Hà & Nguyễn Mạnh Hùng (2022), *Đánh giá tính hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với kiểm toán độc lập ở Việt Nam*, Tạp chí Công Thương, Số 11, tháng 5 năm 2022
18. Hoàng Thị Hồng Hạnh (2023), *Quản lý đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Vĩnh Phúc: Thực trạng và Giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế, Trường Đại học Ngoại thương.
19. Nguyễn Văn Hậu (2021), *Tăng cường quản lý đầu tư công nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
20. Nguyễn Văn Hậu & Nguyễn Thị Thu Phương (2021), *Sách chuyên khảo Đánh giá chi tiêu công, đầu tư công của tỉnh Nam Định*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
21. Đặng Thị Hoài (2018), *Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
22. HĐND tỉnh Quảng Ninh (2021), *Nghị quyết số 76/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ninh*, Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2021
23. Phan Thị Thu Hiền (2015), *Đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Hà Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
24. Lê Thị Thu Hường (2018), *Vốn đầu tư ngân sách nhà nước để phát triển giao thông nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
25. Hoàng Cao Liêm (2018), *Quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ ngân sách nhà nước tại tỉnh Hà Nam*, Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
26. Hồ Thị Hương Mai (2015), *Quản lý nhà nước về vốn đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị Hà Nội*, Luận án Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
27. Phô Thi San Sa May (2015), *"Quản lý vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Sa La Văn, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào"*, Luận án Tiến sĩ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

28. Hà Thị Tuyết Minh (2019), *Nâng cao hiệu quả đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Hòa Bình*, Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính
29. Phạm Hoài Nam (2022), *Luận án tiến sĩ kinh tế "Huy động vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên"*, Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
30. Trần Đình Nam (2017), *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn ODA vào phát triển đường sắt đô thị ở Việt Nam (Nghiên cứu điển hình các dự án phát triển đường sắt ở thành phố Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
31. Phạm Thị Ánh Nguyệt (2014), *Chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
32. Hồ Sĩ Nguyên (2010), *Giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược phát triển, Hà Nội.
33. Nguyễn Bạch Nguyệt, Từ Quang Phương (đồng chủ biên) (2010), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
34. Nguyễn Thị Lan Phương (2018), *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài Chính
35. Từ Quang Phương (2005), *Giáo trình Quản lý dự án đầu tư*, Nxb Lao động, Hà Nội
36. Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân.
37. Phạm Hà Phương Và Lê Trọng Nghĩa (2021), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư công trong lĩnh vực giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Tạp chí Công thương, Số 3, tháng 2 năm 2021
38. Vũ Quang Phiến (2019). *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước tại Quân khu 3 Bộ Quốc phòng*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội
39. Ngô Thúy Quỳnh (2019). *Quản lý phát triển bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học, Đại học Hùng Vương, số 2/2019
40. Quốc hội (2019), *Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14*, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. ngày 13 tháng 6 năm 2019.
41. Quốc hội (2020). *Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020*, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
42. Quốc hội (2019). *Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 25/6/2019*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

43. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư công số 49/2014/QH13*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
44. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư số 67/2014/QH13*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Quốc hội (2014), *Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Quốc hội (2015), *Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015*, Hà Nội.
47. Ngô Hoài Sơn & Nguyễn Lê Kim Kiều (2022), *Vận dụng lý thuyết phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế để xây dựng nền kinh tế số ở Việt Nam*, Tạp chí Công Thương, Số 21, tháng 9 năm 2022
48. Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa toàn thư*, Hà Nội.
49. Nguyễn Bách Khoa và Cao Tuấn Khanh (2011), *Marketing thương mại*, NXB Thống Kê
50. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội
51. Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội.
52. Đỗ Hoàng Toàn (2005), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế*, NXB Lao Động Xã Hội
53. Hồ Hữu Tiến, *Giải pháp huy động vốn tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính
54. Lê Công Thanh (2022), *Quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
55. Nguyễn Quốc Toàn (2018), *Đánh giá về Quản lý Nhà nước đối với đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế xây dựng, Số 1 năm 2018
56. Nguyễn Thị Thu (2019), *Đề tài khoa học “Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và hàm ý chính sách”*, Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính.
57. Hà Thị Thu (2014), *Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) vào phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam: nghiên cứu tại vùng Duyên hải Miền Trung*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
58. Nguyễn Văn Tuấn (2013), *“Về quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước”*, Tạp chí Kinh tế và dự báo số 12 (548), 2013, tr 15-18

59. Đào Phan Cẩm Tú (2014), *Hoàn thiện cơ chế phân bổ, sử dụng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông công lập ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài Chính, Hà Nội
60. Nguyễn Văn Tuyên (2019), *Giáo trình Luật Ngân sách Nhà nước*, NXB Công An Nhân dân, Hà Nội
61. Nguyễn Thị Thanh (2017), *Hoàn thiện phân cấp quản lý đầu tư XDCB sử dụng nguồn vốn ngân sách của thành phố Hà Nội đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
62. Nguyễn Đăng Thành (2018), *Đánh giá chính sách phân cấp, phân quyền hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản
63. Tạp chí Kinh tế và Dự báo (2023), Nghiên cứu trao đổi “*Kinh nghiệm về thực hiện chính sách đầu tư công tại các địa phương và gợi ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế*”
64. Vũ Như Thăng (2012), *Đổi mới đầu tư công ở Việt nam giai đoạn 2011-2020*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Tái cấu trúc đầu tư công và tái cấu trúc DNNN”, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, ngày 3 tháng 5 năm 2012
65. Cù Thanh Thủy (2018), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
66. UBND Thành phố Hà Nội (2012), *Nghiên cứu các giải pháp nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư do thành phố quản lý để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thủ đô*, Đề tài nghiên cứu cấp Thành phố, Hà Nội
67. UBND tỉnh Thái Bình (2010-2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2010-2022*, Thái Bình
68. UBND tỉnh Thái Bình (2020), *Quy hoạch phát triển hạ tầng tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
69. UBND tỉnh Thái Bình (2022), *Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050*
70. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2013), Thông tin chuyên đề, “*Đầu tư công, nợ công và mức độ bền vững ngân sách ở Việt Nam*”, Trung tâm thông tin tư liệu, số 5/2013
71. Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần XI, XII, XIII
72. Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVIII, XIX, XX.
73. Nguyễn Cao Văn và Trần Thái Ninh (2009), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
74. Nguyễn Thị Hạnh Vân (2021), Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Bắc Giang, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 27, tháng

9/2021

75. Ngô Doãn Vịnh và Nguyễn Ngô Việt Hoàng (2021), *Thu chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp hiệu quả*, Tạp chí khoa học và công nghệ, số 1 tập 21
76. Ngô Doãn Vịnh (2011), *Đầu tư phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
77. Ngô Doãn Vịnh (2006), *Những vấn đề chủ yếu về kinh tế phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. World Bank (1999), '*Báo cáo nghiên cứu chính sách*', Washington, D.C.
79. World Bank (2012), '*Nghiên cứu về các Hợp đồng và đơn giá công trình đường bộ tại Việt Nam*', Washington, D.C.
80. Website tỉnh Thái Bình: <https://thaibinh.gov.vn/>
81. Website Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>.

Tiếng Anh

82. Chakraborty, S. and Dabla-Norris, E. (2011). *The quality of public investment, The B.E. Journal of Macroeconomics* (Contributions), Vol.11, Article 27
83. Bernard Myers & Thomas Laursen (2008), *Public Investment Management in the EU*
84. Bernard Myers & Thomas Laursen (2009), "*Public investment management in the new EU member States*", World Bank Training Series series 12, February 2009.
85. Baral, K. J. (2005), 'Health check up of commercial banks in the framework of CAMEL: A case study of Joint Venture Banks in Nepal', *The Journal of Nepalese Business Studies*, 2(1), 41-55
86. Edame, G. E. (2013) "Budgeting role, Infrastructural Development and Economic Growth in Nigeria" *European Journal of Business and Social Sciences*, Vol. 2, No.6 , pp1-15.
87. Hiroshi Isohata (2002), *Research the history of development for construction management of procurement system in Japan*, JSCE, Vol.9.
88. Kouser, R., Mehvish, H. and Azeem (2011), 'CAMEL analysis for Islamic and conventional banks: Comparative study from Pakistan', *Economics and Finance Review*, 10(1), 44-64
89. Peter E.D. Love and Zahir Irani (2002), *A project management quality cost information system for the construction industry*, Information & Management, Vol. 40, pp. 649 – 661
90. Philip Taylor (1963), *Tài chính công*, Trung tâm nghiên cứu Việt nam phiên dịch và xuất bản năm 1963, trang 15

91. Paul S.Samuelson and William d.Norhaus (1997), *Kinh tế học (sách dịch)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. Rajaram Anand, Tuan Minh Le, Nataliya Biletska and Jim Brumby (2010). *A Diagnostic Framework for Assessing Public Investment Management, World Bank Policy Research Working Paper, No.5397*, Washington, DC
93. Rajaram Anand (2012). *Improving Public Investment Efficiency, Transforming Natural Resource Revenues into Development Assets*, Kinshasa Conference, World Bank
94. Jim Brumby, Era Dabla-Norris, Annette Kyobe, Zac Mills, Chris Papageorgiou (2011). *Roads to nowhere or bridges to growth: What do we know about public investment efficiency in developing countries?*
95. Jim Brumby, Era Dabla-Norris, Annette Kyobe, Zac Mills and Chris Papageorgiou (2011). *Investing in Public Investment: An Index of Public Investment Efficiency*, IMF Working Paper.
96. IMF (2018) *Public investment management assessment - review and update*
97. Le, Q.H., Nguyen, Q.H (2009), *Technology spillovers from foreign direct investment enterprises to Vietnamese enterprises: Facts and Recommendations*, Statistical Publishing House (in Vietnamese). “The Roadmap for ODA mobilization and utilization in Vietnam” in S. Nguyen and T. Tran (ed, 2009) *Financing Vietnam 's growth - Domestic and foreign sources of development*, Labour and Society Publishing House.
98. Keshar J. Baral (2005), *Health Check-up of Commercial Banks in the Framework of CAMEL: A Case Study of Joint Venture Banks in Nepal*, Journal of Nepalese Business Studies, 41-55
99. Fuhrer, H. (1996), *A History of the development assistance committee and the development co-operation directorate indates, names and figures*, Paris
100. George, A.M., Nancy, L.L, Gene, W.G. and Karen, C.B (2004), *SPSS for Introductory Statistics: Use and Interpretation, 2nd ed*, Lawrence Erlbaum Associates, Mahwah, NJ.
101. Groves, R.M., Fowelwr, F.J., Couper. M.P., Lepkowski, J.M, Singer, E. and Tourangeau, R. (2004), *Survey methodology*, Willey, Hoboken, NJ.
- 102.S.pindyck, R. and L.Rubinfeld, D. (1995), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê
103. Saunder, M., Lewis, P. and Thornhill, A. (2007), *Research method for business students*, Pearson Educatio

1. Đánh giá kết quả quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình thời gian qua.

Ký hiệu	Nội dung ý kiến	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
PH1	Tính phù hợp của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Mục tiêu dự án nhất quán với định hướng, định hướng phát triển trong thời gian tới của địa phương, quốc gia.</i>					
HQ1	Tính hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Dự án có tiến độ thực hiện đảm bảo theo kế hoạch đặt ra và hoàn thành đúng hạn và sau khi kết thúc, dự án đã đạt được các mục tiêu đề ra ban đầu</i>					
HS1	Tính hiệu suất của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: - <i>Chi phí xây dựng thực tế đồng nhất (có mức tăng giảm không đáng kể) với chi phí xây dựng trên kế hoạch.</i> - <i>Trong chi phí dành cho việc xây dựng, về mặt tổng thể, dự án đã thanh toán kịp thời cho bên cung ứng nguyên vật liệu và nhân công (không có tình trạng chây ì thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lương, nợ nguyên vật liệu...)</i>					
TD1	Tính tác động của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Có sự thay đổi rõ rệt về công nghiệp hoặc sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương kể từ thời điểm hoàn thành dự án cho đến nay. Thông qua dự án này, có sự tác động tích cực đến GRDP của tỉnh Thái Bình</i>					
BV1	Tính bền vững của hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước: <i>Thời điểm hoàn công, đã có kế hoạch thực tế thỏa đáng về việc duy trì và bảo dưỡng thuộc dự án này và các cấp có liên quan sẽ thực hiện cam kết đảm bảo các yêu cầu trong vận hành, bảo dưỡng, bảo vệ các công trình, dự án sau khi đã được bàn giao.</i>					

2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước tại Thái Bình.

Mức độ đồng ý được quy ước như sau (mức độ đồng ý càng cao thì điểm đánh giá càng cao): 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý

Ký hiệu	Nội dung ý kiến	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
CƠ CHẾ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC						
DBCS1	Chính sách, chiến lược đầu tư phát triển được xây dựng trên các căn cứ rõ ràng, được hoạch định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ?					
DBCS2	Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phù hợp với cơ chế, chính sách quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam?					
DBCS3	Môi trường pháp luật trong quy hoạch, kế hoạch, lập thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng					
DBCS4	Khi xây dựng chương trình đầu tư phát triển tại địa phương thường lường trước những rủi ro chính sách trong thời gian thực hiện dự án?					
DBCS5	Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được ban hành kịp thời, đảm bảo đáp ứng tình hình thực tế?					
DBCS6	Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện kịp thời so với yêu cầu tiến độ mà dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đặt ra?					
DBCS7	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án; tăng cường sự giám sát đối với các dự án ở Thái Bình đã được chú trọng?					

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH					
NLTC1	Trong các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư phát triển tiến độ giải ngân vốn ngân sách nhà nước luôn theo đúng kế hoạch đề ra?				
NLTC2	Luôn có vốn dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra trong từng dự án?				
NLTC3	Vốn cho các dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn?				
NLTC4	Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích?				
NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH					
NLCB1	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại?				
NLCB2	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành và nắm vững tình hình thực tế của các dự án?				
NLCB3	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ?				
NLCB4	Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các dự án đầu tư phát triển đã được kiểm soát chặt chẽ?				
NĂNG LỰC NHÀ THẦU THI CÔNG					
NLNT1	Năng lực của đơn vị thi công trong nước: điều kiện con người, trình độ quản lý, trang thiết bị ... đã đáp ứng được yêu cầu của các dự án đầu tư phát triển tại Thái Bình				
	Việc nhà thầu chính thuê các nhà thầu phụ đã đảm bảo theo đúng các điều kiện quy định tại hợp đồng				

NLNT2	các dự án đầu tư phát triển tại Thái Bình					
NLNT3	Khi triển khai dự án, nhà thầu đã sử dụng các nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chấp thuận để thi công với sự quản lý giám sát chặt chẽ về mặt tiến độ, chất lượng cũng như an toàn trong quá trình thi công?					
NLNT4	Trước khi thi công bất kỳ hạng mục nào, Nhà thầu đều tổ chức phổ biến kiến thức an toàn, kiểm tra các máy móc thiết bị và chỉ dẫn chi tiết cho cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường nhằm mục đích hoàn thành giai đoạn thi công một cách hiệu quả mà không có bất kỳ tai nạn hay sự cố nào xảy ra?					
NLNT5	Trong quá trình thi công, Nhà thầu đã tuân thủ theo đúng yêu cầu của dự án, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Bản vẽ thi công, Biện pháp thi công được duyệt, không có sự cố lớn nào xảy ra; tất cả các khiếm khuyết nhỏ đều được Nhà thầu sửa chữa, khắc phục đảm bảo chất lượng, được Tư vấn chấp thuận; Hồ sơ chất lượng được thể hiện rõ trong Hồ sơ hoàn công					
PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH THÁI BÌNH						
CCQL1	Tổ chức và công cụ kiểm soát dự án, bao gồm việc theo dõi tiến độ, nguồn lực, và ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch và hiệu quả					
CCQL2	Công tác theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững					
CCQL3	Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả					

4. Một số thông tin khác

Để hoàn thiện hơn nữa quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình, theo các Anh/Chị cần cải thiện điều gì? Vì sao?

.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Anh/Chị

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ MÔ TẢ DỮ LIỆU ĐIỀU TRA
Descriptive Statistics

Giới tính					
		Số lượng	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Valid	1	109	71.7	71.7	71.7
	2	43	28.3	28.3	100.0
	Tổng số	152	100.0	100.0	
Tuổi					
		Số lượng	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Valid	1	58	38.2	38.2	38.2
	2	46	30.3	30.3	68.4
	3	34	22.4	22.4	90.8
	4	14	9.2	9.2	100.0
	Tổng số	152	100.0	100.0	
Trình độ đào tạo					
		Số lượng	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Valid	Cao đẳng	23	15.1	15.1	15.1
	Đại học	74	48.7	48.7	63.8
	Thạc sĩ	40	26.3	26.3	90.1
	Tiến sĩ	15	9.9	9.9	100.0
	Tổng số	152	100.0	100.0	
Thời gian công tác					
		Số lượng	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Valid	Dưới 3 năm	30	19.7	19.7	19.7
	Từ 3 – 5 năm	35	23.0	23.0	42.8
	Từ 6 – 10 năm	40	26.3	26.3	69.1
	Từ 10 - 20 năm	32	21.1	21.1	90.1
	Trên 20 năm	15	9.9	9.9	100.0
	Tổng số	152	100.0	100.0	

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN VỀ CÁC CHUYÊN GIA

Stt	Họ và tên	Giới tính	Đơn vị công tác	Học vấn	Kinh nghiệm
1	CG1	Nam	Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Thương mại	PGS,TS	31 năm
2	CG2	Nam	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại	PGS,TS	43 năm
3	CG3	Nam	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại	GS,TS	45 năm
4	CG4	Nam	Chuyên gia kinh tế độc lập – Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế TW	PGS,TS	35 năm
5	CG5	Nam	Giảng viên, Học Viện Tài chính	PGS,TS	30 năm
6	CG6	Nam	Giảng viên, Học Viện Hành chính Quốc Gia	PGS,TS	25 năm
7	CG7	Nữ	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại	TS	25 năm
8	CG8	Nam	Giảng viên, Trường Đại học Thương mại	TS	15 năm
9	CG9	Nữ	Chuyên viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	TS	15 năm
10	CG10	Nam	Trưởng phòng, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình	ThS	20 năm

PHỤ LỤC 4

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI BÌNH

Stt	Yếu tố ảnh hưởng tới QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình	Số chuyên gia phỏng vấn sâu : 10		Nguồn tham khảo
		Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ đồng ý	
1	Cơ chế và chính sách của nhà nước (7 nội dung)			
1.1	Chính sách, chiến lược đầu tư phát triển được xây dựng trên các căn cứ rõ ràng, được hoạch định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ?	10	100%	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020), Nguyễn Quốc Toàn (2018), Lê Vinh Danh (2004) và Lê Công Thanh (2022)
1.2	Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phù hợp với cơ chế, chính sách quản lý ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam?	10	100%	
1.3	Môi trường pháp luật trong quy hoạch, kế hoạch, lập thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng	10	100%	
1.4	Khi xây dựng chương trình đầu tư phát triển tại địa phương thường lường trước những rủi ro chính sách trong thời gian thực hiện dự án?	8	80%	
1.5	Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được ban hành kịp thời, đảm bảo đáp ứng tình hình thực tế?	10	100%	
1.6	Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện kịp thời so với yêu cầu tiến độ mà dự án đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đặt ra?	8	80%	
1.7	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án; tăng cường sự giám sát đối với các dự án ở Thái Bình đã được chú trọng?	10	100%	

2	Năng lực tài chính (4 nội dung)			
2.1	Trong các giai đoạn thực hiện hoạt động đầu tư phát triển tiến độ giải ngân vốn ngân sách nhà nước luôn theo đúng kế hoạch đề ra?	10	100%	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự (2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và Lê Công Thanh (2022)
2.2	Luôn có vốn dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra trong từng dự án?	10	100%	
2.3	Vốn NSNN cho các hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn?	10	100%	
2.4	Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích?	10	100%	
3	Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành (4 nội dung)			
3.1	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại?	10	100%	Cù Thanh Thủy (2018); Đỗ Văn Thuận (2019); Nguyễn Văn Thập (2019); Lê Văn Tuấn (2020); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020) và Lê Công Thanh (2022)
3.2	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành và nắm vững tình hình thực tế của các dự án?	7	70%	
3.3	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ?	8	80%	
3.4	Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các hoạt động đầu tư phát triển đã được kiểm soát chặt chẽ?	8	70%	
4	Năng lực nhà thầu thi công (5 nội dung)			
4.1	Năng lực của đơn vị thi công trong nước: điều kiện con người, trình độ quản lý, trang thiết bị ... đã đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động	10	100%	Nghiên cứu của Baral (2005); Kouser và cộng sự

	đầu tư phát triển tại Thái Bình			(2011); Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013); Trịnh Thị Hằng (2020)
4.2	Việc nhà thầu chính thuê các nhà thầu phụ đã đảm bảo theo đúng các điều kiện quy định tại hợp đồng các hoạt động đầu tư phát triển tại Thái Bình	10	100%	
4.3	Khi triển khai dự án, nhà thầu đã sử dụng các nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm và được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chấp thuận để thi công với sự quản lý giám sát chặt chẽ về mặt tiến độ, chất lượng cũng như an toàn trong quá trình thi công?	8	80%	
4.4	Trước khi thi công bất kỳ hạng mục nào, Nhà thầu đều tổ chức phổ biến kiến thức an toàn, kiểm tra các máy móc thiết bị và chỉ dẫn chi tiết cho cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường nhằm mục đích hoàn thành giai đoạn thi công một cách hiệu quả mà không có bất kỳ tai nạn hay sự cố nào xảy ra?	10	100%	
4.5	Trong quá trình thi công, Nhà thầu đã tuân thủ theo đúng yêu cầu của dự án, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Bản vẽ thi công, Biện pháp thi công được duyệt, không có sự cố lớn nào xảy ra; tất cả các khiếm khuyết nhỏ đều được Nhà thầu sửa chữa, khắc phục đảm bảo chất lượng, được Tư vấn chấp thuận; Hồ sơ chất lượng được thể hiện rõ trong hồ sơ hoàn công	7	70%	
5	Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước (4 nội dung)			
5.1	Tổ chức và công cụ kiểm soát dự án, bao gồm việc theo dõi tiến độ, nguồn lực, và ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch và hiệu quả	10	100%	Lê Công Thanh (2022), Nguyễn Thị Lan Anh (2015), Ngô Hoài Sơn & Nguyễn Lê Kim Kiều (2022), Lê Vinh Danh
5.2	Công tác theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững	6	60%	

5.3	Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả	10	100%	(2004), Nguyễn Quốc Toàn (2018)
-----	---	----	------	---------------------------------

2	Năng lực tài chính (4 nội dung)										
2.1	Trong các giai đoạn thực hiện hoạt động đầu tư phát triển tiến độ giải ngân vốn ngân sách nhà nước luôn theo đúng kế hoạch đề ra?	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2	Luôn có vốn dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra trong từng dự án?	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.3	Vốn NSNN cho các hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời giúp cho hiệu quả thực hiện các dự án tốt hơn?	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.4	Không có tình trạng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển ở tỉnh Thái Bình sai mục đích?	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành (4 nội dung)										
3.1	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước có trình độ chuyên môn được đào tạo có tính phù hợp cao với yêu cầu của công việc hiện tại?	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3.2	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành và nắm vững tình hình thực tế của các dự án?	X	X	X			X	X	X		X
3.3	Cán bộ tham gia quản lý, điều hành hoạt động đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ở các bộ phận khác nhau có sự phối hợp đồng bộ?	X	X		X		X	X	X	X	X
3.4	Các hiện tượng tiêu cực trong quản lý vốn ngân sách nhà nước ở các hoạt động đầu tư phát triển đã được kiểm soát chặt chẽ?	X	X		X		X	X	X	X	X

	bach và hiệu quả										
5.2	Công tác theo dõi thu chi, dự toán, và đảm bảo rằng nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững	x	x			x			x	x	x
5.3	Hệ thống thông tin và công nghệ hiện đại để quản lý và giám sát đầu tư của tỉnh Thái Bình được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

* Kết luận: Nội dung của yếu tố trong câu hỏi có tỷ lệ <50% đều bị loại khỏi khung nghiên cứu Yếu tố ảnh hưởng tới QLNN đối với đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước ở tỉnh Thái Bình.